

WF-2860 Series

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mục lục

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng.	7
Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin.	7
Dấu hiệu và biểu tượng.	9
Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này.	9
Tham khảo Hệ điều hành.	9

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn.	11
Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mục.	11
Lời khuyên và cảnh báo của máy in.	12
Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc thiết lập/sử dụng máy in.	12
Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây.	13
Các Khuyến Cáo Và Cảnh Báo Về Việc Sử Dụng Màn Hình Cảm Ứng.	13
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn.	13

Những điều cơ bản về máy in

Tên và chức năng của các bộ phận.	14
Bảng điều khiển.	16
Cấu hình màn hình cơ bản.	17
Biểu tượng hiển thị trong màn hình LCD.	17
Thao tác trên màn hình cảm ứng.	18
Hoạt động cơ bản.	19
Nhập các ký tự.	20
Xem hoạt ảnh.	20

Cài đặt mạng

Loại kết nối mạng.	22
Kết nối Ethernet.	22
Kết nối Wi-Fi.	22
Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	23
Kết nối với máy tính.	23
Kết nối với thiết bị thông minh.	24
Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in.	24
Thực hiện cài đặt Wi-Fi theo cách thủ công.	25
Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS).	26
Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS).	27

Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	28
Thực Hiện Cài Đặt Mạng Nâng Cao.	29
Kiểm tra tình trạng kết nối mạng.	30
Biểu tượng mạng.	30
Kiểm tra thông tin mạng chi tiết từ bảng điều khiển.	31
In báo cáo kết nối mạng.	31
In tờ tình trạng mạng.	38
Thay hoặc thêm điểm truy cập mới.	39
Thay đổi phương thức kết nối với máy tính.	39
Thay đổi kết nối mạng thành Ethernet từ bảng điều khiển.	40
Tắt Wi-Fi từ bảng điều khiển.	40
Ngắt Kết Nối Wi-Fi Direct (AP Đơn Giản) Từ Bảng Điều Khiển.	40
Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển.	41

Chuẩn bị máy in

Nạp trang.	42
Các loại giấy sẵn có và các khả năng.	42
Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy.	44
Nạp bì thư và thận trọng.	47
Danh sách loại giấy.	47
Đặt bản gốc.	48
Bản gốc sẵn có cho ADF.	48
Đặt bản gốc lên ADF.	49
Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan.	50
Quản lý danh bạ.	52
Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ.	52
Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm.	52
Đăng ký người liên hệ trên máy tính.	53
Tùy chọn menu cho Cài đặt.	54
Tùy chọn menu cho Cài đặt máy in.	55
Tùy chọn menu cho Trạng thái cung cấp.	59
Tùy chọn menu cho Bảo trì.	59
Tùy chọn menu cho In tờ tình trạng.	60
Tùy chọn menu cho Bộ đếm bản in.	61
Tùy chọn menu cho Cài đặt người dùng.	61
Tùy chọn menu cho Phục hồi cài đặt mặc định.	61
Tùy chọn menu cho Cập nhật firmware.	61
Tiết kiệm điện.	62
Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển.	62

Mục lục

In

In từ trình điều khiển máy in trên Windows.	63
Truy cập trình điều khiển máy in.	63
Những điều cơ bản về in ấn.	63
In bằng 2 mặt.	65
In một vài trang trên một tờ.	66
In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược).	67
In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ.	67
In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích).	68
In với phần đầu đề và chân trang.	74
In hình mờ.	75
In nhiều tệp cùng lúc.	76
In bằng tính năng in màu chung.	76
Điều chỉnh màu in.	77
In để làm nổi bật các đường mỏng.	78
In mã vạch rõ ràng.	78
Hủy in.	79
Tùy chọn menu cho trình điều khiển in.	79
In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS.	81
Những điều cơ bản về in ấn.	81
In 2 mặt.	83
In một vài trang trên một tờ.	84
In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược).	84
In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ.	85
Điều chỉnh màu in.	85
Hủy in.	86
Tùy chọn menu cho trình điều khiển in.	86
Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS.	88
In từ thiết bị thông minh.	88
Sử dụng Epson iPrint.	88
In bằng cách chạm vào thiết bị thông minh với Nhân NFC.	90
Sử dụng Epson Print Enabler.	91
Sử dụng AirPrint.	92
Hủy công việc đang thực hiện.	92

Sao chép

Những điều cơ bản về sao chụp.	93
Sao chụp trên 2 mặt.	93
Sao chụp nhiều bản gốc vào một tờ.	94
Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp.	94
Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp.	94

Quét ảnh

Quét bằng bảng điều khiển.	97
Quét vào máy tính (Event Manager).	97
Quét lên dịch vụ điện toán đám mây.	101
Quét vào máy tính (WSD).	103
Quét từ máy tính.	105
Quét bằng Epson Scan 2.	105
Quét từ thiết bị thông minh.	112
Cài đặt Epson iPrint.	112
Quét bằng cách chạm vào thiết bị thông minh với Nhân NFC.	112
Quét bằng Epson iPrint.	113

Fax

Thiết lập fax.	115
Kết nối với đường điện thoại.	115
Đặt các thiết lập fax cơ bản.	118
Gửi fax bằng bảng máy in.	122
Thao tác gửi fax cơ bản.	122
Các cách gửi fax khác nhau.	124
Nhận fax trên máy in.	126
Đặt chế độ nhận.	126
Các cách nhận fax khác nhau.	127
Lưu các bản fax đã nhận.	129
Gửi fax từ máy tính.	131
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows).	132
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS).	134
Nhận fax trên máy tính.	135
Cài đặt để lưu fax đã nhận trên máy tính.	136
Nhận fax trên máy tính và in từ máy in.	136
Hủy fax đã nhận trên máy tính.	136
Kiểm tra fax mới (Windows).	137
Kiểm tra fax mới (Mac OS).	138
Sử dụng các tính năng fax khác.	138
In báo cáo và danh sách fax.	138
Thiết lập bảo mật khi gửi fax.	139
Tùy chọn menu cho fax.	140
Người nhận.	140
Cài đặt fax.	140
Xem thêm.	141
Tùy chọn menu cho Cài đặt fax.	142
Kiểm tra kết nối fax.	142
Thuật sĩ cài đặt fax.	142
Cài đặt nhận.	143
Cài đặt báo cáo.	144

Mục lục

Cài đặt cơ bản.	144
Cài đặt bảo mật.	145
Tùy chọn menu cho Cài đặt người dùng.	146
Tùy chọn menu cho Hộp thư đến.	146

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo trì.	147
Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng — bảng điều khiển.	147
Kiểm Tra Tình Trạng Mực Còn Lại Và Hộp Bảo Trì - Windows.	147
Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng — Mac OS.	147
Mã hộp mực.	147
Phòng ngừa khi xử lý hộp mực.	148
Thay hộp mực.	151
Mã Hộp Bảo Trì.	151
Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì.	151
Thay Thế Hộp Bảo Trì.	152
In tạm thời bằng mực đen.	152
In tạm thời bằng mực đen — Bảng điều khiển.	153
In tạm thời bằng mực đen — Windows.	153
In tạm thời bằng mực đen — Mac OS.	154
Duy trì mực đen khi mực đen còn ít (chỉ dành cho Windows).	155

Bảo trì máy in

Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In.	156
Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Bảng điều khiển.	156
Kiểm tra và làm sạch Đầu In — Windows.	157
Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Mac OS.	157
Căn chỉnh Đầu In.	157
Căn chỉnh Đầu In — Bảng điều khiển.	157
Vệ sinh đường dẫn giấy.	159
Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bắn	159
Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy.	160
Làm sạch ADF.	161
Vệ sinh Kính Máy Scan.	164
Vệ sinh phim mờ.	165

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in (Web Config).	168
Chạy Web Config bằng trình duyệt web.	168
Chạy Web Config trên Windows.	169

Chạy Web Config trên Mac OS.	169
Ứng dụng để quét tài liệu và hình ảnh (Epson Scan 2).	169
Thêm máy quét mạng.	170
Ứng dụng để định cấu hình thao tác quét từ bảng điều khiển (Epson Event Manager).	170
Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility).	171
Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX).	172
Ứng dụng cho bố cục ảnh (Epson Easy Photo Print).	172
Ứng dụng để in trang web (E-Web Print).	173
Ứng dụng để quét và chuyển ảnh (Easy Photo Scan).	173
Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater).	174
Ứng dụng để định cấu hình nhiều thiết bị (EpsonNet Config).	174
Cài đặt ứng dụng mới nhất.	175
Cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển.	176
Gỡ cài đặt ứng dụng.	176
Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows.	177
Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS.	177
In bằng dịch vụ mạng.	178

Giải quyết vấn đề

Kiểm tra trạng thái máy in.	179
Kiểm tra thông báo trên màn hình LCD.	179
Kiểm tra trạng thái máy in — Windows.	180
Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS.	180
Kiểm tra trạng thái phần mềm.	181
Gỡ bỏ giấy bị kẹt.	181
Giấy nạp không chính xác.	181
Kẹt Giấy.	182
Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng.	182
Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần.	182
Giấy được đẩy ra trong khi in.	182
Bản gốc không nạp vào ADF.	182
Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện.	183
Nguồn điện không bật.	183
Nguồn điện không tắt.	183
Tắt Nguồn Tự Động.	183
Màn hình LCD bị tối đi.	183
Không thể in từ máy tính.	183
Kiểm tra kết nối (USB).	183
Kiểm tra kết nối (mạng).	184
Kiểm tra phần mềm và dữ liệu.	185

Mục lục

Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows).	187
Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS).	187
Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng.	188
Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng.	188
Kiểm tra SSID được kết nối với máy in.	190
Kiểm tra SSID cho máy tính.	190
Không thể in từ iPhone hoặc iPad.	191
Các vấn đề in.	191
Bản in ra bị mờ hoặc màu bị thiếu.	191
Dài hoặc Màu Không Mong Muốn Xuất Hiện.	192
Dài màu xuất hiện ở khoảng cách gần 3.3 cm.	192
Bản in mờ, dài dọc hoặc căn chỉnh sai.	193
Chất lượng in kém.	193
Giấy bị bẩn hoặc mòn.	194
Giấy bị nhòe trong khi in 2 mặt tự động.	195
Ảnh chụp đã in bị dính.	196
Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn.	196
Không Thể In Mà Không Có Lề.	196
Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền.	196
Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác.	197
Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn.	197
Ảnh in ra bị đảo ngược.	197
Mẫu kiểu che mờ trên bản in.	197
Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép.	198
Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét.	198
Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chép.	198
Vấn đề với bản in không thể giải quyết.	198
Các vấn đề khác với in.	199
Tốc độ in quá chậm.	199
Tiến trình In Chậm Đáng kể Trong khi In Liên tục.	199
Không Thể Hủy In từ Máy Tính Chạy Mac OS X v10.6.8.	199
Không thể bắt đầu quét.	199
Các vấn đề với ảnh quét.	200
Màu sắc không đồng đều, bụi bẩn, vết đốm, v.v... hiển thị khi scan từ mặt kính máy scan.	200
Đường thẳng hiển thị khi scan từ ADF.	201
Chất lượng hình ảnh thô.	201

Hình ảnh mặt sau xuất hiện ở nền của hình ảnh.	201
Chữ bị mờ.	201
Hiển thị các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng mảng).	202
Không thể quét khu vực chính xác trên kính máy quét.	202
Văn bản không được nhận diện chính xác khi lưu dưới dạng PDF có thể tìm.	202
Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh quét.	203
Các vấn đề khác với quét.	204
Tốc độ quét quá chậm.	204
Việc quét dừng lại khi quét vào PDF/Multi-TIFF.	204
Các vấn đề khi gửi và nhận fax.	204
Không thể gửi hoặc nhận fax.	204
Không thể gửi fax.	205
Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định.	206
Không thể gửi fax vào thời gian đã định.	206
Không thể nhận fax.	206
Lỗi bộ nhớ đầy xảy ra.	207
Fax đã gửi có chất lượng kém.	207
Fax được gửi với kích cỡ sai.	208
Fax nhận được có chất lượng kém.	208
Máy in không in các bản fax đã nhận được.	208
Các trang trống hoặc chỉ một lượng nhỏ văn bản được in trên trang thứ hai trong bản fax đã nhận.	208
Các vấn đề khác với fax.	209
Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối.	209
Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại.	209
Số fax của người gửi không được hiển thị trên các bản fax đã nhận hoặc số không chính xác.	209
Các vấn đề khác.	209
Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in.	209
Âm thanh hoạt động lớn.	209
Ngày và giờ không chính xác.	210
Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows).	210
Phụ lục	
Thông số kỹ thuật.	211
Thông số kỹ thuật máy in.	211
Thông số kỹ thuật máy quét.	212
Thông số kỹ thuật giao tiếp.	212
Thông số kỹ thuật fax.	213

Mục lục

Danh sách chức năng của mạng.	213
Thông số kỹ thuật Wi-Fi.	214
Thông số kỹ thuật Ethernet.	214
Giao thức bảo mật.	215
Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ.	215
Kích thước.	215
Thông số kỹ thuật điện.	215
Thông số kỹ thuật môi trường.	216
Yêu cầu hệ thống.	216
Thông tin pháp lý.	217
Tiêu chuẩn và phê chuẩn.	217
German Blue Angel.	218
Giới hạn sao chép.	218
Vận chuyển máy in.	218
Bản quyền.	220
Thương hiệu.	221
Nơi nhận trợ giúp.	222
Trang web hỗ trợ kỹ thuật.	222
Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.	222

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng

Các hướng dẫn sử dụng sau đây được kèm theo máy in Epson của bạn. Giống như các hướng dẫn sử dụng, hãy xem các loại thông tin trợ giúp khác nhau có sẵn từ chính máy in hoặc từ ứng dụng phần mềm Epson.

☐ Sổ hướng dẫn an toàn quan trọng (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn các hướng dẫn để đảm bảo sử dụng an toàn máy in này.

☐ Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn thông tin về cách thiết lập máy in, cài đặt phần mềm, sử dụng máy in, v.v.

☐ Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)

Hướng dẫn sử dụng này. Cung cấp hướng dẫn và thông tin chung về cách sử dụng máy in, về cài đặt mạng khi sử dụng máy in trên mạng và về cách giải quyết sự cố.

Bạn có thể tải các phiên bản mới nhất của hướng dẫn sử dụng ở trên bằng những cách sau.

☐ Hướng dẫn sử dụng trên giấy

Truy cập trang web hỗ trợ của Epson châu Âu tại <http://www.epson.eu/Support>, hoặc trang web hỗ trợ của Epson toàn cầu tại <http://support.epson.net/>.

☐ Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số

Bật EPSON Software Updater trên máy tính của bạn. EPSON Software Updater kiểm tra cập nhật cho các ứng dụng phần mềm Epson và hướng dẫn sử dụng điện tử, và cho phép bạn tải về các phiên bản mới nhất.

Thông tin liên quan

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 174

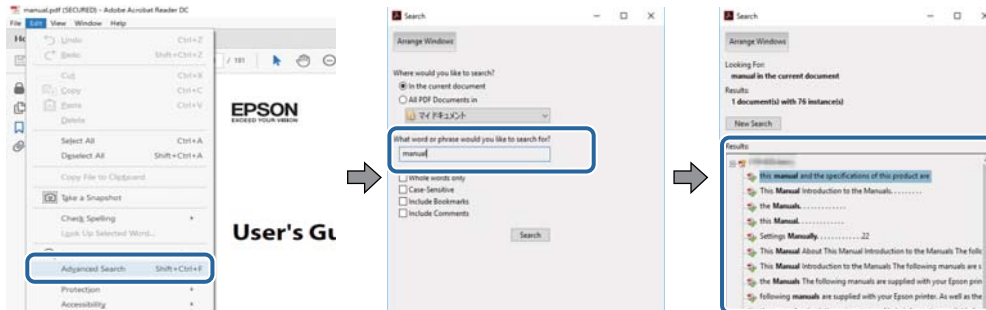
Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin

Hướng dẫn sử dụng PDF cho phép bạn tìm kiếm thông tin bạn đang tìm kiếm theo từ khóa hoặc chuyển trực tiếp đến các phần cụ thể bằng các dấu trang. Bạn cũng có thể chỉ in những trang bạn cần. Phần này giải thích cách sử dụng hướng dẫn sử dụng PDF đã được mở bằng Adobe Reader X trên máy tính của bạn.

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Tìm kiếm theo từ khóa

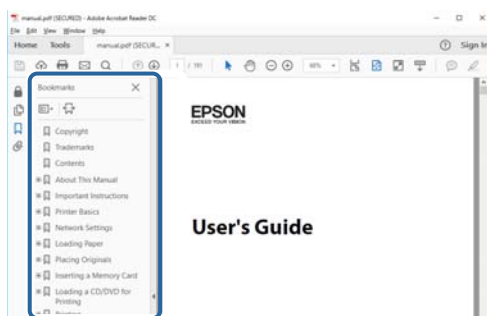
Nhấp vào **Chỉnh sửa > Tìm kiếm nâng cao**. Nhập từ khóa (văn bản) cho thông tin bạn muốn tìm trong cửa sổ tìm kiếm, sau đó nhấp vào **Tìm kiếm**. Các kết quả hiển thị dưới dạng một danh sách. Nhấp vào một trong các kết quả hiển thị để chuyển tới trang đó.



Chuyển ngay từ dấu trang

Nhấp vào một tiêu đề để chuyển tới trang đó. Nhấp vào + hoặc > để xem các tiêu đề ở mức thấp hơn trong phần đó. Để quay về trang trước, thực hiện thao tác sau đây trên bàn phím.

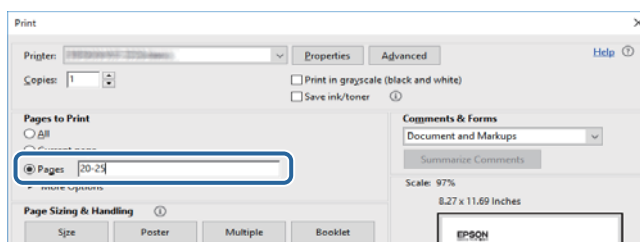
- ☐ Windows: Nhấn giữ **Alt**, sau đó nhấn **←**.
- ☐ Mac OS: Nhấn giữ phím lệnh, sau đó nhấn **←**.



Chỉ in trang bạn cần

Bạn cũng có thể trích xuất và chỉ in những trang bạn cần. Nhấp vào **In** trong menu **Tệp**, sau đó chỉ định trang bạn muốn in trong **Trang trong Trang sẽ in**.

- ☐ Để chỉ định một loạt trang, hãy nhập một dấu nối giữa trang bắt đầu và trang kết thúc.
Ví dụ: 20–25
- ☐ Để chỉ định các trang không nằm trong loạt trang, chia tách các trang bằng dấu phẩy.
Ví dụ: 5, 10, 15



Dấu hiệu và biểu tượng



Chú ý:

Phải thực hiện theo các hướng dẫn nhằm tránh thương tích cho cơ thể.



Quan trọng:

Phải tuân theo các hướng dẫn nhằm tránh gây hư hỏng cho thiết bị của bạn.

Lưu ý:

Cung cấp thông tin bổ sung và tham khảo.

➔ Thông tin liên quan

Liên kết đến các phần liên quan.

Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này

- ☐ Các ảnh chụp màn hình của trình điều khiển máy in và Epson Scan 2 (trình điều khiển máy quét) được lấy từ Windows 10 hoặc macOS High Sierra. Nội dung được hiển thị trong các màn hình thay đổi tùy theo kiểu máy và tình huống.
- ☐ Các hình minh họa cho máy in được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này chỉ là ví dụ. Mặc dù có thể những khác biệt một chút tùy thuộc vào kiểu máy, phương pháp vận hành vẫn không thay đổi.
- ☐ Một số mục menu trên màn hình LCD thay đổi tùy thuộc vào kiểu máy và thiết lập.

Tham khảo Hệ điều hành

Windows

Trong tài liệu hướng dẫn này, những thuật ngữ như "Windows 10", "Windows 8.1", "Windows 8", "Windows 7", "Windows Vista", "Windows XP", "Windows Server 2016", "Windows Server 2012 R2", "Windows Server 2012", "Windows Server 2008 R2", "Windows Server 2008", "Windows Server 2003 R2", và "Windows Server 2003" để cập đến các hệ điều hành sau. Ngoài ra, "Windows" được sử dụng để đề cập đến tất cả các phiên bản.

- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 10
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8.1
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 7
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista®
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP Professional x64 Edition
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2016
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012 R2

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003

Mac OS

Trong hướng dẫn sử dụng này, "Mac OS" được sử dụng để đề cập đến macOS High Sierra, macOS Sierra, OS X El Capitan, OS X Yosemite, OS X Mavericks, OS X Mountain Lion, Mac OS X v10.7.x, và Mac OS X v10.6.8.

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn

Đọc và làm theo các hướng dẫn này nhằm đảm bảo sử dụng an toàn máy in này. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này. Đồng thời, hãy chắc chắn làm theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên máy in.

- ☐ Một số biểu tượng dùng trên máy in của bạn là nhằm đảm bảo sử dụng máy in an toàn và thích hợp. Truy cập trang web sau để tìm hiểu ý nghĩa của các biểu tượng.
<http://support.epson.net/symbols>
- ☐ Chỉ sử dụng dây điện đi cùng với máy in và không sử dụng dây điện với bất kỳ thiết bị nào khác. Sử dụng các loại dây điện khác với máy in này hoặc sử dụng dây điện đi kèm cho thiết bị khác có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện.
- ☐ Hãy chắc chắn rằng dây điện AC của bạn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn liên quan tại địa phương.
- ☐ Không tự mình tháo gỡ, sửa đổi hoặc tìm cách sửa chữa dây điện, phích cắm, bộ phận máy in, bộ phận máy quét hoặc các tùy chọn, trừ khi được giải thích cụ thể trong hướng dẫn sử dụng máy in.
- ☐ Rút phích cắm máy in và chuyển việc bảo trì cho nhân viên bảo trì có trình độ chuyên môn trong các điều kiện sau:
Dây điện hoặc phích cắm bị hỏng; chất lỏng vào máy in; máy in bị rơi hoặc vỏ hộp bị hỏng; máy in hoạt động không bình thường hoặc thể hiện sự thay đổi khác biệt về hiệu suất. Không điều chỉnh các nút điều khiển không được đề cập trong hướng dẫn vận hành.
- ☐ Đặt máy in gần ổ cắm điện mà ở đó có thể rút phích cắm dễ dàng.
- ☐ Không đặt hoặc bảo quản máy in ngoài trời, gần nơi quá ẩm hoặc bụi, nước, nguồn nhiệt, hoặc các địa điểm khác chịu sốc, rung, nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- ☐ Cẩn thận không làm tràn chất lỏng lên máy in và không giữ máy in bằng tay ướt.
- ☐ Để máy in cách máy trợ tim ít nhất 22 cm. Sóng vô tuyến từ máy in này có thể gây ảnh hưởng xấu cho việc vận hành của máy trợ tim.
- ☐ Nếu màn hình LCD bị hỏng, hãy liên hệ với đại lý của bạn. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào tay của bạn, hãy rửa tay thật kỹ bằng xà phòng và nước. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Tránh sử dụng điện thoại khi có bão tố. Có thể có nguy cơ giật điện từ xa do sét đánh.
- ☐ Không sử dụng điện thoại để báo cáo về rò rỉ khí gas trong vùng lân cận của nơi rò rỉ.

Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực

- ☐ Cẩn thận khi bạn cầm hộp mực đã sử dụng, vì có thể có một chút mực xung quanh cổng cấp mực.
 - ☐ Nếu mực dính vào da của bạn, hãy rửa kỹ vùng da bằng xà phòng và nước.
 - ☐ Nếu mực dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
 - ☐ Nếu mực vào miệng của bạn, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Không tháo hộp mực và hộp bảo dưỡng; nếu không mực có thể vào mắt hoặc da của bạn.

Hướng dẫn quan trọng

- ☐ Không lắc hộp mực quá mạnh và không đánh rơi chúng. Cũng vậy, hãy cẩn thận không ép hộp mực hoặc xé nhãn. Làm như vậy có thể gây ra rò rỉ mực.
- ☐ Để hộp mực và hộp bảo dưỡng ngoài tầm với của trẻ em.

Lời khuyên và cảnh báo của máy in

Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn này để tránh làm hỏng máy in hoặc tài sản của bạn. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này.

Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc thiết lập/sử dụng máy in

- ☐ Không chặn hoặc bịt các lỗ thông hơi hoặc lỗ hở trong máy in.
- ☐ Chỉ sử dụng kiểu nguồn điện được chỉ dẫn trên nhãn của máy in.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm trên cùng mạch với máy photo hoặc hệ thống điều hòa không khí thường xuyên bật và tắt.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm điện được điều khiển bởi công tắc trên tường hoặc bộ định thời gian tự động.
- ☐ Giữ toàn bộ hệ thống máy tính tránh xa các nguồn nhiễu điện từ trường tiềm ẩn, như loa hoặc bộ phận cơ sở của điện thoại không dây.
- ☐ Cẩn đặt dây điện cấp nguồn để tránh bị mài mòn, cắt, gây tước, gấp mép và xoắn. Không đặt các vật lên trên dây điện cấp nguồn và không để dây điện cấp nguồn bị bước lên trên hoặc chạy qua. Đặc biệt cẩn thận giữ toàn bộ dây điện cấp nguồn thẳng ở các điểm cuối và tại những điểm vào hoặc ra khỏi máy biến thế.
- ☐ Nếu bạn sử dụng dây điện nối dài cùng với máy in, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của các thiết bị cắm vào dây điện kéo dài không vượt quá định mức ampe của dây điện. Đồng thời, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của tất cả các thiết bị cắm vào ổ cắm điện không vượt quá định mức ampe của ổ cắm điện.
- ☐ Nếu bạn định sử dụng máy in ở Đức, hệ thống lắp đặt của tòa nhà phải được bảo vệ bằng cầu dao 10 hoặc 16 amp để cung cấp đủ khả năng bảo vệ ngắn mạch và bảo quá dòng cho máy in.
- ☐ Khi kết nối máy in với máy tính hoặc thiết bị khác bằng dây cáp, hãy đảm bảo hướng chính xác của các đầu nối. Mỗi đầu nối chỉ có một hướng chính xác. Lắp đầu nối theo hướng sai có thể làm hỏng cả hai thiết bị nối với dây cáp.
- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng, ổn định và rộng hơn đế của máy in theo tất cả các hướng. Máy in sẽ không thể vận hành đúng cách nếu bị nghiêng đi một góc.
- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- ☐ Để một khoảng trống phía trên máy in để bạn có thể nâng hoàn toàn nắp tài liệu.
- ☐ Để đủ khoảng trống phía trước máy in để giấy có thể được đẩy ra hoàn toàn.
- ☐ Tránh các vị trí chịu sự thay đổi nhanh chóng của nhiệt độ và độ ẩm. Đồng thời, giữ máy in tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nguồn sáng mạnh hoặc nguồn nhiệt.
- ☐ Không chèn các vật qua các khe trong máy in.
- ☐ Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi đang in.
- ☐ Không chạm vào dây cáp dẹt màu trắng bên trong máy in.
- ☐ Không sử dụng các sản phẩm aerosol chứa khí gas dễ cháy bên trong hoặc xung quanh máy in. Làm như vậy có thể gây ra cháy.
- ☐ Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.

Hướng dẫn quan trọng

- ☐ Cần thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng bộ phận máy quét.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên kính máy scan khi đặt các bản gốc.
- ☐ Luôn tắt máy in bằng nút . Không rút phích cắm của máy in hoặc tắt nguồn tại ổ cắm khi đèn  vẫn chưa ngừng nhấp nháy.
- ☐ Trước khi vận chuyển máy in, đảm bảo rằng đầu in ở vị trí gốc (tận cùng bên phải) và hộp mực nằm đúng vị trí.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng máy in trong một khoảng thời gian dài, hãy chắc chắn rút phích cắm dây điện ra khỏi ổ điện.

Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây

- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thiết bị điện tử y tế, khiến cho chúng gặp lỗi. Khi sử dụng máy in này bên trong các cơ sở y tế hoặc gần thiết bị y tế, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn từ nhân viên có thẩm quyền đại diện cho các cơ sở y tế, và thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên thiết bị y tế.
- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các thiết bị điều khiển tự động như của tự động hoặc chuông báo cháy, và có thể dẫn đến tai nạn do lỗi. Khi sử dụng máy in này gần các thiết bị điều khiển tự động, hãy thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên các thiết bị này.

Các Khuyến Cáo Và Cảnh Báo Về Việc Sử Dụng Màn Hình Cảm Ứng

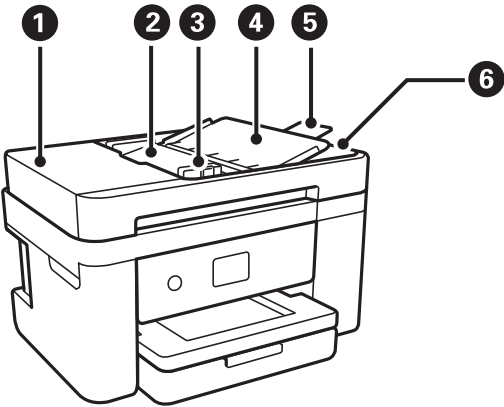
- ☐ Màn hình LCD có thể có một vài điểm sáng hoặc tối nhỏ, và vì những tính năng của màn hình, màn hình có thể có độ sáng không đều. Điều này là bình thường và không phải là chỉ báo cho thấy màn hình bị hỏng theo bất kỳ cách nào.
- ☐ Chỉ sử dụng vải khô và mềm để lau màn hình. Không sử dụng chất làm sạch hóa học hoặc chất lỏng.
- ☐ Vỏ ngoài của màn hình cảm ứng có thể vỡ nếu bị tác động mạnh. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng nếu bề mặt màn hình bị nứt hoặc vỡ, và không được chạm hay cố gỡ bỏ các mảnh bị vỡ.
- ☐ Ấn nhẹ màn hình cảm ứng bằng ngón tay. Đừng ấn mạnh hoặc sử dụng móng tay.
- ☐ Không dùng các vật nhọn như bút bi hoặc bút chì nhọn để thực hiện các thao tác.
- ☐ Sự ngưng tụ bên trong màn hình cảm ứng do sự thay đổi đột ngột về nhiệt độ hay độ ẩm có thể khiến cho hiệu suất hoạt động suy giảm.

Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn

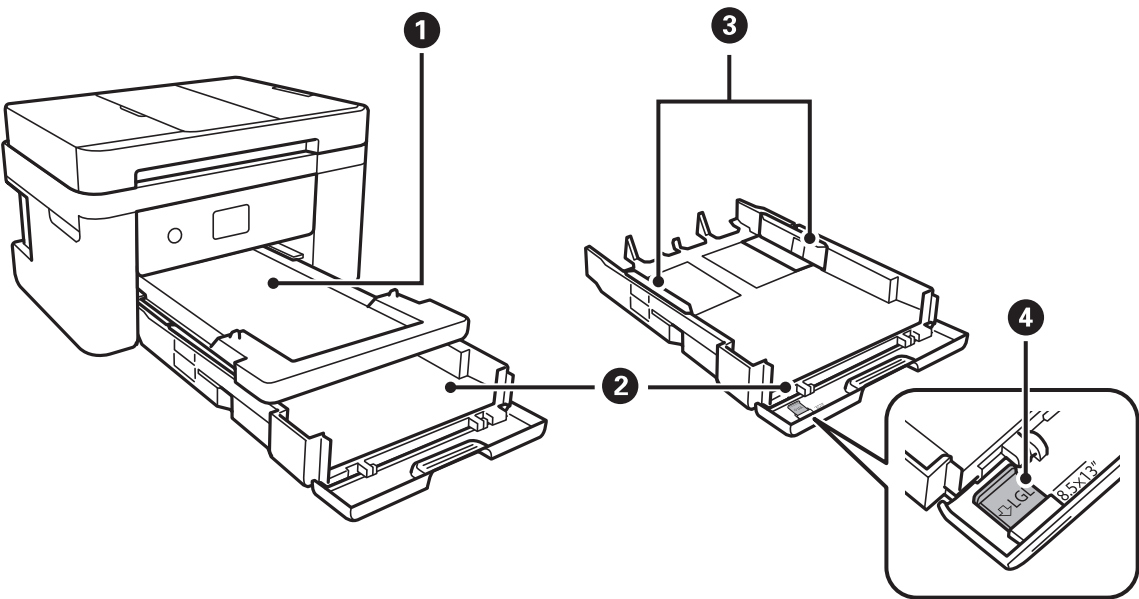
Khi bạn đưa máy in cho người khác hoạt vất bỏ máy in, hãy xóa toàn bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong bộ nhớ của máy in bằng cách chọn **Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định > Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt** trên bảng điều khiển.

Những điều cơ bản về máy in

Tên và chức năng của các bộ phận

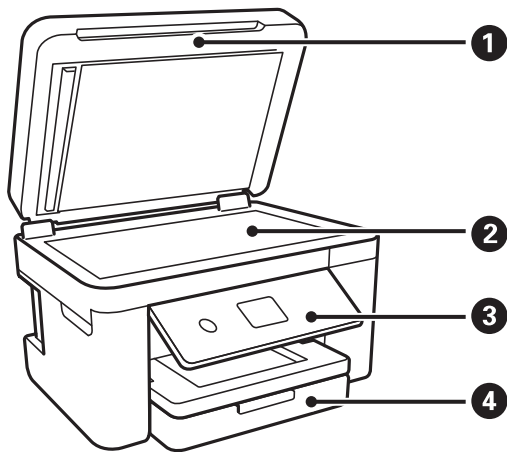


❶	Nắp ADF (Khay nạp tài liệu tự động)	Mở khi loại bỏ bản gốc bị kẹt trong ADF.
❷	Khay đầu vào ADF	Tự động nạp bản gốc.
❸	Thanh dẫn hướng bên cạnh ADF	Nạp bản gốc thẳng vào máy in. Trượt đến mép của bản gốc.
❹	Bộ phận đỡ tài liệu ADF	Đỡ bản gốc.
❺	Phần mở rộng khay nhận giấy ADF	Giữ bản gốc theo khổ legal được nhả ra từ ADF. Đảm bảo bạn kéo dài bộ phận này khi quét bản gốc theo khổ legal bằng ADF.
❻	Khay đầu ra ADF	Giữ bản gốc được nhả ra từ ADF.

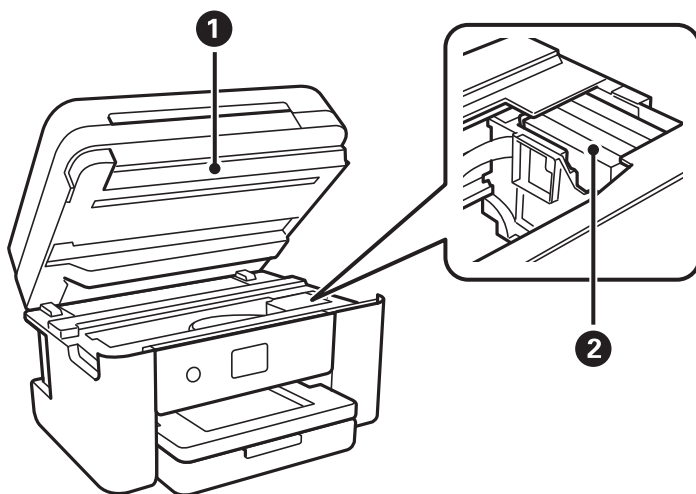


Những điều cơ bản về máy in

❶	Khay đầu ra	Giữ giấy đã được đẩy ra.
❷	Hộc đựng giấy	Nạp giấy.
❸	Thanh dẫn hướng bên cạnh	Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy.
❹	Dẫn hướng giấy legal	Trượt ra để nạp giấy khổ legal.

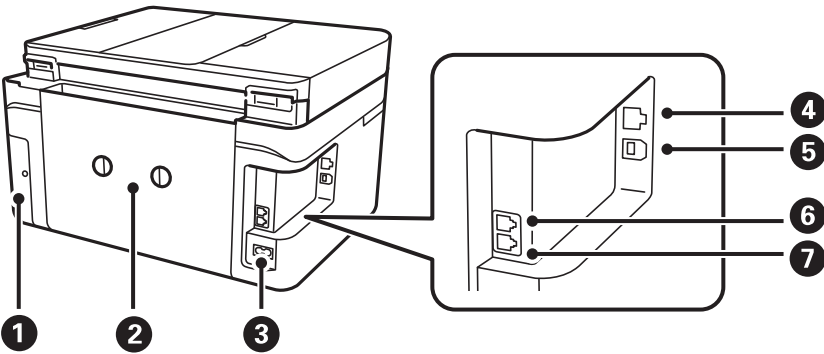


❶	Nắp tài liệu	Chặn ánh sáng bên ngoài khi đang quét.
❷	Kính máy scan	Đặt bản gốc vào.
❸	Bảng điều khiển	Cho biết trạng thái của máy in và cho phép bạn thực hiện cài đặt in.
❹	Nắp trước	Mở để nạp giấy vào hộc đựng giấy.



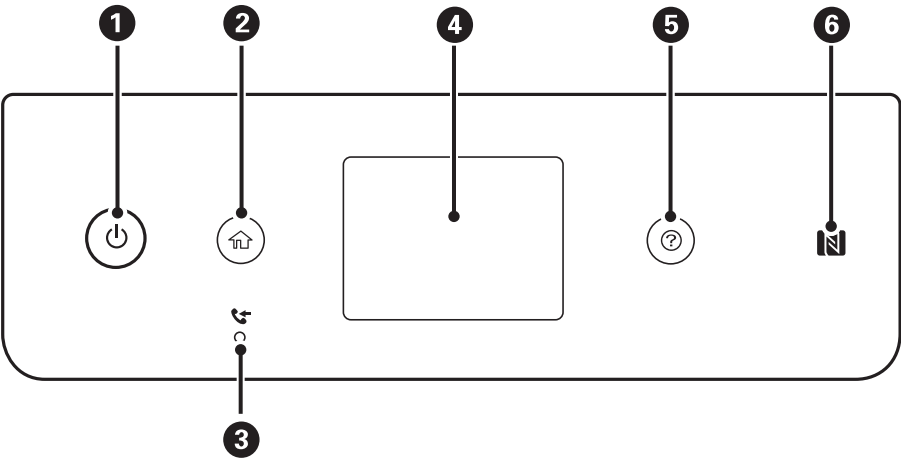
❶	Bộ phận máy quét	Quét bản gốc đã đặt vào. Mở khi thay thế hộp mực hoặc lấy giấy bị kẹt bên trong máy in. Bộ phận này thường phải luôn đóng lại.
❷	Ngăn giữ hộp mực	Lắp hộp mực. Mực bị đẩy ra từ kim phun đầu in bên dưới.

Những điều cơ bản về máy in



1	Nắp hộp bảo trì	Tháo khi thay hộp bảo trì. Hộp bảo trì là một hộp chứa thu gom một lượng rất nhỏ mực thừa trong khi vệ sinh hoặc in.
2	Nắp đẩy phía sau	Tháo khi loại bỏ giấy bị kẹt.
3	Cửa vào AC	Kết nối với dây điện nguồn.
4	Cổng LAN	Kết nối với cáp LAN.
5	Cổng USB	Cắm cáp USB để kết nối với máy tính.
6	Cổng EXT.	Kết nối với thiết bị điện thoại ngoài.
7	Cổng LINE	Kết nối đường điện thoại.

Bảng điều khiển

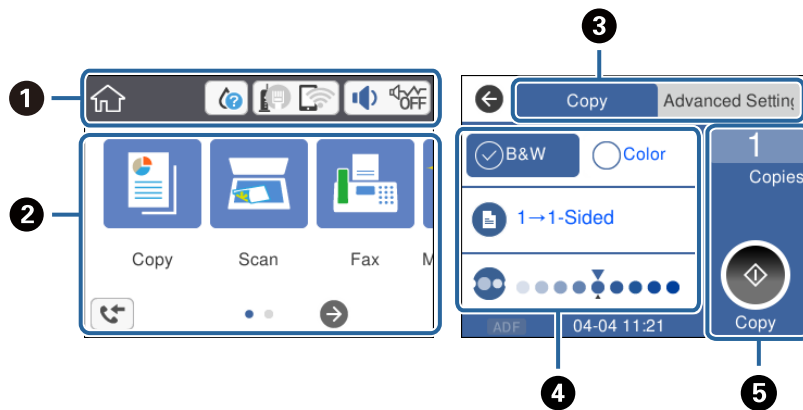


1	Bật hoặc tắt máy in. Rút phích cắm điện sau khi kiểm tra thấy đèn nguồn tắt.
2	Hiển thị màn hình chính.
3	Bật khi các tài liệu đã nhận — chưa được đọc, in hoặc lưu — được lưu trữ vào bộ nhớ máy in.
4	Hiển thị các menu và thông báo.
5	Hiển thị những giải pháp khi bạn gặp sự cố.

Những điều cơ bản về máy in

6	Đưa thiết bị thông minh qua dấu này để in hoặc quét trực tiếp từ thiết bị thông minh.
---	---

Cấu hình màn hình cơ bản



1	Cho biết các mục đã được thiết lập làm các biểu tượng cho máy in. Nhấn biểu tượng để kiểm tra cài đặt hiện tại hoặc truy cập từng menu cài đặt. Thanh tác vụ này chỉ hiển thị trên màn hình chính.
2	Hiển thị từng menu.
3	Chuyển đổi giữa các tab.
4	Cho biết các mục cài đặt. Nhấn vào từng mục để đặt hoặc thay đổi cài đặt. Các mục chuyển sang màu xám là các mục không khả dụng. Nhấn vào mục đó để biết lý do mục không khả dụng.
5	Thực thi các cài đặt hiện tại. Các chức năng khả dụng sẽ khác nhau tùy theo từng menu. Thanh tác vụ này chỉ hiển thị trên tab cài đặt cơ bản.

Biểu tượng hiển thị trong màn hình LCD

Các biểu tượng sau được hiển thị trên màn hình LCD tùy theo trạng thái của máy in.

	Hiển thị màn hình Trạng thái cung cấp . Bạn có thể kiểm tra mức mực xấp xỉ và thời gian hoạt động xấp xỉ của hộp bảo dưỡng.
--	---

Những điều cơ bản về máy in

	Cho biết trạng thái kết nối mạng. Chọn biểu tượng để kiểm tra và thay đổi cài đặt hiện tại. Đây là lối tắt tới menu sau. Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Thiết lập Wi-Fi	
		Máy in không được kết nối với mạng có dây (Ethernet) hoặc đã bỏ đặt kết nối.
		Máy in được kết nối với mạng có dây (Ethernet).
		Máy in không được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi).
		Máy in đang tìm kiếm SSID, địa chỉ IP đã bỏ đặt hoặc đang xảy ra sự cố với mạng không dây (Wi-Fi).
		Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi). Số vạch cho biết cường độ tín hiệu của kết nối. Càng có nhiều vạch, kết nối càng mạnh.
		Máy in không được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).
		Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).
	Hiển thị màn hình Cài đặt âm thanh thiết bị. Bạn có thể đặt Tắt âm và Chế độ không ồn. Bạn cũng có thể truy cập menu Âm thanh từ màn hình này. Đây là lối tắt tới menu sau. Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản > Âm thanh	
	 	Cho biết Chế độ không ồn có được đặt cho máy in hay không. Khi tính năng này được bật, tiếng ồn phát ra khi máy in hoạt động sẽ giảm xuống nhưng tốc độ máy in có thể chậm đi. Tuy nhiên, có thể không giảm được tiếng ồn tùy thuộc vào loại giấy và chất lượng in đã chọn.
		Cho biết Tắt âm đã được đặt cho máy in.
	Hiển thị màn hình Thông tin dữ liệu fax .	
	Cho biết có thông tin bổ sung. Chọn biểu tượng để hiển thị thông báo.	
	Cho biết mục có sự cố. Chọn biểu tượng để xem cách xử lý vấn đề.	
	Cho biết có dữ liệu chưa được đọc, in hoặc lưu. Số hiển thị cho biết số lượng mục dữ liệu.	

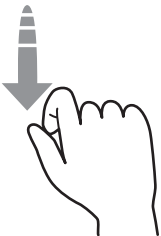
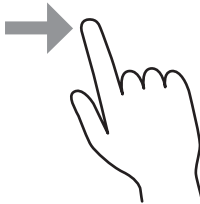
Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt mạng” ở trang 57
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 55

Thao tác trên màn hình cảm ứng

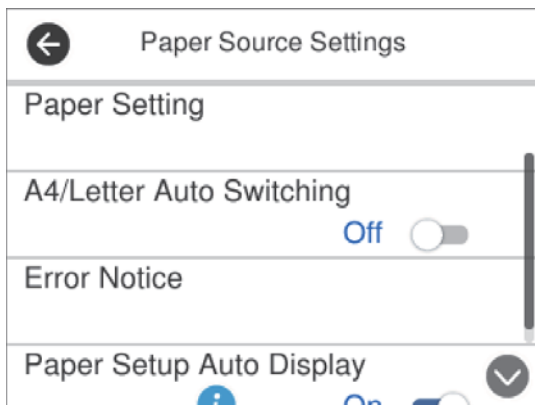
Màn hình cảm ứng tương thích với các thao tác sau.

Những điều cơ bản về máy in

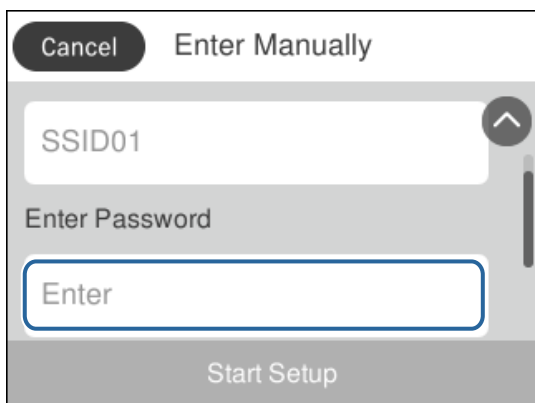
Nhấn		Nhấn hoặc chọn mục hoặc biểu tượng.
Vuốt		Cuộn nhanh màn hình.
Trượt		Giữ và di chuyển mục xung quanh.

Hoạt động cơ bản

Nhấn vị trí bất kỳ trên mục cài đặt để bật và tắt.

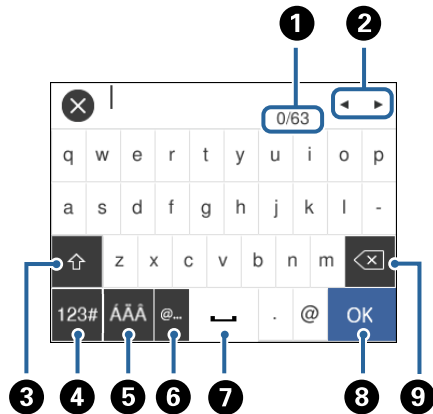


Nhấn vào trường nhập để nhập giá trị, tên, v.v.



Nhập các ký tự

Bạn có thể nhập các ký tự và biểu tượng bằng cách sử dụng bàn phím trên màn hình khi đăng ký người liên hệ, thực hiện các cài đặt mạng, v.v.



Lưu ý:

Các biểu tượng có sẵn sẽ khác nhau tùy theo mục cài đặt.

❶	Cho biết số ký tự.
❷	Di chuyển con trỏ đến vị trí nhập.
❸	Chuyển đổi giữa chữ hoa và chữ thường hoặc số và ký hiệu.
❹	Chuyển đổi kiểu ký tự. 123# Bạn có thể nhập số và biểu tượng. ABC Bạn có thể nhập chữ cái.
❺	Chuyển đổi kiểu ký tự. Bạn có thể nhập ký tự chữ và số cũng như ký tự đặc biệt như âm sắc và dấu.
❻	Nhập URL hoặc địa chỉ miền email thường dùng bằng cách chọn mục đó.
❼	Nhập dấu cách.
❽	Xác nhận các ký tự vừa nhập.
❾	Xóa một ký tự bên trái.

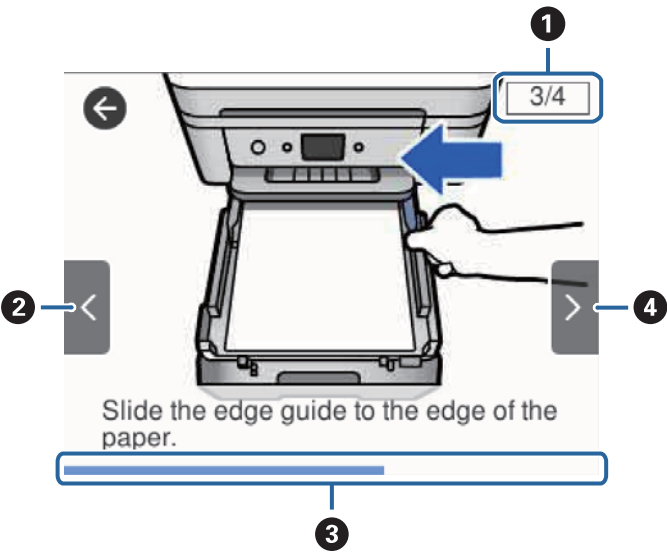
Xem hoạt ảnh

Bạn có thể xem hoạt ảnh về hướng dẫn vận hành như nạp giấy hoặc lấy giấy bị kẹt trên màn hình LCD.

❑ Nhấn nút : Hiển thị màn hình trợ giúp. Nhấn **Cách làm**, sau đó chọn các mục mà bạn muốn xem.

Những điều cơ bản về máy in

❑ Nhấn **Cách làm** ở cuối màn hình thao tác: Hiển thị hoạt ảnh thay đổi theo ngữ cảnh.



❶	Cho biết tổng số bước và số bước hiện tại. Trong ví dụ ở trên, ví dụ cho biết các bước 3 từ 4 bước.
❷	Quay lại bước trước.
❸	Cho biết tiến trình qua bước hiện tại.Hoạt ảnh lặp lại khi thanh tiến trình đến cuối.
❹	Chuyển sang bước tiếp theo.

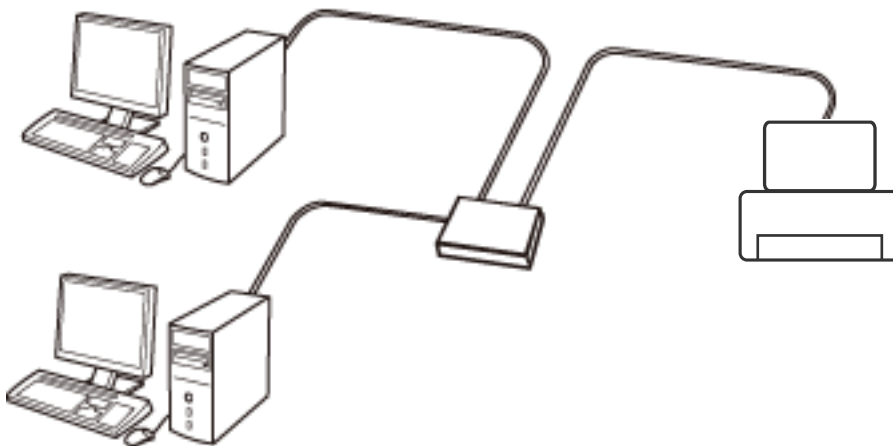
Cài đặt mạng

Loại kết nối mạng

Bạn có thể sử dụng các phương thức kết nối sau.

Kết nối Ethernet

Kết nối máy in với hub bằng cáp Ethernet.

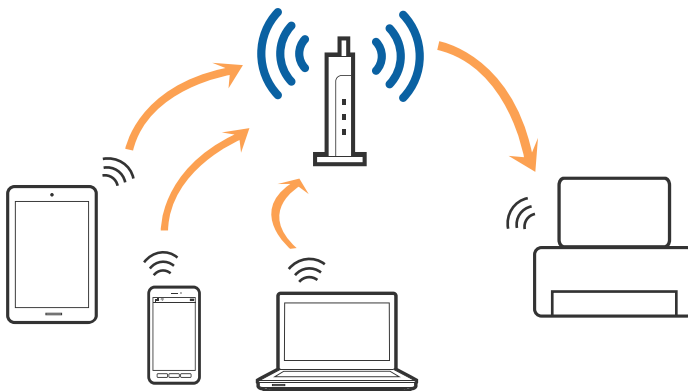


Thông tin liên quan

➔ [“Thực Hiện Cài Đặt Mạng Nâng Cao” ở trang 29](#)

Kết nối Wi-Fi

Kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh với điểm truy cập. Đây là phương thức kết nối điển hình cho mạng gia đình hoặc văn phòng nơi các máy tính được kết nối bằng Wi-Fi thông qua điểm truy cập.



Thông tin liên quan

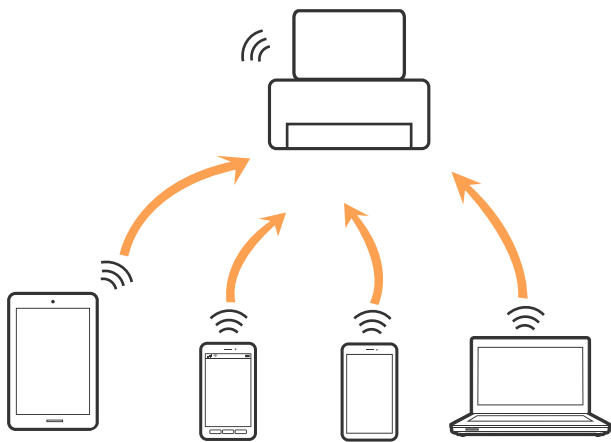
- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 23
- ➔ “Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 24
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 24

Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Sử dụng phương thức kết nối này khi bạn không sử dụng Wi-Fi ở nhà riêng và ở cơ quan hoặc khi bạn muốn kết nối trực tiếp máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh. Trong chế độ này, máy in đóng vai trò là điểm truy cập và bạn có thể kết nối tối đa bốn thiết bị với máy in mà không phải sử dụng điểm truy cập tiêu chuẩn. Tuy nhiên, các thiết bị được kết nối trực tiếp với máy in không thể giao tiếp với nhau thông qua máy in.

Lưu ý:

Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) là phương thức kết nối được thiết kế để thay thế chế độ Ad Hoc.



Có thể kết nối máy in bằng kết nối Wi-Fi hoặc Ethernet và Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đồng thời. Tuy nhiên, nếu bạn bắt đầu kết nối mạng bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khi máy in được kết nối bằng Wi-Fi, Wi-Fi bị ngắt kết nối tạm thời.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 28

Kết nối với máy tính

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

- ☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập** và sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

- ☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho model đi kèm đĩa phần mềm và người dùng có máy tính có ổ đĩa.)

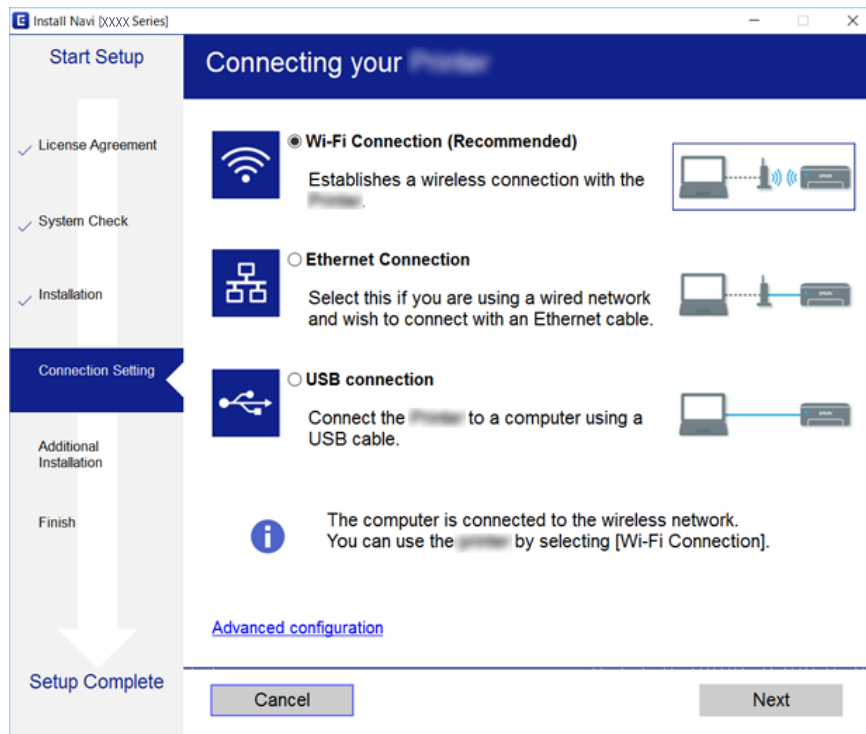
Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Cài đặt mạng

Chọn phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị và sau đó chọn phương thức kết nối của máy in với máy tính.

Chọn loại kết nối và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Kết nối với thiết bị thông minh

Bạn có thể sử dụng máy in từ thiết bị thông minh khi kết nối máy in với cùng một mạng Wi-Fi (SSID) như thiết bị thông minh. Để sử dụng máy in từ thiết bị thông minh, hãy thiết lập từ trang web sau. Truy cập trang web từ thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

Lưu ý:

Nếu muốn kết nối máy tính và thiết bị thông minh với máy in cùng lúc, chúng tôi khuyên bạn nên kết nối với máy tính trước.

Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in

Bạn có thể thực hiện cài đặt mạng từ bảng điều khiển của máy in theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu biết thông tin của điểm truy cập như SSID và mật khẩu, bạn có thể thực hiện cài đặt theo cách thủ công.

Nếu điểm truy cập hỗ trợ WPS, bạn có thể thực hiện cài đặt bằng cách sử dụng thiết lập nút ấn.

Cài đặt mạng

Sau khi kết nối máy in với mạng, hãy kết nối máy in từ thiết bị mà bạn muốn sử dụng (máy tính, thiết bị thông minh, máy tính bảng, v.v.)

Thực hiện cài đặt mạng nâng cao để sử dụng địa chỉ IP tĩnh.

Thông tin liên quan

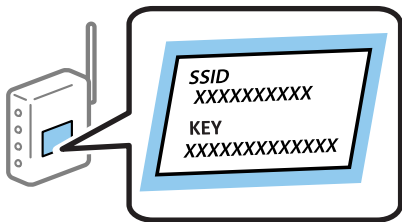
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi theo cách thủ công” ở trang 25
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)” ở trang 26
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 27
- ➔ “Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 28
- ➔ “Thực Hiện Cài Đặt Mạng Nâng Cao” ở trang 29

Thực hiện cài đặt Wi-Fi theo cách thủ công

Bạn có thể thiết lập thông tin cần thiết để kết nối với điểm truy cập từ bảng điều khiển của máy in theo cách thủ công. Để thiết lập theo cách thủ công, bạn cần SSID và mật khẩu cho điểm truy cập.

Lưu ý:

Nếu bạn đang sử dụng điểm truy cập có cài đặt mặc định, SSID và mật khẩu ở trên nhãn. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ với người thiết lập điểm truy cập hoặc xem tài liệu đi cùng với điểm truy cập.



1. Nhấn  trên màn hình chính.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.

3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.

4. Chọn **Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi**.

5. Chọn SSID cho điểm truy cập.

Lưu ý:

- ☐ Nếu SSID mà bạn muốn kết nối không được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in, hãy nhấn **Tìm kiếm lại** để cập nhật danh sách. Nếu SSID này vẫn không hiển thị, nhấn **Nhập thủ công** và sau đó nhập SSID trực tiếp.
- ☐ Nếu bạn không biết SSID, hãy kiểm tra xem nó có được ghi trên nhãn của điểm truy cập không. Nếu bạn đang sử dụng điểm truy cập có cài đặt mặc định, hãy sử dụng SSID được ghi trên nhãn.

Cài đặt mạng

6. Nhấn **Nhập mật khẩu** và sau đó nhập mật khẩu.

Lưu ý:

- ☐ Mật khẩu phân biệt chữ hoa chữ thường.
- ☐ Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu này có được ghi trên nhãn của điểm truy cập không. Nếu bạn đang sử dụng điểm truy cập có cài đặt mặc định, hãy sử dụng mật khẩu được ghi trên nhãn. Mật khẩu cũng có thể được gọi là "Khóa", "Cụm mật khẩu", v.v.
- ☐ Nếu bạn không biết mật khẩu của điểm truy cập, hãy xem tài liệu được cung cấp cùng điểm truy cập hoặc liên hệ với người thiết lập.

7. Khi bạn đã thiết lập xong, hãy nhấn **Đ.ý**.

8. Kiểm tra cài đặt và sau đó nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.

9. Nhấn **Tốt** để hoàn tất.

Lưu ý:

Nếu bạn không kết nối được, hãy nạp giấy thường A4, sau đó chọn **In Báo cáo kiểm tra** để in báo cáo kết nối.

10. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhập các ký tự” ở trang 20
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 30
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 188

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)

Bạn có thể tự động thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhấn vào nút trên điểm truy cập. Nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể thiết lập bằng cách sử dụng phương thức này.

- ☐ Điểm truy cập tương thích với WPS (Thiết lập bảo mật Wi-Fi).
- ☐ Kết nối Wi-Fi hiện tại đã được thiết lập bằng cách nhấn vào nút trên điểm truy cập.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể tìm thấy nút đó hoặc bạn đang thiết lập bằng phần mềm, hãy xem tài liệu được cung cấp kèm theo điểm truy cập.



1. Nhấn  trên màn hình chính.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.

3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.

4. Chọn **Thiết lập nút nhấn (WPS)**.

Cài đặt mạng

5. Nhấn giữ nút [WPS] trên điểm truy cập cho đến khi đèn báo mạng nhấp nháy.



Nếu bạn không biết vị trí của nút [WPS] hoặc không có nút nào trên điểm truy cập, hãy xem tài liệu được cung cấp kèm theo điểm truy cập để biết thông tin chi tiết.

6. Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập** trên máy in.

7. Đóng màn hình.

Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại điểm truy cập, di chuyển điểm này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.

8. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 30](#)
- ➔ [“Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 188](#)

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)

Bạn có thể tự động kết nối với điểm truy cập bằng cách sử dụng mã PIN. Bạn có thể sử dụng phương thức này để thiết lập xem điểm truy cập có khả năng của WPS (Thiết lập Wi-Fi được bảo vệ) không. Sử dụng máy tính để nhập mã PIN vào điểm truy cập.



1. Nhấn  trên màn hình chính.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.

3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi.**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.

4. Chọn **Chức năng khác > Thiết lập mã PIN (WPS)**.

Cài đặt mạng

- Sử dụng máy tính của bạn để nhập mã PIN (số có tám chữ số) được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in vào điểm truy cập trong vòng hai phút.

Lưu ý:

Xem tài liệu được cung cấp cùng điểm truy cập để biết thông tin chi tiết về nhập mã PIN.

- Nhấn **Bắt đầu thiết lập** trên bảng điều khiển của máy in.
- Đóng màn hình.

Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại điểm truy cập, di chuyển điểm này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối và kiểm tra giải pháp.

- Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 30
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 188

Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với các thiết bị mà không cần điểm truy cập. Máy in đóng vai trò là điểm truy cập.

Quan trọng:

Khi bạn kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh với máy in bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản), máy in được kết nối với cùng mạng Wi-Fi (SSID) như máy tính hoặc thiết bị thông minh và liên lạc được thiết lập giữa chúng. Vì máy tính hoặc thiết bị thông minh được tự động kết nối với mạng Wi-Fi có thể kết nối khác nếu máy in bị tắt và không được kết nối lại với mạng Wi-Fi trước nếu máy in được bật. Kết nối lại SSID của máy in cho kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) từ máy tính hoặc thiết bị thông minh. Nếu bạn không muốn kết nối mỗi lần bạn bật hoặc tắt máy in, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng mạng Wi-Fi bằng cách kết nối máy in với điểm truy cập.

- Nhấn  trên màn hình chính.

- Chọn **Wi-Fi Direct**.

- Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu bạn đã thực hiện cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản), thông tin kết nối chi tiết được hiển thị. Chuyển sang bước 5.

- Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.

- Kiểm tra SSID và mật khẩu được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in.

Trên màn hình kết nối mạng của máy tính hoặc màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh, hãy chọn SSID được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in để kết nối.

Cài đặt mạng

Lưu ý:

Bạn có thể kiểm tra phương thức kết nối trên trang web. Để truy cập trang web, quét mã QR hiển thị trên bảng điều khiển của máy in bằng thiết bị thông minh hoặc nhập URL (<http://epson.sn>) trên máy tính và sau đó chuyển tới **Thiết lập**.

6. Nhập mật khẩu được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.
7. Sau khi kết nối được thiết lập, nhấn **Tốt** trên bảng điều khiển của máy in.
8. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 30
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 188

Thực Hiện Cài Đặt Mạng Nâng Cao

Bạn có thể thay đổi tên thiết bị mạng, thiết lập TCP/IP, máy chủ proxy, v.v. Kiểm tra môi trường mạng của bạn trước khi thực hiện thay đổi.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Nâng cao**.
3. Chọn mục menu cho cài đặt và sau đó chọn hoặc chỉ định các giá trị cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29

Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao

Chọn mục menu cho cài đặt và sau đó chọn hoặc chỉ định các giá trị cài đặt.

☐ Tên thiết bị

Bạn có thể nhập các ký tự sau.

- ☐ Giới hạn ký tự: 2 đến 15 (bạn phải nhập ít nhất 2 ký tự)
- ☐ Các ký tự có thể sử dụng: A tới Z, a tới z, 0 tới 9, -.
- ☐ Các ký tự bạn không thể sử dụng ở trên cùng: 0 tới 9, -.
- ☐ Các ký tự bạn không thể sử dụng ở dưới cùng: -

Cài đặt mạng

☐ TCP/IP

☐ Tự động

Chọn thời điểm bạn sử dụng điểm truy cập ở nhà hoặc bạn cho phép địa chỉ IP được DHCP lấy tự động.

☐ Thủ công

Chọn thời điểm bạn không muốn thay đổi địa chỉ IP của máy in. Nhập địa chỉ cho Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con và Cổng mặc định, rồi thực hiện cài đặt Máy chủ DNS theo môi trường mạng.

Khi bạn chọn **Tự động** cho cài đặt chỉ định địa chỉ IP, bạn có thể chọn cài đặt máy chủ DNS từ **Thủ công** hoặc **Tự động**. Nếu bạn không thể tự động lấy địa chỉ máy chủ DNS, chọn **Thủ công**, sau đó nhập trực tiếp địa chỉ máy chủ DNS thứ hai và máy chủ DNS chính.

☐ Máy chủ ủy nhiệm

☐ Dừng dùng

Chọn thời điểm bạn sử dụng máy in trong môi trường mạng gia đình.

☐ Dùng

Chọn thời điểm bạn sử dụng máy chủ proxy trong môi trường mạng của bạn và bạn muốn đặt máy chủ này cho máy in. Nhập địa chỉ máy chủ proxy và số cổng.

☐ Địa chỉ IPv6

☐ Bật

Chọn mục này khi sử dụng địa chỉ IPv6.

☐ Tắt

Chọn mục này khi sử dụng địa chỉ IPv4.

☐ Tốc độ liên kết và In song công

Chọn cài đặt duplex và tốc độ Ethernet phù hợp. Nếu bạn chọn cài đặt không phải Tự động, hãy đảm bảo cài đặt tương ứng với cài đặt trên hub bạn đang sử dụng.

☐ Tự động

☐ Bán song công 10BASE-T

☐ Song công toàn phần 10BASE-T

☐ Bán song công 100BASE-TX

☐ Song công toàn phần 100BASE-TX

Kiểm tra tình trạng kết nối mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng theo cách sau.

Biểu tượng mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng và cường độ sóng vô tuyến bằng cách sử dụng biểu tượng mạng trên màn hình chính của máy in.

Cài đặt mạng**Thông tin liên quan**

➔ “[Biểu tượng hiển thị trong màn hình LCD](#)” ở trang 17

Kiểm tra thông tin mạng chi tiết từ bảng điều khiển

Khi máy in của bạn được kết nối với mạng, bạn cũng có thể xem thông tin liên quan đến mạng khác bằng cách chọn menu mạng mà bạn muốn kiểm tra.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Tình trạng mạng**.
3. Để kiểm tra thông tin, hãy chọn các menu mà bạn muốn kiểm tra.
 - ☐ Trạng thái LAN có dây/Wi-Fi
Hiển thị thông tin mạng (tên thiết bị, kết nối, cường độ tín hiệu, lấy địa chỉ IP, v.v.) dành cho kết nối Ethernet hoặc Wi-Fi.
 - ☐ Trạng thái Wi-Fi Direct
Hiển thị xem Wi-Fi Direct bật hay tắt cho kết nối Wi-Fi Direct.
 - ☐ In tờ tình trạng
In tờ tình trạng mạng. Thông tin cho Ethernet, Wi-Fi, Wi-Fi Direct, v.v. được in trên hai trang trở lên.

Thông tin liên quan

➔ “[In tờ tình trạng mạng](#)” ở trang 38

In báo cáo kết nối mạng

Bạn có thể in báo cáo kết nối mạng để kiểm tra tình trạng giữa máy in và điểm truy cập.

1. Nạp giấy.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
3. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.
Bắt đầu kiểm tra kết nối.

Cài đặt mạng

4. Chọn **In Báo cáo kiểm tra**.

5. In báo cáo kết nối mạng.

Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

6. Đóng màn hình.

Thông tin liên quan

➔ “Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 32

Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng

Kiểm tra thông báo và mã lỗi trên báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp.

The screenshot shows a network connection status report. At the top, it says 'Check Network Connection'. Below that, 'Check Result' is 'FAIL'. 'Error code' is '(E-2)'. A blue box labeled 'a' points to the error code. Another blue box labeled 'b' contains the following text: 'See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.' Below this, it says 'If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.' The next section is 'Checked Items', which lists several checks: 'Wireless Network Name (SSID) Check' (FAIL), 'Communication Mode Check' (Unchecked), 'Security Mode Check' (Unchecked), 'MAC Address Filtering Check' (Unchecked), 'Security Key/Password Check' (Unchecked), 'IP Address Check' (Unchecked), and 'Detailed IP Setup Check' (Unchecked). The final section is 'Network Status', which lists various network parameters: 'Printer Name' (EPSON XXXXXX), 'Printer Model' (XX-XXX Series), 'IP Address' (169.254.137.8), 'Subnet Mask' (255.255.0.0), 'Default Gateway', 'Network Name (SSID)' (EpsonNet), 'Security' (None), 'Signal Strength' (Poor), and 'MAC Address' (F8:D0:27:40:C0:AC).

Check Network Connection	
Check Result	FAIL
Error code	(E-2)
See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.	
If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.	
Checked Items	
Wireless Network Name (SSID) Check	FAIL
Communication Mode Check	Unchecked
Security Mode Check	Unchecked
MAC Address Filtering Check	Unchecked
Security Key/Password Check	Unchecked
IP Address Check	Unchecked
Detailed IP Setup Check	Unchecked
Network Status	
Printer Name	EPSON XXXXXX
Printer Model	XX-XXX Series
IP Address	169.254.137.8
Subnet Mask	255.255.0.0
Default Gateway	
Network Name (SSID)	EpsonNet
Security	None
Signal Strength	Poor
MAC Address	F8:D0:27:40:C0:AC

a. Mã lỗi

b. Thông báo về Môi trường mạng

Thông tin liên quan

➔ “E-1” ở trang 33

➔ “E-2, E-3, E-7” ở trang 33

➔ “E-5” ở trang 34

Cài đặt mạng

- ➔ “E-6” ở trang 34
- ➔ “E-8” ở trang 35
- ➔ “E-9” ở trang 35
- ➔ “E-10” ở trang 36
- ➔ “E-11” ở trang 36
- ➔ “E-12” ở trang 37
- ➔ “E-13” ở trang 37
- ➔ “Thông báo về Môi trường mạng” ở trang 38

E-1

Thông báo:

Confirm that the network cable is connected and network devices such as hub, router, or access point are turned on.

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo cáp Ethernet được kết nối chắc chắn với máy in, hub hoặc thiết bị mạng khác.
- ☐ Đảm bảo hub hoặc thiết bị mạng khác được bật.
- ☐ Nếu bạn muốn kết nối máy in qua Wi-Fi, hãy thực hiện lại cài đặt Wi-Fi cho máy in vì cài đặt này đã bị tắt.

E-2, E-3, E-7

Thông báo:

No wireless network names (SSID) found. Confirm that the router/access point is turned on and the wireless network (SSID) is set up correctly. Contact your network administrator for assistance.

No wireless network names (SSID) found. Confirm that the wireless network name (SSID) of the PC you wish to connect is set up correctly. Contact your network administrator for assistance.

Entered security key/password does not match the one set for your router/access point. Confirm security key/password. Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo điểm truy cập được bật.
- ☐ Xác nhận rằng máy tính hoặc thiết bị đã được kết nối đúng cách với điểm truy cập.
- ☐ Tắt điểm truy cập.Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.
- ☐ Đặt máy in gần hơn với điểm truy cập của bạn và loại bỏ mọi chướng ngại vật ở giữa.
- ☐ Nếu bạn đã nhập SSID theo cách thủ công, hãy kiểm tra xem có chính xác không.Kiểm tra SSID từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu điểm truy cập có nhiều SSID, hãy chọn SSID tại 2,4 GHz.Máy in không hỗ trợ SSID ở 5 GHz.
- ☐ Nếu bạn đang sử dụng thiết lập nút ấn để thiết lập kết nối mạng, đảm bảo điểm truy cập của bạn hỗ trợ WPS.Bạn không thể sử dụng thiết lập nút ấn nếu điểm truy cập của bạn không hỗ trợ WPS.

Cài đặt mạng

- ☐ Đảm bảo SSID chỉ sử dụng các ký tự ASCII (ký tự chữ và số và ký hiệu). Máy in không thể hiển thị SSID chứa các ký tự không phải là ASCII.
- ☐ Đảm bảo bạn biết SSID và mật khẩu trước khi kết nối với điểm truy cập. Nếu bạn đang sử dụng điểm truy cập có cài đặt mặc định, SSID và mật khẩu nằm trên nhãn trên điểm truy cập. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ với người thiết lập điểm truy cập hoặc xem tài liệu đi cùng với điểm truy cập.
- ☐ Khi bạn muốn kết nối với SSID được tạo từ thiết bị thông minh chia sẻ kết nối, hãy kiểm tra SSID và mật khẩu trong tài liệu được cung cấp với thiết bị thông minh.
- ☐ Nếu kết nối Wi-Fi của bạn đột ngột ngắt kết nối, hãy kiểm tra các tình trạng dưới đây. Nếu bất kỳ tình trạng nào sau đây thích hợp, hãy đặt lại cài đặt mạng của bạn bằng cách tải xuống và chạy phần mềm từ trang web sau.
<http://epson.sn> > **Thiết lập**
 - ☐ Thiết bị thông minh khác đã được thêm vào mạng bằng thiết lập nút ấn.
 - ☐ Mạng Wi-Fi được thiết lập bằng bất kỳ phương thức nào ngoài thiết lập nút ấn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 23
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 24

E-5

Thông báo:

Security mode (e.g. WEP, WPA) does not match the current setting of the printer. Confirm security mode. Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Đảm bảo loại bảo mật của điểm truy cập được đặt thành một trong các loại sau. Nếu chưa, hãy thay đổi loại bảo mật trên điểm truy cập và sau đó đặt lại cài đặt mạng của máy in.

- ☐ WEP-64 bit (40 bit)
- ☐ WEP-128 bit (104 bit)
- ☐ WPA PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA2 PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA (TKIP/AES)
- ☐ WPA2 (TKIP/AES)

* WPA PSK còn được gọi là WPA Cá nhân. WPA2 PSK còn được gọi là WPA2 Cá nhân.

E-6

Thông báo:

MAC address of your printer may be filtered. Check whether your router/access point has restrictions such as MAC address filtering. See the documentation of the router/access point or contact your network administrator for assistance.

Cài đặt mạng

Giải pháp:

- ☐ Kiểm tra xem lọc địa chỉ MAC đã tắt chưa. Nếu tính năng này được bật, hãy đăng ký địa chỉ MAC của máy in sao cho địa chỉ không được lọc. Xem tài liệu được cung cấp cùng điểm truy cập để biết thông tin chi tiết. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC của máy in từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu điểm truy cập của bạn đang sử dụng xác thực được chia sẻ với bảo mật WEP, đảm bảo chỉ mục và khóa xác thực chính xác.
- ☐ Nếu số thiết bị có thể kết nối trên điểm truy cập ít hơn số thiết bị mạng mà bạn muốn kết nối, hãy thực hiện cài đặt trên điểm truy cập để tăng số thiết bị có thể kết nối. Xem tài liệu được cung cấp cùng điểm truy cập để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29](#)
- ➔ [“In tờ tình trạng mạng” ở trang 38](#)

E-8

Thông báo:

Incorrect IP address is assigned to the printer. Confirm IP address setup of the network device (hub, router, or access point). Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

- ☐ Bật DHCP trên điểm truy cập nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in được đặt thành **Tự động**.
- ☐ Nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP được đặt thành Thủ công, địa chỉ IP bạn đặt thủ công không hợp lệ do nằm ngoài phạm vi (ví dụ: 0.0.0.0). Đặt địa chỉ IP hợp lệ từ bảng điều khiển của máy in hoặc bằng cách sử dụng Web Config.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29](#)

E-9

Thông báo:

Confirm the connection and network setup of the PC or other device. Connection using the EpsonNet Setup is available. Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Thiết bị được bật.
- ☐ Bạn có thể truy cập Internet và máy tính hoặc thiết bị mạng khác trên cùng mạng từ các thiết bị mà bạn muốn kết nối với máy in.

Nếu vẫn không kết nối máy in và thiết bị mạng sau khi xác nhận thông tin ở trên, hãy tắt điểm truy cập. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Sau đó, đặt lại cài đặt mạng của bạn bằng cách tải xuống và chạy trình cài đặt từ trang web sau.

Cài đặt mạng

<http://epson.sn> > Thiết lập

Thông tin liên quan

➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 23

E-10

Thông báo:

Confirm IP address, subnet mask, and default gateway setup. Connection using the EpsonNet Setup is available. Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Các thiết bị khác trên mạng được bật.
- ☐ Địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định) chính xác nếu bạn đã đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành Thủ công.

Đặt lại địa chỉ mạng nếu các địa chỉ này không chính xác. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Nếu DHCP được bật, hãy thay đổi cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành **Tự động**. Nếu bạn muốn đặt địa chỉ IP theo cách thủ công, hãy kiểm tra địa chỉ IP của máy in từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng và sau đó chọn Thủ công trên màn hình cài đặt mạng. Đặt mặt nạ mạng con thành [255.255.255.0].

Nếu vẫn không kết nối máy in và thiết bị mạng, hãy tắt điểm truy cập. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.

Thông tin liên quan

➔ “Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29

E-11

Thông báo:

Setup is incomplete. Confirm default gateway setup. Connection using the EpsonNet Setup is available. Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Địa chỉ cổng mặc định chính xác nếu bạn đặt Thiết lập TCP/IP của máy in thành Thủ công.
- ☐ Thiết bị được đặt là cổng mặc định được bật.

Đặt địa chỉ cổng mặc định chính xác. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ cổng mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

➔ “Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29

Cài đặt mạng

E-12

Thông báo:

Confirm the following -Entered security key/password is correct -Index of the security key/password is set to the first number -IP address, subnet mask, or default gateway setup is correct Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Các thiết bị khác trên mạng được bật.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định) chính xác nếu bạn nhập các địa chỉ này thủ công.
- ☐ Địa chỉ mạng của các thiết bị khác (mặt nạ mạng con và cổng mặc định) giống nhau.
- ☐ Địa chỉ IP không xung đột với các thiết bị khác.

Nếu vẫn không kết nối máy in và thiết bị mạng sau khi xác nhận thông tin ở trên, hãy thử cách sau.

- ☐ Tắt điểm truy cập.Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.
- ☐ Thực hiện lại cài đặt mạng bằng trình cài đặt.Bạn có thể chạy ứng dụng này từ trang web sau.
<http://epson.sn> > **Thiết lập**
- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên điểm truy cập sử dụng loại bảo mật WEP.Nếu nhiều mật khẩu được đăng ký, hãy kiểm tra xem mật khẩu được đăng ký đầu tiên được đặt trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29
- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 23

E-13

Thông báo:

Confirm the following -Entered security key/password is correct -Index of the security key/password is set to the first number -Connection and network setup of the PC or other device is correct Contact your network administrator for assistance.

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Các thiết bị mạng như điểm truy cập, hub và bộ định tuyến được bật.
- ☐ Thiết lập TCP/IP cho thiết bị mạng chưa được thiết lập theo cách thủ công.(Nếu Thiết lập TCP/IP của máy in được đặt tự động trong khi Thiết lập TCP/IP cho thiết bị mạng khác được thực hiện theo cách thủ công, mạng của máy in có thể khác với mạng của các thiết bị khác.)

Nếu cách này vẫn không hiệu quả sau khi kiểm tra thông tin ở trên, hãy thử cách sau.

- ☐ Tắt điểm truy cập.Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.

Cài đặt mạng

- ❑ Đặt cài đặt mạng trên máy tính trên cùng một mạng với máy in bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy ứng dụng này từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ❑ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên điểm truy cập sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu nhiều mật khẩu được đăng ký, hãy kiểm tra xem mật khẩu được đăng ký đầu tiên được đặt trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

- ➡ “Đặt mục cho các cài đặt mạng nâng cao” ở trang 29
- ➡ “Kết nối với máy tính” ở trang 23

Thông báo về Môi trường mạng

Thông báo	Giải pháp
*Multiple network names (SSID) that match your entered network name (SSID) have been detected. Confirm network name (SSID).	Có thể đặt SSID tương tự trên nhiều điểm truy cập. Kiểm tra cài đặt trên các điểm truy cập và thay đổi SSID.
The Wi-Fi environment needs to be improved. Turn the wireless router off and then turn it on. If the connection does not improve, see the documentation for the wireless router.	Sau khi di chuyển máy in gần với điểm truy cập hơn và loại bỏ mọi chướng ngại vật giữa chúng, hãy tắt điểm truy cập. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Nếu thiết bị chưa kết nối, hãy xem tài liệu đi kèm với điểm truy cập.
*No more devices can be connected. Disconnect one of the connected devices if you want to add another one.	Bạn có thể kết nối đồng thời tối đa bốn máy tính và thiết bị thông minh trong kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). Để thêm máy tính hoặc thiết bị thông minh khác, hãy ngắt kết nối một trong các thiết bị đã kết nối trước.

In tờ tình trạng mạng

Bạn có thể kiểm tra thông tin mạng chi tiết bằng cách in ra.

1. Nạp giấy.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
3. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Tình trạng mạng**.
4. Chọn **In tờ tình trạng**.
5. Xem thông báo, sau đó in tờ trạng thái mạng.
6. Đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.

Thay hoặc thêm điểm truy cập mới

Nếu SSID thay đổi do thay điểm truy cập hoặc điểm truy cập được thêm và môi trường mạng mới được thiết lập, hãy thiết lập lại các cài đặt Wi-Fi.

Thông tin liên quan

➔ “Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 39

Thay đổi phương thức kết nối với máy tính

Sử dụng trình cài đặt và thiết lập lại theo phương thức kết nối khác.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập** và sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

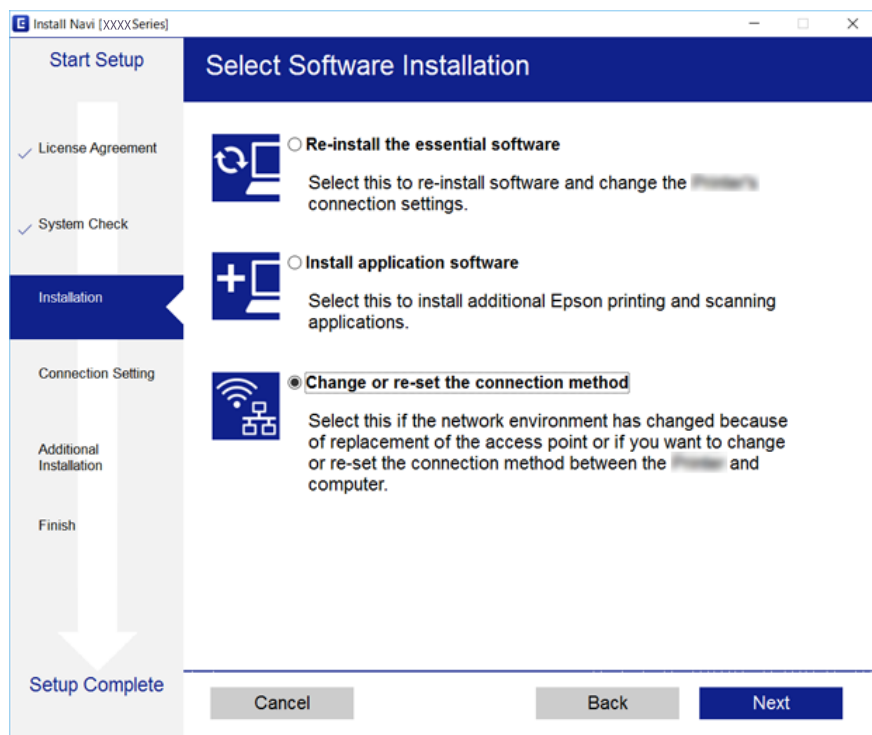
☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho model đi kèm đĩa phần mềm và người dùng có máy tính có ổ đĩa.)

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Chọn thay đổi phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị.

Chọn **Thay đổi hoặc cài lại cách kết nối** trên màn hình Chọn cài đặt phần mềm và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Thay đổi kết nối mạng thành Ethernet từ bảng điều khiển

Làm theo các bước bên dưới để thay đổi kết nối mạng thành Ethernet từ Wi-Fi bằng bảng điều khiển.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Thiết lập LAN có dây**.
3. Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.
4. Xem thông báo và sau đó đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau khoảng thời gian cụ thể.
5. Kết nối máy in với bộ định tuyến bằng cáp Ethernet.

Tắt Wi-Fi từ bảng điều khiển

Khi tắt Wi-Fi, kết nối Wi-Fi bị ngắt.

1. Nhấn  trên màn hình chính.
2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.
Tình trạng mạng được hiển thị.
3. Nhấn **Đổi cài đặt**.
4. Chọn **Chức năng khác > Tắt Wi-Fi**.
5. Xem thông báo, sau đó bắt đầu thiết lập.
6. Khi thông báo hoàn thành hiển thị, hãy đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.
7. Đóng màn hình cài đặt kết nối mạng.

Ngắt Kết Nối Wi-Fi Direct (AP Đơn Giản) Từ Bảng Điều Khiển

Lưu ý:

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bị tắt, tất cả máy tính và thiết bị thông minh được kết nối với máy in trong kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đều bị ngắt. Nếu bạn muốn ngắt kết nối thiết bị cụ thể, hãy ngắt kết nối khỏi thiết bị thay vì máy in.

1. Nhấn  trên màn hình chính.

Cài đặt mạng

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
Thông tin Wi-Fi Direct hiển thị.
3. Nhấn **Đổi cài đặt**.
4. Chọn **Tắt Wi-Fi Direct**.
5. Nhấn vào **Tắt cài đặt**.
6. Khi thông báo hoàn thành hiển thị, hãy đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.
7. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển

Bạn có thể khôi phục tất cả cài đặt mạng về cài đặt mặc định.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Phục hồi cài đặt mặc định > Cài đặt mạng**.
3. Xem thông báo và sau đó chọn **Có**.
4. Khi thông báo hoàn thành hiển thị, hãy đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau một khoảng thời gian cụ thể.

Chuẩn bị máy in

Nạp trang

Các loại giấy sẵn có và các khả năng

Epson khuyến bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng để đảm bảo có được bản in có chất lượng cao.

Giấy Epson chính hãng

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)	In 2 mặt	In không đường viền
Epson Bright White Ink Jet Paper	A4	120	Tự động, Thủ công*1	✓
Epson Ultra Glossy Photo Paper	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*2	-	✓
Epson Premium Glossy Photo Paper	A4, 13×18 cm (5×7 inch), cỡ rộng 16:9 (102×181 mm), 10×15 cm (4×6 inch)	20*2	-	✓
Epson Premium Semigloss Photo Paper	A4, 10×15 cm (4×6 inch)	20*2	-	✓
Epson Photo Paper Glossy	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*2	-	✓
Epson Matte Paper-Heavyweight	A4	20	-	✓
Epson Double-Sided Matte Paper	A4	1	Thủ công	✓
Epson Photo Quality Ink Jet Paper	A4	100	-	✓

*1 Bạn có thể nạp tối đa 30 tờ giấy đã in một mặt.

*2 Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu giấy nạp không đúng hoặc nếu bản in có màu sắc không đều hoặc có đốm bẩn.

Lưu ý:

- ☐ Khả năng sẵn có của giấy thay đổi theo địa điểm. Để biết thông tin mới nhất về khả năng sẵn có của giấy tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Khi in bằng giấy Epson chính hãng với kích thước do người dùng xác định, chỉ cài đặt chất lượng in **Chuẩn** hoặc **Normal** là khả dụng. Dù một số trình điều khiển máy in cho phép bạn chọn chất lượng in tốt hơn, nhưng các bản in vẫn được in bằng **Chuẩn** hoặc **Normal**.

Chuẩn bị máy in**Giấy có bán sẵn**

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Số tờ hoặc Bì thư)	In 2 mặt	In không đường viền
Giấy thường Giấy sao chụp Giấy tiêu đề thư ^{*3}	Letter, A4	150	Tự động, Thủ công ^{*2}	✓
	B5, 16K (195×270 mm)	150	Tự động, Thủ công ^{*2}	-
	A5, A6, B6	150	Thủ công ^{*2}	-
	Legal, 8,5×13 inch	1	Thủ công	-
	Do người dùng xác định ^{*1} (mm) 89×127 đến 182×257 215,9×297 đến 1200	1	Thủ công	-
	Do người dùng xác định ^{*1} (mm) 182×257 đến 215,9×297	1	Tự động, Thủ công	-
Bì thư	Bì thư số 10, Bì thư DL, Bì thư C6	10	-	-

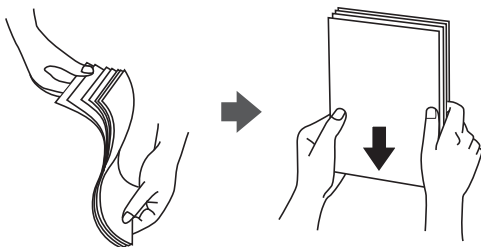
*1 Chỉ có khả năng in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh.

*2 Bạn có thể nạp tối đa 30 tờ giấy đã in một mặt.

*3 Giấy trên đó có thông tin như tên người gửi và tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang. Phải có khoảng lề từ 3 mm trở lên ở đầu trang giấy. In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư.

Thận trọng khi xử lý giấy

- ☐ Hãy đọc tờ hướng dẫn đi cùng với giấy.
- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của giấy trước khi nạp vào. Không vuốt hoặc uốn giấy ảnh. Làm như vậy có thể làm hỏng mặt có thể in được.



Chuẩn bị máy in

- ❑ Nếu giấy bị cong, hãy làm phẳng hoặc uốn nhẹ theo chiều ngược lại trước khi nạp vào. In trên giấy cong có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.



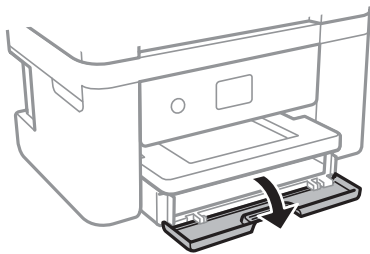
- ❑ Không sử dụng giấy nhăn nheo, bị xé, cắt, gấp lại, ẩm, quá dày, quá mỏng hoặc giấy có miếng dán dính bên trên. Sử dụng những loại giấy này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ❑ Đảm bảo bạn đang sử dụng giấy thờ dài. Nếu không chắc về loại giấy bạn đang sử dụng, hãy kiểm tra bao bì giấy hoặc liên hệ với nhà sản xuất để xác nhận các thông số kỹ thuật của giấy.

Thông tin liên quan

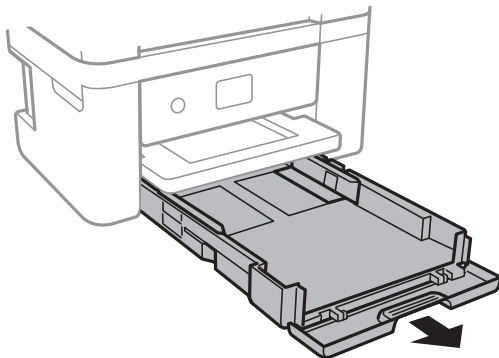
➔ [“Thông số kỹ thuật máy in” ở trang 211](#)

Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy

1. Mở bìa trước cho tới khi kêu cách.



2. Kiểm tra xem máy in có hoạt động không và sau đó trượt hộc đựng giấy ra.

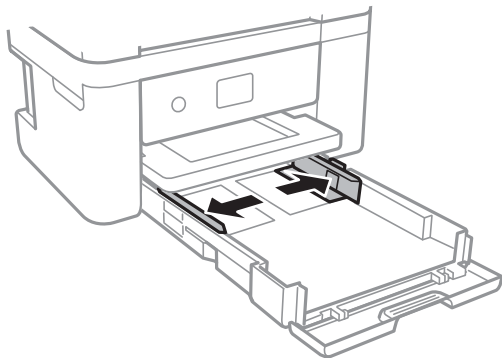


Quan trọng:

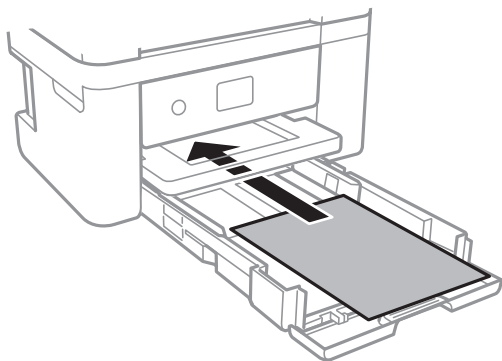
Không thể tháo hộc đựng giấy.

Chuẩn bị máy in

3. Trượt các thanh dẫn cạnh sang vị trí tối đa.



4. Với mặt in úp xuống, hãy nạp giấy cho đến khi chạm giấy chạm vào phía sau học đựng giấy.

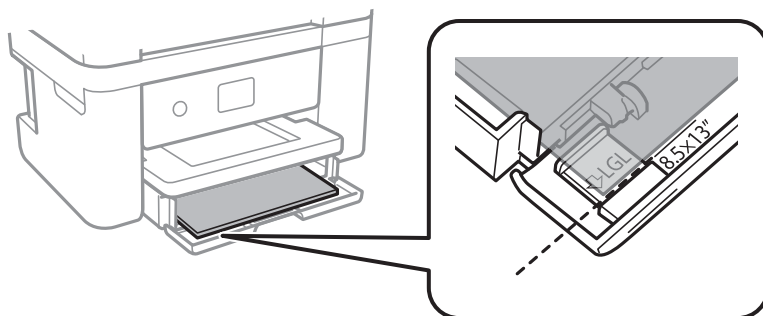


Quan trọng:

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.

- ❑ 8,5×13 in.

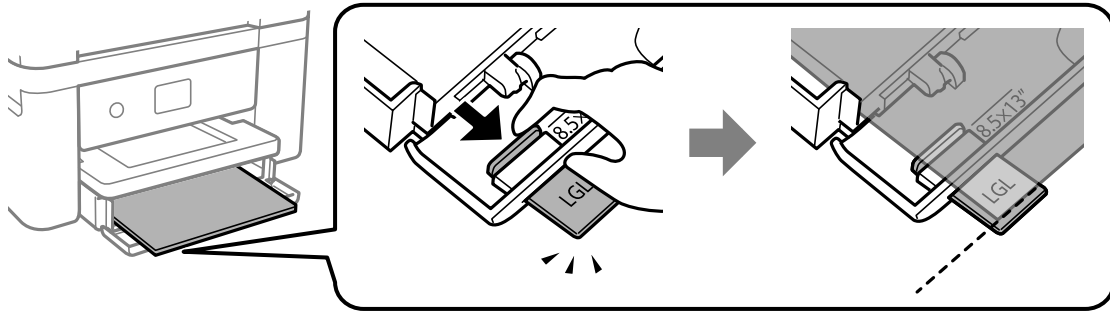
Nạp giấy bằng đường thẳng.



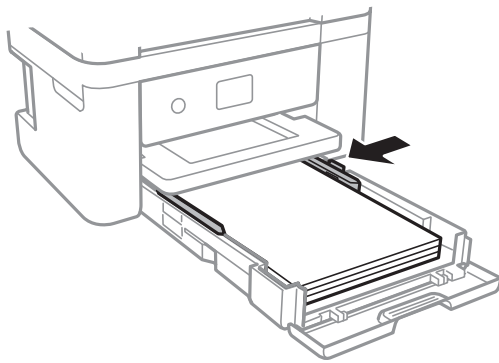
Chuẩn bị máy in

☐ Legal

Kéo dẫn hướng giấy legal ra và nạp giấy bằng đường thẳng.



5. Trượt thanh dẫn hướng bên cạnh đến mép giấy.

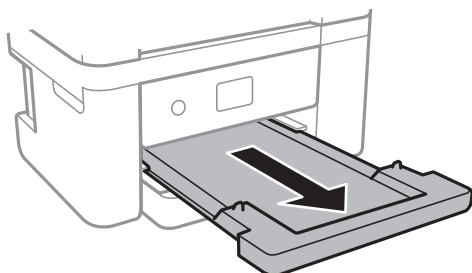


6. Lắp học đựng giấy vào một cách nhẹ nhàng.
7. Trên bảng điều khiển, đặt khổ và loại giấy bạn đã nào vào học đựng giấy. Nếu cỡ giấy không hiển thị, hãy chọn **Do người dùng chọn**.

Lưu ý:

- ☐ Bạn cũng có thể hiển thị các thiết lập kích cỡ giấy và kiểu giấy bằng cách chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in > Cài đặt nguồn giấy > Cài đặt giấy**.
- ☐ Với giấy tiêu đề thư, chọn **Có phần in đầu** làm kiểu giấy.
- ☐ Với giấy tiêu đề thư, nếu bạn in trên giấy nhỏ hơn cài đặt trong trình điều khiển máy in, máy in có thể in ra ngoài mép giấy và có thể dẫn đến những vết mực bẩn trên bản in và mực thừa tích tụ bên trong máy in. Đảm bảo rằng bạn chọn đúng cài đặt kích thước giấy.
- ☐ In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư. Cũng vậy, tốc độ in có thể chậm hơn.

8. Trượt khay đầu ra ra ngoài.



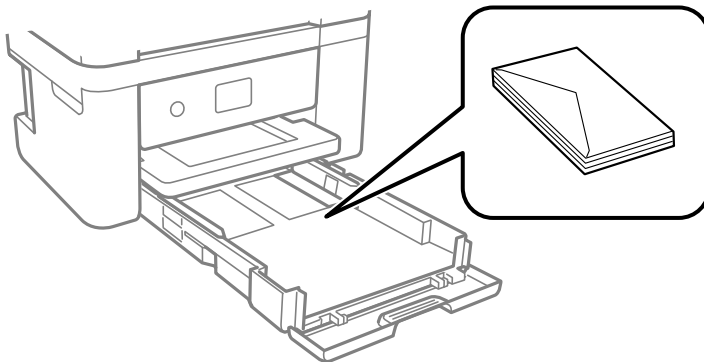
Chuẩn bị máy in

Thông tin liên quan

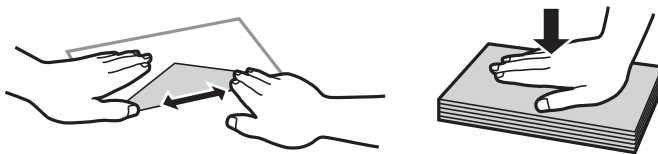
- ➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 43
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42
- ➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 47
- ➔ “Nạp bì thư và thận trọng” ở trang 47

Nạp bì thư và thận trọng

Nạp phong bì với nắp phong bì hướng xuống dưới, sau đó trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép phong bì.



- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của phong bì trước khi nạp vào. Khi phong bì xếp chồng bị phồng lên do không khí, ấn chúng xuống để làm phẳng trước khi nạp vào.



- ☐ Không sử dụng phong bì bị cong hoặc gấp lại. Sử dụng những loại phong bì này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ☐ Không sử dụng phong bì có bề mặt dính trên nắp hoặc phong bì có cửa sổ.
- ☐ Tránh sử dụng phong bì quá mỏng, vì chúng có thể bị cong lại trong khi in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42
- ➔ “Nạp giấy vào Học Đựng Giấy” ở trang 44

Danh sách loại giấy

Để có được kết quả in tối ưu, hãy chọn loại giấy phù hợp với giấy.

Chuẩn bị máy in

Tên phương tiện	Loại phương tiện	
	Bảng điều khiển	Trình điều khiển máy in
Epson Bright White Ink Jet Paper	giấy thường	Giấy thường
Epson Ultra Glossy Photo Paper	Giấy siêu bóng	Epson Ultra Glossy
Epson Premium Glossy Photo Paper	Cao cấp Bóng	Epson Premium Glossy
Epson Premium Semigloss Photo Paper	Cao cấp Hơi bóng	Epson Premium Semigloss
Epson Photo Paper Glossy	Giấy bóng	Photo Paper Glossy
Epson Matte Paper-Heavyweight Epson Double-Sided Matte Paper Epson Photo Quality Ink Jet Paper	Giấy mờ	Epson Matte

Đặt bản gốc

Đặt bản gốc lên kính máy scan hoặc ADF.
Bạn có thể quét nhiều bản gốc cùng lúc với ADF.

Bản gốc sẵn có cho ADF

Khổ giấy sẵn có	A4, Letter, 8,5×13 inch, Legal
Loại giấy	Giấy thường
Độ dày của giấy (Trọng lượng giấy)	64 đến 95 g/m ²
Khả năng nạp	A4, Letter: 30 tờ hoặc 3.3 mm 8,5×13 inch, Legal: 10 tờ

Ngay cả khi đáp ứng thông số kỹ thuật cho phương tiện có thể đặt trong ADF thì có thể bản gốc cũng không được nạp từ ADF hoặc chất lượng quét có thể suy giảm tùy thuộc vào chất lượng hoặc đặc tính của giấy.



Quan trọng:

Không nạp ảnh hoặc tác phẩm nghệ thuật gốc có giá trị vào ADF. Nạp sai có thể làm hỏng hoặc nhàu bản gốc. Thay vào đó, hãy quét những tài liệu này trên kính máy scan.

Để tránh bị kẹt giấy, không đặt các bản gốc sau vào ADF. Với những loại này, hãy sử dụng kính máy scan.

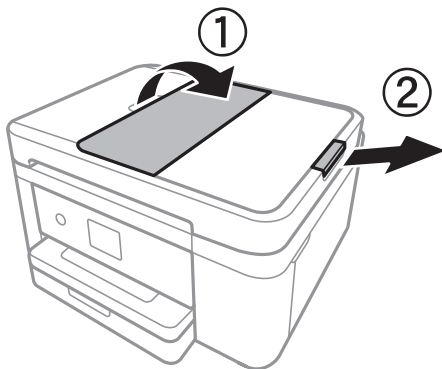
- ☐ Các bản gốc bị rách, gấp lại, nhàu, bị hỏng hoặc uốn cong
- ☐ Các bản gốc có lỗ đóng sách
- ☐ Các bản gốc được giữ cùng với nhau bằng băng dính, ghim, kẹp giấy, v.v.
- ☐ Các bản gốc có nhãn dán hoặc nhãn gắn trên đó
- ☐ Các bản gốc được cắt không bình thường hoặc không có góc vuông

Chuẩn bị máy in

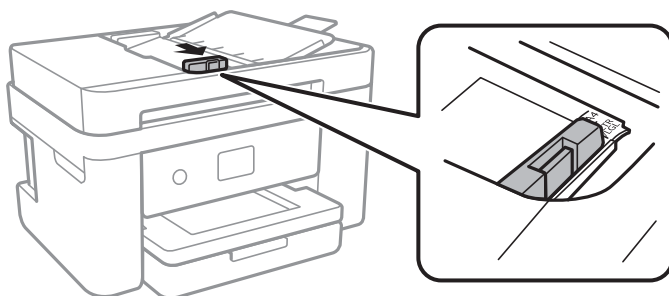
- ❑ Các bản gốc được đóng lại với nhau
- ❑ OHP, giấy truyền nhiệt hoặc giấy than

Đặt bản gốc lên ADF

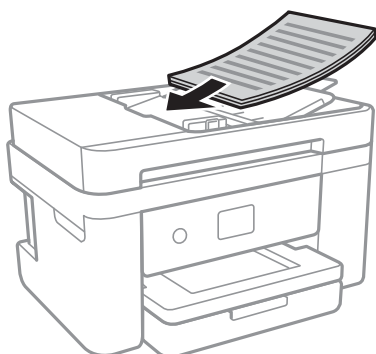
1. Căn thẳng các mép của bản gốc.
2. Mở bộ phận đỡ tài liệu ADF và kéo dài phần mở rộng khay nhận giấy ADF.



3. Chạm và trượt thanh dẫn cạnh ADF ra.



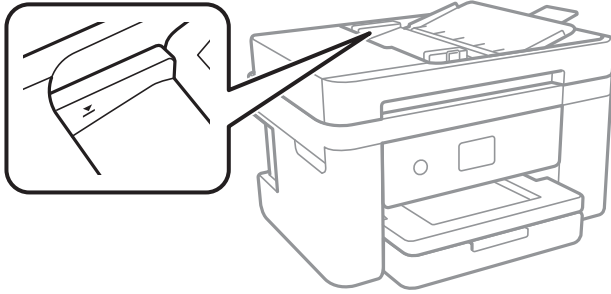
4. Đặt bản gốc hướng lên trên trong ADF, sau đó trượt thanh dẫn cạnh ADF đến mép của bản gốc.



Chuẩn bị máy in

! Quan trọng:

- ❑ Không nạp các bản gốc lên phía trên vạch được chỉ rõ bằng biểu tượng tam giác trên ADF.



- ❑ Không thêm bản gốc khi đang quét.

Thông tin liên quan

➔ “Bản gốc sẵn có cho ADF” ở trang 48

Đặt Bản Gốc Lên ADF Để Sao Chụp 2 Trang/Tờ

Đặt các bản gốc theo hướng được hiển thị trong hình minh họa và sau đó chọn cài đặt hướng.

- ❑ Bản gốc dọc: Chọn **Dọc** trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Sao chụp > Cài đặt nâng cao > Định hướng tài liệu > Dọc

Đặt bản gốc trên ADF theo hướng mũi tên.



- ❑ Bản gốc ngang: Chọn **Ngang** trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Sao chụp > Cài đặt nâng cao > Định hướng tài liệu > Ngang

Đặt bản gốc trên ADF theo hướng mũi tên.



Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan

! Chú ý:

Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.

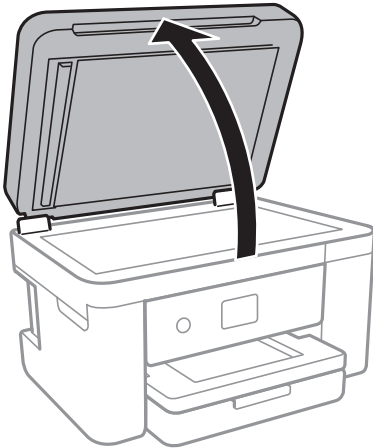
Chuẩn bị máy in



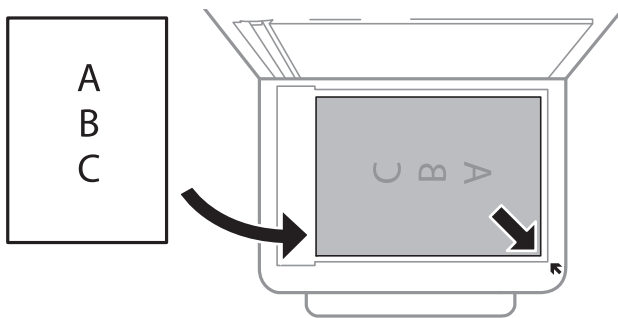
Quan trọng:

Khi đặt bản gốc to như sách, tránh để ánh sáng bên ngoài chiếu trực tiếp vào kính máy scan.

1. Mở nắp tài liệu.



2. Loại bỏ mọi vết bụi bẩn trên kính máy scan.
3. Đặt bản gốc mặt úp xuống và trượt đến dấu góc.



Lưu ý:

- ☐ Nội dung cách mép trên hoặc mép phải của kính máy scan 1,5 mm sẽ không được quét.
- ☐ Khi bản gốc được đặt vào ADF và trên kính máy scan, quyền ưu tiên được trao cho bản gốc trong ADF.

4. Đóng nhẹ nắp.



Quan trọng:

Không tác động quá nhiều lực vào kính máy scan hoặc nắp tài liệu. Nếu không, chúng có thể bị hỏng.

5. Lấy bản gốc ra sau khi quét.

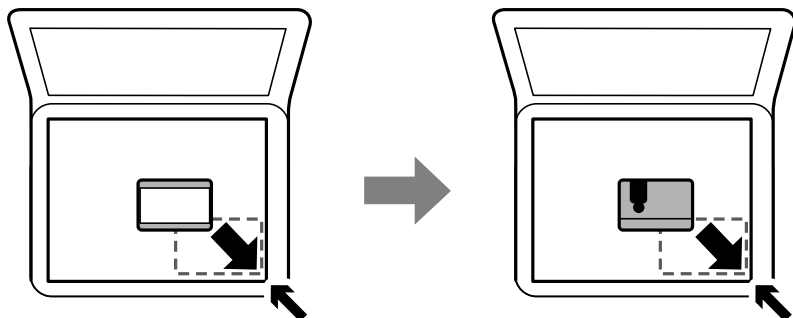
Lưu ý:

Nếu bạn để bản gốc trên kính máy scan trong một thời gian dài, chúng có thể dính vào bề mặt kính.

Chuẩn bị máy in

Đặt thẻ ID để sao chụp

Đặt thẻ ID cách 5 mm so với dấu góc của kính máy scan.



Quản lý danh bạ

Đăng ký danh bạ cho phép bạn nhập các điểm đích một cách dễ dàng. Bạn có thể đăng ký tới 100 mục nhập và có thể sử dụng danh bạ khi nhập số fax.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chọn **Danh bạ**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - ☐ Để đăng ký liên hệ mới, chọn **Thêm mục nhập**, sau đó chọn **Thêm ĐC liên lạc**.
 - ☐ Để chỉnh sửa liên hệ, chọn > trên liên hệ mục tiêu và sau đó chọn **Sửa**.
 - ☐ Để xóa liên hệ, chọn > trên liên hệ mục tiêu, sau đó chọn **Xóa**, rồi chọn **Có**. Bạn không phải thực hiện các quy trình sau.
4. Thực hiện các cài đặt cần thiết.

Lưu ý:

Khi nhập số fax, hãy nhập mã truy cập ra bên ngoài ở đầu số fax nếu hệ thống điện thoại của bạn là PBX và bạn cần mã truy cập để quay số ra bên ngoài. Nếu mã truy cập đã được đặt trong thiết lập **Loại dòng**, nhập dấu thăng (#) thay vì mã truy cập thực sự. Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây) khi quay số, nhập dấu gạch ngang (-).

5. Nhấn **Tốt**.

Thông tin liên quan

➔ “Nhập các ký tự” ở trang 20

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm

Thêm các mối liên hệ vào một nhóm cho phép bạn gửi fax đến nhiều điểm đích cùng lúc.

Chuẩn bị máy in

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chọn **Danh bạ**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - ☐ Để đăng ký liên hệ theo nhóm mới, chọn **Thêm mục nhập**, sau đó chọn **Thêm nhóm**.
 - ☐ Để chỉnh sửa liên hệ theo nhóm, chọn **>** trên liên hệ theo nhóm mục tiêu, sau đó chọn **Sửa**.
 - ☐ Để xóa liên hệ theo nhóm, chọn **>** trên liên hệ theo nhóm mục tiêu, sau đó chọn **Xóa**, rồi chọn **Có**. Bạn không phải thực hiện các quy trình sau.
4. Nhập hoặc chỉnh sửa **Tên nhóm** và **Từ chỉ mục**, sau đó chọn **(Các) ĐC liên lạc được thêm vào Nhóm (Bắt buộc)**.
5. Chọn liên hệ mà bạn muốn đăng ký vào nhóm và sau đó nhấn **Đóng**.

Lưu ý:

 - ☐ Bạn có thể đăng ký tối đa 99 mỗi liên hệ.
 - ☐ Để bỏ chọn một liên hệ, nhấn liên hệ lần nữa.
6. Nhấn **Tốt**.

Thông tin liên quan

➡ “[Nhập các ký tự](#)” ở trang 20

Đăng ký người liên hệ trên máy tính

Khi sử dụng Web Config, bạn có thể tạo danh bạ trên máy tính và nhập nó vào máy in.

1. Truy cập Web Config.
2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name**, **Index Word**, **Fax Number** và **Fax Speed**.
6. Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan

- ➡ “[Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in \(Web Config\)](#)” ở trang 168
- ➡ “[Chạy Web Config bằng trình duyệt web](#)” ở trang 168

Mục đặt đích đến

Mục	Cài đặt và giải thích
Name	Nhập một tên hiển thị trong danh bạ có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Index Word	Nhập các từ cần tìm kiếm có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Type	Mục này được cố định là Fax . Bạn không thể thay đổi cài đặt này.
Fax Number	Nhập từ 1 đến 64 ký tự bằng 0–9 - * # và dấu cách.
Fax Speed	Chọn tốc độ giao tiếp cho đích đến.

Đăng ký đích đến thành một nhóm

1. Truy cập Web Config.
2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name** và **Index Word**.
6. Chọn một nhóm từ **Type**.
7. Nhấp vào **Select** cho **Contact(s) for Group**.
Các đích đến có sẵn hiển thị.
8. Chọn đích đến mà bạn muốn đăng ký với nhóm, sau đó nhấp vào **Select**.
Lưu ý:
Bạn có thể đăng ký đích đến cho nhiều nhóm.
9. Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in (Web Config)” ở trang 168
- ➔ “Chạy Web Config bằng trình duyệt web” ở trang 168

Tùy chọn menu cho Cài đặt

Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính của máy in để thực hiện các cài đặt khác nhau.

Tùy chọn menu cho Cài đặt máy in

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in

Cài đặt cơ bản

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản

Độ sáng màn hình LCD:

Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD.

Âm thanh:

Điều chỉnh âm lượng và chọn kiểu âm thanh.

Hẹn giờ chờ:

Điều chỉnh khoảng thời gian chuyển sang chế độ ngủ (chế độ tiết kiệm năng lượng) khi máy in không thực hiện bất kỳ thao tác nào. Màn hình LCD chuyển thành màu đen khi quá thời gian đã thiết lập này.

Bộ hẹn giờ tắt:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Cài đặt tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Cài đặt tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

☐ Tắt nguồn nếu không hoạt động

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

☐ Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối

Chọn cài đặt này để tắt máy in sau 30 phút khi đã ngắt kết nối tất cả các cổng mạng kể cả cổng LINE. Tính năng này có thể không khả dụng tùy vào khu vực của bạn.

Cài đặt ngày/giờ:

☐ Ngày/giờ

Nhập ngày và giờ hiện tại.

☐ Giờ mùa hè

Chọn thiết lập thời gian mùa hè được áp dụng cho khu vực của bạn.

Chuẩn bị máy in

☐ Chênh lệch giờ

Nhập sự khác biệt thời gian giữa thời gian địa phương và UTC (Coordinated Universal Time — Thời gian phối hợp chung).

Quốc gia/Vùng:

Chọn quốc gia hoặc khu vực mà bạn đang sử dụng máy in. Nếu bạn thay đổi quốc gia hoặc khu vực, cài đặt fax của bạn sẽ trở về cài đặt mặc định và bạn phải chọn lại cài đặt.

Ngôn ngữ/Language:

Chọn ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình LCD.

Thời gian chờ hoạt động:

Chọn **Bật** để quay lại màn hình ban đầu khi không thực hiện thao tác nào trong thời gian đã chỉ định.

Bàn phím:

Thay đổi bố cục bàn phím trên màn hình LCD.

Thông tin liên quan

➔ [“Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển” ở trang 62](#)

➔ [“Nhập các ký tự” ở trang 20](#)

Cài đặt máy in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in

Cài đặt nguồn giấy:

Cài đặt giấy:

Chọn kích cỡ giấy và kiểu giấy bạn đã nạp vào nguồn giấy. Bạn có thể thực hiện **Cài đặt giấy yêu thích** trong kích cỡ giấy và loại giấy.

Chuyển đổi tự động A4/Thư:

Chọn **Bật** để nạp giấy từ nguồn giấy được cài làm khổ A4 khi không có nguồn giấy được cài làm khổ Thư, hoặc nạp từ nguồn giấy được cài làm khổ Thư khi không có nguồn giấy được cài làm khổ A4.

Thông báo lỗi:

Chọn **Bật** để hiển thị thông báo lỗi khi loại hoặc khổ giấy đã chọn không khớp với giấy đã nạp.

Tự động hiển thị thiết lập giấy:

Chọn **Bật** để hiển thị màn hình **Cài đặt giấy** khi nạp giấy trong nguồn giấy. Nếu tắt tính năng này, bạn không thể in từ iPhone hoặc iPad bằng AirPrint.

Chuẩn bị máy in

Cài đặt in chung:

Những cài đặt in này được áp dụng khi bạn in bằng thiết bị bên ngoài mà không sử dụng trình điều khiển máy in. Các cài đặt độ xê dịch được áp dụng khi bạn in bằng trình điều khiển máy in.

Bù trên:

Chỉnh lề giấy trên.

Bù trái:

Chỉnh lề giấy trái.

Bù trên ở mặt sau:

Chỉnh lề giấy trên cho mặt sau của trang khi in 2 mặt.

Bù trái ở mặt sau:

Chỉnh lề giấy trái cho mặt sau của trang khi thực hiện in 2 mặt.

Kiểm tra độ rộng giấy:

Chọn **Bật** để kiểm tra chiều rộng của giấy trước khi in. Tùy chọn này giúp không in ra ngoài các mép giấy khi cài đặt kích thước giấy không đúng, nhưng có thể làm giảm tốc độ in.

Bỏ qua trang trống:

Bỏ qua các trang trống khi tự động in dữ liệu.

Bộ thoát lỗi tự động:

Chọn thao tác cần thực hiện khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc lỗi đẩy bộ nhớ.

☐ Bật

Hiển thị cảnh báo và in ở chế độ một mặt khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc chỉ in những thứ máy in có thể xử lý khi xảy ra lỗi bộ nhớ đầy.

☐ Tắt

Hiển thị thông báo lỗi và hủy in.

Chế độ không ồn:

Chọn **Bật** để giảm tiếng ồn trong khi in. Tuy nhiên, điều này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in.

Thời gian khô mực:

Chọn thời gian khô mực mà bạn muốn sử dụng khi thực hiện in 2 mặt. Máy in sẽ in mặt kia sau khi in một mặt. Nếu bản in bị bẩn, hãy tăng cài đặt thời gian.

Kết nối PC qua USB:

Chọn **Bật** để cho phép máy tính truy cập máy in khi được kết nối bằng USB. Khi chọn **Tắt**, những tác vụ in và quét không được gửi qua kết nối mạng sẽ bị hạn chế.

Cài đặt mạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt mạng

Chuẩn bị máy in

Thiết lập Wi-Fi:

Thiết lập hoặc thay đổi cài đặt mạng không dây. Chọn phương thức kết nối bên dưới, sau đó làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển LCD.

- ☐ Wi-Fi (Khuyến dùng)
- ☐ Wi-Fi Direct

Thiết lập LAN có dây:

Thiết lập hoặc thay đổi kết nối mạng bằng cáp LAN và bộ định tuyến. Khi sử dụng phương thức này, kết nối Wi-Fi sẽ bị tắt.

Tình trạng mạng:

Hiển thị hoặc in các cài đặt mạng hiện tại.

- ☐ Trạng thái LAN có dây/Wi-Fi
- ☐ Trạng thái Wi-Fi Direct
- ☐ In tờ tình trạng

Kiểm tra kết nối:

Kiểm tra kết nối mạng hiện tại và in báo cáo. Nếu có bất kỳ vấn đề nào với kết nối, hãy xem báo cáo để giải quyết vấn đề.

Nâng cao:

Thực hiện các cài đặt chi tiết sau.

- ☐ Tên thiết bị
- ☐ TCP/IP
- ☐ Máy chủ ủy nhiệm
- ☐ Địa chỉ IPv6
- ☐ Tốc độ liên kết và In song công

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi theo cách thủ công” ở trang 25
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)” ở trang 26
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 27
- ➔ “Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 28
- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 38
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 30
- ➔ “Thay đổi kết nối mạng thành Ethernet từ bảng điều khiển” ở trang 40
- ➔ “Thực Hiện Cài Đặt Mạng Nâng Cao” ở trang 29

Cài đặt dịch vụ web

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt dịch vụ web

Chuẩn bị máy in

Dịch vụ Epson Connect:

Hiển thị xem máy in đã được đăng ký và kết nối với Epson Connect hay chưa.

Bạn có thể đăng ký dịch vụ bằng cách chọn **Đăng ký** và làm theo hướng dẫn.

Khi đã đăng ký, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau.

☐ Tạm dừng/Tiếp tục lại

☐ Hủy đăng ký

Để biết chi tiết, hãy xem trang web sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Dịch vụ Google Cloud Print:

Hiển thị xem máy in đã được đăng ký và được kết nối với dịch vụ Google Cloud Print chưa.

Khi đã đăng ký, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau.

☐ Bật/Tắt

☐ Hủy đăng ký

Để biết chi tiết về cách đăng ký dịch vụ Google Cloud Print, hãy xem trang web sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Thông tin liên quan

➔ “In bằng dịch vụ mạng” ở trang 178

Tùy chọn menu cho Trạng thái cung cấp

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Trạng thái cung cấp

Hiển thị lượng mực xấp xỉ và tuổi thọ dự kiến của hộp bảo dưỡng.

Khi dấu ! hiển thị, mực sắp hết hoặc hộp bảo trì gần như đã đầy. Khi dấu x hiển thị, bạn cần phải thay hộp mực khi mực đã cạn hoặc hộp bảo trì đã đầy.

Bạn có thể thay hộp mực hoặc in thông tin tình trạng cấp mực từ màn hình này.

Tùy chọn menu cho Bảo trì

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bảo trì

Kiểm tra kim phun đầu in:

Chọn tính năng này để kiểm tra xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Máy in sẽ in một mẫu kiểm tra kim phun.

Chuẩn bị máy in

Làm sạch đầu in:

Chọn tính năng này để vệ sinh kim phun bị tắc trong đầu in.

căn chỉnh đầu in:

Sử dụng tính năng này để điều chỉnh đầu in để cải thiện chất lượng in.

☐ Căn chỉnh cơ bản

Chọn tính năng này để điều chỉnh độ nghiêng của đầu in.

☐ Căn chỉnh dọc

Chọn tính năng này nếu bản in trông bị mờ hoặc chữ và các đường kẻ bị lệch.

☐ Căn chỉnh đường thẳng theo thước

Chọn tính năng này để căn chỉnh các đường dọc.

☐ Căn chỉnh chiều ngang

Chọn tính năng này nếu dải ngang xuất hiện với tần suất thường xuyên trong bản in của bạn.

Thay Hộp mực:

Sử dụng tính năng này để thay thế hộp mực trước khi mực cạn.

Làm sạch dẫn hướng giấy:

Chọn tính năng này nếu có vết mực bắn trên các trục lăn bên trong. Máy in sẽ nạp giấy để vệ sinh trục lăn bên trong.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156
- ➔ “Căn chỉnh Đầu In” ở trang 157
- ➔ “Thay hộp mực” ở trang 151
- ➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bắn” ở trang 159

Tùy chọn menu cho In tờ tình trạng

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > In tờ tình trạng

Tờ tình trạng cấu hình:

In tờ thông tin cho thấy cài đặt và tình trạng hiện tại của máy in.

Cung cấp tờ tình trạng:

In tờ thông tin cho thấy tình trạng của vật tư tiêu hao.

Bản lược sử sử dụng:

In tờ thông tin cho thấy lịch sử sử dụng của máy in.

Tùy chọn menu cho Bộ đếm bản in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bộ đếm bản in

Hiển thị tổng số bản in, bản in B&W và bản in màu từ thời điểm bạn mua máy in.

Tùy chọn menu cho Cài đặt người dùng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt người dùng

Bạn có thể thay đổi cài đặt mặc định của các menu sau.

- ☐ Sao chụp
- ☐ Scan sang Máy tính
- ☐ Scan sang Đám mây
- ☐ Fax

Tùy chọn menu cho Phục hồi cài đặt mặc định

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định

Đặt lại menu sau về mặc định.

- ☐ Cài đặt mạng
- ☐ Cài đặt sao chụp
- ☐ Cài đặt scan
- ☐ Cài đặt fax
- ☐ Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt

Tùy chọn menu cho Cập nhật firmware

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cập nhật firmware

Cập nhật:

Kiểm tra xem phiên bản mới nhất của chương trình cơ sở đã được tải lên máy chủ mạng chưa. Nếu có bản cập nhật, bạn có thể chọn có bắt đầu cập nhật không.

Thông báo:

Chọn **Bật** để nhận thông báo nếu có bản cập nhật chương trình cơ sở.

Tiết kiệm điện

Máy in vào chế độ ngủ hoặc tắt tự động nếu không có thao tác nào được thực hiện trong một khoảng thời gian đã đặt. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Tùy thuộc vào địa điểm mua hàng, máy in có thể có tính năng tắt nó tự động nếu chưa kết nối với mạng trong 30 phút.

Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Cài đặt tắt nguồn > Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**, và sau đó thực hiện các cài đặt.
 - ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** rồi thực hiện các cài đặt.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

In

In từ trình điều khiển máy in trên Windows

Truy cập trình điều khiển máy in

Khi truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển của máy tính, các cài đặt được áp dụng cho tất cả ứng dụng.

Truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển

☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp chuột phải vào nút bắt đầu hoặc nhấn và giữ nút đó và sau đó chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Máy để bàn > Cài đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Chọn tùy chọn máy in**.

☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ biểu tượng máy in trên thanh tác vụ

Biểu tượng máy in trên thanh tác vụ của màn hình nền là biểu tượng lối tắt cho phép bạn truy cập nhanh trình điều khiển máy in.

Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in và chọn **Cài đặt máy in**, bạn có thể truy cập cùng cửa sổ các thiết lập máy in như cửa sổ được hiển thị từ bảng điều khiển. Nếu bạn nhấp đúp vào biểu tượng này, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in.

Lưu ý:

Nếu biểu tượng máy in không được hiển thị trên thanh tác vụ, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Ưu tiên giám sát trên thẻ Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.

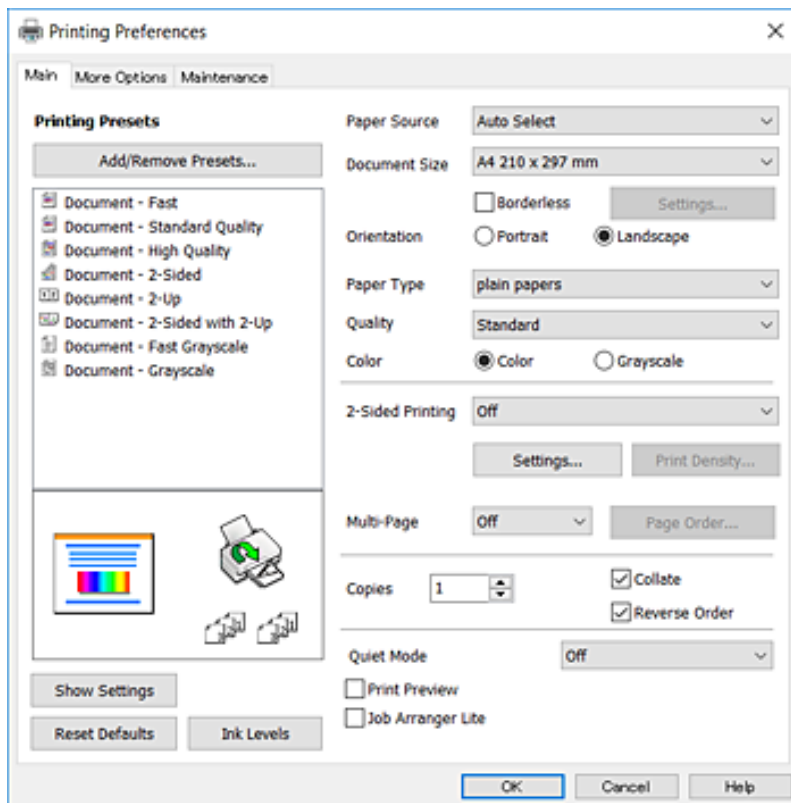
Những điều cơ bản về in ấn

Lưu ý:

Các thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

In

1. Mở tệp bạn muốn in.
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
2. Chọn **In** hoặc **Thiết lập trang** từ menu **Tệp**.
3. Chọn máy in của bạn.
4. Chọn **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.



5. Thay đổi cài đặt nếu cần.
Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết thông tin chi tiết.

Lưu ý:

- ☐ Bạn cũng có thể xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho các mục cài đặt. Nhấp chuột phải vào một mục sẽ hiển thị **T.giúp**.
- ☐ Khi bạn chọn **Xem trước in**, bạn có thể xem trước tài liệu trước khi in.

6. Nhấp vào **OK** để đóng cửa sổ trình điều khiển máy in.
7. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

Khi bạn chọn **Xem trước in**, một cửa sổ xem trước được hiển thị. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Hủy**, sau đó lặp lại quy trình từ bước 2.

Thông tin liên quan

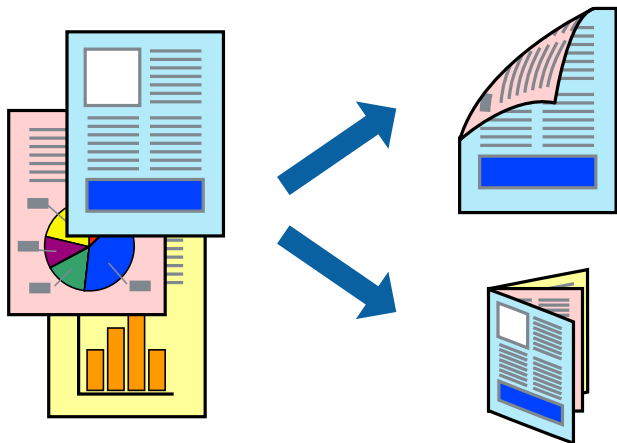
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 47

➔ “Tab Chính” ở trang 79

In bằng 2 mặt

Bạn có thể in trên cả hai mặt giấy. Bạn cũng có thể in sổ nhỏ có thể được tạo ra bằng sắp xếp lại các trang và gấp bản in.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Bạn có thể sử dụng in 2 mặt tự động và thủ công. Trong khi in 2 mặt thủ công, lật giấy để in trên mặt còn lại khi máy in đã in xong mặt đầu tiên.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể thấm qua mặt kia của tờ giấy.

Thông tin liên quan

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42

Cài đặt in

In 2 mặt thủ công có sẵn khi đã bật EPSON Status Monitor 3. Tuy nhiên, tính năng in 2 mặt có thể không có khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.

Lưu ý:

Để bật EPSON Status Monitor 3, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn một tùy chọn từ **In 2 mặt**.
2. Nhấp vào **Settings**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

Thực hiện cài đặt cho **Mật độ in** nếu cần. Cài đặt này không có sẵn khi bạn chọn in 2 mặt thủ công.

In

Lưu ý:

- ☐ Để in tập sách gấp, chọn **Sách nhỏ**.
- ☐ Khi đặt **Mật độ in**, bạn có thể điều chỉnh mật độ in theo loại tài liệu.
- ☐ Tiến trình in có thể bị chậm tùy vào sự kết hợp các tùy chọn đã chọn cho **Chọn loại tài liệu** trong cửa sổ **Chỉnh mật độ in** và cho **C.lượng** trên thẻ **Chính**.

3. Nhấp vào **In**.

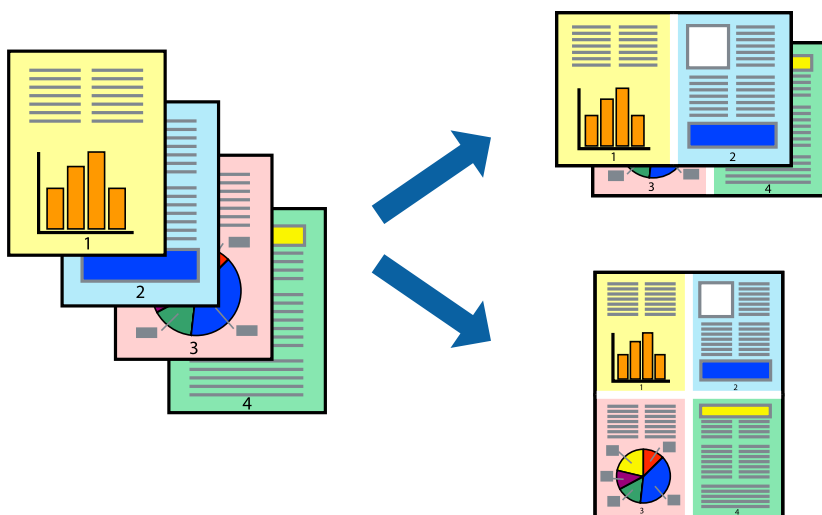
Đối với in 2 mặt thủ công, khi mặt đầu in xong thì một cửa sổ bật lên sẽ hiển thị trên máy tính. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Chính” ở trang 79

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.

**Cài đặt in**

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **2 trang/tờ** hoặc **4 trang/tờ** làm cài đặt **Nhiều trang**.

Lưu ý:

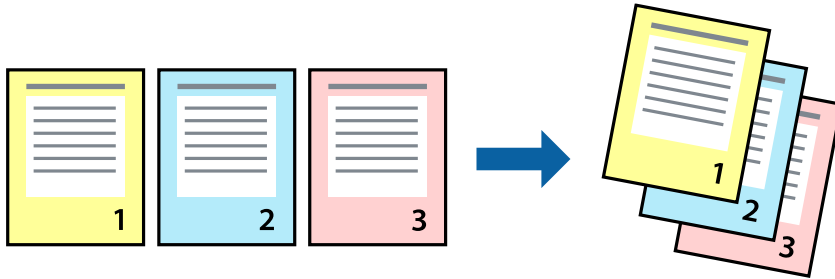
Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Chính” ở trang 79

In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Thứ tự ngược**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Chính” ở trang 79

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn kích thước tài liệu từ cài đặt **Cỡ tài liệu**. Chọn khổ giấy bạn muốn in từ cài đặt **Giấy ra**. Chọn **Thu nhỏ/p.to tài liệu** rồi chọn **Khớp với trang** hoặc **Thu-phóng về**. Khi bạn chọn **Thu-phóng về**, hãy nhập tỷ lệ phần trăm.

Chọn **Giữa** để in các hình ảnh ở giữa trang.

Lưu ý:

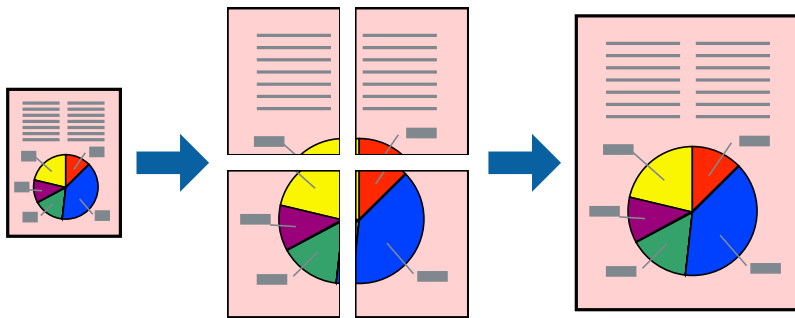
Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích)

Tính năng này cho phép bạn in một hình trên nhiều tờ giấy. Bạn có thể tạo áp phích lớn hơn bằng cách dán chúng lại với nhau.

**Lưu ý:**

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Cài đặt in

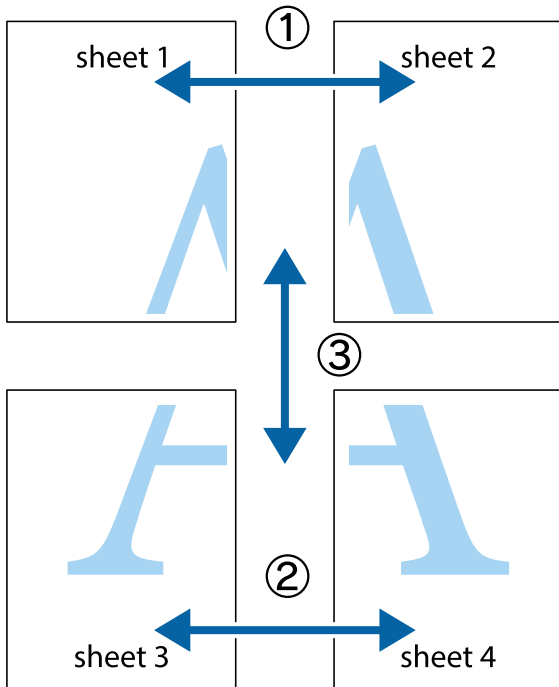
Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Áp phích 2x1**, **Áp phích 2x2**, **Áp phích 3x3** hoặc **Áp phích 4x4** làm cài đặt **Nhiều trang**. Nếu bạn nhấp vào **Cài đặt**, bạn có thể chọn panel mà bạn không muốn in. Bạn cũng có thể chọn tùy chọn hướng dẫn cắt.

Thông tin liên quan

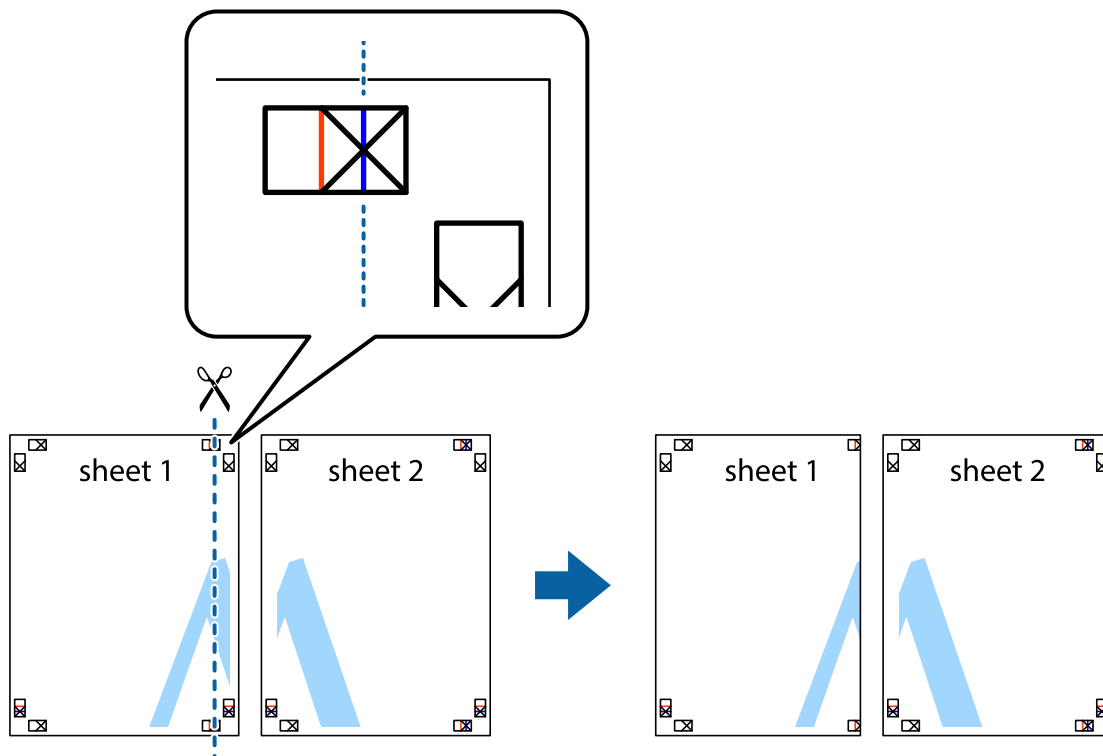
- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Chính” ở trang 79

Tạo áp-phích bằng Dấu cân chỉnh chồng lấp

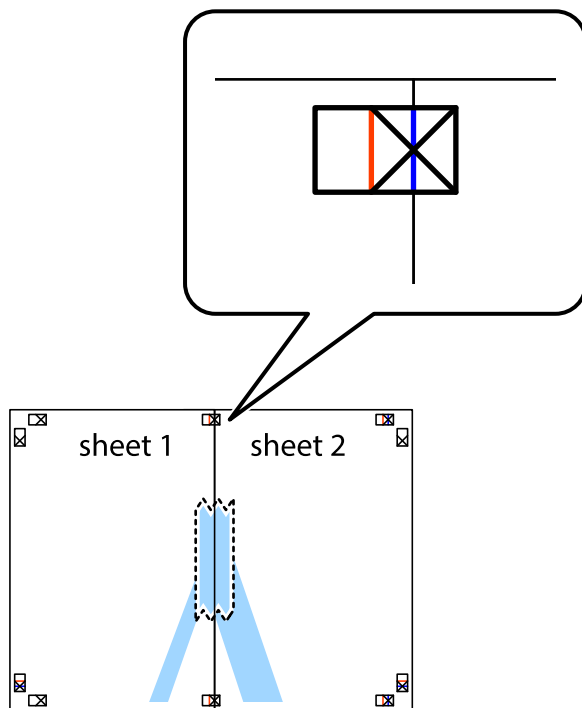
Đây là ví dụ về cách tạo áp-phích khi **Áp phích 2x2** được chọn, và **Dấu cân chỉnh chồng lấp** được chọn trong **Đường dẫn cắt bản in**.



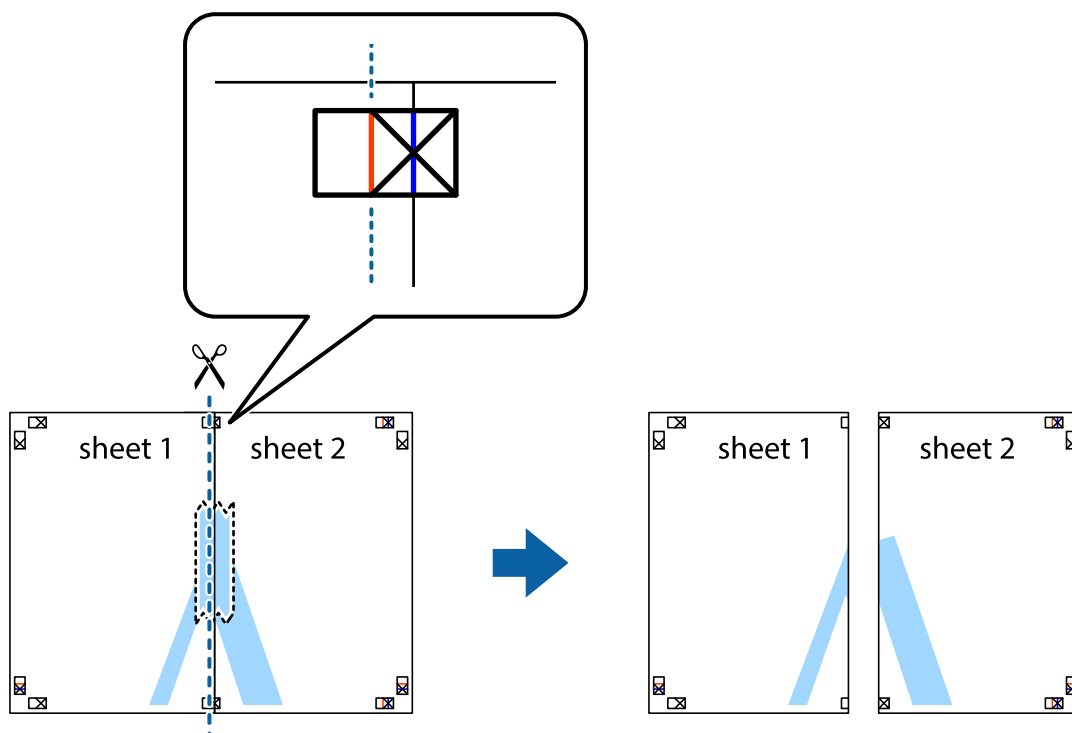
1. Chuẩn bị Sheet 1 và Sheet 2. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 theo đường dọc màu xanh đi qua tâm của các dấu thập ở đỉnh và đáy.



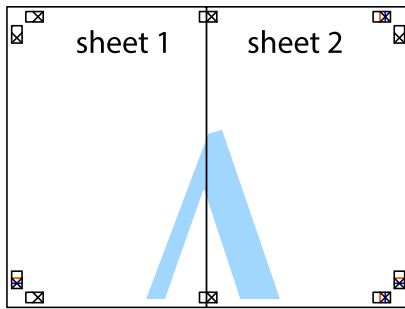
- Đặt cạnh của Sheet 1 lên trên Sheet 2 và căn thẳng các dấu thập, sau đó dán tạm thời hai tờ với nhau từ phía sau.



- Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường dọc màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm ở bên trái của các dấu thập).

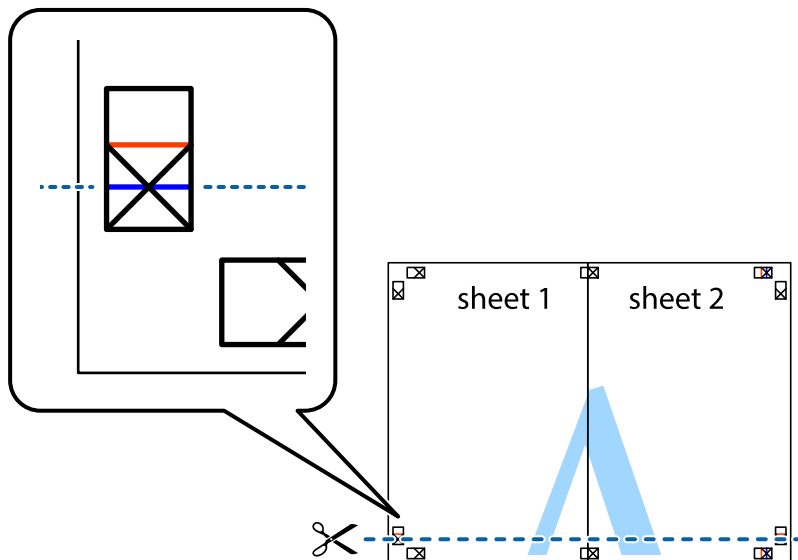


4. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.



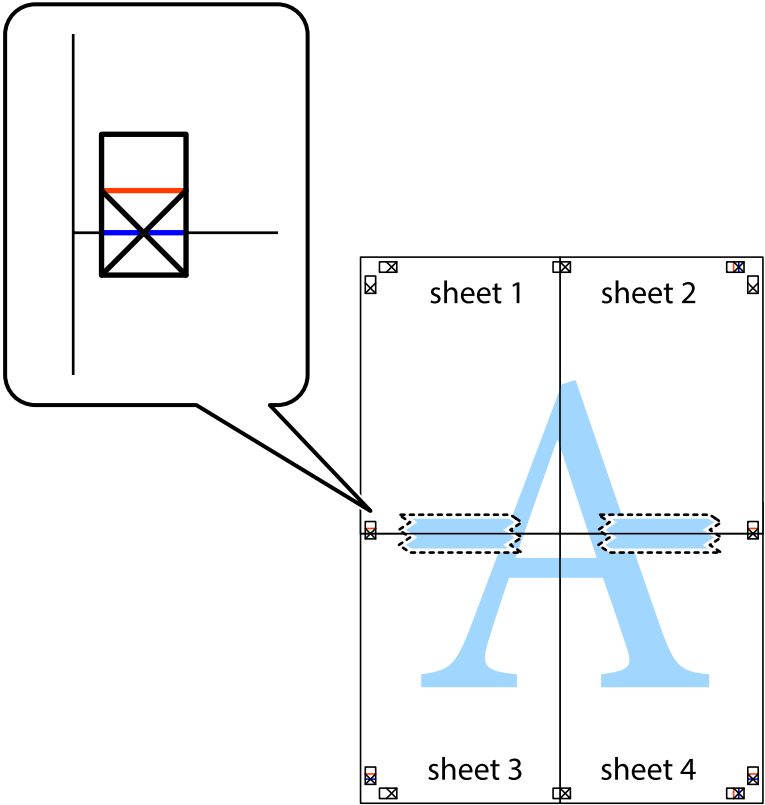
5. Lặp lại các bước 1 đến 4 để dán Sheet 3 và Sheet 4 với nhau.

6. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 và Sheet 2 theo đường ngang màu xanh đi qua tâm của các dấu thập bên phải và bên trái.

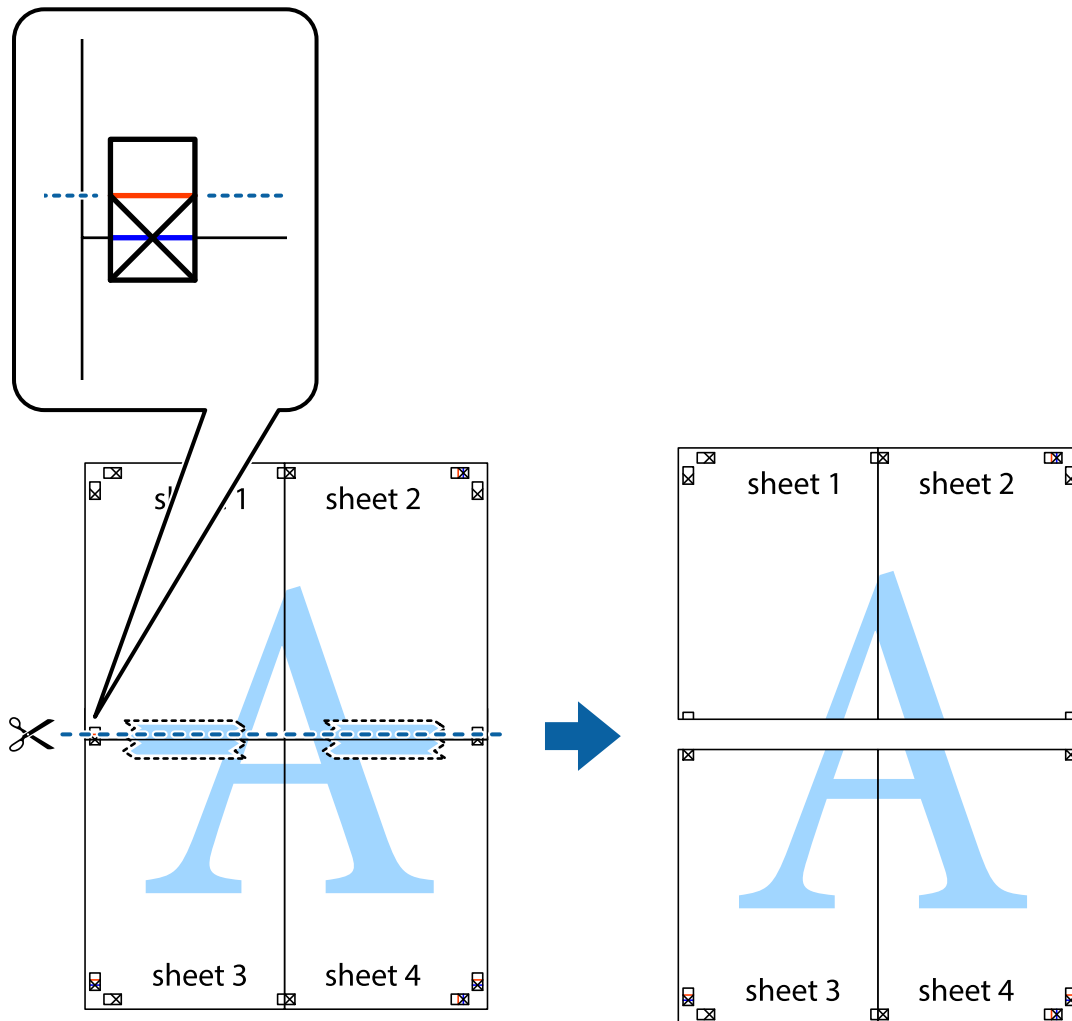


In

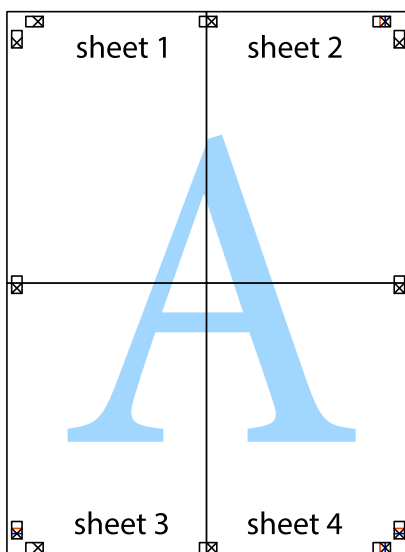
7. Đặt cạnh của Sheet 1 và Sheet 2 lên Sheet 3 và Sheet 4 và căn thẳng các dấu thập, và sau đó dán tạm thời chúng lại với nhau từ phía sau.



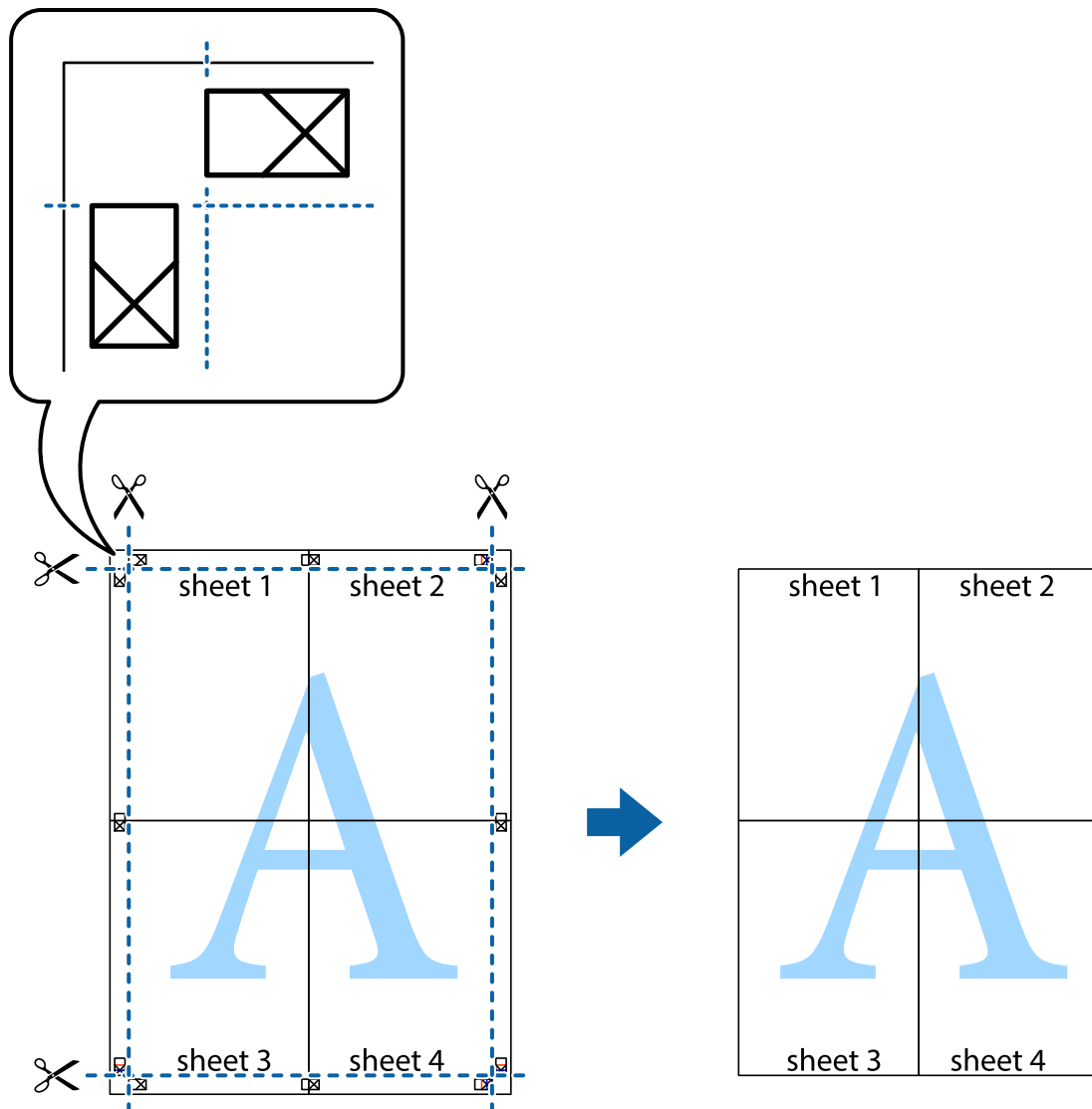
8. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường ngang màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm bên trên các dấu thập).



9. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

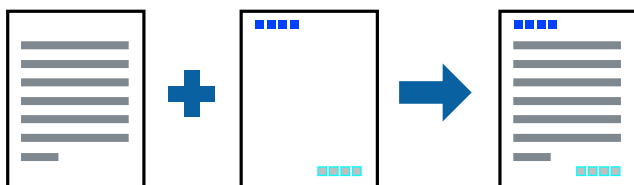


10. Cắt bỏ phần lề còn lại theo đường dẫn hướng bên ngoài.



In với phần đầu đề và chân trang

Bạn có thể in thông tin như tên người dùng và ngày in trong phần đầu đề hoặc chân trang.



Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn **Đầu trang/cuối trang**. Nhấp vào **Cài đặt**, sau đó chọn mục bạn muốn in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

In hình mờ

Bạn có thể in hình mờ như "Bí mật" hoặc mẫu chống sao chép trên bản in của bạn. Nếu bạn in bằng mẫu chống sao chép, các chữ cái ẩn sẽ xuất hiện khi được sao chụp để phân biệt bản gốc với bản sao.



Mẫu chống sao chép khả dụng trong các điều kiện sau:

- ☐ Giấy: Giấy thường, Giấy sao chụp
- ☐ Không đường viền: Không được chọn
- ☐ C.lượng: Chuẩn
- ☐ In 2 mặt tự động: Không được chọn
- ☐ Hiệu chỉnh màu: Tự động

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thêm hình mờ hoặc mẫu chống sao chép riêng.

Cài đặt in

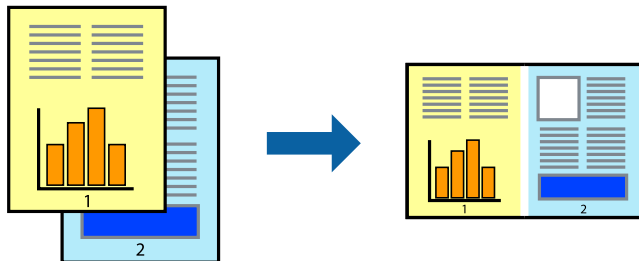
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn Mẫu chống sao chép hoặc Dấu mờ. Nhấp vào **Cài đặt** để thay đổi các chi tiết chẳng hạn như kích cỡ, mật độ hoặc vị trí của mẫu hoặc nhãn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

In nhiều tệp cùng lúc

Job Arranger Lite cho phép bạn kết hợp một vài tệp do các ứng dụng khác nhau tạo ra và in chúng trong một lệnh in duy nhất. Bạn có thể chỉ định cài đặt in cho các tệp kết hợp, như bố cục nhiều trang và in 2 mặt.



Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Job Arranger Lite**. Khi bạn bắt đầu in, cửa sổ Job Arranger Lite sẽ hiển thị. Khi cửa sổ Job Arranger Lite mở, mở tệp bạn muốn để kết hợp với tệp hiện tại, và sau đó lặp lại các bước trên.

Khi bạn chọn một lệnh in được thêm vào In dự án trong cửa sổ Job Arranger Lite, bạn có thể chỉnh sửa bố cục trang.

Nhấp vào **In** từ menu **File** để bắt đầu in.

Lưu ý:

Nếu bạn đóng cửa sổ Job Arranger Lite trước khi thêm tất cả dữ liệu in vào In dự án, lệnh in bạn hiện đang thực hiện sẽ bị hủy. Nhấp vào **Lưu** từ menu **File** để lưu lệnh hiện tại. Phần mở rộng của các tệp đã lưu là ".ecl".

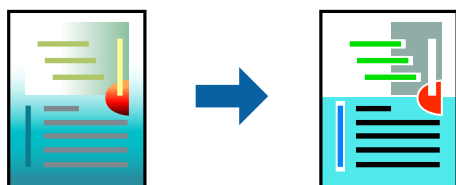
Để mở In dự án, hãy nhấp vào **Job Arranger Lite** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in để mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tiếp theo, chọn **Mở** từ menu **File** để chọn tệp.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Chính” ở trang 79

In bằng tính năng in màu chung

Bạn có thể tăng cường độ rõ ràng của văn bản và hình ảnh trong bản in.



In màu phổ biến chỉ khả dụng khi chọn cài đặt sau.

- ☐ Loại giấy: Giấy thường
- ☐ C.lượng: **Chuẩn** hoặc chất lượng cao hơn
- ☐ Màu in: **Màu**

- ☐ Ứng dụng: Microsoft® Office 2007 trở lên
- ☐ Cỡ chữ: 96 pts trở xuống

Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Chọn một tùy chọn từ cài đặt **In màu phổ biến**. Nhấp vào **Tùy chọn tăng cường** để thực hiện cài đặt in khác.

Lưu ý:

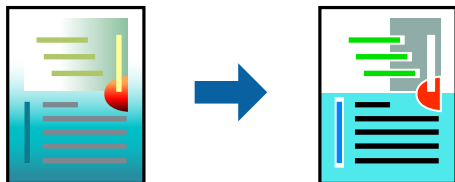
- ☐ Một số ký tự có thể bị thay đổi bằng các mẫu, chẳng hạn như "+" xuất hiện dưới dạng "±".
- ☐ Mẫu và gạch chân cụ thể theo ứng dụng có thể làm thay đổi nội dung được in bằng các cài đặt này.
- ☐ Chất lượng in có thể giảm trong ảnh và các hình ảnh khác khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.
- ☐ In chậm hơn khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

Điều chỉnh màu in

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong công việc in.



Lưu ý:

Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.

Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn **Tùy biến** làm cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Nhấp vào **Nâng cao** để mở cửa sổ **Hiệu chỉnh màu**, sau đó chọn phương pháp sửa màu.

Lưu ý:

- ☐ **Tự động** được chọn làm mặc định trên tab **Tùy chọn khác**. Với cài đặt này, màu được tự động điều chỉnh cho phù hợp với kiểu giấy và cài đặt chất lượng in.
- ☐ **PhotoEnhance** trên cửa sổ **Hiệu chỉnh màu** điều chỉnh màu bằng cách phân tích vị trí của chủ thể. Vì vậy, nếu bạn thay đổi vị trí của chủ thể bằng cách thu nhỏ, phóng to, cắt hoặc xoay hình ảnh, màu có thể thay đổi không theo ý muốn. Việc chọn cài đặt không có đường viền cũng làm thay đổi vị trí của chủ thể, dẫn đến sự thay đổi về màu sắc. Nếu ảnh bị mất điểm lấy nét, tông màu cũng có thể không tự nhiên. Nếu màu bị thay đổi hoặc trở nên không tự nhiên, hãy in ảnh ở chế độ không phải **PhotoEnhance**.

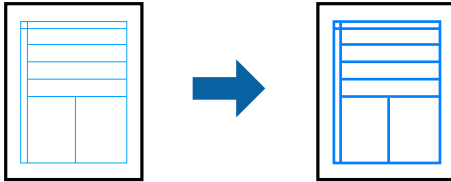
Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63

➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

In để làm nổi bật các đường mỏng

Bạn có thể làm dày các đường mỏng mà quá mỏng để in.



Cài đặt in

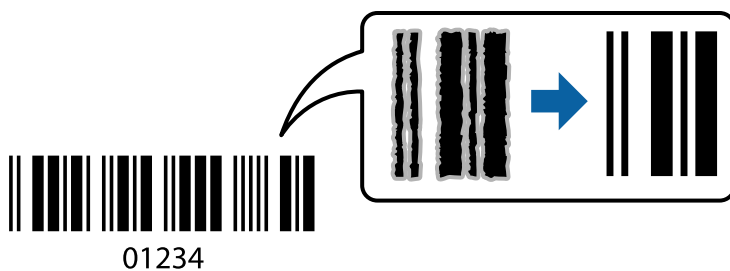
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Chọn **Chú trọng nét mảnh**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 80

In mã vạch rõ ràng

Bạn có thể in mã vạch rõ ràng và giúp mã vạch dễ quét. Chỉ bật tính năng này nếu mã vạch bạn đã in không quét được.



Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các điều kiện sau.

- ☐ Giấy: Giấy thường, Giấy sao chụp, hoặc Bao thư
- ☐ C.lượng: **Chuẩn, Chuẩn-Sống động**

Chất lượng in có thể thay đổi khi in. Tốc độ in có thể chậm hơn và mật độ in có thể cao hơn.

Lưu ý:

Việc khử mờ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào trường hợp.

Cài đặt in

Trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng**, sau đó chọn **Chế độ mã vạch**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63
- ➔ “Tab Bảo dưỡng” ở trang 81

Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Hủy

Trên máy tính, nhấp chuột phải vào máy in trong **Thiết bị và Máy in**, **Máy in** hoặc trong **Máy in và Fax**. Nhấp vào **Xem nội dung đang in**, nhấp chuột phải vào lệnh bạn muốn hủy, sau đó chọn **Hủy**.

Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

Lưu ý:

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

Tab Chính

Giá trị in cài sẵn	Thêm/xóa giá trị cài sẵn	Bạn có thể thêm hoặc xóa các cài đặt sẵn của riêng bạn cho các cài đặt in thường xuyên sử dụng. Chọn cài đặt sẵn bạn muốn sử dụng từ danh sách.
Hiện cài đặt	Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên các tab Chính và Tùy chọn khác .	
Cài về mặc định	Đặt tất cả các cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Cài đặt trên tab Tùy chọn khác cũng được đặt lại về giá trị mặc định.	
Mức mực	Hiển thị mức mực xấp xỉ.	
Nguồn giấy	Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Chọn Chọn tự động để tự động chọn nguồn giấy đã chọn trong cài đặt in trên bảng điều khiển của máy in. Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị.	
Cỡ tài liệu	Chọn khổ giấy bạn muốn in. Nếu bạn chọn Do người dùng chọn , hãy nhập chiều rộng và chiều cao của giấy.	
Ko viền	Phóng to dữ liệu in hơn một chút so với khổ giấy sao cho lề không được in quanh các cạnh giấy. Nhấp vào Cài đặt để chọn mức độ phóng to.	
Định hướng	Chọn hướng bạn muốn sử dụng để in.	
Loại giấy	Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.	
C.lượng	Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Có sẵn các cài đặt tùy theo loại giấy bạn chọn. Nhấp vào Cài đặt khác để thực hiện cài đặt khác.	
Màu	Chọn màu cho công việc in của bạn.	

In

In 2 mặt	Cho phép bạn thực hiện in 2 mặt.	
	Settings	Bạn có thể chỉ định mép liên kết và lề liên kết. Khi in các tài liệu nhiều trang, bạn có thể chọn in bắt đầu từ mặt trước hoặc mặt sau của trang.
	Mật độ in	Chọn loại tài liệu để điều chỉnh mật độ in. Nếu mật độ in phù hợp được chọn, bạn có thể ngăn hình ảnh lan sang cả mặt trái. Chọn User Defined để điều chỉnh mật độ in thủ công.
Nhiều trang	Cho phép bạn in nhiều trang trên một tờ hoặc in áp phích. Nhấp vào Thứ tự trang để chỉ định thứ tự in trang.	
Copies	Chọn số bản sao bạn muốn in.	
	K.tra t.tự	In tài liệu nhiều trang được chia bộ theo thứ tự và sắp xếp thành bộ.
	Thứ tự ngược	Cho phép bạn in từ trang cuối cùng để các trang được xếp chồng lên nhau theo đúng thứ tự sau khi in.
C.độ im lặng	Giảm tiếng ồn của máy in. Tuy nhiên, bật chế độ này có thể làm giảm tốc độ in.	
Xem trước in	Hiển thị chế độ xem trước tài liệu trước khi in.	
Job Arranger Lite	Chọn in bằng tính năng Job Arranger Lite.	

Tab Tùy chọn khác

Giá trị in cài sẵn	Thêm/xóa giá trị cài sẵn	Bạn có thể thêm hoặc xóa các cài đặt sẵn của riêng bạn cho các cài đặt in thường xuyên sử dụng. Chọn cài đặt sẵn bạn muốn sử dụng từ danh sách.
Hiện cài đặt	Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên các tab Chính và Tùy chọn khác .	
Cài về mặc định	Đặt tất cả các cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Cài đặt trên tab Chính cũng được đặt lại về giá trị mặc định.	
Cỡ tài liệu	Chọn kích thước tài liệu.	
Giấy ra	Chọn khổ giấy bạn muốn in. Nếu Giấy ra khác với Cỡ tài liệu , Thu nhỏ/p.to tài liệu được chọn tự động. Bạn không phải chọn tính năng khi in mà không làm giảm hoặc mở rộng kích thước của một tài liệu.	
Thu nhỏ/p.to tài liệu	Cho phép bạn giảm hoặc mở rộng kích thước của tài liệu.	
	Khớp với trang	Tự động giảm hoặc mở rộng kích thước của tài liệu để vừa với khổ giấy được chọn trong Giấy ra .
	Thu-phóng về	In với một tỷ lệ phần trăm cụ thể.
	Giữa	In hình ảnh ở giữa tờ giấy.
Hiệu chỉnh màu	Tự động	Tự động điều chỉnh màu sắc của hình ảnh.
	Tùy biến	Cho phép bạn thực hiện sửa màu thủ công. Nhấp vào Nâng cao cho các cài đặt khác.
	Tùy chọn hình	Bật tùy chọn chất lượng in chẳng hạn như In màu phổ biến hoặc Khử mắt đỏ. Bạn cũng có thể làm dày các đường mỏng để làm cho chúng rõ ràng trên các bản in.
Tính năng dấu mờ	Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho mẫu chống sao chép hoặc các hình mờ.	

In

Cài đặt bổ sung	Xoay 180°	Xoay trang 180 độ trước khi in. Tính năng này hữu ích khi in trên giấy chẳng hạn như phong bì được nạp theo hướng cố định trong máy in.
	Tốc độ cao	In khi đầu in di chuyển theo cả hai chiều. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.
	Hình p.chiếu	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.

Tab Bảo dưỡng

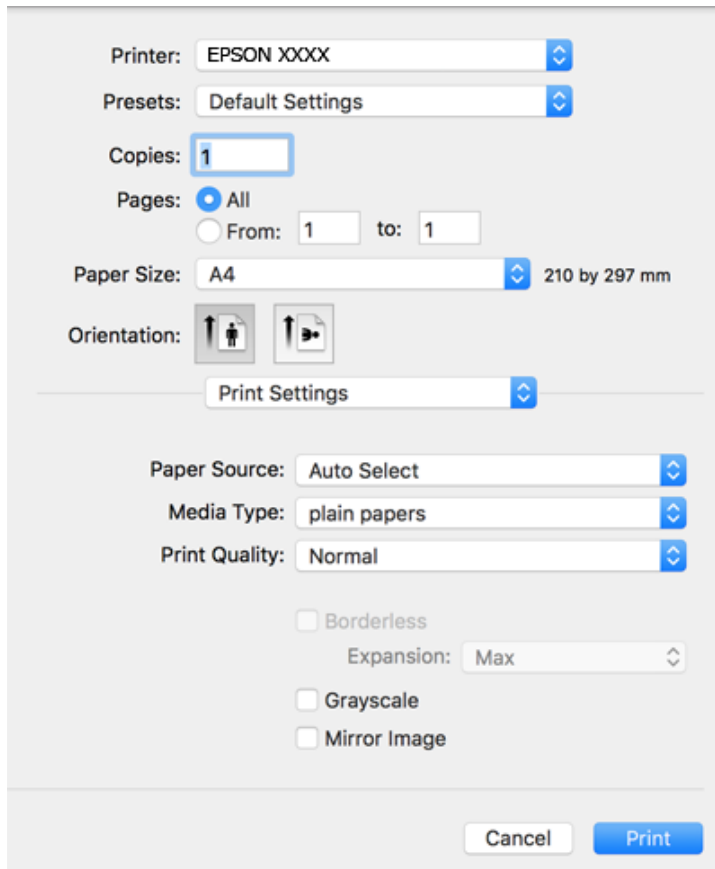
K.tra kim phun	In mẫu kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.
Vệ sinh đầu in	Làm sạch kim phun bị tắc trong đầu in. Vì tính năng này sử dụng một chút mực, chỉ làm sạch đầu in nếu kim phun bị tắc.
Job Arranger Lite	Mở cửa sổ Job Arranger Lite. Bạn có thể lưu và chỉnh sửa dữ liệu.
EPSON Status Monitor 3	Mở cửa sổ EPSON Status Monitor 3. Tại đây, bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in và vật tư tiêu hao.
Ưu tiên giám sát	Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho các mục trên cửa sổ EPSON Status Monitor 3.
Cài đặt mở rộng	Cho phép bạn thực hiện nhiều cài đặt khác nhau. Nhấp chuột phải vào mỗi mục để xem T.giúp để biết thêm chi tiết.
Chuỗi in	Hiển thị các lệnh đang chờ in. Bạn có thể kiểm tra, tạm dừng hoặc tiếp tục các lệnh in.
Ngôn ngữ	Thay đổi ngôn ngữ được sử dụng trên cửa sổ trình điều khiển máy in. Để áp dụng các cài đặt này, đóng trình điều khiển máy in và sau đó mở lại.
Cập nhật phần mềm	Bắt đầu EPSON Software Updater để kiểm tra phiên bản ứng dụng mới nhất trên Internet.
Đặt hàng tr.tuyến	Cho phép bạn truy cập trang web nơi bạn có thể mua hộp mực Epson.
Hỗ trợ kỹ thuật	Cho phép bạn truy cập trang web hỗ trợ kỹ thuật của Epson.

In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS**Những điều cơ bản về in ấn****Lưu ý:**

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

- Mở tệp bạn muốn in.
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
- Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị Chi tiết** hoặc ▼ để mở rộng cửa sổ in.
- Chọn máy in của bạn.

4. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.



Lưu ý:

Trên OS X Mountain Lion trở lên, nếu menu **Cài đặt in** không được hiển thị, trình điều khiển máy in Epson chưa được cài đặt chính xác.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), xóa máy in và sau đó thêm lại máy in. Xem nội dung sau để thêm máy in.

<http://epson.sn>

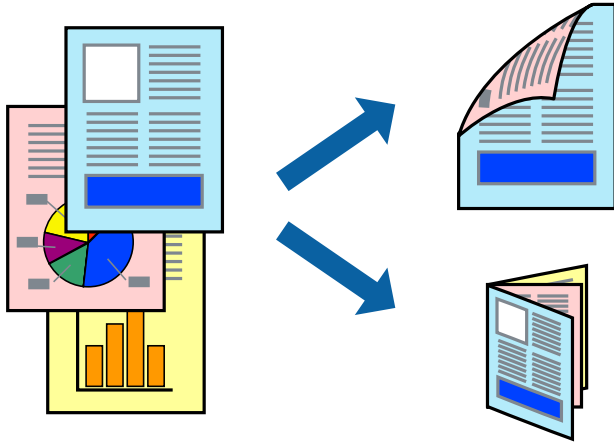
5. Thay đổi cài đặt nếu cần.
Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết thông tin chi tiết.
6. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 47
- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt in” ở trang 87

In 2 mặt

Bạn có thể in cả hai mặt giấy.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42](#)

Cài đặt in

Chọn **Two-sided Printing Settings** từ menu bật lên. Chọn phương pháp in 2 mặt, sau đó thực hiện các cài đặt **Document Type**.

Lưu ý:

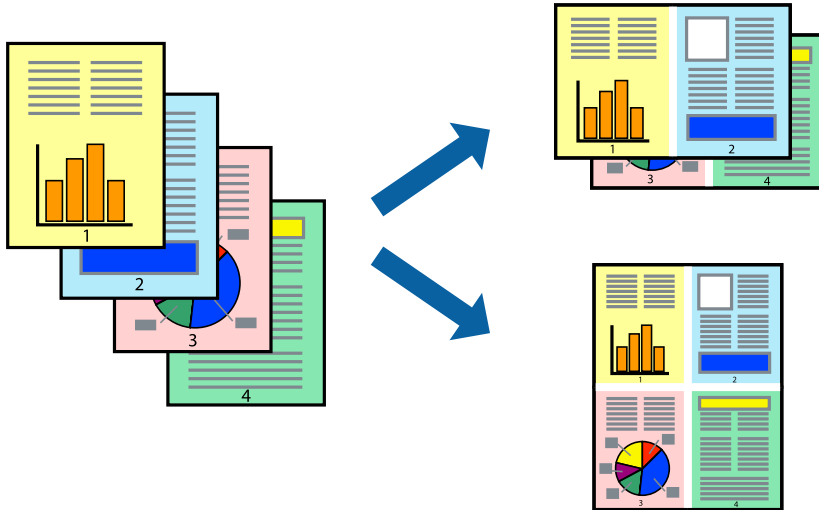
- ☐ Tốc độ in có thể giảm tùy thuộc vào loại tài liệu.
- ☐ Khi in ảnh có dữ liệu dày đặc, **Text & Graphics** hoặc **Text & Photos** trong cài đặt **Document Type**. Nếu bản in bị nhòe hoặc mực thấm qua mặt kia của tờ giấy, hãy điều chỉnh **Mật độ in** và **Increased Ink Drying Time** trong **Adjustments**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81](#)
- ➔ [“Tùy chọn menu cho Two-sided Printing Settings” ở trang 88](#)

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



Cài đặt in

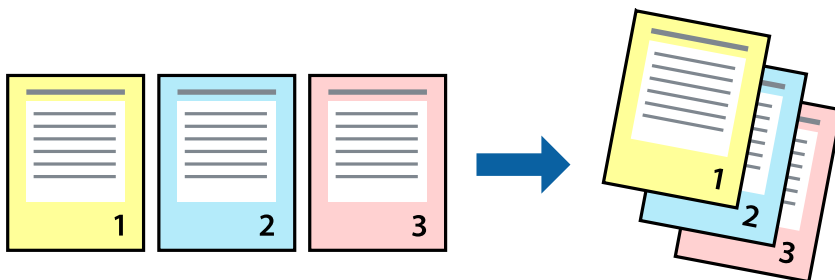
Chọn **Bố trí** từ menu bật lên. Đặt số trang trong **Số trang mỗi tờ**, **Hướng của bố trí** (thứ tự trang) và **Đường viền**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81
- ➔ “Tùy chọn menu cho bố cục” ở trang 86

In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



Cài đặt in

Chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên. Chọn **Đảo ngược** dưới dạng cài đặt **Thứ tự trang**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81

➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 87

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



Cài đặt in

Khi in để vừa với khổ giấy, chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên, sau đó chọn **Điều chỉnh để vừa với khổ giấy**. Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào máy in trong **Khổ giấy đích**. Khi giảm kích thước tài liệu, chọn **Chỉ giảm**.

Khi in theo phần trăm cụ thể, hãy thực hiện một trong các bước sau.

- ☐ Chọn **In** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Chọn **Máy in**, nhập tỷ lệ phần trăm vào trong **Tỷ lệ**, sau đó nhấp vào **In**.
- ☐ Chọn **Thiết lập trang** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Chọn máy in của bạn ở **Định dạng cho**, nhập tỷ lệ phần trăm vào trong **Tỷ lệ**, sau đó nhấp vào **OK**.

Lưu ý:

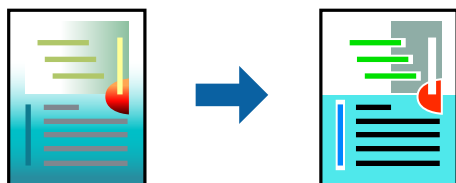
Chọn khổ giấy bạn đã đặt trong ứng dụng làm cài đặt **Khổ giấy đích**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81
- ➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 87

Điều chỉnh màu in

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong công việc in.



Lưu ý:

Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.

Cài đặt in

Chọn **Khớp màu** từ menu bật lên và sau đó chọn **EPSON Color Controls**. Chọn **Color Options** từ menu bật lên và sau đó chọn một trong các tùy chọn sẵn có. Nhấp vào mũi tên bên cạnh **Cài đặt nâng cao** và thực hiện thêm các cài đặt chi tiết.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81
- ➔ “Tùy chọn menu để khớp màu” ở trang 87
- ➔ “Tùy chọn menu cho Color Options” ở trang 88

Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Hủy

Nhấp vào biểu tượng máy in trong **Trạm kết nối**. Chọn lệnh bạn muốn hủy, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau.

- ☐ OS X Mountain Lion trở lên

Nhấp vào  bên cạnh đồng hồ tiến độ.

- ☐ Mac OS X v10.6.8 tới v10.7.x

Nhấp vào **Xóa**.

Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

Lưu ý:

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

Tùy chọn menu cho bố cục

Số trang trên mỗi tờ	Chọn số trang sẽ được in trên một tờ.
Hướng bố cục	Chỉ định thứ tự trang sẽ được in.
Đường viền	In đường viền quanh trang.
Đảo ngược hướng trang	Xoay trang 180 độ trước khi in. Chọn mục này khi in trên giấy chẳng hạn như phong bì được nạp theo hướng cố định trong máy in.

In

Lật theo chiều ngang	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.
----------------------	--

Tùy chọn menu để khớp màu

ColorSync	Chọn phương pháp để điều chỉnh màu. Các tùy chọn này điều chỉnh màu giữa máy in và màn hình máy tính để giảm thiểu sự khác biệt trong màu sắc.
EPSON Color Controls	

Tùy chọn menu cho xử lý trang

Sắp xếp các trang	In tài liệu nhiều trang được sắp xếp theo thứ tự và phân loại thành bộ.	
Trang sẽ in	Chọn để chỉ in trang lẻ hoặc trang chẵn.	
Thứ tự trang	Chọn để in từ trang đầu đến cuối.	
Thu phóng cho vừa với khổ giấy	Các bản in vừa với khổ giấy bạn đã nạp.	
	Khổ giấy đích	Chọn khổ giấy để in.
	Chỉ thu nhỏ	Chọn khi giảm kích cỡ tài liệu.

Tùy chọn menu cho trang bìa

In trang bìa	Chọn có in trang bìa hay không. Khi bạn muốn thêm bìa sau, chọn Sau tài liệu .
Loại trang bìa	Chọn nội dung trên trang bìa.

Tùy chọn menu cho Cài đặt in

Paper Source	Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị. Chọn Chọn tự động sẽ tự động chọn nguồn giấy phù hợp với cài đặt giấy trên máy in.	
Media Type	Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.	
Print Quality	Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Các tùy chọn khác nhau tùy theo loại giấy.	
Ko viền	Hộp kiểm này được chọn khi bạn chọn khổ giấy không đường viền.	
	Mở rộng	Khi in không đường viền, dữ liệu in được phóng to hơn một chút so với khổ giấy sao cho lề không được in quanh các cạnh giấy. Chọn mức độ phóng to.
Dải màu xám	Chọn khi bạn muốn in ở chế độ màu đen hoặc màu xám.	
Mirror Image	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.	

Tùy chọn menu cho Color Options

Cài đặt thủ công	Điều chỉnh màu thủ công. Trong Cài đặt nâng cao , bạn có thể chọn các cài đặt chi tiết.
PhotoEnhance	Tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và màu sắc sống động hơn bằng cách điều chỉnh thủ công độ tương phản, độ bão hòa và độ sáng của dữ liệu hình ảnh gốc.
Off (No Color Adjustment)	In mà không tăng hoặc điều chỉnh màu sắc theo bất kỳ cách thức nào.

Tùy chọn menu cho Two-sided Printing Settings

Two-sided Printing	In cả hai mặt giấy.
--------------------	---------------------

Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS

Truy cập cửa sổ cài đặt hoạt động cho trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).

Cài đặt thao tác cho trình điều khiển máy in Mac OS

- ☐ Bỏ qua trang trống: Tránh in trang trống.
- ☐ C. độ im lặng: In im lặng. Tuy nhiên, tốc độ in có thể chậm hơn.
- ☐ Permit temporary black printing: Chỉ in tạm thời bằng mực đen.
- ☐ High Speed Printing: In khi đầu in di chuyển theo cả hai chiều. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.
- ☐ Tài liệu xuất để lưu trữ: Nạp giấy sao cho dễ dàng sắp xếp khi in dữ liệu nằm ngang hoặc in 2 mặt. Không hỗ trợ in bì thư.
- ☐ Xóa các viên trắng: Loại bỏ lề không cần thiết trong khi in không đường viền.
- ☐ Warning Notifications: Cho phép trình điều khiển máy in hiển thị thông báo cảnh báo.
- ☐ Establish bidirectional communication: Thông thường, tùy chọn này phải được đặt thành **On**. Chọn **Off** khi không thể lấy thông tin máy in vì máy in được dùng chung với các máy tính Windows trên mạng hay vì bất kỳ lý do nào khác.

In từ thiết bị thông minh

Sử dụng Epson iPrint

Epson iPrint là ứng dụng cho phép bạn in các ảnh chụp, tài liệu và trang web từ một thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể sử dụng in cục bộ, in từ thiết bị thông minh đã kết nối cùng

mạng không dây với máy in, hoặc in từ xa, in từ một địa điểm từ xa qua internet. Để sử dụng in từ xa, hãy đăng ký máy in của bạn với dịch vụ Epson Connect.



Thông tin liên quan

➔ “In bằng dịch vụ mạng” ở trang 178

Cài đặt Epson iPrint

Bạn có thể cài đặt Epson iPrint lên thiết bị thông minh của bạn từ URL sau hoặc mã QR.

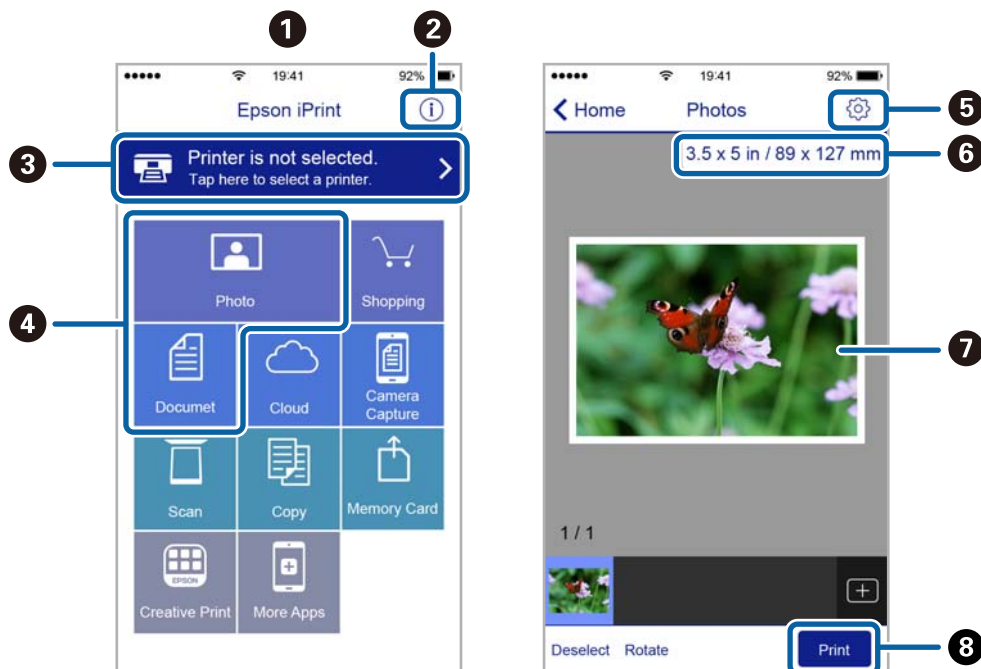
<http://ipr.to/c>



In bằng Epson iPrint

Bắt đầu Epson iPrint từ thiết bị thông minh của bạn và chọn mục bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Các màn hình sau có thể thay đổi mà không có thông báo. Nội dung có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.



In

❶	Màn hình chính được hiển thị khi ứng dụng bắt đầu.
❷	Hiển thị thông tin về cách thiết lập máy in và Câu hỏi thường gặp.
❸	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể chọn máy in và đặt các cài đặt máy in. Sau khi bạn đã chọn máy in, bạn không cần chọn lại từ lần tiếp theo.
❹	Chọn những gì bạn muốn in, ví dụ như ảnh và tài liệu.
❺	Hiển thị màn hình để đặt các cài đặt in như kích cỡ giấy và kiểu giấy.
❻	Hiển thị cỡ giấy. Khi tùy chọn này hiển thị dưới dạng một nút, hãy nhấn vào nút này để hiển thị cài đặt giấy đang được đặt trên máy in.
❼	Hiển thị ảnh và tài liệu bạn đã chọn.
❽	Bắt đầu in.

Lưu ý:

Để in từ menu tài liệu bằng iPhone, iPad và iPod touch chạy iOS, hãy khởi động Epson iPrint sau khi truyền tải tài liệu bạn muốn in bằng chức năng chia sẻ trong iTunes.

In bằng cách chạm vào thiết bị thông minh với Nhãn NFC

Bạn có thể tự động kết nối máy in và thiết bị thông minh của bạn và in bằng cách chạm vào ăng ten NFC của thiết bị thông minh chạy Android 4.0 trở lên và hỗ trợ NFC (Near Field Communication) với nhãn NFC của máy in.

Vị trí của ăng ten NFC khác nhau tùy vào thiết bị thông minh. Xem tài liệu được cung cấp cùng với thiết bị thông minh để biết thêm chi tiết.

**Quan trọng:**

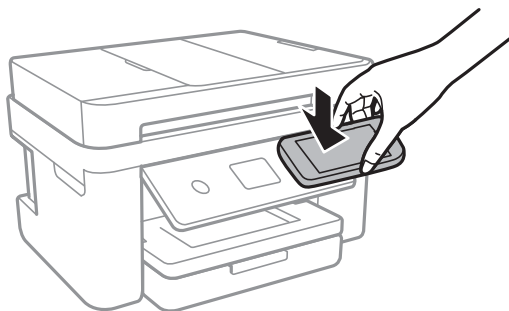
- ☐ Đảm bảo rằng cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) được bật.
- ☐ Bật chức năng NFC trên thiết bị thông minh của bạn.
- ☐ Đảm bảo rằng Epson iPrint được cài đặt trên thiết bị thông minh của bạn. Nếu không, hãy chạm vào ăng ten NFC của thiết bị thông minh với nhãn NFC của máy in và cài đặt ứng dụng.

Lưu ý:

- ☐ Nếu máy in không liên lạc với thiết bị thông minh ngay sau khi chạm thiết bị vào thẻ, hãy thử điều chỉnh vị trí của thiết bị thông minh và chạm thiết bị vào thẻ lần nữa.
- ☐ Nếu có chướng ngại vật như kim loại giữa nhãn NFC của máy in và ăng ten NFC của thiết bị thông minh, máy in có thể không liên lạc được với thiết bị thông minh.
- ☐ Tính năng này sử dụng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) để kết nối với máy in. Bạn có thể kết nối tối đa bốn thiết bị với máy in cùng lúc.
- ☐ Nếu bạn đã thay đổi mật khẩu cho kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản), bạn không thể sử dụng tính năng này. Khôi phục mật khẩu ban đầu để sử dụng tính năng này.

1. Nạp giấy vào máy in.

- Chạm ăng ten NFC của thiết bị thông minh với nhãn NFC của máy in.



Epson iPrint bắt đầu.

- Trên màn hình chính Epson iPrint, chạm vào ăng ten NFC của thiết bị thông minh với nhãn NFC của máy in lần nữa.

Máy in và thiết bị thông minh được kết nối.

- Chọn hình ảnh mà bạn muốn in và sau đó chọn **Next** ở trên cùng bên phải của màn hình.

- Chạm vào ăng ten NFC của thiết bị thông minh với nhãn NFC của máy in lần nữa.

In bắt đầu.

Sử dụng Epson Print Enabler

Bạn có thể in không dây tài liệu, email, ảnh và trang web ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in được kết nối với cùng một mạng không dây.

- Nạp giấy vào máy in.
- Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
- Trên thiết bị Android của bạn, cài đặt plugin Epson Print Enabler từ Google Play.
- Kết nối thiết bị Android của bạn với cùng mạng không dây như máy in của bạn.
- Chuyển tới **Cài đặt** trên thiết bị Android, chọn **In** và sau đó bật Epson Print Enabler.
- Từ ứng dụng Android như Chrome, nhấn vào biểu tượng menu và in bất cứ nội dung gì trên màn hình.

Lưu ý:

Nếu không thấy máy in của bạn, nhấn vào **Tất cả máy in** và chọn máy in của bạn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 24

Sử dụng AirPrint

AirPrint cho phép in không dây ngay lập tức từ iPhone, iPad, iPod touch và Mac mà không cần cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.



Lưu ý:

Nếu bạn tắt thông báo cấu hình giấy trên bảng điều khiển của sản phẩm của bạn, bạn không thể sử dụng AirPrint. Xem hướng dẫn bên dưới để bật thông báo nếu cần thiết.

1. Nạp giấy vào sản phẩm của bạn.
2. Thiết lập sản phẩm của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.
<http://epson.sn>
3. Kết nối thiết bị Apple với cùng mạng không dây mà sản phẩm đang sử dụng.
4. In từ thiết bị đến sản phẩm của bạn.

Lưu ý:

Để biết chi tiết, hãy xem trang AirPrint trên trang web của Apple.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Cài đặt máy in” ở trang 56

Hủy công việc đang thực hiện

Nhấn  trên bảng điều khiển của máy in để hủy công việc in đang tiến hành.

Sao chép

Những điều cơ bản về sao chụp

Phần này giải thích các bước sao chụp cơ bản.

1. Đặt bản gốc vào.
Nếu bạn muốn quét nhiều bản gốc, hãy đặt tất cả bản gốc lên ADF.

2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.

3. Kiểm tra cài đặt trên tab **Sao chụp**.
Chọn mục cài đặt để thay đổi nếu cần thiết.

Lưu ý:

- ☐ Nếu chọn tab **Cài đặt nâng cao**, bạn có thể thực hiện các cài đặt như **Nhiều trang** hoặc **Chất lượng**.
- ☐ Nếu kết hợp cài đặt mà bạn yêu cầu không khả dụng,  được hiển thị. Chọn biểu tượng để xem chi tiết, sau đó thay đổi cài đặt.

4. Nhập số bản sao.

5. Nhấn .

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48
- ➔ “Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp” ở trang 94
- ➔ “Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp” ở trang 94
- ➔ “Cấu hình màn hình cơ bản” ở trang 17

Sao chụp trên 2 mặt

Bạn có thể sao chụp nhiều bản gốc trên cả hai mặt giấy.

1. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
2. Chọn tab **Sao chụp** > , sau đó chọn **1>2 mặt**.
Bạn cũng có thể chỉ định hướng của bản gốc và vị trí liên kết của kết quả sao chụp.
3. Nhấn .

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về sao chụp” ở trang 93

Sao chụp nhiều bản gốc vào một tờ

Bạn có thể sao chụp hai bản gốc vào một tờ giấy duy nhất.

1. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
2. Chọn tab **Cài đặt nâng cao > Nhiều trang** và chọn **2 trg trên một mặt**.
Bạn cũng có thể chỉ định thứ tự và hướng bố cục của bản gốc.
3. Chọn tab **Sao chụp**, sau đó nhấn .

Thông tin liên quan

➔ [“Những điều cơ bản về sao chụp” ở trang 93](#)

Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Đen trắng:

Sao chụp bản gốc ở chế độ đen trắng (đơn sắc).

Màu:

Sao chụp bản gốc ở chế độ màu.



(2 mặt):

Chọn bố trí 2 mặt.

☐ 1→1 mặt

Sao chụp một mặt bản gốc trên một mặt giấy.

☐ 1>2 mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên cả hai mặt của một tờ giấy riêng. Chọn hướng của bản gốc và vị trí kết hợp của giấy.



(Mật độ):

Tăng mức mật độ khi kết quả sao chụp bị mờ. Giảm mức mật độ khi mực bị nhòe.

Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Cài đặt giấy:

Chọn khổ giấy và loại giấy.

Sao chép

Thu phóng:

Cấu hình tỷ lệ phóng to hoặc thu nhỏ. Nếu bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to bản gốc theo phần trăm cụ thể, hãy chọn giá trị và sau đó nhập phần trăm trong phạm vi từ 25 đến 400%.

☐ Kích cỡ thực

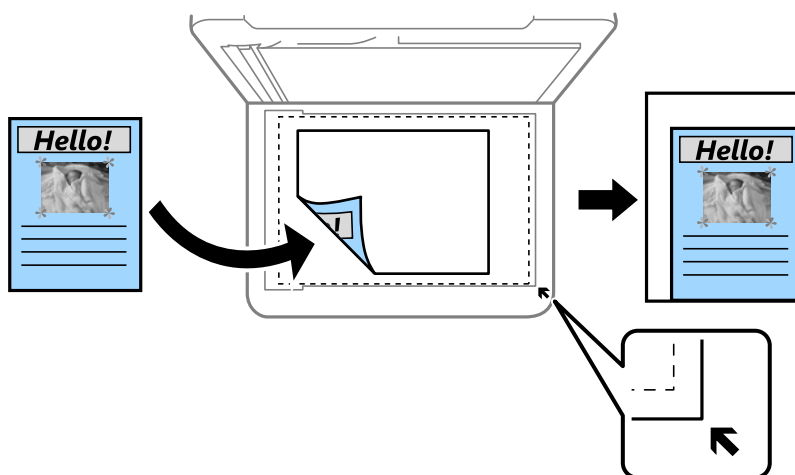
Sao chụp ở mức độ thu phóng 100%.

☐ A4→A5 và khổ giấy khác

Tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy cụ thể.

☐ Tự khớp tr

Phát hiện khu vực quét và tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy bạn đã chọn. Khi có lề trắng xung quanh bản gốc, lề trắng từ đầu góc của kính máy quét được phát hiện là khu vực quét nhưng lề ở phía đối diện có thể bị cắt.



Kích cỡ tài liệu:

Chọn khổ của bản gốc. Khi sao chụp bản gốc có khổ không tiêu chuẩn, hãy chọn khổ gần với bản gốc nhất.

Nhiều trang:

☐ Trang đơn

Sao chụp bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng.

☐ 2 trg trên một mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng với kiểu bố trí 2 trang/tờ. Chọn thứ tự bố cục và hướng của bản gốc.

Chất lượng:

Chọn chất lượng in. **Tốt nhất** cho phép in chất lượng cao hơn nhưng tốc độ in có thể chậm hơn.

Định hướng tài liệu:

Chọn hướng của bản gốc.

Xóa bóng mờ:

Xóa bóng xuất hiện quanh bản sao chụp khi sao chụp giấy dày hoặc xuất hiện ở giữa bản sao chụp khi sao chụp sách.

Sao chép

Xóa các lỗ đục:

Xóa các lỗ liên kết khi sao chụp.

Sao chụp Thẻ ID:

Quét cả hai mặt của thẻ ID và sao chép vào một mặt của trang giấy A4.

Sao chụp không viền:

Sao chép không có lề quanh mép. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy. Chọn mức độ phóng to trong cài đặt **Phóng to**.

Xóa tất cả mọi cài đặt:

Đặt lại cài đặt sao chép về giá trị mặc định.

Quét ảnh

Quét bằng bảng điều khiển

Bạn có thể gửi hình ảnh đã quét từ bảng điều khiển của máy in tới các đích đến sau.

Máy tính

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in. Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Scan 2 và Epson Event Manager trên máy tính của bạn.

Đám mây

Bạn có thể gửi ảnh đã quét lên các dịch vụ đám mây. Trước khi quét, thực hiện cài đặt trên Epson Connect.

Máy tính (WSD)

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in bằng tính năng WSD. Nếu đang sử dụng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thực hiện cài đặt WSD trên máy tính trước khi quét.

Thông tin liên quan

- ➔ “Quét vào máy tính (Event Manager)” ở trang 97
- ➔ “Quét lên dịch vụ điện toán đám mây” ở trang 101
- ➔ “Quét vào máy tính (WSD)” ở trang 103

Quét vào máy tính (Event Manager)

Lưu ý:

Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Scan 2 và Epson Event Manager trên máy tính của bạn.

1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn **Scan** trên màn hình chính.
3. Chọn **Máy tính**.
4. Chọn  để chọn máy tính mà bạn muốn lưu hình ảnh đã quét.

Lưu ý:

- ☐ Khi máy in được kết nối với mạng, bạn có thể chọn máy tính mà bạn muốn lưu hình ảnh đã quét. Bạn có thể hiển thị tới 20 máy tính trên bảng điều khiển của máy in. Nếu bạn đặt **Network Scan Name (Alphanumeric)** trên Epson Event Manager, tên này được hiển thị trên bảng điều khiển.

5. Chọn  để chọn cách lưu hình ảnh đã quét vào máy tính.
 - ☐ Lưu dạng JPEG: Lưu hình ảnh đã quét ở định dạng JPEG.
 - ☐ Lưu làm PDF: Lưu hình ảnh đã quét ở định dạng PDF.

Quét ảnh

- ☐ Đính kèm theo email: Bắt đầu ứng dụng email trên máy tính của bạn và sau đó tự động đính kèm hình đó vào email.
- ☐ Theo cài đặt tùy biến: Lưu hình ảnh đã quét bằng các cài đặt trên Epson Event Manager. Bạn có thể thay đổi cài đặt quét như kích thước quét, thư mục để lưu vào hoặc định dạng lưu.

6. Nhấn .

Thông tin liên quan

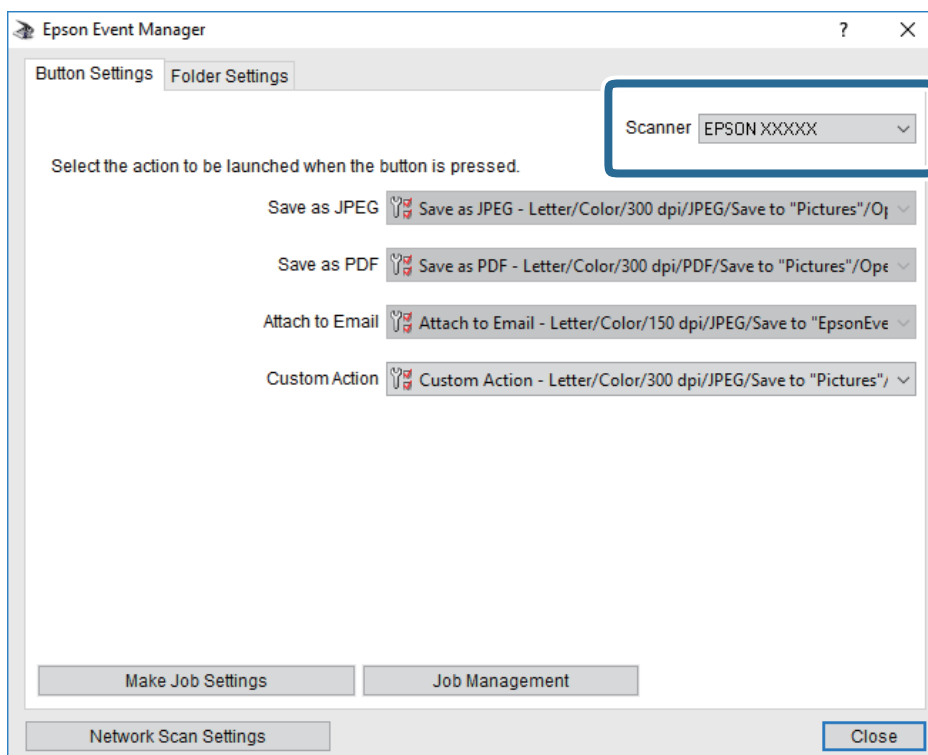
➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 48](#)

Thực hiện cài đặt tùy chỉnh trong Epson Event Manager

Bạn có thể đặt cài đặt quét cho **Theo cài đặt tùy biến** trong Epson Event Manager.

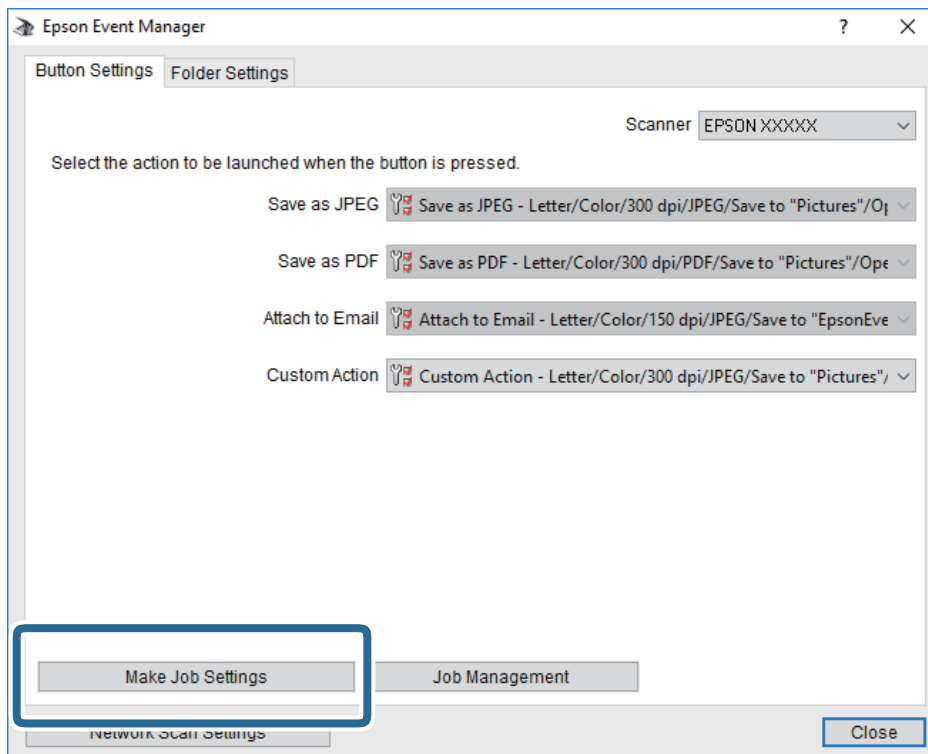
Xem trợ giúp Epson Event Manager để biết chi tiết.

1. Bắt đầu Epson Event Manager.
2. Đảm bảo rằng máy quét của bạn được chọn làm **Scanner** trên tab **Button Settings** trên màn hình chính.



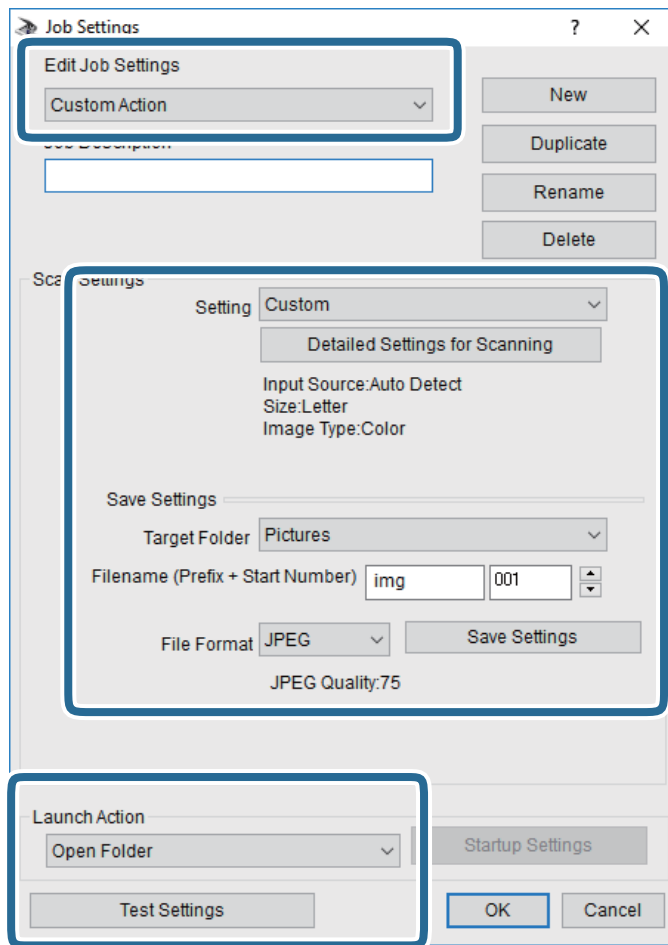
Quét ảnh

3. Nhấp vào **Make Job Settings**.



Quét ảnh

4. Thực hiện cài đặt quét trên màn hình **Job Settings**.

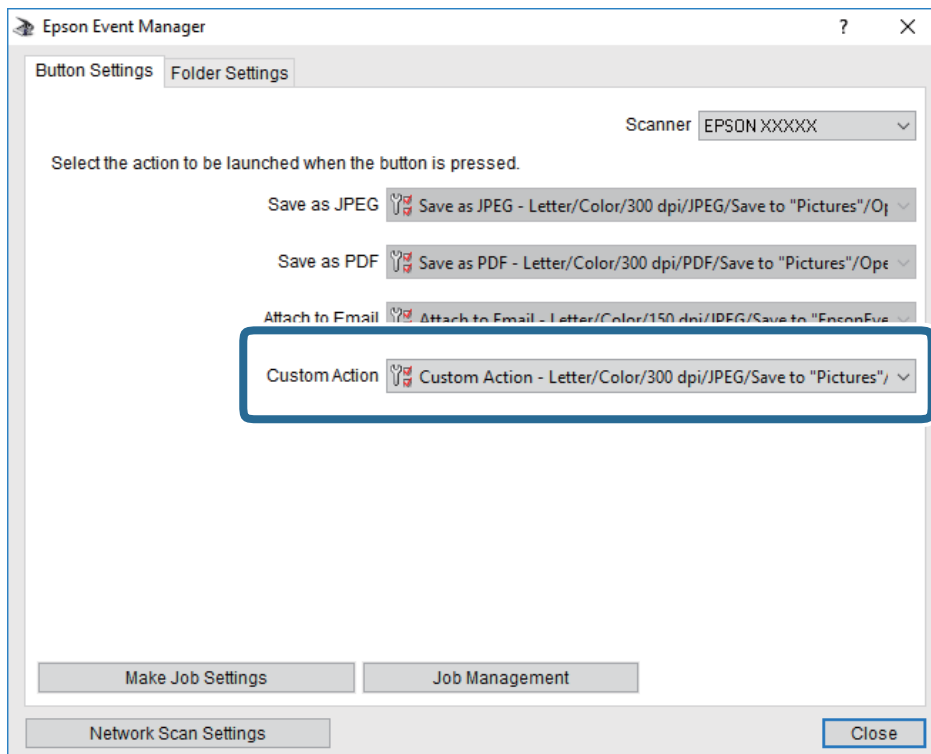


- ☐ Edit Job Settings: Chọn **Custom Action**.
- ☐ Setting: Quét bằng cài đặt thích hợp nhất cho loại bản gốc đã chọn. Nhấp vào **Detailed Settings for Scanning** để đặt các mục như độ phân giải hoặc màu để lưu hình ảnh đã quét.
- ☐ Target Folder: Chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Filename (Prefix + Start Number): Thay đổi cài đặt cho tên tệp mà bạn muốn lưu.
- ☐ File Format: Chọn định dạng lưu.
- ☐ Launch Action: Chọn tác vụ khi quét.
- ☐ Test Settings: Bắt đầu quét thử bằng cài đặt hiện tại.

5. Nhấp vào **OK** để quay lại màn hình chính.

Quét ảnh

- Đảm bảo rằng **Custom Action** được chọn trên danh sách **Custom Action**.



- Nhấp vào **Close** để đóng Epson Event Manager.

Quét lên dịch vụ điện toán đám mây

Bạn có thể gửi ảnh đã quét lên các dịch vụ đám mây. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy thực hiện cài đặt bằng Epson Connect. Xem trang web cổng thông tin của Epson Connect để biết chi tiết.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

- Đảm bảo rằng bạn đã thực hiện cài đặt bằng Epson Connect.
- Đặt bản gốc vào.
- Chọn **Scan** trên màn hình chính.
- Chọn **Đám mây**.
- Chọn  trên đầu màn hình, sau đó chọn đích đến.
- Đặt các mục trên tab **Scan** như định dạng lưu.
- Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, sau đó kiểm tra cài đặt và thay đổi chúng nếu cần thiết.
- Chọn tab **Scan**, sau đó nhấn .

Thông tin liên quan

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48

Tùy chọn menu cơ bản để quét lên đám mây

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Đen trắng/Màu:

Chọn quét màu hay đơn sắc.

JPEG/PDF:

Chọn định dạng để lưu hình ảnh đã quét.

Tùy chọn menu nâng cao để quét lên đám mây

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Vùng quét:

☐ Kích thước quét:

Chọn kích thước quét. Để cắt khoảng trắng xung quanh văn bản hoặc hình ảnh khi quét, hãy chọn **Cắt tự động**. Để quét tại vùng tối đa của kính máy scan, hãy chọn **Vùng tối đa**.

☐ Định hướng tài liệu:

Chọn hướng bản gốc.

Loại tài liệu:

Chọn kiểu của bản gốc.

Mật độ:

Chọn độ tương phản của hình ảnh đã quét.

Xóa bóng mờ:

Xóa bóng của bản gốc xuất hiện trong hình ảnh đã quét.

☐ Xung quanh:

Xóa bóng ở mép bản gốc.

☐ Giữa:

Xóa bóng của lề liên kết của tập sách nhỏ.

Xóa các lỗ đục:

Xóa lỗ đục xuất hiện trong hình ảnh đã quét. Bạn có thể chỉ định khu vực cần xóa lỗ đục bằng cách nhập một giá trị vào hộp ở bên phải.

☐ Vị trí xóa:

Chọn vị trí cần xóa lỗ đục.

Quét ảnh

- ☐ Định hướng tài liệu:
Chọn hướng bản gốc.

Xóa tất cả mọi cài đặt

Đặt lại cài đặt quét về giá trị mặc định.

Quét vào máy tính (WSD)

Lưu ý:

- ☐ *Tính năng này chỉ có sẵn đối với máy tính chạy Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista.*
- ☐ *Nếu đang dùng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thiết lập máy tính trước bằng tính năng này.*

1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn **Scan** trên màn hình chính.
3. Chọn **Máy tính (WSD)**.
4. Chọn máy tính.
5. Nhấn .

Thiết lập cổng WSD

Phần này giải thích cách thiết lập cổng WSD cho Windows 7/Windows Vista.

Lưu ý:

Đối với Windows 10/Windows 8.1/Windows 8, cổng WSD được thiết lập tự động.

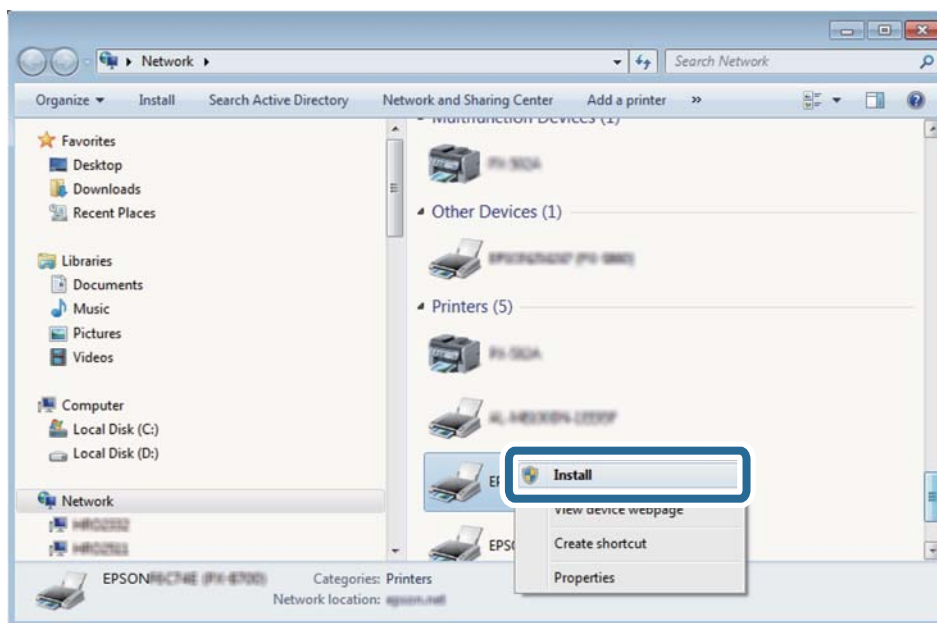
Phần sau cần thiết để thiết lập cổng WSD.

- ☐ Máy tính và máy in được kết nối với mạng.
- ☐ Trình điều khiển máy in được cài đặt trên máy tính.

1. Bật máy in.
2. Nhấp vào bắt đầu và sau đó nhấp vào **Mạng** trên máy tính.
3. Nhấp chuột phải vào máy in và sau đó nhấp vào **Cài đặt**.
Nhấp vào **Tiếp tục** khi màn hình **Kiểm soát tài khoản người dùng** được hiển thị.

Quét ảnh

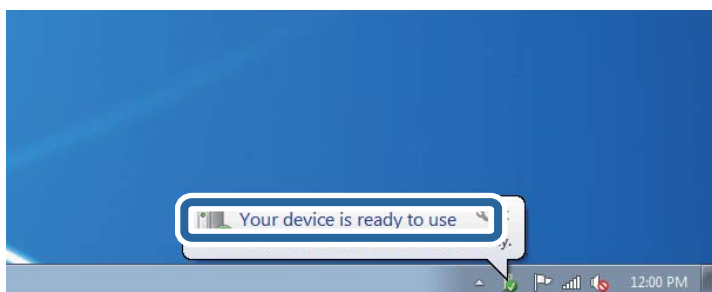
Nhấp vào **Gỡ cài đặt** và bắt đầu lại nếu màn hình **Gỡ cài đặt** được hiển thị.



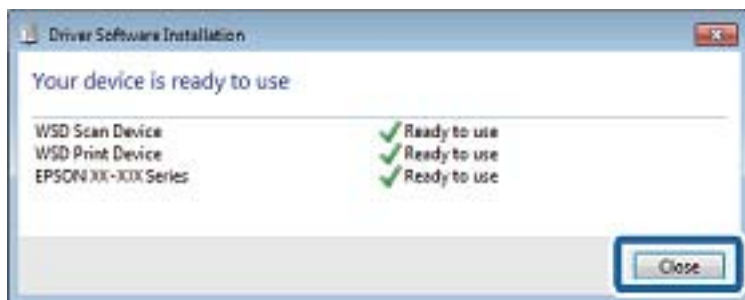
Lưu ý:

Tên máy in mà bạn đặt trên mạng và tên model (EPSON XXXXXX (XX-XXXX)) được hiển thị trên màn hình mạng. Bạn có thể kiểm tra tên máy in được đặt trên mạng từ bảng điều khiển của máy in hoặc bằng cách in tờ tình trạng mạng.

- Nhấp vào **Thiết bị của bạn đã sẵn sàng sử dụng**.



- Xem thông báo và sau đó nhấp vào **Đóng**.



- Mở màn hình **Thiết bị và Máy in**.

Windows 7

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**) > **Thiết bị và Máy in**.

Quét ảnh

☐ Windows Vista

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** > **Máy in**.

7. Kiểm tra xem biểu tượng có tên máy in trên mạng có được hiển thị không.

Chọn tên máy in khi sử dụng với WSD.

Quét từ máy tính

Quét bằng Epson Scan 2

Bạn có thể quét bằng cách sử dụng trình điều khiển máy quét "Epson Scan 2". Xem trợ giúp Epson Scan 2 để biết giải thích cho từng mục cài đặt.

Thông tin liên quan

➡ [“Đặt bản gốc” ở trang 48](#)

➡ [“Ứng dụng để quét tài liệu và hình ảnh \(Epson Scan 2\)” ở trang 169](#)

Quét tài liệu (Chế độ tài liệu)

Sử dụng **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, bạn có thể quét bản gốc bằng cách sử dụng cài đặt chi tiết thích hợp cho tài liệu văn bản.

1. Đặt bản gốc vào.

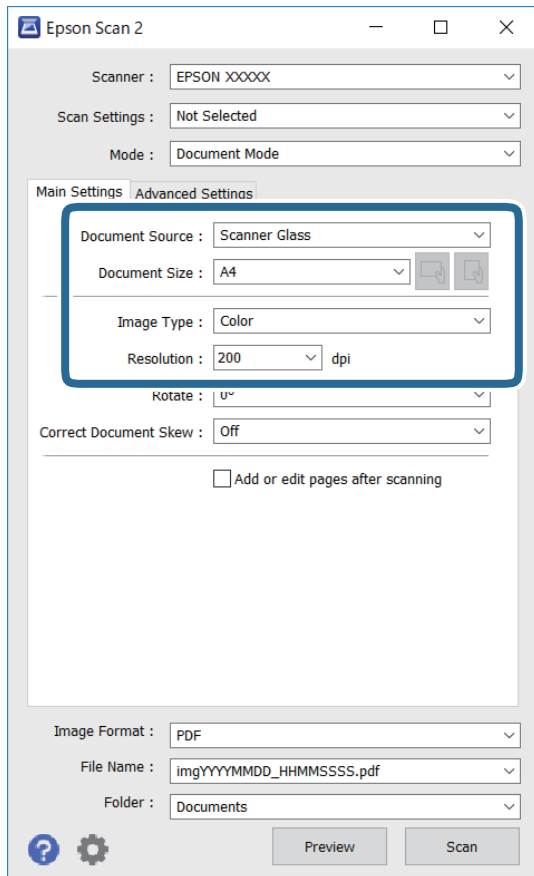
Lưu ý:

Nếu bạn muốn quét nhiều bản gốc, hãy đặt chúng lên ADF.

2. Khởi động Epson Scan 2.

3. Chọn **Chế độ tài liệu** từ danh sách **Chế độ**.

Quét ảnh

4. Đặt các thiết lập sau trên thẻ **Cài đặt chính**.

☐ Nguồn tài liệu: Chọn nguồn nơi đặt bản gốc.

☐ Kích thước tài liệu: Chọn kích thước của bản gốc bạn đã đặt.

☐ Các nút  /  (hướng ban đầu): Chọn hướng đã thiết lập của bản gốc bạn đã đặt. Tùy thuộc vào kích thước của bản gốc, mục này có thể được thiết lập tự động và không thể thay đổi.

☐ Kiểu hình: Chọn màu để lưu hình ảnh đã quét.

☐ Độ phân giải: Chọn độ phân giải.

5. Đặt cài đặt quét khác nếu cần thiết.

☐ Bạn có thể xem trước hình ảnh đã quét bằng cách nhấp vào nút **Xem trước**. Cửa sổ xem trước mở ra và hình ảnh xem trước được hiển thị.

Khi bạn xem trước bằng ADF, bản gốc được đẩy ra từ ADF. Đặt lại bản gốc đã đẩy ra.

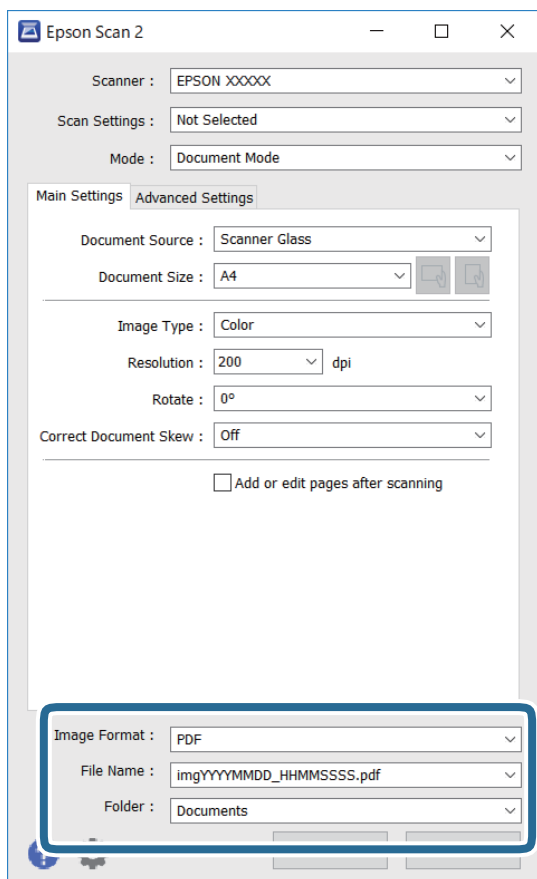
Quét ảnh

- ☐ Trên thẻ **Cài đặt nâng cao**, bạn có thể thực hiện cài đặt điều chỉnh hình ảnh chi tiết thích hợp cho tài liệu văn bản như sau.
 - ☐ Loại bỏ phông nền: Xóa nền của bản gốc.
 - ☐ Cải Tiến Văn Bản: Bạn có thể làm chữ cái mờ trong bản gốc rõ và sắc nét.
 - ☐ Phân Đoạn Vùng Tự Động: Bạn có thể làm chữ cái rõ nét và hình ảnh mượt mà khi thực hiện quét đen trắng cho tài liệu có hình ảnh.
 - ☐ Tăng cường màu: Bạn có thể tăng cường màu sắc được chỉ định cho hình ảnh quét, sau đó lưu hình ảnh bằng màu xám hoặc đen trắng.
 - ☐ Độ sáng: Bạn có thể điều chỉnh độ sáng của hình ảnh đã quét.
 - ☐ Độ t.phản: Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh đã quét.
 - ☐ Gamma: Bạn có thể điều chỉnh gamma (độ sáng của vùng trung gian) cho hình ảnh đã quét.
 - ☐ Ngưỡng: Bạn có thể điều chỉnh đường viền cho hai màu đơn sắc (đen và trắng).
 - ☐ Mặt nạ ko sắc nét: Bạn có thể cải thiện và làm sắc nét đường viền của hình ảnh.
 - ☐ Xóa tram: Bạn có thể xóa mẫu vân sóng (bóng giống web) xuất hiện khi quét giấy in như tạp chí.
 - ☐ Lấp kín cạnh: Bạn có thể xóa bóng được tạo xung quanh hình ảnh đã quét.
 - ☐ Đầu ra hình kép (Chỉ Windows): Bạn có thể quét một lần và lưu hai hình ảnh với các cài đặt đầu ra khác nhau cùng một lúc.

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

6. Đặt cài đặt lưu tệp.



Quét ảnh

- ☐ Định dạng hình: Chọn định dạng lưu từ danh sách.

Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho mỗi định dạng lưu trữ BITMAP và PNG. Chọn **Tùy chọn** từ danh sách sau khi chọn định dạng lưu.

- ☐ Tên file: Xác nhận tên tệp lưu được hiển thị.

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tên tệp bằng cách chọn **Cài đặt** từ danh sách.

- ☐ Thư mục: Chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét từ danh sách.

Bạn có thể chọn thư mục khác hoặc tạo thư mục mới bằng cách chọn **Chọn** từ danh sách.

- Nhấp vào **Scan**.

Quét ảnh hoặc hình ảnh (Chế độ ảnh)

Sử dụng **Chế độ ảnh** trong Epson Scan 2, bạn có thể quét bản gốc có nhiều tính năng điều chỉnh hình ảnh thích hợp cho ảnh hoặc hình ảnh.

- Đặt bản gốc vào.

Bằng cách đặt nhiều bản gốc lên kính máy quét, bạn có thể quét tất cả bản gốc cùng lúc. Đảm bảo khoảng cách giữa các bản gốc ít nhất là 20 mm.

Lưu ý:

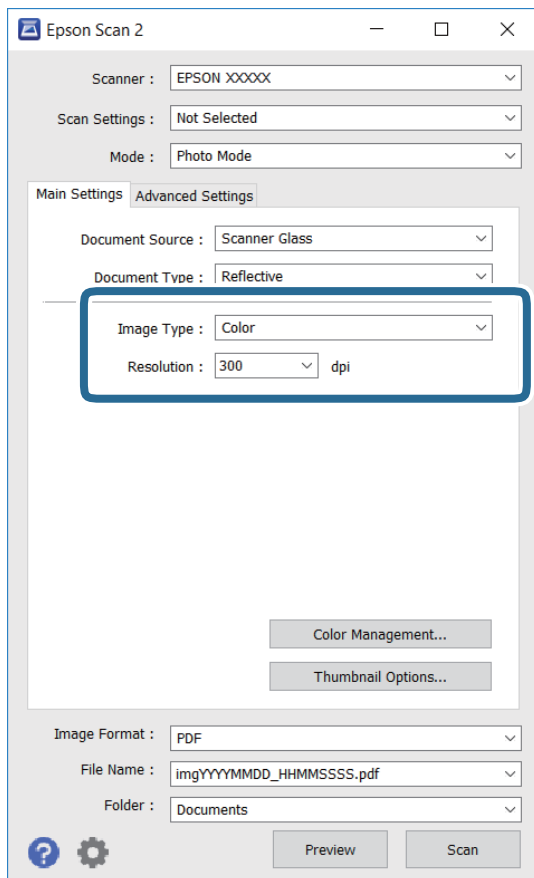
*Bạn không thể dùng ADF khi quét từ **Chế độ ảnh**.*

- Khởi động Epson Scan 2.

- Chọn **Chế độ ảnh** từ danh sách **Chế độ**.

Quét ảnh

4. Đặt các thiết lập sau trên thẻ **Cài đặt chính**.



- ☐ Kiểu hình: Chọn màu để lưu hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ phân giải: Chọn độ phân giải.

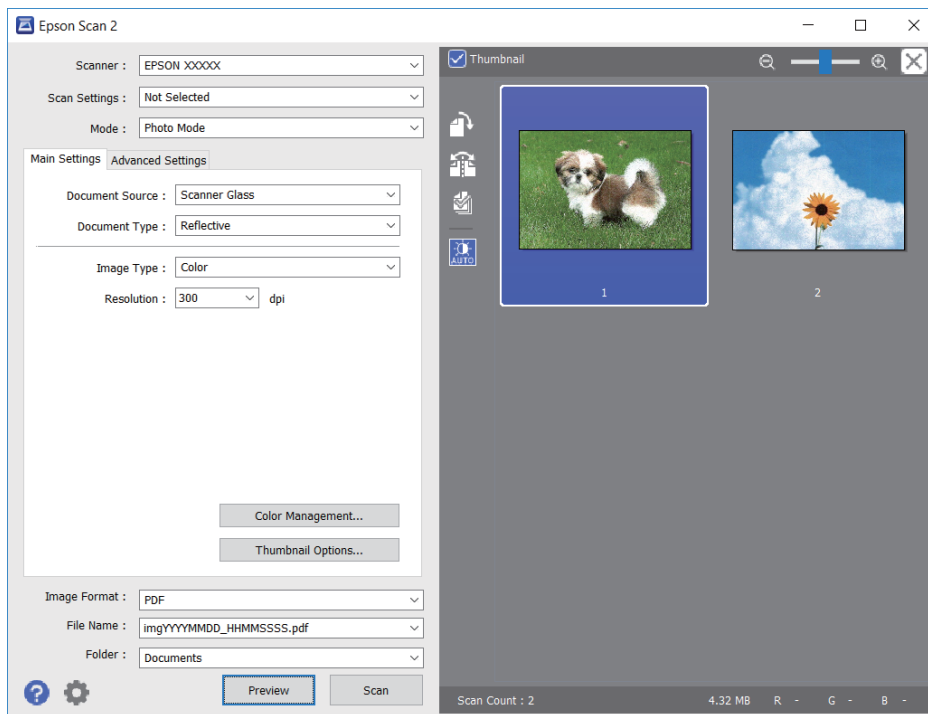
Lưu ý:

Cài đặt **Nguồn tài liệu** được cố định là **Mặt kính máy scan** và cài đặt **Loại tài liệu** được cố định là **Phản chiếu**. (Phản chiếu nghĩa là bản gốc không trong suốt, ví dụ như giấy thường hoặc ảnh.) Bạn không thể thay đổi các cài đặt này.

Quét ảnh

5. Nhấp vào **Xem trước**.

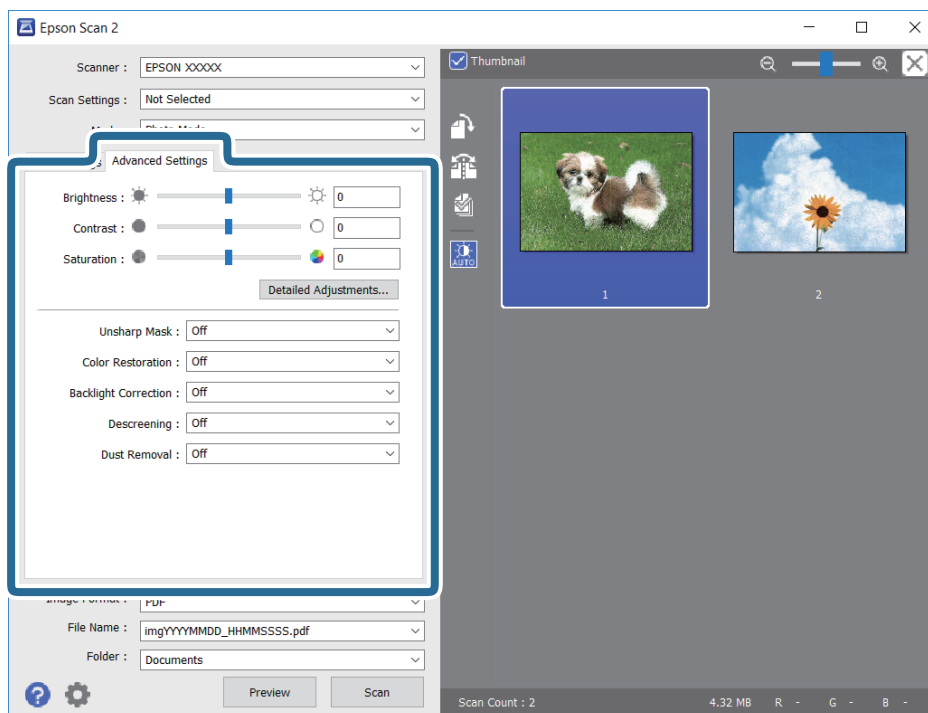
Cửa sổ xem trước mở ra và hình ảnh xem trước được hiển thị dưới dạng hình thu nhỏ.



Lưu ý:

Để xem trước toàn bộ khu vực đã quét, hãy bỏ chọn hộp kiểm **Hình thu nhỏ** ở đầu cửa sổ xem trước.

6. Xác nhận bản xem trước và thực hiện cài đặt điều chỉnh hình ảnh trên thẻ **Cài đặt nâng cao** nếu cần thiết.



Bạn có thể điều chỉnh hình ảnh đã quét bằng cài đặt chi tiết thích hợp cho ảnh hoặc hình ảnh như sau.

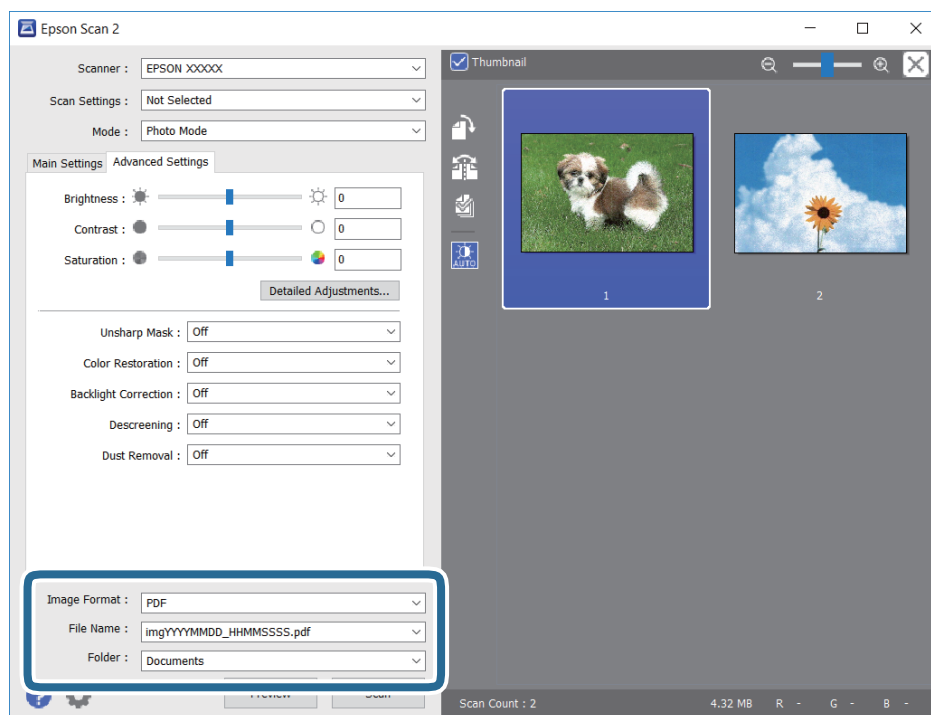
Quét ảnh

- ☐ Độ sáng: Bạn có thể điều chỉnh độ sáng cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ t.phản: Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ bão hòa: Bạn có thể điều chỉnh độ bão hòa (độ sống động của màu sắc) của hình ảnh đã quét.
- ☐ Mặt nạ ko sắc nét: Bạn có thể cải thiện và làm sắc nét đường viền của hình ảnh đã quét.
- ☐ Phục hồi màu: Bạn có thể sửa hình ảnh bị mờ để đưa chúng trở về màu gốc.
- ☐ Hiệu chỉnh đèn nền: Bạn có thể làm sáng hình ảnh đã quét bị tối do ngược sáng.
- ☐ Xóa tram: Bạn có thể xóa mẫu vân sóng (bóng giống web) xuất hiện khi quét giấy in như tạp chí.
- ☐ Khử bụi: Bạn có thể loại bỏ bụi trên hình ảnh đã quét.

Lưu ý:

- ☐ Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.
- ☐ Tùy thuộc vào bản gốc, hình ảnh đã quét có thể không được điều chỉnh đúng cách.
- ☐ Khi nhiều hình thu nhỏ được tạo, bạn có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh của mỗi hình thu nhỏ. Tùy vào mục điều chỉnh, bạn có thể điều chỉnh chất lượng của hình ảnh đã quét cùng lúc bằng cách chọn nhiều hình thu nhỏ.

7. Đặt cài đặt lưu tệp.



- ☐ Đ.dạng hình: Chọn định dạng lưu từ danh sách.
Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho mỗi định dạng lưu trừ BITMAP và PNG. Chọn **Tùy chọn** từ danh sách sau khi chọn định dạng lưu.
- ☐ Tên file: Xác nhận tên lưu tệp hiển thị.
Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tên tệp bằng cách chọn **Cài đặt** từ danh sách.
- ☐ Thư mục: Chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét từ danh sách.
Bạn có thể chọn thư mục khác hoặc tạo thư mục mới bằng cách chọn **Chọn** từ danh sách.

8. Nhấp vào Scan.

Quét từ thiết bị thông minh

Epson iPrint là ứng dụng cho phép bạn quét ảnh và tài liệu từ thiết bị thông minh, như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng, được kết nối với cùng mạng không dây với máy in của bạn. Bạn có thể lưu dữ liệu quét lên thiết bị thông minh hoặc các dịch vụ điện toán đám mây, gửi bằng email hoặc in.



Cài đặt Epson iPrint

Bạn có thể cài đặt Epson iPrint lên thiết bị thông minh của bạn từ URL sau hoặc mã QR.

<http://ipr.to/c>



Quét bằng cách chạm vào thiết bị thông minh với Nhãn NFC

Ngay cả khi thiết bị thông minh của bạn không thực hiện bất kỳ cài đặt nào để sử dụng máy in, bạn có thể tự động kết nối thiết bị đó và quét bằng cách chạm ăng ten NFC của thiết bị thông minh với Nhãn NFC của máy in.

Đảm bảo rằng bạn chuẩn bị những thứ sau để sử dụng tính năng này.

- ☐ Bật chức năng NFC trên thiết bị thông minh của bạn.
- ☐ Epson iPrint được cài đặt trên thiết bị thông minh. Nếu không, hãy chạm ăng ten thẻ NFC của thiết bị thông minh với Nhãn NFC của máy in để cài đặt ứng dụng.

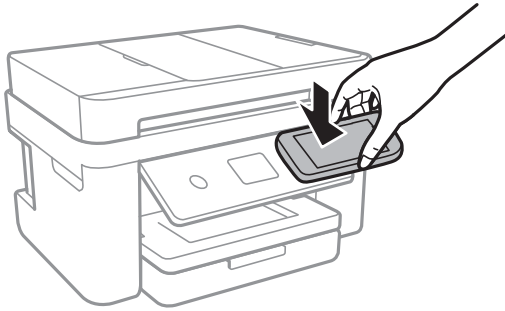
Lưu ý:

- ☐ *Android 4.0 trở lên hỗ trợ NFC (Near Field Communication)*
- ☐ *Vị trí của ăng ten NFC khác nhau tùy vào thiết bị thông minh. Xem tài liệu được cung cấp cùng với thiết bị thông minh để biết thêm chi tiết.*
- ☐ *Máy in có thể không liên lạc được với thiết bị thông minh khi có chướng ngại vật như kim loại giữa Nhãn NFC của máy in và ăng ten NFC của thiết bị thông minh,*

1. Đặt bản gốc lên máy in.

Quét ảnh

- Chạm ăng ten NFC của thiết bị thông minh với Nhãn NFC của máy in.



Epson iPrint bắt đầu.

- Chọn menu quét trong Epson iPrint.
- Chạm vào ăng ten NFC của thiết bị thông minh với Nhãn NFC của máy in lần nữa.
Quét bắt đầu.

Quét bằng Epson iPrint

Bắt đầu Epson iPrint từ thiết bị thông minh của bạn và chọn mục bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Các màn hình sau có thể thay đổi mà không có thông báo.



1	Màn hình chính được hiển thị khi ứng dụng bắt đầu.
2	Hiển thị thông tin về cách thiết lập máy in và Câu hỏi thường gặp.

Quét ảnh

3	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể chọn máy in và đặt các cài đặt máy in. Sau khi bạn đã chọn máy in, bạn không cần chọn lại từ lần tiếp theo.
4	Hiển thị màn hình quét.
5	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể đặt các thiết lập quét như độ phân giải.
6	Hiển thị ảnh quét.
7	Bắt đầu quét.
8	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể lưu dữ liệu quét ra thiết bị thông minh hoặc các dịch vụ điện toán đám mây.
9	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể gửi dữ liệu quét bằng email.
10	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể in dữ liệu quét.

Fax

Thiết lập fax

Kết nối với đường điện thoại

Đường điện thoại tương thích

Bạn có thể sử dụng máy in qua đường điện thoại kỹ thuật tương tự chuẩn (PSTN = Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng) và hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ).

Bạn có thể không sử dụng được máy in với các hệ thống hoặc đường điện thoại sau.

- ☐ Đường điện thoại VoIP như DSL hoặc dịch vụ kỹ thuật số cáp quang
- ☐ Đường điện thoại kỹ thuật số (ISDN)
- ☐ Một số hệ thống điện thoại PBX
- ☐ Khi các bộ điều hợp như bộ điều hợp đầu cuối, bộ điều hợp VoIP, bộ chia hoặc bộ định tuyến DSL được kết nối giữa giắc cắm điện thoại trên tường và máy in

Kết nối máy in với đường điện thoại

Kết nối máy in với giắc cắm điện thoại trên tường bằng cáp điện thoại RJ-11 (6P2C). Khi kết nối điện thoại với máy in, hãy sử dụng một cáp điện thoại RJ-11 (6P2C) thứ hai.

Tùy thuộc vào khu vực, cáp điện thoại có thể đi cùng với máy in. Nếu có cáp điện thoại đi cùng, hãy sử dụng cáp đó.

Bạn có thể cần kết nối cáp điện thoại với bộ điều hợp được cung cấp cho quốc gia hoặc khu vực của bạn.

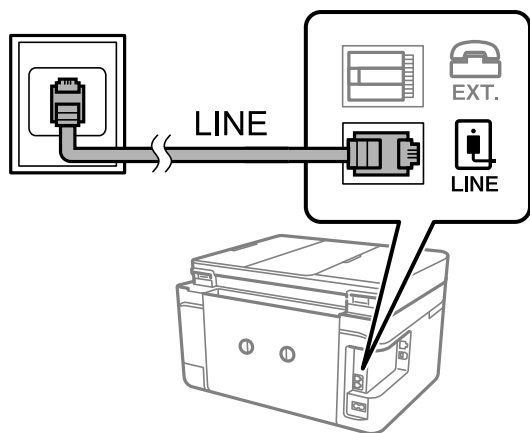
Lưu ý:

Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. của máy in chỉ khi kết nối điện thoại với máy in. Không tháo nắp nếu bạn không kết nối với điện thoại.

Tại những khu vực thường xuyên có tia chớp, chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng thiết bị bảo vệ chống sốc.

Kết nối với đường điện thoại chuẩn (PSTN) hoặc PBX

Kết nối cáp điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường hoặc cổng PBX với cổng LINE ở phía sau máy in.

**Thông tin liên quan**

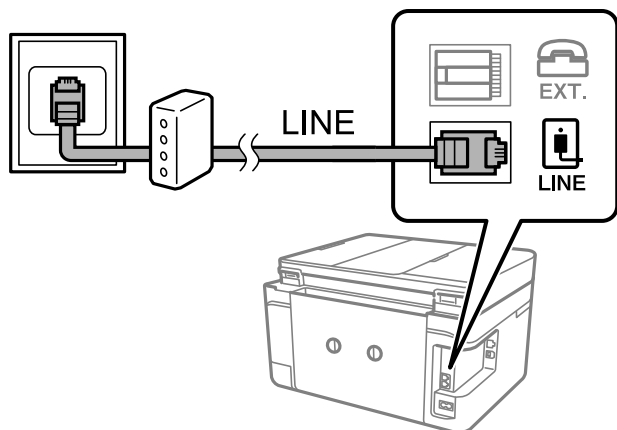
➔ “Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 120

Kết nối với DSL hoặc ISDN

Kết nối cáp điện thoại từ modem DSL hoặc bộ điều hợp đầu cuối ISDN với cổng LINE ở phía sau máy in. Xem tài liệu đi cùng với modem hoặc bộ điều hợp để biết thêm chi tiết.

Lưu ý:

Nếu modem DSL của bạn không được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hãy kết nối một bộ lọc DSL riêng.

**Kết nối thiết bị điện thoại với máy in**

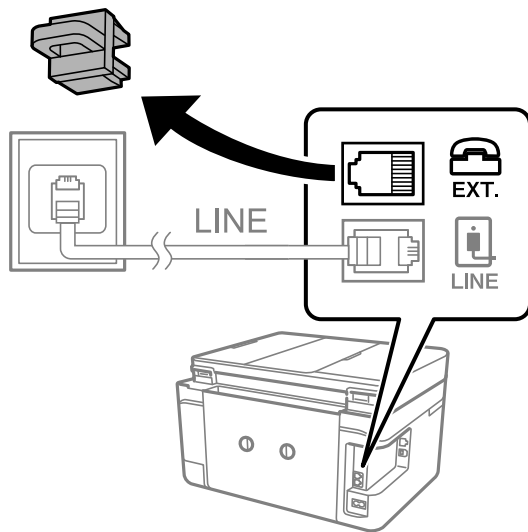
Khi sử dụng máy in và điện thoại của bạn trên một đường điện thoại duy nhất, hãy kết nối điện thoại với máy in.

Lưu ý:

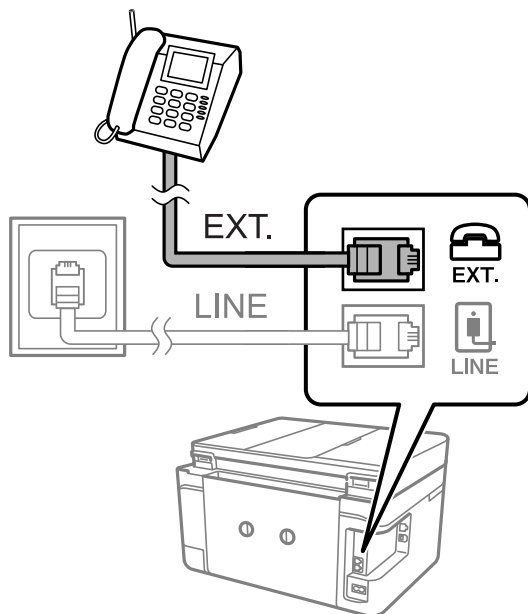
- ☐ Nếu thiết bị điện thoại của bạn có chức năng fax, hãy tắt chức năng fax trước khi kết nối. Xem các hướng dẫn sử dụng kèm theo thiết bị điện thoại để biết thêm chi tiết.
- ☐ Nếu bạn kết nối với máy trả lời, đảm bảo cài đặt **Đỗ chuông trả lời** của máy in phải được thiết lập cao hơn số lần đổ chuông mà máy trả lời được thiết lập để trả lời cuộc gọi.

Fax

1. Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. ở phía sau máy in.



2. Kết nối thiết bị điện thoại và cổng EXT. bằng cáp điện thoại.



Lưu ý:

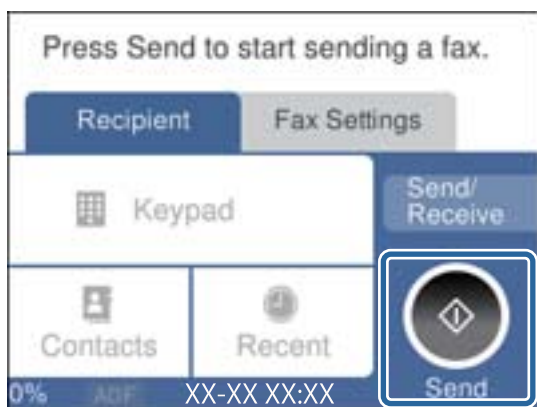
Khi dùng chung một đường điện thoại duy nhất, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối thiết bị điện thoại vào cổng EXT. trên máy in. Nếu bạn tách đường điện thoại để kết nối thiết bị điện thoại và máy in riêng rẽ, điện thoại và máy in hoạt động không chính xác.

3. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Fax

4. Nhắc tai nghe.

Kết nối được thiết lập khi  (Gửi) được bật như màn hình sau.



Thông tin liên quan

➔ [“Các thiết lập cho máy trả lời” ở trang 127](#)

Đặt các thiết lập fax cơ bản

Trước tiên đặt các thiết lập fax như **Chế độ nhận** bằng **Thuật sĩ cài đặt fax** và sau đó cấu hình các thiết lập khác theo yêu cầu.

Thuật sĩ cài đặt fax được hiển thị tự động khi bật máy in lần đầu tiên. Sau khi đã đặt các thiết lập, bạn không cần đặt lại chúng trừ khi môi trường kết nối thay đổi.

Đặt các thiết lập fax cơ bản thông qua Thuật sĩ cài đặt fax

Đặt các thiết lập cơ bản bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình.

1. Kết nối máy in với đường điện thoại.

Lưu ý:

Vì việc kiểm tra kết nối fax tự động sẽ được thực hiện khi kết thúc trình hướng dẫn, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối máy in với đường điện thoại trước khi bắt đầu trình hướng dẫn.

2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

3. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Thuật sĩ cài đặt fax**.

4. Trên màn hình **Thuật sĩ cài đặt fax**, nhấn **Tiến hành**.

Trình hướng dẫn sẽ bắt đầu.

5. Trên màn hình nhập tiêu đề fax, nhập tên người gửi của bạn, ví dụ như tên công ty bạn và sau đó nhấn **Đ.ý**.

Lưu ý:

Tên người gửi và số fax của bạn xuất hiện dưới dạng đầu trang cho fax gửi đi.

6. Trên màn hình nhập số điện thoại, nhập số fax của bạn và sau đó nhấn **Đ.ý**.

Fax

7. Trên màn hình **Cài đặt Distinctive Ring Detection (DRD)**, hãy thực hiện các cài đặt sau.

- ☐ Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại: Chọn **Cài đặt**, sau đó chọn mẫu chuông được sử dụng cho fax đến.
 - Nếu bạn chọn **Tất cả**, chuyển sang bước 8.
 - Nếu bạn chọn bất kỳ cài đặt nào khác, **Chế độ nhận** được tự động đặt thành **Tự động**. Chuyển sang bước 10.
- ☐ Nếu bạn không cần đặt tùy chọn này: Nhấn **Bỏ qua** rồi chuyển qua bước 10.

Lưu ý:

- ☐ Dịch vụ chuông đặc biệt, do nhiều công ty điện thoại cung cấp (tên dịch vụ khác nhau theo công ty), cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường điện thoại. Mỗi số được gán một mẫu chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Chọn mẫu chuông được gán cho các cuộc gọi fax trong **DRD**.
- ☐ Tùy thuộc vào khu vực, **Bật** và **Tắt** được hiển thị dưới dạng các tùy chọn của **DRD**. Chọn **Bật** để sử dụng tính năng chuông đặc biệt.

8. Trên màn hình **Cài đặt chế độ nhận**, kiểm tra xem bạn có đang sử dụng thiết bị điện thoại đã kết nối với máy in hay chưa.

- ☐ Khi đã kết nối: Chọn **Có**, sau đó chuyển sang bước tiếp theo.
- ☐ Khi chưa kết nối: Chọn **Không**, sau đó chuyển sang bước 10. **Chế độ nhận** được đặt thành **Tự động**.

9. Trên màn hình **Cài đặt chế độ nhận**, chọn xem bạn có muốn nhận fax tự động hay không.

- ☐ Để nhận tự động: Chọn **Có**. **Chế độ nhận** được đặt thành **Tự động**.
- ☐ Để nhận thủ công: Chọn **Không**. **Chế độ nhận** được đặt thành **Thủ công**.

10. Trên màn hình **Tiến hành**, chọn cài đặt mà bạn thực hiện và sau đó nhấn **Tiến hành**.

Để sửa hoặc thay đổi cài đặt, nhấn .

11. Chọn **Bắt đầu kiểm tra** để chạy kiểm tra kết nối fax và khi màn hình nhắc bạn in kết quả kiểm tra, hãy chọn **In**.

Báo cáo về kết quả kiểm tra hiển thị trạng thái kết nối được in ra.

Lưu ý:

- ☐ Nếu có bất kỳ lỗi nào trong báo cáo, hãy làm theo hướng dẫn trên báo cáo để khắc phục lỗi.
- ☐ Nếu màn hình **Chọn kiểu dây điện thoại** hiển thị, chọn loại đường dây.
 - Khi bạn đang kết nối máy in với hệ thống điện thoại PBX hoặc bộ điều hợp đầu cuối, hãy chọn **PBX**.
 - Khi bạn đang kết nối máy in với đường điện thoại chuẩn, hãy chọn **PSTN**, rồi chọn **Không phát hiện** trên màn hình **Xác nhận** hiển thị. Tuy nhiên, việc đặt tùy chọn này thành **Không phát hiện** có thể khiến cho máy in bỏ qua chữ số đầu của số fax khi quay số và gửi fax đến số không đúng.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 115
- ➔ “Đặt chế độ nhận” ở trang 126
- ➔ “Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 120
- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 142

Đặt các thiết lập fax cơ bản riêng rẽ

Bạn có thể đặt các thiết lập fax mà không sử dụng tiện ích thiết lập fax bằng cách chọn từng menu thiết lập riêng rẽ. Cũng có thể thay đổi các thiết lập được cấu hình thông qua tiện ích. Để biết thêm chi tiết, xem danh sách các menu trong thiết lập fax.

Thông tin liên quan

➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 142

Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX

Thực hiện các cài đặt sau khi sử dụng máy in trong các văn phòng sử dụng số máy lẻ và yêu cầu mã truy cập bên ngoài, như 0 và 9, để quay số ra bên ngoài.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**.
3. Chọn **Loại dòng** và sau đó chọn **PBX**.
4. Khi gửi fax tới số fax bên ngoài bằng # (dấu thăng) thay vì mã truy cập bên ngoài thực, hãy chọn hộp **Mã truy cập** để đặt cài đặt này thành **Dùng**.

#, được nhập thay vì mã truy cập thực được thay thế bằng mã truy cập đã lưu khi gọi điện. Sử dụng dấu # giúp tránh được các vấn đề về kết nối khi kết nối với một số điện thoại bên ngoài.

Lưu ý:

*Bạn không thể gửi fax tới những người nhận trong **Danh bạ** có mã truy cập bên ngoài như 0 và 9.*

*Nếu bạn đã đăng ký người nhận trong **Danh bạ** bằng mã truy cập bên ngoài như 0 và 9, hãy đặt **Mã truy cập** thành **Đừng dùng**. Nếu không, bạn phải thay đổi mã thành # trong **Danh bạ**.*

5. Nhấn vào hộp nhập **Mã truy cập**, hãy nhập mã truy cập bên ngoài được sử dụng cho hệ thống điện thoại của bạn và sau đó nhấn **Đ.ý**.
6. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.
Mã truy cập được lưu trong máy in.

Thực hiện cài đặt thông tin để in trên fax đã nhận

Bạn có thể đặt để in thông tin nhận trong chân trang của fax nhận được, ngay cả khi người gửi không đặt thông tin đầu trang. Thông tin nhận bao gồm ngày và giờ nhận được, ID người gửi, ID nhận và số trang (chẳng hạn như "P1"). Khi bật **Cài đặt tách trang**, số chia trang cũng được bao gồm.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Cài đặt in**, sau đó nhấn **Thêm thông tin nhận** để đặt cài đặt này thành **Bật**.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt in” ở trang 143

Thực hiện cài đặt để in fax nhận trên 2 mặt

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu nhận được trên cả hai mặt giấy.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Cài đặt in** rồi chọn **2 mặt**.
4. Nhấn vào trường **2 mặt** để đặt thành **Bật**.
5. Trong **Nối lề**, chọn **Cạnh ngắn** hoặc **Cạnh dài**.
6. Chọn **Tốt**.

Thông tin liên quan

➡ “Cài đặt in” ở trang 143

Thực hiện cài đặt để in fax đã nhận bằng cách tách trang

Thực hiện cài đặt chia trang khi khổ của tài liệu nhận được lớn hơn khổ giấy được nạp vào máy in.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Cài đặt in** > **Cài đặt tách trang** > **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách**.
4. Chọn tùy chọn xóa dữ liệu in sau khi chia.
 - ☐ Nếu bạn chọn **Tắt**, hãy chọn **Tốt** và chuyển sang bước 6.
 - ☐ Nếu bạn chọn **Xóa phần trên** hoặc **Xóa phần dưới**, hãy chuyển sang bước tiếp theo.
5. Trong **Ngưỡng**, đặt ngưỡng, sau đó chọn **Tốt**.
6. Chọn **Chống chéo khi chia tách**.
7. Nhấn vào trường **Chống chéo khi chia tách** để đặt thành **Bật**.
8. Trong **Độ rộng chống chéo**, đặt chiều rộng, sau đó chọn **Tốt**.

Thông tin liên quan

➡ “Cài đặt in” ở trang 143

Gửi fax bằng bảng máy in

Thao tác gửi fax cơ bản

Gửi fax ở chế độ màu hoặc đơn sắc (Đen trắng).

Lưu ý:

Khi gửi fax đơn sắc, bạn có thể xem trước hình quét trên màn hình LCD trước khi gửi.

Gửi fax bằng bảng điều khiển

Bạn có thể gửi fax bằng cách nhập số fax cho người nhận sử dụng bảng điều khiển. Máy in tự động quay số người nhận và gửi fax.

1. Đặt bản gốc vào.

Lưu ý:

Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền; tuy nhiên, tùy vào dung lượng bộ nhớ còn lại, bạn có thể không gửi được fax ngay cả khi ít hơn 100 trang.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

3. Chỉ định người nhận.

Bạn có thể gửi cùng một fax đơn sắc tới tối đa 100 người nhận bao gồm tối đa 99 nhóm trong **Danh bạ**. Tuy nhiên, bạn chỉ có thể gửi một fax màu tới một người nhận mỗi lần.

- ☐ Để nhập thủ công: Chọn **Bàn phím**, nhập số fax vào màn hình hiển thị và sau đó nhấn **Đ.ý**.
 - Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây khi quay số), nhập dấu gạch ngang (-).
 - Nếu bạn đã thiết lập mã truy cập ra bên ngoài trong **Loại dòng**, nhập "#" (dấu thăng) thay vì mã truy cập ra bên ngoài thực sự ở đầu số fax.
- ☐ Để chọn từ danh bạ: Chọn **Danh bạ** và thêm dấu kiểm vào liên hệ. Nếu người nhận mà bạn muốn gửi chưa đăng ký trong **Danh bạ**, bạn có thể đăng ký người nhận trước bằng cách chọn **Thêm mục nhập**.
- ☐ Để chọn từ lịch sử fax đã gửi: Chọn **Gần đây** và sau đó chọn người nhận.

Lưu ý:

- ☐ Khi **Giới hạn gọi điện trực tiếp** trong **Cài đặt bảo mật** được đặt thành **Bật**, bạn chỉ có thể chọn người nhận fax từ danh bạ hoặc lịch sử fax đã gửi. Bạn không thể tự nhập số fax.

Để xóa người nhận bạn đã nhập, hãy hiển thị danh sách người nhận bằng cách nhấn vào trường số fax hoặc số người nhận trên màn hình LCD, chọn người nhận từ danh sách, sau đó chọn **Xóa**.

4. Chọn tab **Cài đặt fax** và sau đó thực hiện cài đặt như độ phân giải và phương pháp gửi khi cần thiết.
5. Chọn tab **Người nhận** và sau đó gửi fax.

- ☐ Để gửi mà không kiểm tra hình ảnh tài liệu đã quét: Nhấn .
- ☐ Để quét, kiểm tra hình ảnh tài liệu được quét, sau đó gửi (khi gửi một bản fax đơn sắc): Chọn **Xem trước** trên tab **Người nhận**.
Để gửi fax nguyên trạng, hãy chọn **Bắt đầu gửi**. Nếu không, hãy hủy xem trước bằng cách chọn **Hủy** rồi chuyển sang bước 3.

Fax

-     : Di chuyển màn hình theo hướng các mũi tên.
-   : Thu nhỏ hoặc phóng to.
-   : Chuyển sang trang trước hoặc trang kế tiếp.

Lưu ý:

- ☐ Bạn không thể gửi fax màu sau khi xem trước.
- ☐ Khi đã bật **Gửi trực tiếp**, bạn không thể xem trước.
- ☐ Nếu bạn không chạm vào màn hình xem trước trong 20 giây, fax sẽ được gửi tự động.
- ☐ Chất lượng hình của fax đã gửi có thể khác với những gì bạn đã xem trước tùy vào khả năng của máy người nhận.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Lưu ý:

- ☐ Nếu số fax bạn hoặc có vấn đề, máy in tự động quay số lại hai lần sau một phút.
- ☐ Để hủy gửi, nhấn .
- ☐ Thời gian để gửi fax màu lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Trong khi máy in đang gửi fax màu, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48
- ➔ “Tùy chọn menu cho fax” ở trang 140
- ➔ “Quản lý danh bạ” ở trang 52

Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài

Bạn có thể gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối khi bạn muốn nói chuyện qua điện thoại trước khi gửi fax, hoặc khi máy fax của người nhận không tự động chuyển sang chế độ fax.

- Đặt bản gốc vào.
Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền tải.
- Nhấc ống nghe điện thoại đã kết nối rồi gọi đến số fax của người nhận bằng điện thoại.

Lưu ý:

Khi người nhận trả lời điện thoại, bạn có thể nói chuyện với người nhận.

- Chọn **Fax** trên màn hình chính.
- Chọn tab **Cài đặt fax** và sau đó thực hiện cài đặt như độ phân giải và phương pháp gửi khi cần thiết.
- Khi bạn nghe thấy âm báo fax, nhấn  và sau đó nhấc tai nghe điện thoại.

Lưu ý:

Khi quay đến một số bằng điện thoại kết nối, thời gian để gửi fax lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Khi gửi fax, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48
- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 140

Các cách gửi fax khác nhau

Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)

Khi gửi fax đơn sắc, tài liệu quét được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in. Vì vậy, việc gửi quá nhiều trang có thể khiến máy in hết bộ nhớ và dừng việc gửi fax. Bạn có tránh điều này bằng cách bật tính năng **Gửi trực tiếp**, tuy nhiên thời gian gửi fax sẽ lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi chỉ có một người nhận.

Chọn **Fax** trên màn hình chính, chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó nhấn vào **Gửi trực tiếp** để đặt cài đặt này thành **Bật**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48
- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 140

Gửi fax vào thời gian đã định (Gửi fax sau)

Bạn có thể thiết lập gửi fax vào một thời gian đã định. Chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi thời gian gửi được chỉ định.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chỉ định người nhận.
3. Chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó chọn **Gửi fax sau**.
4. Nhấn vào trường **Gửi fax sau** để đặt thành **Bật**.
5. Chọn trường **Thời gian**, nhập thời gian bạn muốn gửi fax, sau đó chọn **Đ.ý**.
6. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.

Lưu ý:

*Bạn không thể gửi fax khác cho tới khi fax đã được gửi vào thời gian đã định. Nếu muốn gửi fax khác, bạn cần phải hủy fax đã lên lịch bằng cách chọn **Fax** trên màn hình chính và sau đó xóa fax đó.*

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 48
- ➔ “Gửi fax bằng bảng điều khiển” ở trang 122
- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 140

Gửi fax có tiêu đề đã chọn

Bạn có thể gửi fax có thông tin người gửi thích hợp với người nhận. Bạn cần đăng ký nhiều tiêu đề thông tin người gửi trước trong máy in bằng cách làm theo các bước bên dưới.

Đăng ký nhiều đầu trang để gửi fax

Bạn có thể đăng ký tối đa 21 đầu trang fax làm thông tin người gửi.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**.
3. Chọn **Tiêu đề**, nhấn vào trường **Số điện thoại của bạn**, nhập số điện thoại, sau đó nhấn **Đ.ý**.
4. Chọn một hoặc các hộp trong danh sách **Dòng đầu trang fax**, nhập thông tin tiêu đề fax và sau đó nhấn **Đ.ý**.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)

Gửi fax với đầu trang được chọn

Khi gửi fax, bạn có thể chọn thông tin đầu trang cho người nhận. Để sử dụng tính năng này, bạn phải đăng ký trước nhiều đầu trang.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt fax > Thêm thông tin người gửi**.
3. Chọn nơi bạn muốn thêm thông tin người gửi.
 - ☐ **Tắt:** Gửi fax không có thông tin đầu trang.
 - ☐ **Bên ngoài hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang trong lề trắng trên cùng của fax. Tùy chọn này giúp đầu trang không bị chồng chéo vào hình ảnh đã quét. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được có thể được in thành hai trang tùy thuộc vào khổ của bản gốc.
 - ☐ **Bên trong hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang thấp hơn đầu hình ảnh đã quét khoảng 7 mm. Đầu trang có thể chồng chéo với hình ảnh. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được sẽ không bị chia thành hai tài liệu.
4. Chọn trường **Dòng đầu trang fax**, sau đó chọn tiêu đề mà bạn muốn sử dụng.
5. Chọn một trong các tùy chọn **Thông tin bổ sung** nếu cần thiết.
6. Chọn **Đ.ý** để áp dụng cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt fax” ở trang 140](#)

Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))

Nếu bạn đặt các bản gốc có kích thước khác nhau vào ADF, mọi bản gốc sẽ được gửi theo kích thước lớn nhất trong số đó. Bạn có thể gửi chúng theo kích thước bản gốc bằng cách xếp và đặt chúng theo kích thước, hoặc đặt lần lượt.

Trước khi đặt bản gốc, hãy thực hiện cài đặt sau.

Chọn **Fax** trên màn hình chính, chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó nhấn vào **Quét liên tục (ADF)** để đặt cài đặt này thành **Bật**.

Máy in lưu trữ các tài liệu quét và gửi như một tài liệu.

Lưu ý:

Nếu bạn không thao tác trên máy in trong 20 giây sau khi được nhắc đặt bản gốc tiếp theo thì máy in sẽ dừng lưu trữ và bắt đầu gửi tài liệu.

Nhận fax trên máy in

Đặt chế độ nhận

Bạn có thể đặt **Chế độ nhận** bằng **Thuật sĩ cài đặt fax**. Khi thực hiện cài đặt fax trong lần đầu tiên, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng **Thuật sĩ cài đặt fax**. Nếu bạn chỉ muốn thay đổi **Chế độ nhận**, hãy làm theo hướng dẫn dưới đây.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Chế độ nhận**.
3. Chọn **Chế độ nhận** tùy vào mục đích sử dụng của bạn.



Quan trọng:

Nếu chưa kết nối điện thoại, bạn phải chọn **Tự động**.

- ☐ Chỉ sử dụng đường dây điện thoại cho fax:

Chọn **Tự động**.

Tự động chuyển để nhận fax khi số lần đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời** hoàn tất.

Lưu ý:

Chúng tôi khuyên bạn nên đặt **Đổ chuông trả lời** thành số càng thấp càng tốt.

- ☐ Sử dụng đường dây điện thoại để cuộc gọi điện thoại và fax (chủ yếu dành cho fax):

Chọn **Tự động**.

Tự động bật để nhận fax khi đạt tới số lượt đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Lưu ý:

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi thoại nếu gác điện thoại trong số lần đổ chuông được đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Fax

- ❑ Sử dụng một đường dây điện thoại cho các cuộc gọi điện thoại và fax (chủ yếu là cho fax):

Chọn **Thủ công**.

Bạn có thể trả lời cuộc gọi điện thoại bằng thiết bị điện thoại bên ngoài. Khi fax, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng bảng điều khiển của máy in.

Lưu ý:

Khi thực hiện cài đặt **Nhận từ xa**, bạn có thể bắt đầu fax và nhận fax chỉ bằng các thao tác trên điện thoại được kết nối.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt các thiết lập fax cơ bản thông qua Thuật sĩ cài đặt fax” ở trang 118
- ➔ “Nhận fax theo cách thủ công” ở trang 127
- ➔ “Nhận fax bằng điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 128

Các thiết lập cho máy trả lời

Bạn cần các thiết lập để sử dụng máy trả lời.

- ❑ Đặt **Chế độ nhận** của máy in thành **Tự động**.
 - ❑ Đặt thiết lập **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông của máy trả lời. Nếu không, máy trả lời không thể nhận các cuộc gọi thoại để ghi lại tin nhắn thoại. Xem các hướng dẫn sử dụng đi cùng với máy trả lời để biết các thiết lập của máy.
- Thiết lập **Đổ chuông trả lời** có thể không được hiển thị tùy theo khu vực.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144

Các cách nhận fax khác nhau

Nhận fax theo cách thủ công

Khi bạn kết nối với điện thoại và đặt thiết lập **Chế độ nhận** của máy in là **Thủ công**, hãy thực hiện theo các bước dưới đây để nhận fax.

1. Khi điện thoại đổ chuông, hãy nhắc ống nghe điện thoại.
2. Khi nghe âm báo fax, chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in.

Lưu ý:

Nếu bạn bật tính năng **Nhận từ xa**, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng điện thoại kết nối.

3. Nhấn **Gửi/Nhận**.
4. Chọn **Nhận**.
5. Nhấn  và sau đó nhắc tai nghe điện thoại.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhận fax bằng điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 128
- ➔ “Lưu fax nhận được vào hộp thư đến” ở trang 130

Nhận fax bằng điện thoại kết nối (Nhận từ xa)

Để nhận fax theo cách thủ công, bạn cần sử dụng máy in sau khi nhắc tai nghe của điện thoại. Bằng cách sử dụng tính năng **Nhận từ xa**, bạn có thể bắt đầu nhận fax chỉ cần sử dụng điện thoại.

Tính năng **Nhận từ xa** có trên điện thoại hỗ trợ quay số âm tần.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhận fax theo cách thủ công” ở trang 127

Thiết lập Nhận từ xa

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Nhận từ xa**.
3. Nhấn vào trường **Nhận từ xa** để đặt tùy chọn này thành **Bật**.
4. Chọn **Bật mã**, nhập mã gồm hai chữ số (bạn có thể nhập 0 tới 9, * và #) và sau đó nhấn **Tốt**.
5. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144

Sử dụng Nhận từ xa

1. Khi điện thoại rung chuông, hãy nhắc tai nghe điện thoại.
2. Khi bạn nghe thấy âm fax, nhập mã bắt đầu bằng điện thoại.
3. Sau khi xác nhận rằng máy in đã bắt đầu nhận fax, gác tai nghe điện thoại.

Nhận fax bằng cách yêu cầu (Nhận hỏi vòng)

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax. Sử dụng tính năng này để nhận tài liệu từ một dịch vụ thông tin fax. Tuy nhiên, nếu dịch vụ thông tin fax có tính năng hướng dẫn thoại mà bạn cần thực hiện theo để nhận tài liệu thì bạn không thể sử dụng tính năng này.

Lưu ý:

Để nhận tài liệu từ dịch vụ thông tin fax sử dụng hướng dẫn bằng âm thanh, chỉ cần quay số đến số fax bằng điện thoại kết nối và sử dụng điện thoại và máy in theo hướng dẫn bằng âm thanh.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Fax

2. Nhấn .
3. Nhấn **Nhận hồi vòng** để đặt cài đặt này thành **Bật**, sau đó nhấn **Đóng**.
4. Nhập số fax.

Lưu ý:

Khi **Cài đặt bảo mật** trong **Giới hạn gọi điện trực tiếp** được đặt thành **Bật**, bạn chỉ có thể chọn người nhận fax từ danh bạ hoặc lịch sử fax đã gửi. Bạn không thể tự nhập số fax.

5. Nhấn .

Thông tin liên quan

➔ “Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 123

Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác

Bạn có thể chặn bản fax rác.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Fax từ chối**.
3. Chọn **Fax từ chối**, sau đó bật các tùy chọn sau.
 - ☐ Danh sách số từ chối: Từ chối bản fax trong danh sách số từ chối.
 - ☐ Đã chặn khoảng trống tiêu đề fax: Từ chối bản fax có thông tin tiêu đề trống.
 - ☐ Danh bạ chưa đăng ký: Từ chối bản fax chưa được đăng ký trong danh sách liên hệ.
4. Nếu bạn đang sử dụng **Danh sách số từ chối**, hãy nhấn , chọn **Sửa danh sách số từ chối**, sau đó chỉnh sửa danh sách.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144

Lưu các bản fax đã nhận

Máy in cung cấp các tính năng sau để lưu fax đã nhận.

- ☐ Lưu vào hộp thư đến máy in
- ☐ Lưu vào máy tính

Lưu ý:

- ☐ Có thể sử dụng các tính năng trên cùng lúc. Nếu bạn không sử dụng tất cả chúng cùng lúc, các tài liệu nhận được sẽ được lưu vào hộp thư đến và trên máy tính.
- ☐ Khi có các tài liệu đã nhận chưa được đọc hoặc lưu, số công việc chưa xử lý sẽ hiển thị trên  trên màn hình chính.

Thông tin liên quan

- ➔ “Lưu fax nhận được vào hộp thư đến” ở trang 130
- ➔ “Nhận fax trên máy tính” ở trang 135

Lưu fax nhận được vào hộp thư đến

Bạn có thể đặt để lưu fax nhận được vào hộp thư đến của máy in. Bạn có thể lưu đến 100 tài liệu. Nếu bạn sử dụng tính năng này, các tài liệu đã nhận sẽ không được in tự động. Bạn có thể xem chúng trên màn hình LCD của máy in và chỉ in khi cần.

Lưu ý:

Bạn có thể không lưu được 100 tùy thuộc các điều kiện sử dụng, chẳng hạn như cỡ tệp của tài liệu đã lưu và việc sử dụng cùng lúc nhiều tính năng lưu fax.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thiết lập để lưu fax nhận được vào hộp thư đến” ở trang 130
- ➔ “Kiểm Tra Fax Nhận Được Trên Màn Hình LCD” ở trang 131

Thiết lập để lưu fax nhận được vào hộp thư đến

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Đầu ra fax**.
3. Nếu thông báo xác nhận hiển thị, hãy xác nhận và sau đó nhấn **Tốt**.
4. Chọn **Lưu vào hộp thư đến**.
5. Nhấn **Lưu vào hộp thư đến** để đặt cài đặt này thành **Bật**.
6. Chọn **Tùy chọn khi bộ nhớ đầy**, chọn tùy chọn này để dùng khi hộp thư đến đầy.
 - ☐ **Nhận và in fax**: Máy in sẽ in mọi tài liệu nhận được không thể lưu vào Hộp thư đến.
 - ☐ **Từ chối fax gửi đến**: Máy in không trả lời các cuộc gọi fax đến.
7. Bạn có thể đặt mật khẩu cho hộp thư đến. Chọn **Cài đặt mật khẩu hộp thư đến**, sau đó đặt mật khẩu.

Lưu ý:

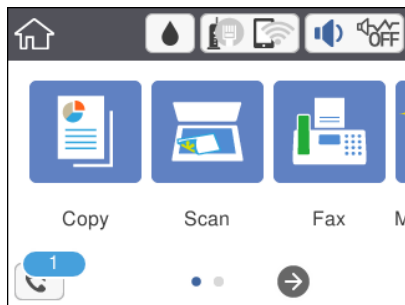
*Bạn không thể đặt mật khẩu khi **Nhận và in fax** được chọn.*

Kiểm Tra Fax Nhận Được Trên Màn Hình LCD

1. Nhấn  trên màn hình chính.

Lưu ý:

Khi có tài liệu đã nhận nhưng chưa được đọc thì số tài liệu chưa đọc sẽ hiển thị trên  trên màn hình chính.



2. Nhấn **Mở Hộp thư đến (XX chưa đọc)**.
3. Nếu hộp thư đến được bảo vệ bằng mật khẩu, hãy nhập mật khẩu hộp thư đến.
4. Chọn fax bạn muốn xem từ danh sách.

Nội dung của fax sẽ hiển thị.

- ☐     : Di chuyển màn hình theo hướng các mũi tên.
- ☐   : Thu nhỏ hoặc phóng to.
- ☐  : Xoay hình sang phải với một góc 90 độ.
- ☐   : Chuyển sang trang trước hoặc trang kế tiếp.
- ☐ Để ẩn biểu tượng thao tác, hãy nhấn vào vị trí bất kỳ trên màn hình xem trước trừ các biểu tượng. Nhấn lại để hiển thị biểu tượng.

5. Chọn in hay xóa tài liệu bạn đã xem, sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

**Quan trọng:**

Nếu máy in hết bộ nhớ, chức năng nhận và gửi fax sẽ bị tắt. Xóa các tài liệu bạn đã đọc hoặc in.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 142](#)

Gửi fax từ máy tính

Bạn có thể gửi fax từ máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX.

Lưu ý:

Để cài đặt FAX Utility, sử dụng Trình cập nhật phần mềm EPSON. Xem Thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết. Đối với người dùng Windows, bạn có thể cài đặt bằng đĩa phần mềm được cung cấp kèm theo máy in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 174
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows)

Bằng cách chọn fax của máy in từ menu **In** của một ứng dụng như Microsoft Word hoặc Excel, bạn có thể chuyển trực tiếp các dữ liệu như tài liệu, bản vẽ và bảng đã tạo với tờ bìa.

Lưu ý:

Phần giải thích sau sử dụng Microsoft Word làm ví dụ. Hoạt động thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Sử dụng một ứng dụng, tạo tài liệu để truyền qua fax.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng xuất hiện.
3. Chọn **XXXXX (FAX)** (XXXXX là tên máy in) trong **Máy in**, và sau đó chọn kiểm tra cài đặt hoặc gửi fax.
 - ☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Fax có thể không được truyền đúng cách nếu bạn chỉ định **2** trở lên.
 - ☐ Bạn không thể sử dụng các chức năng như **In thành tệp** sẽ thay đổi cổng đầu ra.
 - ☐ Bạn có thể truyền tới 100 trang bao gồm tờ bìa trong một lần truyền qua fax.
4. Nhấp **Thuộc tính máy in** hoặc **Thuộc tính** nếu bạn muốn chỉ định **Paper Size, Orientation, Color, Image Quality**, hoặc **Character Density**. Để biết chi tiết, xem mục trợ giúp về trình điều khiển PC-FAX.
5. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

Khi sử dụng FAX Utility trong lần đầu tiên, một cửa sổ đăng ký thông tin của bạn được hiển thị. Nhập thông tin cần thiết và sau đó nhấp vào **OK**. FAX Utility sử dụng **Nickname** để quản lý các công việc fax nội bộ. Thông tin khác được tự động thêm vào trang bìa.

Màn hình **Recipient Settings** của FAX Utility được hiển thị.

6. Chỉ định người nhận và nhấp vào **Tiếp theo**.
 - ☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) từ **PC-FAX Phone Book**:
Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, thực hiện các bước bên dưới.
 - ❶ Nhấp vào thẻ **PC-FAX Phone Book**.
 - ❷ Chọn người nhận từ danh sách và nhấp vào **Add**.

Fax

- ☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v) danh bạ trên máy tính:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ trên máy in, thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấn vào thẻ **Contacts on Printer**.

Lưu ý:

Nếu máy in của bạn có chức năng bảo mật cho phép quản trị viên hạn chế người dùng thay đổi cài đặt fax của máy in, bạn có thể phải nhập mật khẩu người quản trị để tiếp tục.

- ❷ Chọn các liên hệ từ danh sách và nhấn vào **Add** để tiếp tục đến cửa sổ **Add to Recipient**.

- ❸ Chọn các liên hệ từ danh sách được hiển thị, và sau đó nhấn vào **Edit**.

- ❹ Thêm dữ liệu cá nhân như **Company/Corp.** và **Title** theo yêu cầu và sau đó nhấn vào **OK** để quay lại cửa sổ **Add to Recipient**.

- ❺ Nếu cần, chọn hộp kiểm **Register in the PC-FAX Phone Book** để lưu các liên hệ vào **PC-FAX Phone Book**.

- ❻ Nhấn vào **OK**.

- ☐ Chỉ định người nhận (tên, số fax, v.v) trực tiếp:

Thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấn vào thẻ **Manual Dial**.

- ❷ Nhập thông tin cần thiết.

- ❸ Nhấn vào **Add**.

Ngoài ra, khi nhấn vào **Save to Phone Book**, bạn có thể lưu người nhận vào danh sách trong thẻ **PC-FAX Phone Book**.

Lưu ý:

- ☐ Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết thông tin có liên quan bên dưới.

- ☐ Nếu bạn đã chọn **Enter fax number twice** trong **Cài đặt tùy chọn** trên màn hình chính FAX Utility, bạn cần nhập lại cùng số khi bạn nhấn vào **Add** hoặc **Tiếp theo**.

Người nhận được thêm vào **Recipient List** hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

7. Chỉ định nội dung của tờ bìa.

- ❶ Để đính kèm trang bìa, chọn một trong các mẫu từ **Cover Sheet**. Nhập **Subject** và **Message**. Lưu ý rằng không có chức năng để tạo tờ bìa gốc hoặc để thêm tờ bìa gốc vào danh sách.

Nếu bạn không muốn đính kèm tờ bìa, hãy chọn **No cover sheet** từ **Cover Sheet**.

- ❷ Nhấn vào **Cover Sheet Formatting** nếu bạn muốn thay đổi thứ tự các mục trên trang bìa. Bạn có thể chọn kích thước tờ bìa **Paper Size**. Bạn cũng có thể chọn tờ bìa ở một kích thước khác cho tài liệu được truyền.

- ❸ Nhấn vào **Font** nếu bạn muốn thay đổi phong chữ hoặc kích thước phong chữ cho văn bản trên trang bìa.

- ❹ Nhấn vào **Sender Settings** nếu bạn muốn thay đổi thông tin người gửi.

- ❺ Nhấn vào **Detailed Preview** nếu bạn muốn kiểm tra trang bìa với chủ đề và thông điệp bạn đã nhập.

- ❻ Nhấn vào **Tiếp theo**.

8. Kiểm tra nội dung truyền và nhấn vào **Send**.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền. Nhấn vào **Preview** để xem trước tờ bìa và tài liệu sẽ truyền.

Khi bắt đầu truyền, một cửa sổ hiển thị trạng thái truyền sẽ xuất hiện.

Lưu ý:

- ☐ Để dừng truyền tải, hãy chọn dữ liệu và nhấn **Hủy** . Bạn cũng có thể hủy bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.
- ☐ Nếu xảy ra lỗi trong khi truyền, cửa sổ **Communication Error** xuất hiện. Kiểm tra thông tin lỗi và truyền lại.
- ☐ Màn hình Fax Status Monitor (màn hình được đề cập ở trên nơi bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền) không được hiển thị nếu Display Fax Status Monitor During Transmission không được chọn trong màn hình **Optional Settings** của màn hình chính FAX Utility.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS)

Bằng cách chọn một máy in có khả năng gửi fax từ menu **In** của một ứng dụng có bán trên thị trường, bạn có thể gửi dữ liệu như các tài liệu, bản vẽ và bảng, bạn đã tạo.

Lưu ý:

Giải thích sau sử dụng Text Edit, một ứng dụng Mac OS chuẩn làm ví dụ.

1. Tạo tài liệu bạn muốn gửi qua fax trong một ứng dụng.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng hiển thị.
3. Chọn máy in (tên fax) của bạn trong **Tên**, nhấp vào ▼ để hiển thị cài đặt chi tiết, kiểm tra cài đặt in, sau đó nhấp vào **OK**.
4. Thực hiện các cài đặt cho từng mục.
 - ☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Ngay cả khi bạn chỉ định **2** trở lên, chỉ 1 bản sao được gửi.
 - ☐ Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền fax.

Lưu ý:

Kích cỡ trang của tài liệu bạn có thể gửi giống với khổ giấy bạn có thể fax từ máy in.

5. Chọn Fax Settings từ menu bật lên, sau đó thực hiện cài đặt cho từng mục.
Xem trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX để biết giải thích cho từng mục cài đặt.
- Nhấp vào  ở dưới cùng bên trái của sổ để mở trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX.

Fax

6. Chọn menu Recipient Settings, sau đó chỉ định người nhận.

- ☐ Chỉ định trực tiếp một người nhận (tên, số fax, v.v):

Nhấp vào mục **Add**, nhập thông tin cần thiết, sau đó nhấp vào . Người nhận được thêm vào Recipient List sẽ hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

Nếu bạn đã chọn "Enter fax number twice" trong cài đặt trình điều khiển PC-FAX, bạn cần nhập lại cùng số khi bạn nhấp vào .

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, hãy nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

- ☐ Chọn một người nhận (tên, số fax, v.v) từ danh bạ:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, hãy nhấp vào . Chọn người nhận từ danh sách, sau đó nhấp vào **Add > OK**.

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, hãy nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

7. Kiểm tra các cài đặt người nhận, sau đó nhấp vào **Fax**.

Quá trình gửi bắt đầu.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền.

Lưu ý:

- ☐ Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in trong Dock, màn hình kiểm tra trạng thái truyền hiển thị. Để dừng gửi, nhấp vào dữ liệu, sau đó nhấp vào **Delete**.
- ☐ Nếu lỗi xảy ra trong khi truyền, thông báo **Sending failed** hiển thị. Kiểm tra bản ghi truyền trên màn hình **Fax Transmission Record**.
- ☐ Các tài liệu có khổ giấy kết hợp có thể không được gửi đúng cách.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)

Nhận fax trên máy tính

Bạn có thể nhận fax và lưu chúng dưới dạng tệp PDF vào máy tính được kết nối với máy in. FAX Utility đi kèm với các tính năng bao gồm cách chỉ định một thư mục để lưu fax. Cài đặt FAX Utility trước khi sử dụng tính năng này.

Lưu ý:

Bạn có thể sử dụng một trong các phương pháp sau để cài đặt FAX Utility.

- ☐ Sử dụng EPSON Software Updater (ứng dụng để cập nhật phần mềm)
- ☐ Sử dụng đĩa đi kèm với máy in. (Chỉ người dùng Windows)

**Quan trọng:**

- ☐ Khi nhận fax từ máy tính, chọn **Tự động** trong cài đặt nhận fax của máy in.
- ☐ Máy tính được đặt để nhận fax nên luôn luôn bật. Các tài liệu nhận được sẽ được lưu tạm vào bộ nhớ máy in trước khi chúng được lưu vào máy tính. Nếu bạn tắt máy tính, bộ nhớ của máy in có thể bị đầy bởi vì nó không thể gửi tài liệu tới máy tính.
- ☐ Số tài liệu được lưu tạm vào bộ nhớ máy in sẽ hiển thị trên  trên màn hình chính.
- ☐ Để đọc các bản fax đã nhận, bạn cần phải cài đặt một trình xem PDF như Adobe Reader trong máy tính.

Thông tin liên quan

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 174

Cài đặt để lưu fax đã nhận trên máy tính

Bạn có thể thực hiện cài đặt fax đã nhận bằng cách sử dụng FAX Utility. Cài đặt trước FAX Utility trên máy tính. Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Lưu ý:

Bạn có thể nhận fax và in fax cùng một lúc.

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)” ở trang 171

Nhận fax trên máy tính và in từ máy in

Cũng như thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận trên máy tính, hãy làm theo các bước bên dưới trên máy in.

1. Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
2. Chọn **Đầu ra fax > Lưu vào máy tính > Có và in**.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt để lưu fax đã nhận trên máy tính” ở trang 136

➔ “Cài đặt nhận” ở trang 143

Hủy fax đã nhận trên máy tính

Để hủy thao tác lưu fax trên máy tính, hãy thay đổi cài đặt trên máy tính.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt bằng FAX Utility. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ bản fax nào chưa được lưu vào máy tính, bạn không thể thay đổi cài đặt.

1. Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
2. Chọn **Đầu ra fax > Lưu vào máy tính > Không**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)” ở trang 171
- ➔ “Cài đặt nhận” ở trang 143

Kiểm tra fax mới (Windows)

Bằng cách thiết lập một máy tính để lưu các bản fax mà máy in đã nhận, bạn có thể kiểm tra tình trạng xử lý của các bản fax đã nhận và có hay không có bất kỳ bản fax mới nào sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ Windows. Bằng cách thiết lập máy tính để hiển thị thông báo khi nhận được các bản fax mới, một màn hình thông báo xuất hiện gần khay hệ thống Windows và bạn có thể kiểm tra các bản fax mới.

Lưu ý:

- ☐ Dữ liệu fax đã nhận được lưu vào máy tính sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ máy in.
- ☐ Bạn cần Adobe Reader để xem các bản fax đã nhận bởi vì chúng được lưu dưới dạng tệp PDF.

Sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ (Windows)

Bạn có thể kiểm tra các bản fax mới và trạng thái hoạt động bằng cách sử dụng biểu tượng fax hiển thị trên thanh tác vụ Windows.

1. Kiểm tra biểu tượng.

- ☐  : Đang chờ.
- ☐  : Kiểm tra fax mới.
- ☐  : Nhập fax mới đã xong.

2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng, sau đó nhấp vào **Open the received fax folder**.

Thư mục fax đã nhận hiển thị. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Trong khi biểu tượng fax chỉ ra rằng nó đang chờ, bạn có thể kiểm tra các bản fax mới ngay lập tức bằng cách chọn **Check new faxes**.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Sử dụng cửa sổ thông báo (Windows)

Khi bạn đặt thông báo cho bạn về các bản fax mới, một cửa sổ thông báo hiển thị gần thanh tác vụ cho mỗi bản fax.

1. Kiểm tra màn hình thông báo hiển thị trên màn hình máy tính của bạn.

Lưu ý:

Màn hình thông báo biến mất nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Bạn có thể thay đổi cài đặt thông báo như thời gian hiển thị.

Fax

2. Nhấp vào bất kỳ vị trí trong màn hình thông báo, ngoại trừ nút .

Thư mục bạn chỉ định để lưu các bản fax mới sẽ mở ra. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Kiểm tra fax mới (Mac OS)

Bạn có thể kiểm tra fax mới bằng một trong các phương pháp sau. Phương pháp này chỉ khả dụng trên máy tính được đặt thành "Save" (save faxes on this computer).

- ☐ Mở thư mục fax đã nhận (được chỉ định trong **Received Fax Output Settings**.)
- ☐ Mở Fax Receive Monitor và nhấp vào **Check new faxes**.
- ☐ Thông báo cho biết fax mới đã được nhận

Chọn **Notify me of new faxes via a dock icon** trong **Fax Receive Monitor > Preferences** trong FAX Utility, biểu tượng màn hình nhận fax trên Để cảm nhảy để thông báo cho bạn rằng các bản fax mới đã đến.

Mở thư mục fax đã nhận từ màn hình fax đã nhận (Mac OS)

Bạn có thể mở thư mục lưu trữ từ máy tính được chỉ định để nhận fax khi chọn "Save" (save faxes on this computer).

1. Nhấp vào biểu tượng màn hình fax đã nhận trên Dock để mở **Fax Receive Monitor**.
2. Chọn máy in và nhấp vào **Open folder** hoặc nhấp đúp vào tên máy in.
3. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Thông tin được gửi từ người gửi hiển thị như là số của người gửi. Số này có thể không hiển thị tùy thuộc vào người gửi.

Sử dụng các tính năng fax khác

In báo cáo và danh sách fax

In báo cáo fax theo cách thủ công

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Nhấn  (Xem thêm).

Fax

3. Chọn **Báo cáo fax**.

4. Chọn báo cáo mà bạn muốn in và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Lưu ý:

*Bạn có thể thay đổi định dạng báo cáo. Từ màn hình trang chủ, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt báo cáo** và sau đó thay đổi các thiết lập **Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** hoặc **Định dạng báo cáo**.*

Thông tin liên quan

➡ [“Xem thêm” ở trang 141](#)

➡ [“Cài đặt báo cáo” ở trang 144](#)

Thiết lập tự động in báo cáo fax

Bạn có thể thực hiện các cài đặt để tự động in các báo cáo fax sau đây.

Báo cáo truyền gửi

Từ màn hình trang chủ, chọn **Fax** > **Cài đặt fax** > **Báo cáo truyền gửi** và sau đó chọn **In** hoặc **In lỗi xảy ra**.

Nhật ký fax

Từ màn hình trang chủ, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt báo cáo** > **In tự động nhật ký fax** và sau đó chọn **Bật(Mỗi 30)** hoặc **Bật(Giờ)**.

Thông tin liên quan

➡ [“Tùy chọn menu cho Cài đặt người dùng” ở trang 146](#)

➡ [“Cài đặt báo cáo” ở trang 144](#)

Thiết lập bảo mật khi gửi fax

Bạn có thể thực hiện các cài đặt bảo mật để ngăn gửi fax đến người nhận sai địa chỉ hoặc ngăn các tài liệu nhận được bị rò rỉ hoặc bị mất. Bạn cũng có thể xóa dữ liệu fax đã sao lưu.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt bảo mật**.

3. Chọn menu rồi thực hiện các cài đặt.

Thông tin liên quan

➡ [“Cài đặt bảo mật” ở trang 145](#)

Tùy chọn menu cho fax

Người nhận

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax > Người nhận

Bàn phím:

Tự nhập số fax.

Danh bạ:

Chọn một người nhận từ danh bạ. Bạn cũng có thể thêm hoặc sửa người liên hệ.

Gần đây:

Chọn một người nhận từ lịch sử fax đã gửi. Bạn cũng có thể thêm người nhận vào danh bạ.

Cài đặt fax

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax > Cài đặt fax

Cài đặt quét:

☐ Kích thước bản gốc (Mặt kính)

Chọn kích thước và hướng của bản gốc mà bạn đã đặt lên kính máy scan.

☐ Chế độ màu

Chọn quét màu hay đơn sắc.

☐ Độ phân giải

Chọn độ phân giải cho fax gửi đi.

☐ Mật độ

Đặt mật độ cho fax gửi đi.

☐ Xóa nền

Phát hiện màu giấy (màu nền) của tài liệu gốc và loại bỏ hoặc làm nhạt màu. Có thể không loại bỏ hoặc làm nhạt màu được tùy thuộc vào độ tối và sự sống động của màu sắc

☐ Quét liên tục (ADF)

Khi gửi fax từ ADF, bạn không thể thêm các bản gốc vào ADF sau khi bắt đầu quét. Nếu bạn đặt các bản gốc có kích thước khác nhau vào ADF, mọi bản gốc sẽ được gửi theo kích thước lớn nhất trong số đó. Bật tùy chọn này để máy in hỏi xem bạn có muốn quét một trang khác sau khi bản gốc trong ADF đã quét xong hay không. Sau đó, bạn có thể phân loại và quét các bản gốc theo kích thước và gửi chúng dưới dạng fax riêng.

Fax

Cài đặt gửi fax:

☐ Gửi trực tiếp

Gửi fax đơn sắc cho một người nhận ngay khi thực hiện kết nối mà không cần lưu hình quét vào bộ nhớ. Nếu bạn không bật tùy chọn này, máy in bắt đầu truyền tải dữ liệu sau khi lưu hình quét vào bộ nhớ và có thể gây ra lỗi đầy bộ nhớ khi gửi nhiều trang. Bằng cách dùng tùy chọn này, bạn có thể tránh được lỗi, nhưng thời gian gửi fax lâu hơn. Bạn không thể dùng tùy chọn này khi gửi fax cho nhiều người nhận.

☐ Gửi fax sau

Gửi fax vào một thời điểm bạn chỉ định. Bạn chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi sử dụng tùy chọn này.

☐ Thêm thông tin người gửi☐ Thêm thông tin người gửi:

Chọn vị trí bạn muốn đưa thông tin đầu trang (tên và số fax của người gửi) vào fax đang gửi đi hoặc vị trí bạn không muốn đưa thông tin vào.

- **Tắt:** Gửi fax không có thông tin đầu trang.

- **Bên ngoài hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang trong lề trắng trên cùng của fax. Tùy chọn này giúp đầu trang không bị chồng chéo vào hình ảnh đã quét. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được có thể được in thành hai trang tùy thuộc vào khổ của bản gốc.

- **Bên trong hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang thấp hơn đầu hình ảnh đã quét khoảng 7 mm. Đầu trang có thể chồng chéo với hình ảnh. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được sẽ không bị chia thành hai tài liệu.

☐ Dòng đầu trang fax:

Chọn tiêu đề cho người nhận. Để sử dụng tính năng này, bạn cần đăng ký trước nhiều đầu trang.

☐ Thông tin bổ sung:

Chọn thông tin bạn muốn thêm. Bạn có thể chọn một tùy chọn từ **Số điện thoại của bạn** và **Danh sách đích**.

☐ Báo cáo truyền gửi

Tự động in báo cáo truyền sau khi gửi fax. Chọn **In lỗi xảy ra** để in báo cáo chỉ khi xảy ra lỗi. Nếu **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo > Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** được thiết lập, ảnh của tài liệu được in cùng với báo cáo.

☐ Xóa tất cả mọi cài đặt

Khôi phục tất cả cài đặt trong **Cài đặt fax** về giá trị mặc định.

Xem thêm

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax >  (Xem thêm)

Nhật ký truyền gửi:

Bạn có thể kiểm tra lịch sử các công việc fax đã gửi hoặc nhận.

Báo cáo fax:

☐ Truyền tải gần nhất

In báo cáo cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận thông qua tính năng fax theo yêu cầu.

Fax

☐ Nhật ký fax

In báo cáo truyền fax. Bạn có thể thiết lập tự động in báo cáo này bằng menu sau đây.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo > In tự động nhật ký fax

☐ D.sách cài đặt fax

In các thiết lập fax hiện tại.

☐ Dấu vết giao thức

In báo cáo chi tiết cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận.

Nhận hồi vòng:

Kết nối với số fax mà bạn đã nhập và nhận fax được lưu trên máy fax. Bạn có thể sử dụng tùy chọn này để nhận fax từ một dịch vụ thông tin fax.

Hộp thư đến:

Mở hộp thư đến nơi lưu trữ fax đã nhận.

In lại fax đã nhận:

In fax đã nhận lần nữa.

Cài đặt fax:

Mở **Cài đặt fax**. Bạn cũng có thể truy cập màn hình này bằng cách chọn **Cài đặt** trên màn hình chính, sau đó chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax**. Để biết thêm chi tiết, xem trang mô tả tính năng **Cài đặt fax**.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 142](#)

Tùy chọn menu cho Cài đặt fax

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax

Kiểm tra kết nối fax

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Kiểm tra kết nối fax

Kiểm tra xem máy in có kết nối với đường điện thoại và sẵn sàng để truyền fax không, và in kết quả kiểm tra trên giấy thường A4.

Thuật sĩ cài đặt fax

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Thuật sĩ cài đặt fax

Fax

Chọn các thiết lập fax cơ bản bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình. Để biết thêm chi tiết, xem trang mô tả các cài đặt fax cơ bản.

Cài đặt nhận

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận

Đầu ra fax

Bạn có thể đặt để lưu các tài liệu nhận được vào hộp thư đến hoặc trên máy tính. Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Lưu vào hộp thư đến:

Lưu fax đã nhận vào hộp thư đến của máy in.

Lưu vào máy tính:

Chuyển các tài liệu đã nhận sang định dạng PDF và lưu chúng vào máy tính đã kết nối với máy in.

Cài đặt in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Giảm tự động:

Thu nhỏ các tài liệu lớn đã nhận để cho vừa với giấy trong nguồn giấy. Việc thu nhỏ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào dữ liệu đã nhận. Nếu tính năng này tắt, các tài liệu lớn được in ở kích cỡ ban đầu trên nhiều tờ hoặc trang thứ hai trắng có thể bị đẩy ra.

Cài đặt tách trang:

Thực hiện cài đặt chia trang khi khổ của tài liệu nhận được lớn hơn khổ giấy được nạp vào máy in.

Xoay tự động:

Xoay các bản fax nhận được ở dạng tài liệu kích thước A5, hướng nằm ngang để in chúng trên kích thước giấy chính xác. Cài đặt này được áp dụng khi cài đặt kích thước giấy được thiết lập là A5. Kiểm tra menu sau.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in > Cài đặt nguồn giấy > Cài đặt giấy

Thêm thông tin nhận:

In thông tin nhận trong fax đã nhận, ngay cả khi người gửi không đặt thông tin đầu trang. Thông tin nhận bao gồm ngày và giờ nhận được, ID người gửi, ID nhận và số trang (chẳng hạn như "P1"). Khi bật **Cài đặt tách trang**, số chia trang cũng được bao gồm.

2 mặt:

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu nhận được trên cả hai mặt giấy.

Định giờ bắt đầu in:

Chọn các tùy chọn để bắt đầu in tài liệu nhận được.

Fax

Đã nhận tất cả các trang: Sau khi nhận được tất cả các trang, quá trình in sẽ bắt đầu từ trang đầu tiên.

Đã nhận trang đầu: Bắt đầu in khi nhận được trang đầu tiên, sau đó in theo thứ tự các trang nhận được. Nếu máy in không thể bắt đầu in, như khi đang in công việc khác, máy in sẽ bắt đầu in các trang đã nhận được dưới dạng một mẻ khi đã sẵn sàng.

Chồng đối chiếu:

In các tài liệu đã nhận từ trang cuối cùng (in theo thứ tự giảm dần) sao cho các tài liệu đã in được xếp theo đúng thứ tự trang. Khi máy in thiếu bộ nhớ, tính năng này có thể không hoạt động.

Giờ tạm dừng in:

Lưu các tài liệu nhận được trong khoảng thời gian quy định vào bộ nhớ máy in mà không cần in chúng. Vào thời gian chỉ định để khởi động lại tiến trình in, các tài liệu sẽ được in tự động. Tính năng này có thể được sử dụng để tránh gây ồn vào ban đêm hoặc tránh việc tài liệu bí mật bị tiết lộ khi bạn không ở đó. Trước khi dùng tính năng này, đảm bảo máy in có đủ dung lượng bộ nhớ trống.

Chế độ không ồn:

Giảm tiếng ồn máy in tạo ra khi in fax, tuy nhiên, tốc độ in có thể bị giảm đi.

Cài đặt báo cáo

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo

In tự động nhật ký fax:

Tự động in nhật ký fax. Chọn **Bật(Mỗi 30)** để in nhật ký mỗi khi 30 công việc fax được hoàn tất. Chọn **Bật(Giờ)** để in nhật ký theo thời gian quy định. Tuy nhiên, nếu số công việc fax vượt quá 30, nhật ký được in trước khi đến thời gian đã định.

Đính kèm hình ảnh vào báo cáo:

In **Báo cáo truyền gửi** cùng với ảnh của trang đầu tiên của tài liệu đã gửi. Chọn **Bật(Hình lớn)** để in phần trên của trang mà không cần thu nhỏ. Chọn **Bật(Hình nhỏ)** để in toàn bộ trang thu nhỏ để khớp với báo cáo.

Định dạng báo cáo:

Chọn một định dạng cho báo cáo fax. Chọn **Chi tiết** để in cùng với mã lỗi.

Cài đặt cơ bản

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản

Tốc độ fax:

Chọn tốc độ truyền fax. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng **Chậm (9.600b/giây)** khi lỗi truyền tin xảy ra thường xuyên, khi gửi/nhận fax đến/từ nước ngoài hoặc khi bạn sử dụng dịch vụ điện thoại IP (VoIP).

Fax

ECM:

Tự động sửa lỗi trong khi truyền fax (Chế độ sửa lỗi), chủ yếu là do nhiễu trên đường điện thoại gây ra. Nếu tính năng này tắt, bạn không thể gửi hoặc nhận tài liệu có màu.

Phát hiện âm gọi:

Phát hiện âm quay số trước khi bắt đầu quay số. Nếu máy in kết nối với PBX (Tổng đài nội bộ) hoặc đường điện thoại kỹ thuật số, máy in có thể gặp lỗi khi bắt đầu quay số. Trong trường hợp này, đối thiết lập **Loại dòng** thành **PBX**. Nếu cách này không hoạt động, hãy tắt tính năng này. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.

Loại dòng:

Chọn kiểu đường điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in. Khi sử dụng máy in trong môi trường có sử dụng phần mở rộng và đòi hỏi phải có mã truy cập từ bên ngoài, chẳng hạn như 0 và 9, để có được đường dây bên ngoài, hãy chọn **PBX** và đăng ký mã truy cập. Một khi bạn đã đăng ký mã truy cập, hãy nhập dấu # (thăng) thay vì mã truy cập khi gửi fax đến một số fax bên ngoài. Đối với môi trường sử dụng modem DSL hoặc adapter thiết bị đầu cuối, việc cài đặt sang **PBX** cũng được khuyến dùng.

Tiêu đề:

Nhập tên người gửi và số fax của bạn. Thông tin này xuất hiện trong phần tiêu đề của fax gửi đi. Bạn có thể nhập tối đa 40 ký tự cho tên của bạn và tối đa 20 chữ số cho số fax của bạn.

Chế độ nhận:

Chọn chế độ nhận.

DRD:

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ nhạc chuông đặc biệt từ công ty điện thoại, chọn kiểu nhạc chuông cần dùng cho fax gửi đến. Dịch vụ nhạc chuông đặc biệt được cung cấp bởi nhiều công ty điện thoại (tên dịch vụ sẽ khác nhau tùy theo công ty) cho phép bạn có một vài số điện thoại trên một đường dây điện thoại. Mỗi số sẽ được gán cho một kiểu nhạc chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Tùy thuộc vào khu vực, tùy chọn này có thể đã **Bật** hoặc **Tắt**.

Đổ chuông trả lời:

Chọn số lần đổ chuông phải xuất hiện trước khi máy in tự động nhận fax.

Nhận từ xa:

Khi bạn trả lời cuộc gọi fax đến trên điện thoại kết nối với máy in, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng cách nhập mã thông qua điện thoại.

Fax từ chối:

Chọn các tùy chọn để từ chối fax rác.

Cài đặt bảo mật

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt bảo mật

Fax

Giới hạn gọi điện trực tiếp:

☐ Tắt

Bật kiểu nhập thủ công các số fax của người nhận.

☐ Bật

Tắt kiểu nhập thủ công số fax của người nhận vốn cho phép tổng đài viên chỉ chọn người nhận từ danh bạ hoặc lịch sử đã gửi.

☐ Nhập hai lần

Yêu cầu tổng đài viên nhập lại số fax khi số này đã được nhập thủ công.

Xác nhận d.sách địa chỉ:

Hiển thị màn hình xác nhận người nhận trước khi bắt đầu truyền tải.

Tự xóa hết dữ liệu sao lưu:

Để chuẩn bị cho việc tắt nguồn đột ngột do sự cố điện hoặc thao tác không đúng, máy in tạm thời lưu trữ các bản sao lưu tài liệu đã gửi và đã nhận vào bộ nhớ. Bật tùy chọn này để tự động xóa các bản sao lưu khi đã gửi hoặc nhận xong tài liệu và không cần các bản sao lưu này nữa.

Xóa hết dữ liệu sao lưu:

Xóa mọi bản sao lưu được lưu tạm trong bộ nhớ máy in. Chạy tính năng này trước khi bạn tặng máy in cho người khác hoặc thải bỏ máy in.

Tùy chọn menu cho Cài đặt người dùng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt người dùng > Fax

Các thiết lập được thực hiện trên menu này trở thành thiết lập mặc định cho việc gửi fax. Để có các giải thích về các mục cài đặt, xem **Cài đặt fax** ở menu **Fax**.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt fax” ở trang 140

Tùy chọn menu cho Hộp thư đến



(Hộp thư đến):

Nhấn tùy chọn này sẽ mở Hộp thư đến nơi các fax đã nhận được lưu trữ. Khi có fax đã nhận nhưng chưa được đọc thì số tài liệu chưa đọc sẽ hiển thị trên

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo trì

Bạn có thể kiểm tra mức mực xấp xỉ và thời gian hoạt động xấp xỉ của hộp bảo dưỡng từ bảng điều khiển hoặc máy tính.

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng — bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính.

Kiểm Tra Tình Trạng Mực Còn Lại Và Hộp Bảo Trì - Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

Lưu ý:

Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Thông tin liên quan

➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 63](#)

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Mã hộp mực

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Epson không đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của mực không chính hãng. Sử dụng mực không chính hãng có thể gây hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành của Epson và trong một số trường hợp có thể gây ra hiện tượng máy in hoạt động thất thường. Thông tin về mức mực không chính hãng có thể không hiển thị được.

Sau đây là các mã cho các hộp mực Epson chính hãng.

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Lưu ý:

- ☐ Không phải tất cả các hộp mực đều sẵn có ở tất cả các khu vực.
- ☐ Mã hộp mực có thể khác nhau theo địa điểm. Để biết mã chính xác ở khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.

Dành cho châu Âu

Biểu tượng	BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thắm)	Y: Yellow (Vàng)
Binoculars 	502 502XL*	502 502XL*	502 502XL*	502 502XL*

* "XL" cho biết hộp mực lớn.

Truy cập trang web sau để biết thông tin về dung lượng hộp mực của Epson.

<http://www.epson.eu/pageyield>

Dành cho Úc và New Zealand

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thắm)	Y: Yellow (Vàng)
202 202XL*	202 202XL*	202 202XL*	202 202XL*

* "XL" cho biết hộp mực lớn.

Dành cho châu Á

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thắm)	Y: Yellow (Vàng)
03C 03D*	03C	03C	03C

* "D" cho biết hộp mực lớn.

Thông tin liên quan

➡ “Trang web hỗ trợ kỹ thuật” ở trang 222

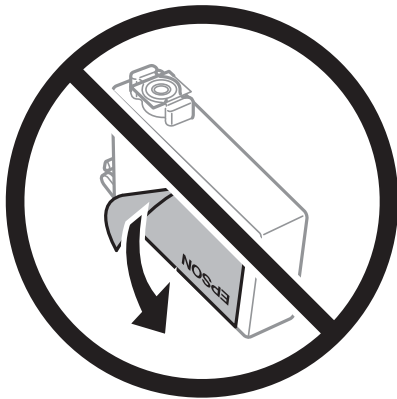
Phòng ngừa khi xử lý hộp mực

Hãy đọc các hướng dẫn sau trước khi thay hộp mực.

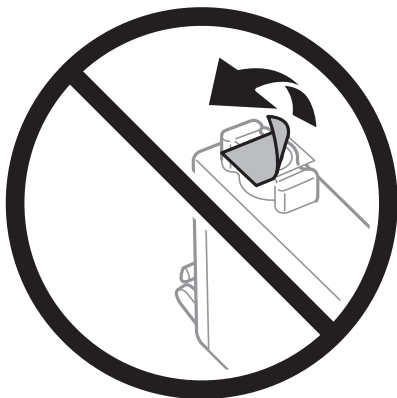
Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Thận trọng khi xử lý

- ☐ Bảo quản hộp mực ở nhiệt độ trong phòng bình thường và tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, sử dụng hộp mực trong vòng sáu tháng từ khi mở gói sản phẩm.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, bảo quản gói sản phẩm hộp mực với mặt đáy ở phía dưới.
- ☐ Sau khi đưa hộp mực vào từ nơi bảo quản lạnh, để mực ấm lên đến nhiệt độ phòng trong ít nhất ba giờ trước khi sử dụng.
- ☐ Không mở gói sản phẩm hộp mực khi bạn vẫn chưa sẵn sàng lắp hộp mực vào máy in. Hộp mực được đóng gói hút chân không để duy trì độ tin cậy. Nếu bạn mở gói hộp mực trong một thời gian dài trước khi sử dụng, có thể không đạt được chất lượng in bình thường.
- ☐ Cần thận không làm gãy các móc ở phía bên cạnh của hộp mực khi bạn lấy hộp mực ra khỏi gói sản phẩm.
- ☐ Bạn phải gỡ bỏ băng dính màu vàng ra khỏi hộp mực trước khi lắp hộp mực; nếu không, chất lượng in có thể suy giảm hoặc bạn không thể in được. Không gỡ bỏ hoặc xé nhãn trên hộp mực; làm như vậy có thể gây rò rỉ mực.



- ☐ Không gỡ bỏ niêm phong trong suốt ra khỏi đáy hộp mực; nếu làm như vậy, hộp mực có thể trở nên không sử dụng được.



Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

- ☐ Không chạm vào các phần được hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động và in bình thường.



- ☐ Lắp tất cả các hộp mực; nếu không bạn không thể in.
- ☐ Không thay thế hộp mực in khi nguồn tắt. Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Không tắt máy in trong khi nạp mực. Nếu quá trình nạp mực không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Không rời khỏi máy in khi tháo hộp mực hoặc không tắt máy in trong khi thay hộp mực. Nếu không, mực còn lại trong kim phun của đầu in có thể khô đi và bạn không thể in.
- ☐ Nếu bạn cần tháo hộp mực tạm thời, đảm bảo rằng bạn bảo vệ vùng cấp mực tránh bụi và bắn. Bảo quản hộp mực trong cùng môi trường với máy in, với cổng cấp mực hướng xuống dưới hoặc phía bên cạnh. Không bảo quản hộp mực với cổng cấp mực hướng lên trên. Vì cổng cấp mực được trang bị van được thiết kế để chứa mực thừa thoát ra, không cần phải có nắp hoặc nút của riêng bạn.
- ☐ Hộp mực đã tháo có thể có mực xung quanh cổng cấp mực, vì vậy hãy cẩn thận không để mực đi ra khu vực xung quanh khi tháo hộp mực.
- ☐ Máy in này sử dụng hộp mực được trang bị chip màu xanh lá cây để theo dõi thông tin như lượng mực còn lại của từng hộp mực. Điều này có nghĩa là ngay cả khi hộp mực được tháo ra khỏi máy in trước khi được mở rộng, bạn vẫn có thể sử dụng hộp mực sau khi lắp lại hộp mực vào máy in. Tuy nhiên, khi lắp lại hộp mực, một lượng mực có thể được tiêu thụ để đảm bảo hoạt động của máy in.
- ☐ Để có được hiệu quả sử dụng mực tối đa, chỉ tháo hộp mực khi bạn đã sẵn sàng thay hộp mực. Không thể sử dụng hộp mực có trạng thái mực thấp khi được lắp lại.
- ☐ Để đảm bảo bạn có được chất lượng in cao cấp và giúp bảo vệ đầu in, một lượng mực dự trữ an toàn còn lại trong hộp mực khi máy in của bạn cho biết cần phải thay hộp mực. Sản lượng đã tính cho bạn không bao gồm lượng dự trữ này.
- ☐ Mặc dù hộp mực có thể chứa các vật liệu tái chế, điều này không ảnh hưởng đến chức năng và hiệu suất của máy in.
- ☐ Thông số kỹ thuật và hình dáng của hộp mực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước nhằm cải tiến tốt hơn.
- ☐ Không tháo hoặc sửa lại hộp mực, làm như vậy bạn có thể không in được một cách bình thường.
- ☐ Bạn không thể sử dụng hộp mực đi cùng với máy in để thay thế.
- ☐ Sản lượng đã tính có thể thay đổi tùy thuộc vào ảnh mà bạn in, loại giấy bạn sử dụng, tần suất in và điều kiện môi trường như nhiệt độ.

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Tiêu thụ mực

- ❑ Để duy trì hiệu suất đầu in tối ưu, một lượng mực được tiêu thụ từ tất cả các hộp mực trong quá trình vận hành bảo dưỡng, ví dụ như làm sạch đầu in. Mực cũng có thể được tiêu thụ khi bạn bật máy in.
- ❑ Khi in ở chế độ đơn sắc hoặc xám, mực màu thay vì mực đen có thể được sử dụng tùy thuộc vào loại giấy hoặc cài đặt chất lượng in. Điều này là vì một hỗn hợp mực màu được sử dụng để tạo màu đen.
- ❑ Mực trong hộp mực được cung cấp cùng với máy in được sử dụng một phần trong quá trình cài đặt ban đầu. Để tạo ra bản in có chất lượng cao, đầu in trong máy in của bạn sẽ được nạp đầy mực. Quy trình một lần này tiêu thụ một lượng mực và vì vậy các hộp mực này có thể in số trang ít hơn so với các hộp mực tiếp theo.

Thay hộp mực

Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay hộp mực, hãy chọn **Cách làm** và sau đó xem hoạt ảnh hiển thị trên bảng điều khiển để tìm hiểu cách thay thế hộp mực.

Nếu bạn cần thay hộp mực trước khi hết, chọn **Bảo trì** > **Thay Hộp mực** trên màn hình chính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình. Chọn **Cách làm** để biết chi tiết.



Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.

Lưu ý:

Bạn có thể tiếp tục in ngay cả sau khi máy in cho biết rằng mực còn ít. Tuy nhiên, hãy chuẩn bị hộp mực mới càng sớm càng tốt.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Mã hộp mực” ở trang 147](#)
- ➔ [“Phòng ngừa khi xử lý hộp mực” ở trang 148](#)

Mã Hộp Bảo Trì

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp bảo dưỡng Epson chính hãng.

Mã hộp bảo trì: T04D1



Quan trọng:

Sau khi đã lắp hộp bảo dưỡng vào máy in thì không thể dùng hộp đó với máy in khác.

Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì

Đọc các hướng dẫn sau trước khi thay thế hộp bảo trì.

- ❑ Không chạm vào chip màu xanh lá cây ở phía bên cạnh của hộp bảo dưỡng. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động và in bình thường.
- ❑ Không được làm rơi hộp bảo dưỡng hoặc tác động mạnh lên hộp.

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

- ☐ Không thay hộp bảo dưỡng trong khi in; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Không tháo hộp bảo dưỡng và nắp hộp trừ khi thay thế hộp bảo dưỡng; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Khi không thể lắp lại nắp, hộp bảo dưỡng có thể không được lắp đúng cách. Tháo hộp bảo dưỡng và lắp lại.
- ☐ Không nghiêng hộp bảo dưỡng đã sử dụng sau khi đóng kín trong túi nhựa; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Không chạm vào lỗ hở trong hộp bảo dưỡng vì bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.
- ☐ Không sử dụng lại hộp bảo dưỡng đã được tháo ra và không được lắp vào trong một thời gian dài. Mực bên trong hộp sẽ đông đặc lại và không thể hấp thu thêm mực.
- ☐ Để hộp bảo dưỡng tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Không bảo quản hộp bảo dưỡng ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.

Thay Thế Hộp Bảo Trì

Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể bị tích tụ trong hộp bảo dưỡng. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi hộp bảo dưỡng, máy in được thiết kế để dừng in khi khả năng hấp thu của hộp bảo dưỡng đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện.

Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay thế hộp bảo dưỡng, hãy tham khảo hoạt ảnh hiển thị trên bảng điều khiển. Việc cần thay thế hộp không có nghĩa là máy in không còn vận hành theo thông số kỹ thuật nữa. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này. Đây là bộ phận người dùng có thể bảo trì.

Lưu ý:

Khi đã đầy, bạn sẽ không thể in cho đến khi hộp bảo dưỡng được thay thế để tránh rò rỉ mực. Tuy nhiên, các tính năng ngoài tính năng in vẫn khả dụng.

Thông tin liên quan

- ➔ “Mã Hộp Bảo Trì” ở trang 151
- ➔ “Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì” ở trang 151

In tạm thời bằng mực đen

Khi mực màu đã cạn mà mực đen vẫn còn, bạn có thể sử dụng các cài đặt sau để tiếp tục in chỉ sử dụng mực đen trong thời gian ngắn.

- ☐ Kiểu giấy: Giấy thường, Bì thư
- ☐ Màu: Đen trắng hoặc Dải màu xám
- ☐ Không đường viền: Không được chọn
- ☐ EPSON Status Monitor 3: Được bật (Khi in từ trình điều khiển máy in trên Windows.)

Vì tính năng này chỉ khả dụng trong khoảng năm ngày, hãy thay thế hộp mực đã cạn càng sớm càng tốt.

Lưu ý:

- ☐ Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, hãy truy cập trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng trên thẻ Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
- ☐ Khoảng thời gian khả dụng có thể thay đổi tùy theo điều kiện sử dụng.

In tạm thời bằng mực đen — Bảng điều khiển

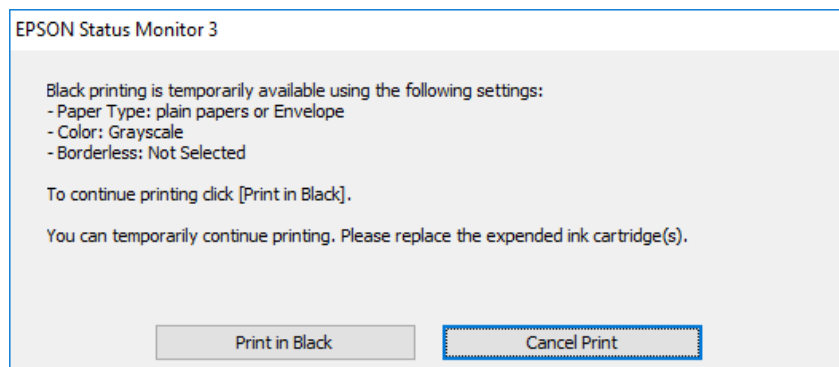
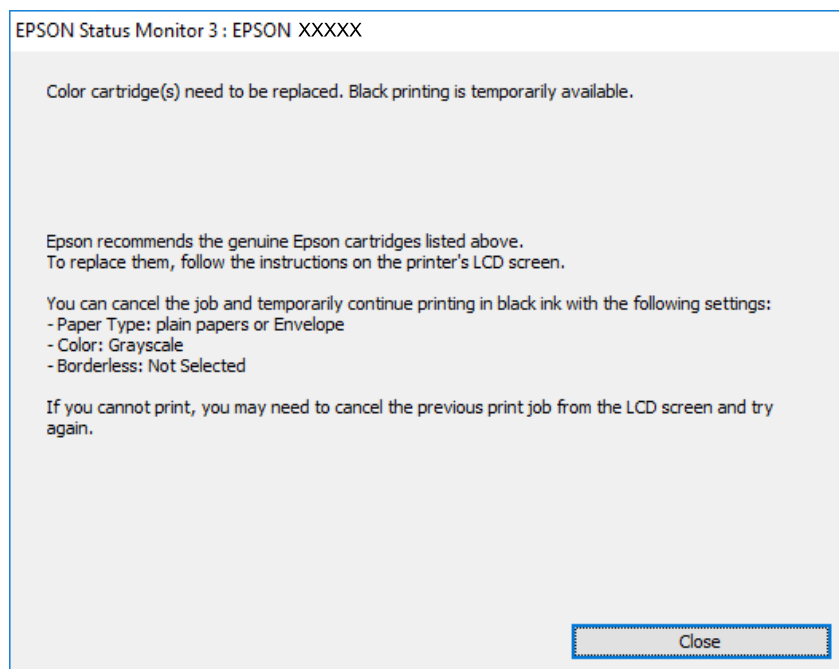
1. Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay hộp mực, chọn **Tiến hành**.
Thông báo hiển thị cho bạn biết rằng bạn có thể tạm thời in bằng mực đen.
2. Xem thông báo và sau đó chọn **Tiến hành**.
3. Nếu bạn muốn in đơn sắc, hãy chọn **Không, nhắc tôi sau**.
Công việc đang thực hiện bị hủy.
4. Giờ đây, bạn có thể sao chụp đơn sắc bản gốc hoặc in fax đã nhận trên giấy thường. Chọn tính năng mà bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Lưu ý:

Sao chụp không đường viền không khả dụng.

In tạm thời bằng mực đen — Windows

1. Khi cửa sổ sau được hiển thị, hãy hủy lệnh in.



Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Lưu ý:

Nếu bạn không thể hủy in từ máy tính, hãy hủy in bằng bảng điều khiển của máy in.

2. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
3. Bỏ chọn **Ko viên** trên thẻ **Chính**.
4. Chọn **Giấy thường** hoặc **Bì thư** cho thiết lập **Loại giấy** trên tab **Chính**.
5. Chọn **Dải màu xám**.
6. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
7. Nhấp vào **In**.
8. Nhấp vào **In đen** trong cửa sổ hiển thị.

Thông tin liên quan

- ➔ “Hủy” ở trang 79
- ➔ “Nạp giấy vào Hộp Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63

In tạm thời bằng mực đen — Mac OS

Lưu ý:

Để sử dụng tính năng này qua mạng, hãy kết nối với **Bonjour**.

1. Nhấp vào biểu tượng máy in trong **Trạm Kết Nối**.
2. Hủy bỏ công việc.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể hủy in từ máy tính, hãy hủy in bằng bảng điều khiển của máy in.

3. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).
4. Chọn **On** làm cài đặt **Permit temporary black printing**.
5. Truy cập hộp thoại in.
6. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.
7. Chọn bất kỳ kích cỡ giấy nào trừ kích cỡ không đường viền làm cài đặt **Cỡ giấy**.
8. Chọn **Giấy thường** hoặc **Bì thư** làm cài đặt **Media Type**.
9. Chọn **Dải màu xám**.
10. Đặt các mục khác nếu cần.
11. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Hủy in” ở trang 79
- ➔ “Nạp giấy vào Hộp Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81

Duy trì mực đen khi mực đen còn ít (chỉ dành cho Windows)

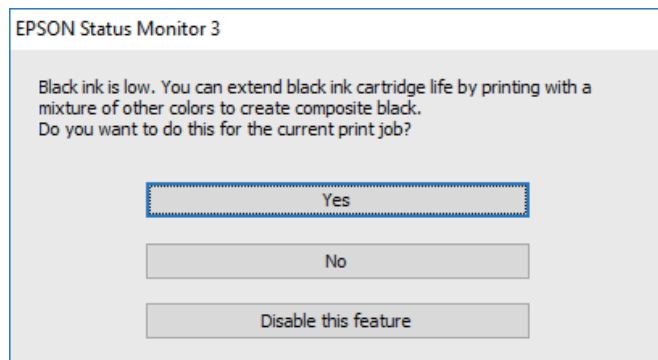
Khi mực đen sắp hết và còn đủ mực màu, bạn có thể sử dụng hỗn hợp các mực màu để tạo ra mực đen. Bạn có thể tiếp tục in trong khi chuẩn bị hộp mực đen thay thế.

Tính năng này chỉ có sẵn khi bạn chọn các cài đặt sau trong trình điều khiển máy in.

- ☐ Loại giấy: **Giấy thường**
- ☐ C.lượng: **Chuẩn**
- ☐ EPSON Status Monitor 3: Đã bật

Lưu ý:

- ☐ Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, hãy truy cập trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
- ☐ Mực đen hỗn hợp trông hơi khác so với mực đen thuần. Ngoài ra, tốc độ in bị giảm.
- ☐ Để duy trì chất lượng của đầu in, mực đen cũng được tiêu thụ.



Tùy chọn	Mô tả
Có	Chọn để sử dụng hỗn hợp mực màu để tạo màu đen. Cửa sổ này được hiển thị vào lần tiếp theo bạn in công việc tương tự.
Không	Chọn để tiếp tục sử dụng mực đen còn lại. Cửa sổ này được hiển thị vào lần tiếp theo bạn in công việc tương tự.
Tắt tính năng này	Chọn để tiếp tục sử dụng mực đen còn lại. Cửa sổ này không được hiển thị cho tới khi bạn thay thế hộp mực đen và hộp mực lại sắp hết.

Bảo trì máy in

Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In

Nếu các kim phun bị tắc, bản in trở nên mờ nhạt, có dải băng rõ ràng hoặc xuất hiện màu không mong muốn. Khi chất lượng in giảm đi, hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun và kiểm tra xem kim phun có bị tắc không. Nếu kim phun bị tắc, hãy làm sạch đầu in.



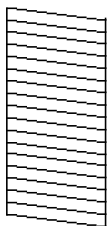
Quan trọng:

- ☐ Không mở bộ phận máy quét hoặc tắt máy in trong khi làm sạch đầu in. Nếu quá trình làm sạch đầu in không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Vì quá trình làm sạch đầu in sử dụng một lượng mực, chỉ làm sạch đầu in khi chất lượng suy giảm.
- ☐ Khi mực thấp, bạn không thể làm sạch đầu in.
- ☐ Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in bốn lần, hãy đợi ít nhất sáu giờ không in, và sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Chúng tôi khuyến nghị tắt máy in. Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Để tránh đầu in bị khô, không rút phích cắm điện của máy in khi nguồn vẫn đang bật.

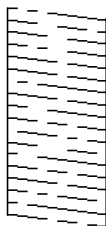
Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Bảng điều khiển

- Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
- Chọn **Bảo trì** trên màn hình chính.
- Chọn **Kiểm tra kim phun đầu in**.
- Làm theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu kiểm tra kim phun.
- Kiểm tra mẫu đã in. Nếu dòng bị gãy hoặc thiếu phân đoạn như trong mẫu "NG" thì kim phun của đầu in có thể bị tắc. Chuyển sang bước tiếp theo. Nếu không thấy bất kỳ dòng nào bị gãy hoặc không thiếu phân đoạn nào như trong mẫu "OK" sau thì nghĩa là kim phun không bị tắc. Chọn  để đóng tính năng kiểm tra kim phun.

OK



NG



- Chọn , sau đó làm theo các hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đầu in.

Bảo trì máy in

7. Khi quá trình làm sạch kết thúc, in lại mẫu kiểm tra kim phun. Lặp lại quá trình làm sạch và in mẫu cho đến khi tất cả các dòng đều được in ra hoàn chỉnh.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

Kiểm tra và làm sạch Đầu In — Windows

1. Nạp giấy thường A4 vào máy in.
2. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
3. Nhấp vào **K.tra kim phun** trên thẻ **Bảo dưỡng**.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44
- ➔ “Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 63

Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Mac OS

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó chọn máy in.
3. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
4. Nhấp vào **K.tra kim phun**.
5. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

Căn chỉnh Đầu In

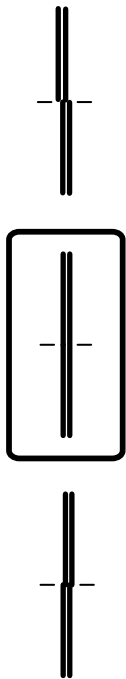
Nếu bạn thấy các đường dọc bị lệch nhau hoặc ảnh bị mờ, hãy căn chỉnh đầu in.

Căn chỉnh Đầu In — Bảng điều khiển

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.

Bảo trì máy in

2. Chọn **Bảo trì** trên màn hình chính.
3. Chọn **căn chỉnh đầu in**.
4. Nếu các đường dọc bị sai lệch hoặc nếu bản in nhìn bị mờ, hãy đến bước 5. Nếu bạn thấy dải ngang theo các chu kỳ đều đặn, hãy đến bước 11.
5. Chọn **Căn chỉnh cơ bản**, sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu căn thẳng hàng.
6. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để căn chỉnh đầu in.
Tìm và chọn số cho mẫu có đường kẻ dọc bị sai lệch ít nhất.



7. Chọn **Căn chỉnh dọc**, sau đó in mẫu căn thẳng hàng.
8. Tìm và chọn số cho mẫu đồng màu nhất trong mỗi nhóm.

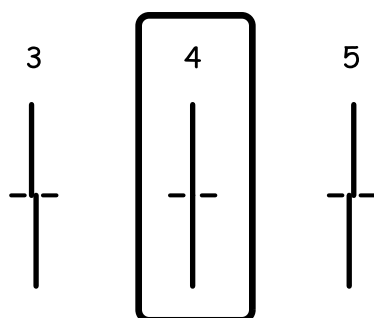
#1



9. Chọn **Căn chỉnh đường thẳng theo thước**, sau đó in mẫu căn thẳng hàng.

Bảo trì máy in

10. Tìm và chọn số cho mẫu có đường kẻ dọc bị sai lệch ít nhất.



Việc căn thẳng hàng đã hoàn thành.

11. Chọn **Căn chỉnh chiều ngang**, sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu căn thẳng hàng.

12. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để căn chỉnh đầu in.

Tìm và chọn số cho mẫu bị phân tách và chồng lấp ít nhất.

**Thông tin liên quan**

➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44](#)

Vệ sinh đường dẫn giấy

Khi bản in ra có vết bẩn hoặc giấy không được nạp đúng, hãy vệ sinh các con lăn bên trong.

**Quan trọng:**

Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.

Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn

Khi bản in ra có vết bẩn hoặc bị mòn, hãy vệ sinh các con lăn bên trong.



Quan trọng:

Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.

1. Nạp giấy thường A4 vào máy in.
2. Chọn **Bảo trì** trên màn hình chính.
3. Chọn **Làm sạch dẫn hướng giấy**.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đường đi của giấy.

Lưu ý:

Lặp lại quy trình này cho đến khi giấy không còn vết mực bẩn nữa.

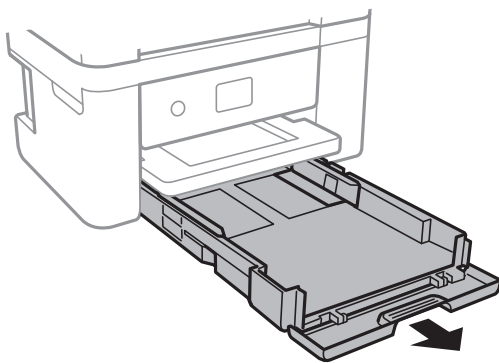
Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy

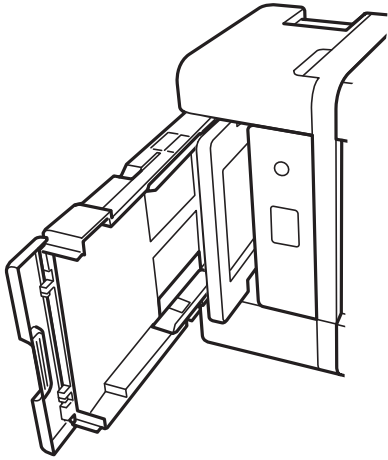
Khi giấy từ hộc đựng giấy được nạp không đúng, hãy vệ sinh con lăn bên trong.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Rút dây nguồn và sau đó ngắt kết nối dây nguồn.
3. Kéo hộc đựng giấy ra.



Bảo trì máy in

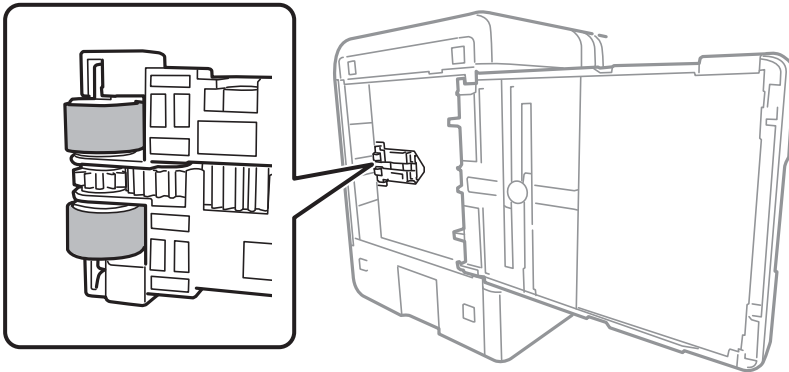
4. Đặt máy in với nút  của bảng điều khiển ở trên cùng.



Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi đặt máy in. Nếu không, bạn có thể bị thương.

5. Nhúng ướt miếng vải, vắt kỹ và sau đó lau sạch con lăn trong khi xoay cùng với miếng vải.



6. Đưa máy in về vị trí thông thường và sau đó lắp hộp đựng giấy.



Quan trọng:

Không để máy in đứng lâu.

7. Kết nối dây nguồn.

Làm sạch ADF

Khi các hình ảnh sao chép hoặc quét từ ADF có vết bẩn hoặc bản gốc không được nạp vào ADF chính xác, hãy làm sạch ADF.

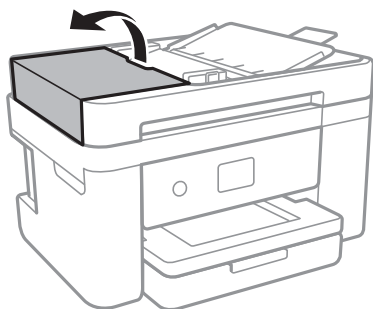
Bảo trì máy in



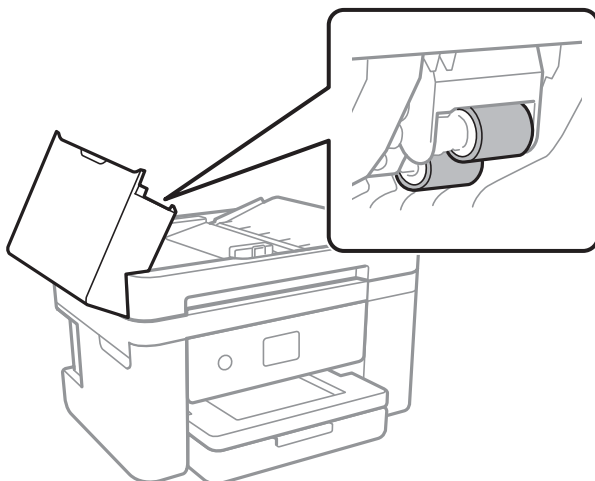
Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp ADF.



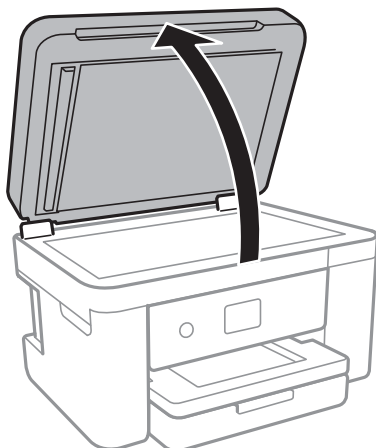
2. Sử dụng vải mềm, ẩm để làm sạch con lăn và phần bên trong của ADF.



Quan trọng:

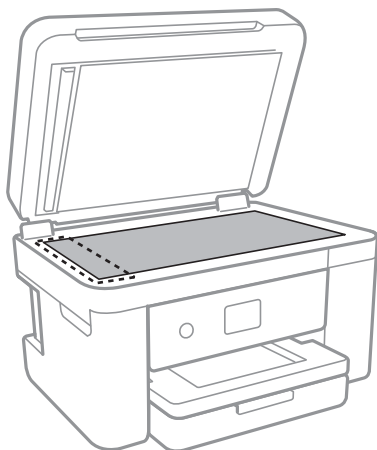
Dùng vải khô có thể làm hỏng bề mặt của con lăn. Sử dụng ADF sau khi con lăn đã khô.

3. Mở nắp tài liệu.



Bảo trì máy in

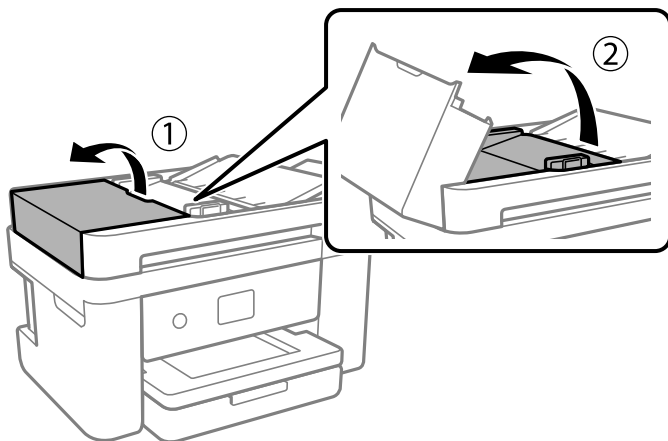
4. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



Quan trọng:

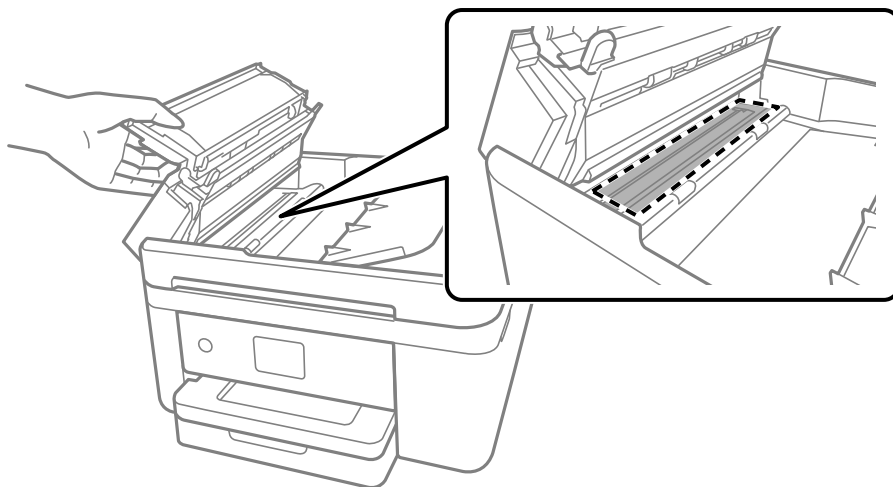
- ❑ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ nào khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ❑ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ❑ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

5. Nếu không thể xóa vấn đề, tắt máy in bằng cách nhấn nút , mở nắp ADF và nâng khay nạp giấy ADF lên.



Bảo trì máy in

6. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



Vệ sinh Kính Máy Scan

Khi các bản sao hoặc ảnh quét có vết bẩn, hãy vệ sinh kính máy scan.



Chú ý:

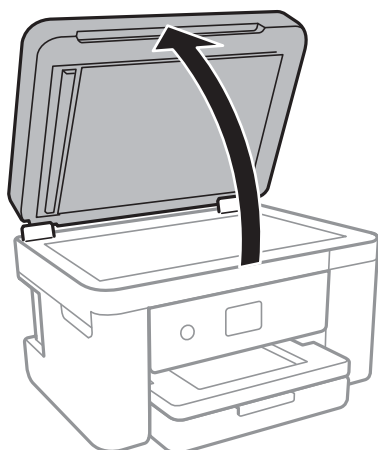
Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp tài liệu.



Bảo trì máy in

- Sử dụng vải mềm, khô và sạch để làm sạch bề mặt kính máy scan.



Quan trọng:

- ☐ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ nào khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ☐ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ☐ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

Vệ sinh phim mờ

Khi bản in không được cải thiện sau khi căn chỉnh đầu in hoặc vệ sinh đường dẫn giấy, phim mờ bên trong máy in có thể bị bẩn.

Cần có:

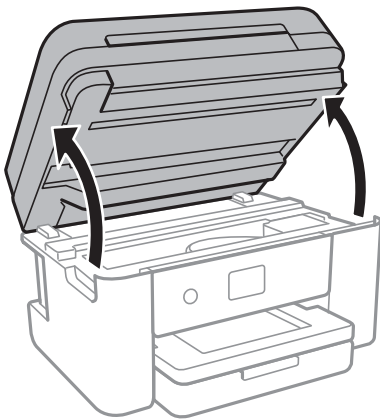
- ☐ Tăm bông (vài cái)
- ☐ Nước có pha vài giọt chất tẩy rửa (2 đến 3 giọt chất tẩy rửa trong 1/4 cốc nước máy)
- ☐ Đèn để kiểm tra vết bẩn



Quan trọng:

Không sử dụng chất lỏng làm sạch khác với nước cùng một vài giọt chất tẩy rửa.

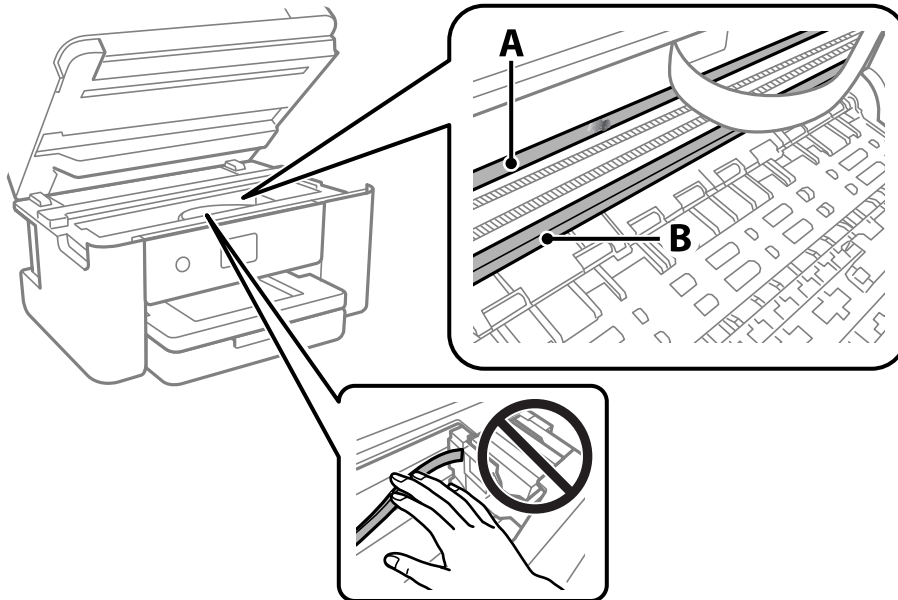
- Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
- Mở bộ phận máy quét.



Bảo trì máy in

3. Kiểm tra xem phim mờ có bị bẩn không. Vết bẩn dễ nhìn thấy hơn nếu bạn sử dụng đèn.

Nếu có các vết bẩn (chẳng hạn như dấu vân tay hoặc dầu mỡ) trên phim mờ (A), hãy chuyển sang bước tiếp theo.



A: Phim mờ

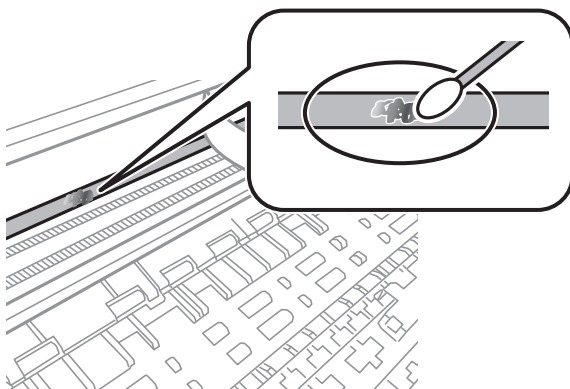
B: Ray



Quan trọng:

Cẩn thận không chạm vào ray (B). Nếu không, bạn có thể không in được. Không lau sạch dầu mỡ trên ray vì điều này cần thiết cho các hoạt động.

4. Làm ẩm tấm bông bằng nước hòa với vài giọt chất tẩy rửa để không làm nhỏ giọt nước và sau đó lau phần bị bẩn.



Quan trọng:

Nhẹ nhàng lau sạch vết bẩn. Nếu bạn ấn quá mạnh tấm bông lên phim, lò xo của phim có thể bị lệch khỏi vị trí và máy in có thể bị hỏng hóc.

Bảo trì máy in

5. Sử dụng tấm bông khô và mới để lau phim.



Quan trọng:

Không để sợi bông bám lên phim.

Lưu ý:

Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thường xuyên thay mới tấm bông.

6. Lặp lại các bước 4 và 5 cho đến khi phim không còn vết bẩn.
7. Kiểm tra bằng mắt thường để đảm bảo phim không bị bẩn.

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

Phần này giới thiệu các dịch vụ mạng và sản phẩm phần mềm có sẵn cho máy in của bạn từ trang web Epson hoặc đĩa phần mềm kèm theo.

Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in (Web Config)

Web Config là ứng dụng chạy trên trình duyệt, như Internet Explorer và Safari, trên máy tính hoặc thiết bị thông minh. Bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in hoặc thay đổi các cài đặt dịch vụ mạng và máy in. Để sử dụng Web Config, kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị với cùng mạng.

Các trình duyệt sau được hỗ trợ.

HĐH	Trình duyệt
Windows XP SP3 trở lên	Internet Explorer 8 hoặc cao hơn, Firefox*, Chrome*
Mac OS X v10.6.8 trở lên	Safari*, Firefox*, Chrome*
iOS*	Safari*
Android 2.3 trở lên	Trình duyệt mặc định
Chrome OS*	Trình duyệt mặc định

* Sử dụng phiên bản mới nhất.

Chạy Web Config bằng trình duyệt web

1. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

Chọn biểu tượng mạng trên màn hình chính của máy in, sau đó chọn phương thức kết nối hiện hoạt để xác nhận địa chỉ IP của máy in.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra địa chỉ IP bằng cách in báo cáo kết nối mạng.

2. Khởi chạy trình duyệt Web từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

Định dạng:

IPv4: http://địa chỉ IP của máy in/

IPv6: http://[địa chỉ IP của máy in]/

Ví dụ:

IPv4: http://192.168.100.201/

IPv6: http://[2001:db8::1000:1]/

Lưu ý:

Bằng cách sử dụng thiết bị thông minh, bạn cũng có thể chạy Web Config từ màn hình bảo dưỡng của Epson iPrint.

Thông tin liên quan

- ➔ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 31
- ➔ “Sử dụng Epson iPrint” ở trang 88

Chạy Web Config trên Windows

Khi kết nối máy tính với máy in bằng cách sử dụng WSD, hãy làm theo các bước bên dưới để chạy Web Config.

1. Truy cập màn hình thiết bị và máy in trên Windows.
 - ❑ Windows 10/Windows Server 2016
Nhấp chuột phải vào nút bắt đầu hoặc nhấn và giữ nút đó và sau đó chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.
 - ❑ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Chọn **Màn hình nền > Cài đặt > Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**).
 - ❑ Windows 7/Windows Server 2008 R2
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.
 - ❑ Windows Vista/Windows Server 2008
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.
2. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Thuộc tính**.
3. Chọn thẻ **Dịch vụ Web** và nhấp vào URL.

Chạy Web Config trên Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Hiển thị Trang web Máy in**.

Ứng dụng để quét tài liệu và hình ảnh (Epson Scan 2)

Epson Scan 2 là ứng dụng để điều khiển chức năng quét. Bạn có thể điều chỉnh kích cỡ, độ phân giải, độ sáng, độ tương phản và chất lượng của ảnh quét. Bạn cũng có thể bắt đầu Epson Scan 2 từ ứng dụng quét tương thích TWAIN. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Bắt đầu trên Windows

Lưu ý:

Với các hệ điều hành Windows Server, đảm bảo bạn cài đặt tính năng **Trải nghiệm máy tính để bàn**.

- ❑ Windows 10/Windows Server 2016
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EPSON > Epson Scan 2**.

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

- ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 > Epson Scan 2**.

Bắt đầu trên Mac OS

Lưu ý:

Epson Scan 2 không hỗ trợ tính năng chuyển người dùng nhanh của Mac OS. Tắt tính năng chuyển người dùng nhanh.

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Thêm máy quét mạng

Trước khi sử dụng Epson Scan 2, bạn cần thêm máy quét mạng.

1. Khởi động phần mềm, sau đó nhấp vào **Thêm** trên màn hình **Cài đặt máy scan**.

Lưu ý:

- ☐ Nếu **Thêm** chuyển sang màu xám, hãy nhấp vào **Cho phép chỉnh**.
- ☐ Nếu màn hình chính Epson Scan 2 hiển thị thì nó đã được kết nối với máy quét. Nếu bạn muốn kết nối với mạng khác, hãy chọn **Máy scan > Cài đặt** để mở màn hình **Cài đặt máy scan**.

2. Thêm máy quét mạng. Nhập các mục sau, sau đó nhấp vào **Thêm**.

- ☐ **Mẫu:** Chọn máy quét bạn muốn kết nối.
- ☐ **Tên:** Nhập tên máy quét trong khoảng 32 ký tự.
- ☐ **Tìm kiếm mạng:** Khi máy tính và máy quét ở trên cùng một mạng, địa chỉ IP hiển thị. Nếu địa chỉ không hiển thị, hãy nhấp vào nút . Nếu địa chỉ IP vẫn không hiển thị, hãy nhấp vào **Nhập địa chỉ** và sau đó nhập địa chỉ IP trực tiếp.

3. Chọn máy quét trên màn hình **Cài đặt máy scan**, sau đó nhấp vào **Đ.ý**.

Ứng dụng để định cấu hình thao tác quét từ bảng điều khiển (Epson Event Manager)

Epson Event Manager là ứng dụng cho phép bạn quản lý chức năng quét từ bảng điều khiển và lưu ảnh vào máy tính. Bạn có thể thêm thiết lập riêng của bạn thành thiết lập đặt sẵn, như kiểu tài liệu, vị trí thư mục lưu giữ và định dạng ảnh. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Epson Software > Event Manager**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > Event Manager**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Event Manager.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)

FAX Utility là ứng dụng cho phép bạn cấu hình hàng loạt các thiết lập để gửi fax từ máy tính. Bạn có thể tạo hoặc sửa danh bạ được sử dụng khi gửi fax, cấu hình lưu fax đã nhận ở định dạng PDF trên máy tính, v.v. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

☐ Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in trước khi cài đặt FAX Utility.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Epson Software > FAX Utility**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** (hoặc **Chương trình**) > **Epson Software > FAX Utility**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in (FAX). Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax trên máy tính” ở trang 135](#)

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)

Trình điều khiển PC-FAX là ứng dụng cho phép bạn gửi tài liệu được tạo ra trên một ứng dụng riêng dưới dạng fax trực tiếp từ máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt khi bạn cài đặt tiện ích FAX. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Thao tác vận hành khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn đã sử dụng để tạo tài liệu. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập từ Windows

Trong ứng dụng, chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Truy cập từ Mac OS

Trong ứng dụng, chọn **In** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) là thiết lập **Máy in** và sau đó chọn **Fax Settings** or **Recipient Settings** từ menu bật lên.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gửi fax từ máy tính” ở trang 131](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 171](#)

Ứng dụng cho bố cục ảnh (Epson Easy Photo Print)

Epson Easy Photo Print là một ứng dụng cho phép bạn in ảnh dễ dàng với hàng loạt các bố trí khác nhau. Bạn có thể xem trước ảnh chụp và điều chỉnh ảnh hoặc vị trí. Bạn cũng có thể in ảnh chụp có khung. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Bảng cách in trên giấy ảnh Epson chính hãng, chất lượng in đạt mức tối đa và bản in ra sống động và rõ ràng.

Để thực hiện in không đường viền sử dụng ứng dụng thương mại sẵn có, hãy thực hiện các thiết lập sau.

- ☐ Tạo dữ liệu ảnh để vừa với khổ giấy. Nếu có cài đặt lề trong ứng dụng bạn đang sử dụng, hãy đặt lên tới 0 mm.
- ☐ Bật thiết lập in không đường viền trình điều khiển máy in.

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Để sử dụng ứng dụng này, cần phải cài đặt trình điều khiển máy in.

Bắt đầu trên Windows

- ☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Epson Software** > **Epson Easy Photo Print**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > Epson Easy Photo Print**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Easy Photo Print.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Ứng dụng để in trang web (E-Web Print)

E-Web Print là ứng dụng cho phép bạn in các trang web dễ dàng với hàng loạt các bố trí khác nhau. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết. Bạn có thể truy cập trợ giúp từ menu **E-Web Print** trên thanh công cụ **E-Web Print**.

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Kiểm tra các trình duyệt được hỗ trợ và phiên bản mới nhất từ trang web tải xuống.

Bắt đầu

Khi bạn cài đặt E-Web Print, ứng dụng này được hiển thị trong trình duyệt của bạn. Nhấp vào **Print** hoặc **Clip**.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Ứng dụng để quét và chuyển ảnh (Easy Photo Scan)

Easy Photo Scan là ứng dụng cho phép bạn quét ảnh và dễ dàng gửi hình ảnh đã quét tới máy tính hoặc dịch vụ đám mây. Bạn cũng có thể dễ dàng điều chỉnh hình ảnh đã quét. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

Để sử dụng ứng dụng này, cần phải cài đặt trình điều khiển máy in Epson Scan 2.

Bắt đầu trên Windows

- ☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Phần mềm Epson > Quét ảnh dễ dàng**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > Easy Photo Scan**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Easy Photo Scan**.

Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)

EPSON Software Updater là ứng dụng kiểm tra phần mềm mới hoặc cập nhật trên Internet và cài đặt. Bạn cũng có thể cập nhật phần mềm điều khiển của máy in và hướng dẫn sử dụng.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Phương pháp cài đặt

Tải xuống EPSON Software Updater từ trang web Epson.

Nếu đang sử dụng máy tính chạy Windows và không thể tải xuống ứng dụng từ trang web, bạn có thể cài đặt ứng dụng từ đĩa phần mềm được cung cấp.

<http://www.epson.com>

Bắt đầu trên Windows☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Epson Software > EPSON Software Updater**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình hoặc Chương trình > Epson Software > EPSON Software Updater**.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể bắt đầu EPSON Software Updater bằng cách nhấp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ trên màn hình nền, và sau đó chọn **Cập nhật phần mềm**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EPSON Software Updater**.

Ứng dụng để định cấu hình nhiều thiết bị (EpsonNet Config)

EpsonNet Config là ứng dụng cho phép bạn thiết lập địa chỉ giao tiếp mạng và giao thức. Xem hướng dẫn vận hành cho EpsonNet Config hoặc trợ giúp của ứng dụng để biết thêm chi tiết.

Bắt đầu trên Windows☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EpsonNet > EpsonNet Config**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ❑ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config.

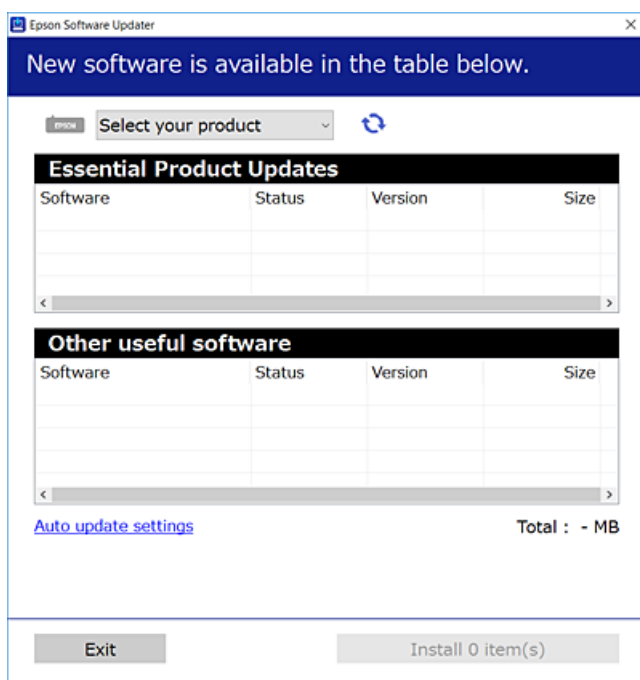
Cài đặt ứng dụng mới nhất

Lưu ý:

Khi cài đặt lại một ứng dụng, trước tiên bạn cần gỡ cài đặt ứng dụng.

- Đảm bảo rằng máy in và máy tính có thể kết nối, và máy in được kết nối với Internet.
- Khởi động EPSON Software Updater.

Ảnh chụp màn hình là ví dụ về Windows.



- Đối với Windows, chọn máy in của bạn, sau đó nhấp vào  để kiểm tra các ứng dụng có sẵn mới nhất.
- Chọn ứng dụng bạn muốn cài đặt hoặc cập nhật, sau đó nhấp vào nút cài đặt.



Quan trọng:

Không tắt hoặc rút phích cắm máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

Lưu ý:

- ☐ Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

<http://www.epson.com>

- ☐ Nếu sử dụng hệ điều hành Windows Server, bạn không thể sử dụng EPSON Software Updater. Tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

Thông tin liên quan

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 174

➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 176

Cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển

Nếu máy in được kết nối Internet, bạn có thể cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển. Bạn cũng có thể đặt máy in thường xuyên kiểm tra bản cập nhật chương trình cơ sở và thông báo cho bạn nếu có.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cập nhật firmware > Cập nhật**.

Lưu ý:

Bật **Thông báo** để đặt máy in thường xuyên kiểm tra các bản cập nhật chương trình cơ sở có sẵn.

3. Xem thông báo hiển thị trên màn hình và nhấn nút **Bắt đầu kiểm tra** để bắt đầu tìm kiếm các bản cập nhật có sẵn.
4. Nếu thông báo hiển thị trên màn hình LCD cho bạn biết rằng đã có bản cập nhật chương trình cơ sở, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để bắt đầu cập nhật.

 Quan trọng:

- ☐ Không tắt hoặc rút phích cắm máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.
- ☐ Nếu quá trình cập nhật chương trình cơ sở không hoàn tất hoặc không thành công, máy in không khởi động bình thường và "Recovery Mode" được hiển thị trên màn hình LCD vào lần tiếp theo máy in được bật. Trong trường hợp này, bạn cần cập nhật lại chương trình cơ sở bằng máy tính. Kết nối máy in với máy tính bằng cáp USB. Trong khi "Recovery Mode" hiển thị trên máy in, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng. Trên máy tính, truy cập trang web Epson tại địa phương và sau đó tải xuống chương trình cơ sở mới nhất của máy in. Xem hướng dẫn trên trang web để biết các bước tiếp theo.

Gỡ cài đặt ứng dụng

Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows

1. Nhấn nút  để tắt máy in.
2. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.
3. Mở **Bảng điều khiển**:
 - ☐ Windows 10/Windows Server 2016
Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc nhấn và giữ máy in và sau đó chọn **Bảng điều khiển**.
 - ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Chọn **Bàn làm việc > Cài đặt > Bảng điều khiển**.
 - ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển**.
4. Mở **Gỡ cài đặt chương trình** (hoặc **Thêm hoặc Xóa chương trình**):
 - ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008
Chọn **Gỡ cài đặt chương trình** trong **Chương trình**.
 - ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào **Thêm hoặc Xóa chương trình**.
5. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt.
Bạn không thể gỡ cài đặt trình điều khiển máy in nếu có bất kỳ lệnh in nào. Xóa hoặc chờ để được in các lệnh trước khi gỡ cài đặt.
6. Gỡ cài đặt các ứng dụng:
 - ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008
Nhấp vào **Gỡ cài đặt/Thay đổi** hoặc **Gỡ cài đặt**.
 - ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào **Thay đổi/Xóa** hoặc **Xóa**.

Lưu ý:
Nếu cửa sổ **Kiểm soát tài khoản người dùng** hiển thị, nhấp vào **Tiếp tục**.
7. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS

1. Tải xuống Uninstaller bằng EPSON Software Updater.
Sau khi đã tải xuống Uninstaller, bạn không cần tải xuống lần nữa mỗi khi bạn gỡ cài đặt ứng dụng.
2. Nhấn vào nút  để tắt máy in.

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

- Để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in hoặc trình điều khiển PC-FAX, chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó xóa máy in khỏi danh sách máy in đã kích hoạt.
- Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.
- Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Uninstaller**.
- Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó nhấp vào **Uninstall**.



Quan trọng:

Uninstaller xóa toàn bộ các trình điều khiển cho máy in Epson inkjet trên máy tính. Nếu bạn sử dụng nhiều máy in Epson inkjet và bạn chỉ muốn xóa một số trình điều khiển, trước tiên hãy xóa tất cả và sau đó cài đặt lại trình điều khiển máy in cần thiết.

Lưu ý:

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt trong danh sách ứng dụng, bạn không thể gỡ cài đặt bằng Uninstaller. Trong trường hợp này, chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software**, chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó kéo ứng dụng vào biểu tượng thùng rác.

Thông tin liên quan

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 174

In bằng dịch vụ mạng

Với việc sử dụng dịch vụ Epson Connect có trên Internet, bạn có thể in từ điện thoại thông minh, máy tính bảng, PC hoặc máy tính xách tay bất kỳ lúc nào và gần như từ bất cứ nơi nào. Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký người dùng và máy in trong Epson Connect.

Các tính năng này sẵn có trên Internet như sau.

☐ Email Print

Khi gửi email cùng tệp đính kèm như tài liệu hoặc hình ảnh tới một địa chỉ email được gán cho máy tính, bạn có thể in email và tệp đính kèm đó từ vị trí ở xa như máy in nhà riêng hoặc văn phòng.

☐ Epson iPrint

Ứng dụng này dành cho iOS và Android và cho phép bạn in hoặc quét từ điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể in tài liệu, hình ảnh và trang web bằng cách gửi chúng trực tiếp tới máy in trên cùng LAN không dây.

☐ Scan to Cloud

Ứng dụng này cho phép bạn gửi dữ liệu đã quét mà bạn muốn in tới máy in khác. Bạn cũng có thể tải dữ liệu đã quét lên dịch vụ Đám mây khả dụng.

☐ Remote Print Driver

Đây là trình điều khiển dùng chung được Trình điều khiển in từ xa hỗ trợ. Khi in bằng máy in ở vị trí ở xa, bạn có thể in bằng cách thay đổi máy in trên cửa sổ ứng dụng thông thường.

Xem cổng thông tin web Epson Connect để biết chi tiết.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Giải quyết vấn đề

Kiểm tra trạng thái máy in

Kiểm tra thông báo trên màn hình LCD

Nếu có thông báo lỗi được hiển thị trên màn hình LCD, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình hoặc các giải pháp dưới đây để giải quyết vấn đề.

Thông báo lỗi	Giải pháp
Lỗi máy in Bật lại máy in. Xem tài liệu hướng dẫn để biết thêm chi tiết.	Gỡ bỏ giấy hoặc vật liệu bảo vệ trong máy in. Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
Hết giấy trong XX.	Nạp giấy, sau đó lắp hộp đựng giấy vào.
Bạn cần thay thế Hộp mực.	Để đảm bảo bạn có được chất lượng in cao cấp và giúp bảo vệ đầu in, một lượng mực dự trữ an toàn còn lại trong hộp mực khi máy in của bạn cho biết cần phải thay hộp mực. Thay hộp mực khi bạn được nhắc thực hiện như vậy.
Miếng thấm mực in không có đường viền của máy in sắp hết hạn sử dụng. Đây không phải là bộ phận có thể thay thế bởi người dùng. Vui lòng liên hệ Hỗ trợ của Epson.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Thông báo sẽ được hiển thị cho đến khi tấm lót mực được thay thế. Nhấn Đ.ý để tiếp tục in.
Miếng thấm mực in không có đường viền của máy in đã hết hạn sử dụng. Đây không phải là bộ phận có thể thay thế bởi người dùng. Vui lòng liên hệ Hỗ trợ của Epson.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Tuy nhiên, các tính năng khác ngoài tính năng in (như quét) vẫn khả dụng.
Tự động hiển thị thiết lập giấy đã cài Tắt. Một số tính năng có thể không có sẵn. Để biết chi tiết, xem tài liệu hướng dẫn.	Nếu Tự động hiển thị thiết lập giấy bị tắt, bạn không thể sử dụng AirPrint.
Không phát hiện âm quay số.	Sự cố này có thể được khắc phục bằng cách chọn Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Loại dòng và sau đó chọn PBX . Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đặt mã truy cập sau khi chọn PBX . Sử dụng # (dấu thăng) thay cho mã truy cập thực sự khi nhập số fax bên ngoài. Điều này giúp cho kết nối bảo mật hơn. Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị, hãy đặt cài đặt Phát hiện âm gọi thành tắt. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.
Kết hợp địa chỉ IP và mật khẩu mạng không hợp lệ. Xem tài liệu hướng dẫn của bạn để biết chi tiết.	Nhập địa chỉ IP chính xác hoặc cổng mặc định. Liên hệ với người thiết lập mạng để được trợ giúp.
Cập nhật chứng chỉ gốc để dùng các dịch vụ đám mây.	Chạy Web Config, sau đó cập nhật chứng chỉ gốc.

Giải quyết vấn đề

Thông báo lỗi	Giải pháp
Kiểm tra xem cài đặt cổng của máy in (như Địa chỉ IP) hoặc trình điều khiển máy in có chính xác theo máy tính hay không.	Nhấp vào Chuỗi in trên tab Bảo dưỡng của trình điều khiển máy in. Đảm bảo cổng máy in được chọn đúng cách trong Thuộc tính > Cổng từ menu Máy in như sau.
Kiểm tra xem cài đặt cổng hoặc trình điều khiển máy in có chính xác theo máy tính hay không. Xem tài liệu hướng dẫn của bạn để biết chi tiết.	Chọn " USBXXX " cho kết nối USB hoặc " EpsonNet Print Port " cho kết nối mạng.
Recovery Mode	Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại. Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở. 1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.) 2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.

* Trong một số chu kỳ in, một lượng mực thừa rất nhỏ có thể đọng trong tấm lót mực. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tấm lót, sản phẩm được thiết kế dừng in khi tấm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu việc này có được yêu cầu không và thường xuyên như thế nào thay đổi tùy thuộc vào số trang mà bạn in với tùy chọn in không đường viền. Nhu cầu thay thế tấm lót không có nghĩa là máy in đã dừng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tấm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 222](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)
- ➔ [“Cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển” ở trang 176](#)

Kiểm tra trạng thái máy in — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng** và sau đó nhấp vào **Chi tiết**.

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in, mức mực và tình trạng lỗi.

Lưu ý:

Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 63](#)

Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó chọn máy in.

Giải quyết vấn đề

2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Tiện ích > Mở Tiện ích Máy in**.

3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in, mức mực và tình trạng lỗi.

Kiểm tra trạng thái phần mềm

Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.

Thông tin liên quan

➔ [“Công cụ cập nhật phần mềm \(EPSON Software Updater\)” ở trang 174](#)

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Gỡ bỏ giấy bị kẹt

Làm theo hướng dẫn trên màn hình trên bảng điều khiển của máy in để tìm và gỡ bỏ giấy bị kẹt kể cả các mẫu giấy rách. Màn hình LCD hiển thị hoạt ảnh cho bạn biết cách gỡ bỏ giấy bị kẹt.

**Chú ý:**

Không chạm vào các nút trên bảng điều khiển khi tay của bạn đang ở bên trong máy in. Nếu máy in bắt đầu hoạt động, máy in có thể gây ra thương tích. Cần thận không chạm vào các bộ phận nhô ra để tránh thương tích.

**Quan trọng:**

Gỡ bỏ giấy bị kẹt thật cẩn thận. Gỡ bỏ giấy quá mạnh tay có thể làm hỏng máy in.

Giấy nạp không chính xác

Kiểm tra các điểm sau, sau đó thực hiện các thao tác thích hợp để xử lý sự cố.

- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.
- ☐ Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
- ☐ Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.
- ☐ Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.
- ☐ Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.
- ☐ Vệ sinh con lăn bên trong máy in.

Thông tin liên quan

➔ [“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 216](#)

➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 43](#)

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42](#)

Giải quyết vấn đề

➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 47

Kẹt Giấy

Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

Thông tin liên quan

➔ “Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 181

➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng

Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44

Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần

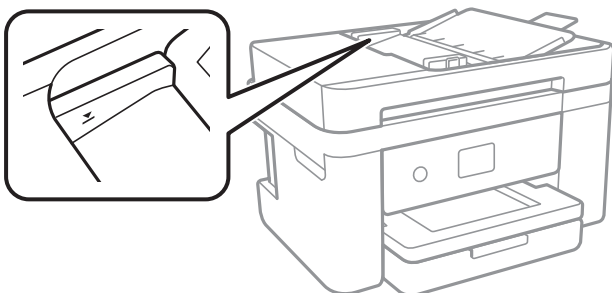
Khi nhiều tờ giấy được nạp mỗi lần trong khi in 2 mặt thủ công, hãy gỡ toàn bộ giấy đã nạp vào máy in trước khi bạn nạp lại giấy.

Giấy được đẩy ra trong khi in

Khi bạn nạp giấy tiêu đề thư (giấy trên đó có thông tin như tên người gửi hoặc tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang), chọn **Có phần in đầu** là cài đặt kiểu giấy.

Bản gốc không nạp vào ADF

- ☐ Sử dụng bản gốc được ADF hỗ trợ.
- ☐ Nạp bản gốc theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng bên cạnh của ADF đến mép của bản gốc.
- ☐ Làm sạch phần bên trong ADF.
- ☐ Không nạp các bản gốc lên phía trên vạch được chỉ rõ bằng biểu tượng tam giác trên ADF.



Giải quyết vấn đề

- ☐ Kiểm tra xem biểu tượng ADF có ở cuốn màn hình không. Nếu không, hãy đặt lại bản gốc.

Thông tin liên quan

- ➔ “Bản gốc sẵn có cho ADF” ở trang 48
- ➔ “Đặt bản gốc lên ADF” ở trang 49
- ➔ “Làm sạch ADF” ở trang 161

Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện

Nguồn điện không bật

- ☐ Đảm bảo rằng dây điện được cắm chắc chắn.
- ☐ Giữ nút  lâu hơn một chút.

Nguồn điện không tắt

Giữ nút  lâu hơn một chút. Nếu bạn vẫn không thể tắt máy in, hãy rút dây điện. Để tránh đầu in bị khô, bật lại máy in và tắt máy bằng cách nhấn nút .

Tắt Nguồn Tự Động

- ☐ Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản > Cài đặt tắt nguồn**, và sau đó tắt cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.
- ☐ Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản**, và sau đó tắt cài đặt **Bộ hẹn giờ tắt**.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

Màn hình LCD bị tối đi

Máy in ở chế độ ngủ. Nhấn bất kỳ vị trí nào trên màn hình LCD để chuyển nó trở về trạng thái trước.

Không thể in từ máy tính

Kiểm tra kết nối (USB)

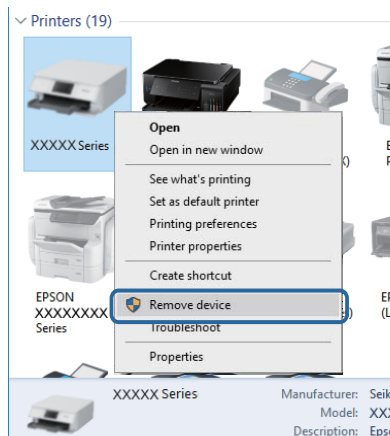
- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.
- ☐ Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.
- ☐ Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Giải quyết vấn đề

- ❑ Nếu máy in không thể in bằng kết nối USB, hãy thử các cách sau.

Ngắt kết nối cáp USB khỏi máy tính. Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in được hiển thị trên máy tính và sau đó chọn **Xóa thiết bị**. Tiếp theo, kết nối cáp USB với máy tính và thử in kiểm tra.

Đặt lại kết nối USB bằng cách làm theo các bước trong sách hướng dẫn này cho thay đổi phương thức kết nối với máy tính. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.



Thông tin liên quan

- ➔ [“Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 39](#)

Kiểm tra kết nối (mạng)

- ❑ Khi bạn đã thay đổi điểm truy cập hoặc nhà cung cấp của mình, hãy thử đặt lại các cài đặt mạng cho máy in. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.
- ❑ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau; điểm truy cập, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần hơn với điểm truy cập để giúp liên lạc qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ❑ In báo cáo kết nối mạng. Xem liên kết về thông tin có liên quan dưới đây để biết chi tiết. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.
- ❑ Nếu địa chỉ IP được chỉ định cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác. Khởi động lại điểm truy cập hoặc đặt lại các cài đặt mạng cho máy in. Nếu cách này không giải quyết vấn đề, hãy xem tài liệu cho điểm truy cập.
- ❑ Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố. Kiểm tra kết nối mạng của máy tính.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 23](#)
- ➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 31](#)

Kiểm tra phần mềm và dữ liệu

- ☐ Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in Epson chính hãng được lắp đặt. Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.
- ☐ Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng” ở trang 185](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt trên máy tính của bạn không bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

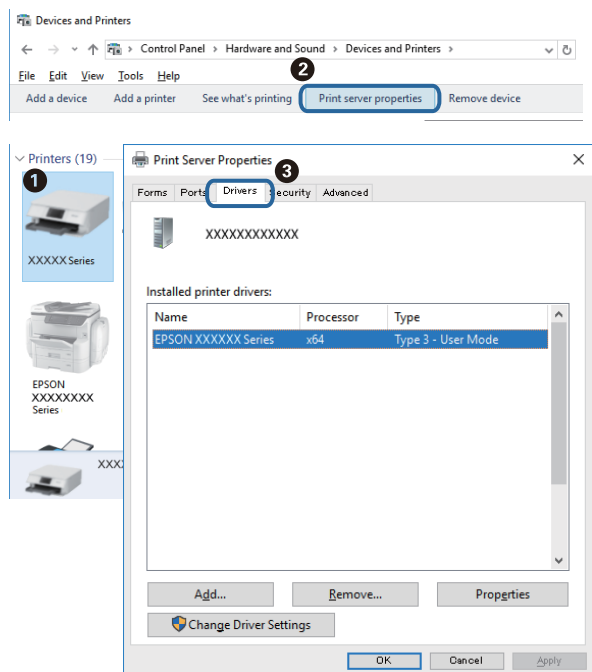
Windows

Chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và Fax)** và sau đó thực hiện thao tác sau để mở cửa sổ thuộc tính máy chủ in.

- ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2
Nhấp vào biểu tượng máy in và sau đó nhấp vào **Thuộc tính máy chủ in** ở đầu cửa sổ.
- ☐ Windows Vista/Windows Server 2008
Nhấp chuột phải vào thư mục **Máy in** và sau đó nhấp vào **Chạy với tư cách quản trị viên > Thuộc tính máy chủ**.
- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Từ menu **Tệp**, chọn **Thuộc tính máy chủ**.

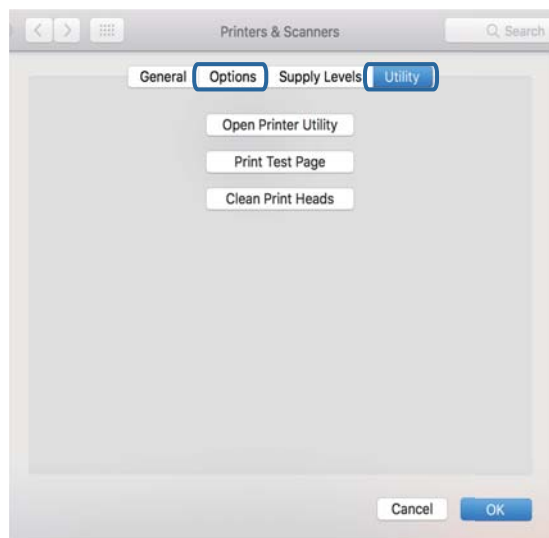
Giải quyết vấn đề

Nhấp vào thẻ **Trình điều khiển**. Nếu tên máy in của bạn hiển thị trong danh sách, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Nguồn cấp** và nếu thẻ **Tùy chọn** và thẻ **Tiện ích** hiển thị trên cửa sổ, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



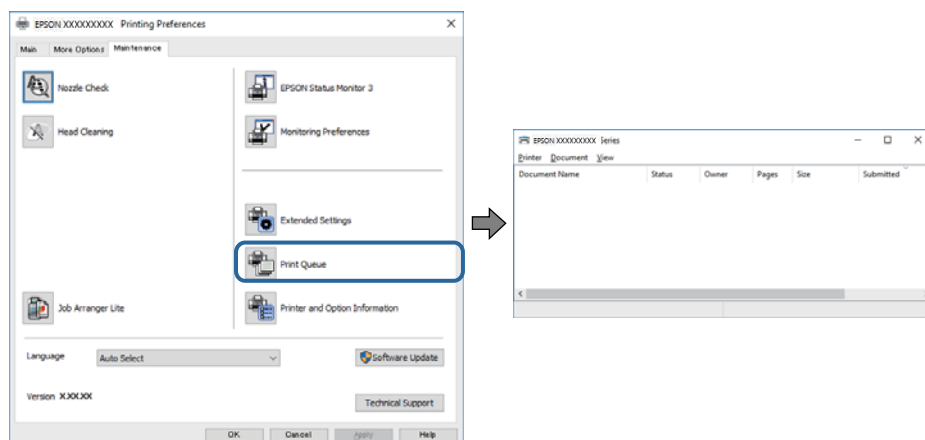
Thông tin liên quan

➡ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175

Giải quyết vấn đề

Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows)

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó kiểm tra các mục sau.

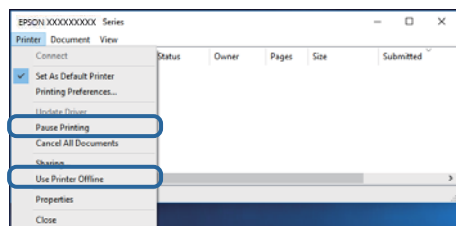


- ❑ Kiểm tra xem có bất kỳ công việc in nào đang tạm dừng không.

Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

- ❑ Đảm bảo rằng máy in không ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



- ❑ Đảm bảo rằng máy in được chọn là máy in mặc định từ menu **Máy in** (phải có một dấu kiểm trên mục menu).

Nếu máy in không được chọn là máy in mặc định, hãy đặt là máy in mặc định. Nếu có nhiều biểu tượng trong **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và fax)**, xem thông tin sau để chọn biểu tượng.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON sê-ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON sê-ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, các bản sao của trình điều khiển máy in có thể được tạo. Nếu các bản sao chẳng hạn như "EPSON sê-ri XXXX (bản sao 1)" được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

- ❑ Đảm bảo cổng máy in được chọn đúng cách trong **Thuộc tính > Cổng** từ menu **Máy in** như sau.

Chọn **"USBXXX"** cho kết nối USB hoặc **"EpsonNet Print Port"** cho kết nối mạng.

Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS)

Đảm bảo trạng thái của máy in không phải là **Dừng**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó nhấp đúp vào máy in. Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng

- ❑ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng.Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau; điểm truy cập, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in.Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần hơn với điểm truy cập để giúp liên lạc qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ❑ Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**, sau đó in báo cáo kết nối mạng.Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

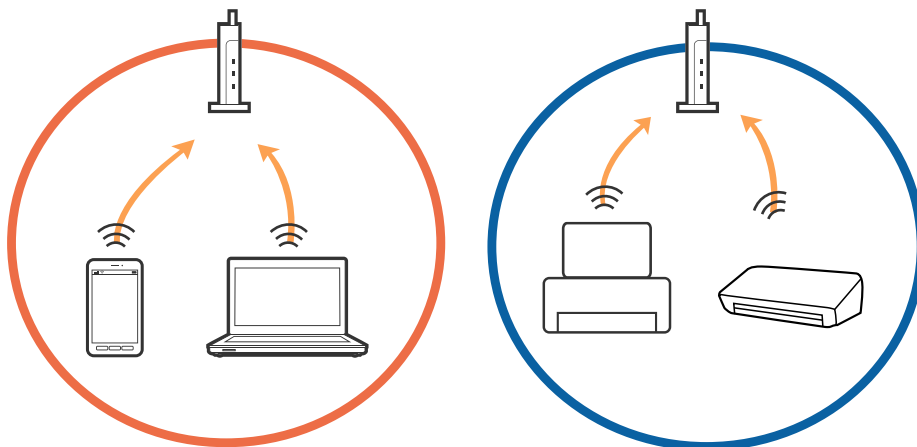
Thông tin liên quan

- ➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 31](#)
- ➔ [“Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 32](#)

Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng

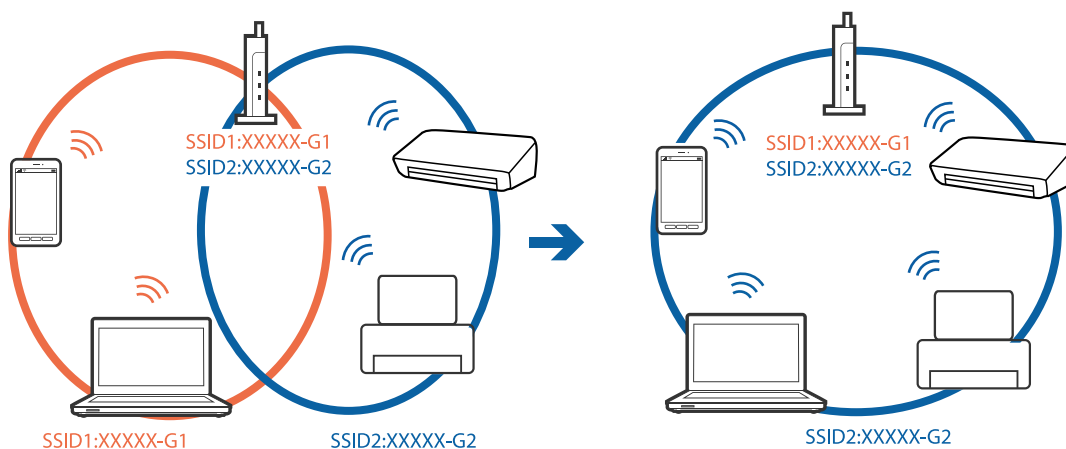
Nếu bạn không thể kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tới máy in mặc dù báo cáo kết nối mạng không cho thấy có bất kỳ vấn đề nào, hãy xem phần sau.

- ❑ Khi bạn sử dụng nhiều điểm truy cập cùng một lúc, bạn có thể không sử dụng được máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tùy thuộc vào các cài đặt của điểm truy cập.Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một điểm truy cập với máy in.

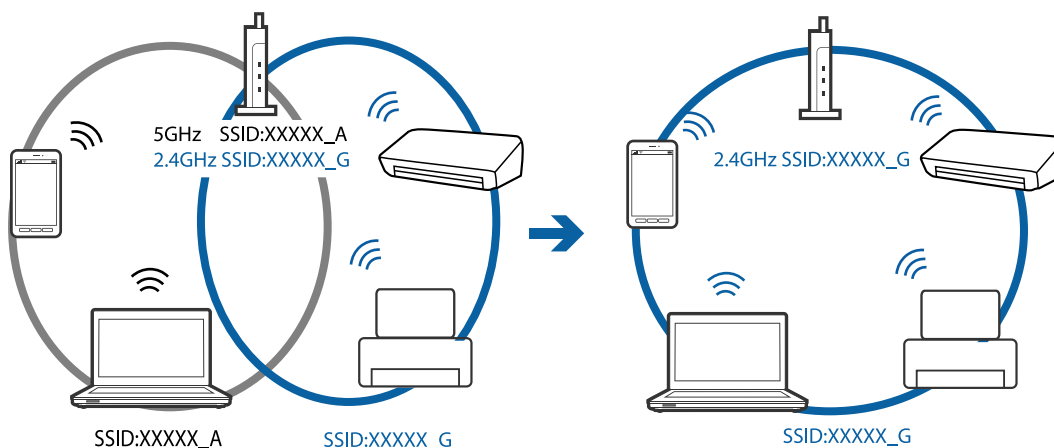


Giải quyết vấn đề

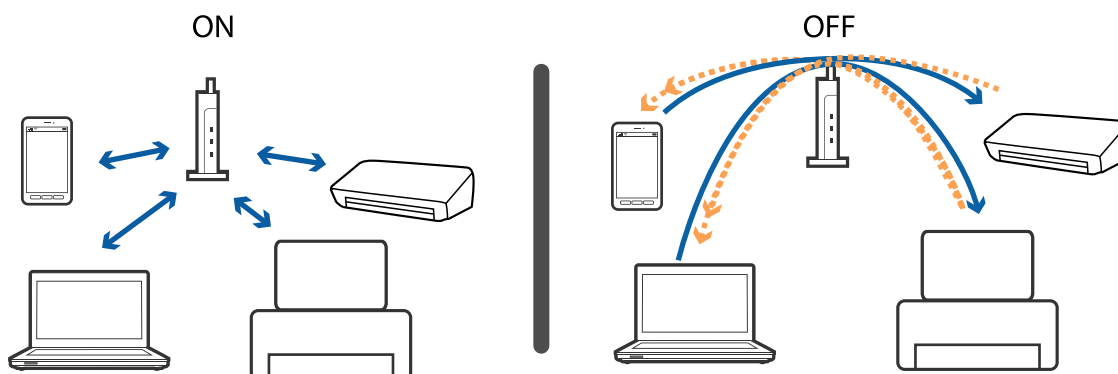
- ❑ Bạn có thể không kết nối được với điểm truy cập khi điểm truy cập có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối tới các SSID khác nhau trên cùng một điểm truy cập. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.



- ❑ Điểm truy cập tuân theo cả chuẩn IEEE802.11a và IEEE802.11g có các SSID của 2,4 GHz và 5 GHz. Nếu bạn kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh tới SSID 5 GHz, bạn không thể kết nối tới máy in do máy in chỉ hỗ trợ giao tiếp trên tần số 2,4 GHz. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.



- ❑ Hầu hết các điểm truy cập đều có tính năng trình tách riêng tư chặn giao tiếp giữa các thiết bị kết nối. Nếu bạn không thể kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt tính năng trình tách riêng tư trên điểm truy cập. Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập để biết chi tiết.



Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra SSID được kết nối với máy in” ở trang 190
- ➔ “Kiểm tra SSID cho máy tính” ở trang 190

Kiểm tra SSID được kết nối với máy in

Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Tình trạng mạng**.

Bạn có thể kiểm tra SSID cho Wi-Fi và Wi-Fi Direct từ mỗi menu.

Kiểm tra SSID cho máy tính

Windows

Nhấp vào  trong khay tác vụ trên màn hình nền. Kiểm tra tên của SSID được kết nối từ danh sách hiển thị.



Mac OS

Nhấp vào biểu tượng Wi-Fi ở đầu màn hình máy tính. Danh sách SSID hiển thị và SSID đã kết nối được biểu thị bằng dấu kiểm.



Không thể in từ iPhone hoặc iPad

- ☐ Kết nối iPhone hoặc iPad với cùng một mạng (SSID) như máy in.
- ☐ Bật **Tự động hiển thị thiết lập giấy** trong các menu sau.
 - Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in > Cài đặt nguồn giấy > Tự động hiển thị thiết lập giấy
- ☐ Bật cài đặt AirPrint trên Web Config.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 24](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in \(Web Config\)” ở trang 168](#)

Các vấn đề in

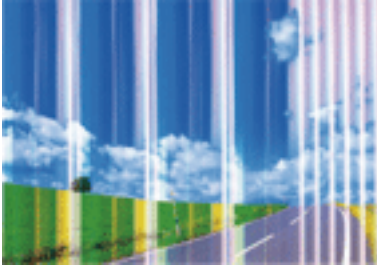
Bản in ra bị mòn hoặc màu bị thiếu

Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra. Kiểm tra kim phun và sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)

Dải hoặc Màu Không Mong Muốn Xuất Hiện

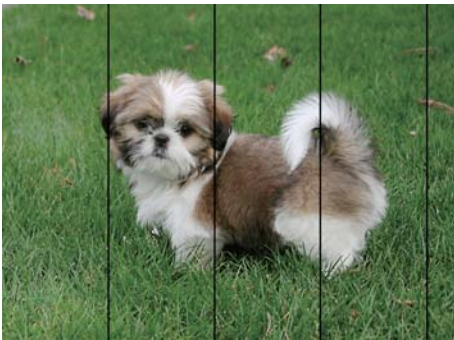


Các kim phun của đầu in có thể bị tắc. Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)

Dải màu xuất hiện ở khoảng cách gần 3.3 cm



- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ Căn chỉnh đầu in bằng tính năng **Căn chỉnh chiều ngang**.
- ☐ Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Thông tin liên quan

➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 47](#)

➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 157](#)

Bản in mờ, dải dọc hoặc căn chỉnh sai



enthalten alle
Aufdruck. W
5008 "Regel

Căn chỉnh đầu in bằng tính năng **Căn chỉnh dọc**.

Thông tin liên quan

➔ “[Căn chỉnh Đầu In](#)” ở trang 157

Chất lượng in không cải thiện ngay sau khi căn chỉnh đầu in

Trong khi in hai chiều (hoặc tốc độ cao), đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều, và các đường dọc có thể bị lệch. Nếu chất lượng in không cải thiện, hãy tắt cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Tắt cài đặt này có thể làm chậm tốc độ in.

☐ Windows

Bỏ chọn **Tốc độ cao** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **High Speed Printing**.

Chất lượng in kém

Kiểm tra các vấn đề sau nếu chất lượng in kém do bản in bị mờ, xuất hiện dải, thiếu màu, màu bị mờ đi và bản in bị lệch.

Kiểm tra máy in

- ☐ Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.
- ☐ Căn chỉnh đầu in.

Kiểm tra giấy

- ☐ Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
- ☐ Không in trên giấy ẩm, bị hỏng hoặc quá cũ.
- ☐ Nếu giấy bị uốn cong hoặc phong bì bị phồng lên, hãy vuốt phẳng.
- ☐ Không xếp chồng giấy ngay sau khi in.
- ☐ Để các bản in khô hoàn toàn trước khi xếp lại hoặc trưng bày. Khi để bản in tự khô, tránh để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời, không sử dụng máy sấy và không chạm vào mặt in của giấy.

Giải quyết vấn đề

- ☐ Khi in hình ảnh hoặc ảnh chụp, Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng thay vì giấy thường. In trên mặt in được của giấy Epson chính hãng.

Kiểm tra cài đặt in

- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ In bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Kiểm tra hộp mực

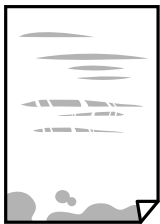
- ☐ Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, sử dụng hộp mực trong vòng sáu tháng từ khi mở gói sản phẩm.
- ☐ Hãy tìm cách sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Sản phẩm này được thiết kế điều chỉnh màu dựa trên việc sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Việc sử dụng hộp mực không chính hãng có thể làm giảm chất lượng in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)
- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 157](#)
- ➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 42](#)
- ➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 47](#)
- ➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 43](#)

Giấy bị bẩn hoặc mòn

- ☐ Khi có dải ngang xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị bẩn, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt thanh dẫn hướng tới các mép giấy.

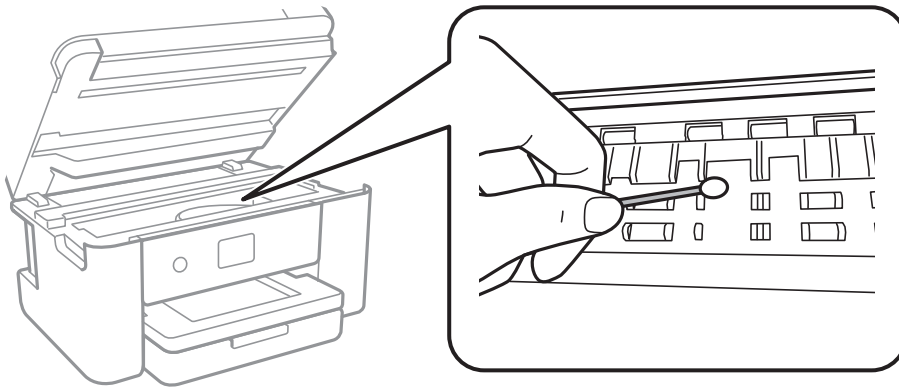


- ☐ Khi dải dọc xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.

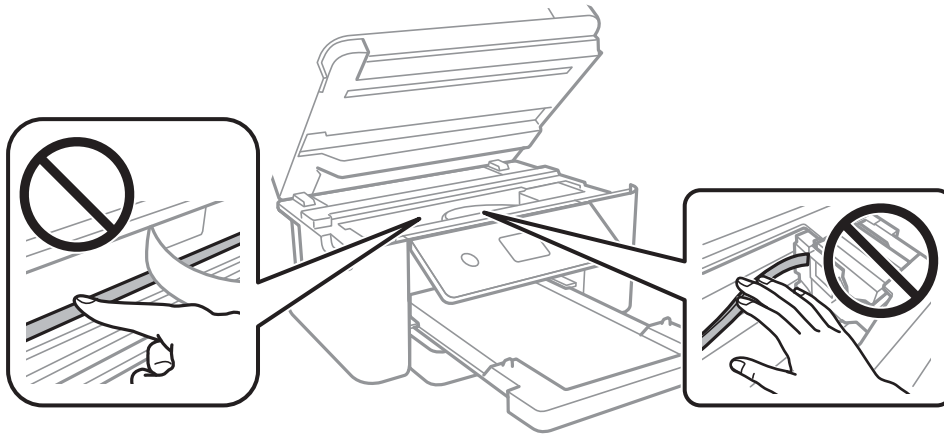


Giải quyết vấn đề

- ❑ Khi không thể khắc phục vấn đề sau khi làm sạch đường dẫn giấy, phần bên trong máy in được hiển thị trong minh hoạ bị bẩn. Tắt máy in, sau đó lau mực bằng tăm bông.



Không chạm vào dây cáp det màu trắng và màng phim trong suốt bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



- ❑ Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.
- ❑ Khi in hai mặt theo cách thủ công, đảm bảo rằng mực khô hoàn toàn trước khi nạp lại giấy.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44](#)
- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 159](#)

Giấy bị nhòe trong khi in 2 mặt tự động

Khi dùng tính năng in 2 mặt tự động và in dữ liệu mật độ cao như hình ảnh và ảnh đồ họa, hãy cài mật độ in sang thấp hơn và cài thời gian khô mực sang lâu hơn.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt máy in” ở trang 56](#)

Ảnh chụp đã in bị dính

Bạn có thể in sai mặt của giấy ảnh. Đảm bảo bạn đang in trên mặt có thể in.

Khi in trên mặt sai của giấy ảnh, bạn cần vệ sinh đường dẫn giấy.

Thông tin liên quan

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bản” ở trang 159

Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn

Khi in từ trình điều khiển máy in Windows, cài đặt điều chỉnh ảnh tự động của Epson được áp dụng theo mặc định tùy vào loại giấy. Thử thay đổi cài đặt.

Trên tab **Tùy chọn khác**, chọn **Tùy biến** trong **Hiệu chỉnh màu** và sau đó nhấp vào **Nâng cao**. Thay đổi cài đặt **Hiệu chỉnh cảnh** từ **Tự hiệu chỉnh** thành bất kỳ tùy chọn nào khác. Nếu việc thay đổi cài đặt không hiệu quả, hãy sử dụng bất kỳ phương thức sửa màu nào khác ngoài **PhotoEnhance** trong **Quản lý màu**.

Thông tin liên quan

➔ “Điều chỉnh màu in” ở trang 77

Không Thể In Mà Không Có Lề

Thực hiện cài đặt không lề trong cài đặt in. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể chọn **Ko viền**. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

Thông tin liên quan

➔ “Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp” ở trang 94

➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 63

➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 81

Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền

Trong quá trình in không đường viền, ảnh được phóng to lên một chút và khu vực nhô ra được cắt đi. Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

☐ Bảng điều khiển

Đổi cài đặt **Phóng to**.

☐ Windows

Nhấp vào **Cài đặt** bên cạnh hộp kiểm **Ko viền** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in và sau đó thay đổi cài đặt.

☐ Mac OS

Thay đổi cài đặt **Mở rộng** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Giải quyết vấn đề

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp” ở trang 94](#)

Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác

- ☐ Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.
- ☐ Khi đặt bản gốc lên kính máy scan, căn thẳng góc của bản gốc với góc được chỉ dẫn bởi biểu tượng trên khung của kính máy scan. Nếu phải cắt mép của bản sao, hãy di chuyển bản gốc xa góc ra một chút.
- ☐ Khi đặt bản gốc lên kính máy scan, vệ sinh kính máy scan và bìa tài liệu. Nếu có bụi hoặc vết bẩn trên kính, khu vực sao chép có thể mở rộng để bao gồm bụi hoặc vết bẩn, dẫn đến vị trí sao chép không đúng hoặc ảnh nhỏ.
- ☐ Chọn **Kích cỡ tài liệu** thích hợp trong cài đặt sao chụp.
- ☐ Chọn cài đặt khổ giấy thích hợp.
- ☐ Điều chỉnh cài đặt lề trong ứng dụng sao cho nội dung in lên vùng có thể in được.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 44](#)
- ➔ [“Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan” ở trang 50](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 164](#)
- ➔ [“Khu vực có thể in” ở trang 211](#)

Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn

- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.
- ☐ Hủy bỏ mọi công việc in đang tạm dừng.
- ☐ Không đưa máy tính theo cách thủ công vào chế độ **Ngủ đông** hoặc chế độ **Ngủ** khi đang in. Các trang chữ bị lộn xộn có thể được in vào lần tiếp theo bạn khởi động máy tính.
- ☐ Nếu bạn sử dụng trình điều khiển máy in mà bạn đã sử dụng trước đó, các ký tự đã in có thể bị lộn xộn. Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in mà bạn đang sử dụng cho máy in này. Kiểm tra tên máy in ở đầu cửa sổ trình điều khiển máy in.

Ảnh in ra bị đảo ngược

Xóa mọi thiết lập ảnh đảo trong trình điều khiển máy in hoặc ứng dụng.

- ☐ Windows
Bỏ chọn **Hình p.chiếu** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
- ☐ Mac OS
Xóa thiết lập **Mirror Image** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Mẫu kiểu che mờ trên bản in

Khi in hình ảnh hoặc ảnh, hãy in bằng dữ liệu có độ phân giải cao. Hình ảnh trên các trang web thường có độ phân giải thấp mặc dù chúng chấp nhận được trên màn hình, vì vậy chất lượng in có thể suy giảm.

Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép

- ☐ Vệ sinh đường dẫn giấy.
- ☐ Lau kính máy scan.
- ☐ Vệ sinh ADF.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu khi bạn đặt bản gốc lên kính máy scan.
- ☐ Khi giấy bị bẩn, hãy giảm bớt cài đặt mật độ sao chụp.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 159](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 164](#)
- ➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 161](#)
- ➔ [“Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp” ở trang 94](#)

Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét

Thay đổi cài đặt thu nhỏ và phóng to hoặc đặt bản gốc lệch đi một chút.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp” ở trang 94](#)

Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chép

- ☐ Với bản gốc mỏng, đặt bản gốc lên kính máy scan và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên đó.
- ☐ Giảm thiết lập độ đậm trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp” ở trang 94](#)

Vấn đề với bản in không thể giải quyết

Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 176](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Các vấn đề khác với in

Tốc độ in quá chậm

- ☐ Đóng các ứng dụng không cần thiết.
- ☐ Giảm cài đặt chất lượng. In chất lượng cao làm giảm tốc độ in.
- ☐ Bật cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Khi bật cài đặt này, đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều và tốc độ in tăng lên.
 - ☐ Windows
Chọn **Tốc độ cao** trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
 - ☐ Mac OS
Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **High Speed Printing**.
- ☐ Tắt chế độ im lặng. Tính năng này làm giảm tốc độ in.
 - ☐ Bảng điều khiển
Chọn  trên màn hình chính, sau đó tắt **Chế độ không ồn**.
 - ☐ Windows
Chọn **Tắt** cho cài đặt **C.độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.
 - ☐ Mac OS
Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Tiến trình In Chậm Đáng kể Trong khi In Liên tục

Tiến trình in chậm lại để phòng tránh cơ chế máy in bị quá nhiệt và bị thiệt hại. Tuy nhiên, bạn có thể tiếp tục in. Để trở về tốc độ in bình thường, hãy để máy in chờ ít nhất 30 phút. Tốc độ in không trở lại bình thường nếu nguồn tắt.

Không Thể Hủy In từ Máy Tính Chạy Mac OS X v10.6.8

Nếu bạn muốn ngừng in từ máy tính, hãy thực hiện các cài đặt sau.

Chạy Web Config, sau đó chọn **Port9100** làm cài đặt the **Giao thức ưu tiên hàng đầu** trong **Thiết lập AirPrint**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), xóa máy in và sau đó thêm lại máy in.

Không thể bắt đầu quét

- ☐ Nếu bạn quét bằng ADF, hãy kiểm tra xem nắp tài liệu và nắp ADF có đóng lại không.

Giải quyết vấn đề

- ☐ Bạn không thể dùng ADF khi quét từ **Chế độ ảnh** trong Epson Scan 2.
- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính. Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.
- ☐ Nếu bạn quét với độ phân giải cao qua mạng, lỗi kết nối có thể xảy ra. Giảm độ phân giải.
- ☐ Đảm bảo rằng máy in (máy quét) chính xác được chọn trên Epson Scan 2.

Kiểm tra xem có nhận biết được máy in hay không khi sử dụng Windows

Trong Windows, hãy đảm bảo rằng máy in (máy quét) được hiển thị trong **Máy quét và Máy quay**. Máy in (máy quét) phải hiển thị dưới dạng "EPSON XXXXX (tên máy in)". Nếu máy in (máy quét) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại Epson Scan 2. Xem nội dung sau để truy cập **Máy quét và Máy quay**.

☐ Windows 10

Nhấp chuột phải vào nút bắt đầu hoặc nhấn và giữ nút này, chọn **Panel điều khiển**, nhập "Máy quét và Máy quay" trong nút tìm kiếm, nhấp vào **Xem máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Máy để bàn > Cài đặt > Panel điều khiển**, nhập "Máy quét và Máy quay" trong nút tìm kiếm, nhấp vào **Hiển thị Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển**, nhập "Máy quét và Máy quay" trong nút tìm kiếm, nhấp vào **Xem các máy quét và máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu, chọn **Panel điều khiển > Phần cứng và Âm thanh > Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu, chọn **Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

Thông tin liên quan

- ➔ ["Gỡ cài đặt ứng dụng" ở trang 176](#)
- ➔ ["Cài đặt ứng dụng mới nhất" ở trang 175](#)

Các vấn đề với ảnh quét

Màu sắc không đồng đều, bụi bẩn, vết đốm, v.v... hiển thị khi scan từ mặt kính máy scan

- ☐ Vệ sinh mặt kính máy scan.
- ☐ Lau sạch mọi loại rác hoặc bụi bẩn bám vào bản gốc.
- ☐ Không đè mạnh bản gốc hoặc nắp đặt tài liệu. Nếu bạn đè mạnh thì có thể xảy ra hiện tượng nhòe hình, vết ố và đốm.

Giải quyết vấn đề

Thông tin liên quan

➔ “[Vệ sinh Kính Máy Scan](#)” ở trang 164

Đường thẳng hiển thị khi scan từ ADF

❑ Vệ sinh ADF.

Các đường thẳng sẽ hiển thị trong hình khi rác hoặc chất dơ thâm nhập vào ADF.

❑ Lau sạch mọi loại rác hoặc bụi bẩn bám vào bản gốc.

Thông tin liên quan

➔ “[Làm sạch ADF](#)” ở trang 161

Chất lượng hình ảnh thô

❑ Đặt **Chế độ** in Epson Scan 2 theo bản gốc bạn muốn quét. Quét bằng cài đặt cho tài liệu trong **Chế độ tài liệu** và cài đặt cho ảnh trong **Chế độ ảnh**.

❑ Trong Epson Scan 2, điều chỉnh hình ảnh bằng các mục trong thẻ **Cài đặt nâng cao** và sau đó quét.

❑ Nếu độ phân giải thấp, thử tăng độ phân giải và sau đó quét.

Thông tin liên quan

➔ “[Quét bằng Epson Scan 2](#)” ở trang 105

Hình ảnh mặt sau xuất hiện ở nền của hình ảnh

Hình ảnh trên mặt sau của bản gốc có thể xuất hiện trong hình ảnh quét.

❑ Trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi điều chỉnh **Độ sáng**.

Tính năng này có thể không có sẵn tùy thuộc vào cài đặt trên tab **Cài đặt chính** > **Kiểu hình** hoặc cài đặt khác trên tab **Cài đặt nâng cao**.

❑ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình** > **Cải Tiến Văn Bản**.

❑ Khi quét từ kính máy quét, đặt tờ giấy đen hoặc miếng phủ bàn lên trên bản gốc.

Thông tin liên quan

➔ “[Quét bằng Epson Scan 2](#)” ở trang 105

➔ “[Đặt bản gốc](#)” ở trang 48

Chữ bị mờ

❑ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình** > **Cải Tiến Văn Bản**.

❑ Chọn **Chế độ tài liệu** cho **Chế độ** trong Epson Scan 2. Quét bằng các cài đặt cho tài liệu trong **Chế độ tài liệu**.

❑ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, khi **Kiểu hình** trên tab **Cài đặt chính** được đặt thành **Đen & Trắng**, điều chỉnh **Ngưỡng** trên tab **Cài đặt nâng cao**. Khi bạn tăng **Ngưỡng**, khu vực màu đen trở nên lớn hơn.

Giải quyết vấn đề

- ❑ Nếu độ phân giải thấp, hãy thử tăng độ phân giải rồi quét.

Thông tin liên quan

➡ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105

Hiện thị các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng màng)

Nếu bản gốc là tài liệu in ấn thì các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng màng) có thể hiển thị trong hình scan.

- ❑ Trên thẻ **Cài đặt nâng cao** trong Epson Scan 2, hãy thiết lập **Xóa tram**.



- ❑ Đổi độ phân giải rồi scan lại.

Thông tin liên quan

➡ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105

Không thể quét khu vực chính xác trên kính máy quét

- ❑ Đảm bảo bản gốc được đặt chính xác lên các dấu căn chỉnh.
- ❑ Nếu cạnh của hình ảnh quét bị mất, hơi di chuyển bản gốc cách xa cạnh của kính máy quét.
- ❑ Khi đặt nhiều bản gốc lên kính máy quét, đảm bảo có khe hở ít nhất là 20 mm (0,79 inch) giữa các bản gốc.
- ❑ Khi quét từ bảng điều khiển và chọn chức năng xem khu vực quét tự động, làm sạch rác hoặc vết bẩn khỏi kính máy quét và nắp tài liệu. Nếu có rác hoặc vết bẩn quanh bản gốc, phạm vi quét sẽ mở rộng để bao gồm nó.

Thông tin liên quan

➡ “Đặt bản gốc” ở trang 48

➡ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 164

Văn bản không được nhận diện chính xác khi lưu dưới dạng PDF có thể tìm

- ❑ Trên cửa sổ **Tùy chọn định dạng hình** trong Epson Scan 2, kiểm tra xem **Ngôn ngữ v.bản** có được đặt chính xác trên tab **Văn bản**.
- ❑ Kiểm tra xem bản gốc có được đặt thẳng không.

Giải quyết vấn đề

- ☐ Sử dụng bản gốc có chữ rõ ràng. Tính năng nhận diện văn bản có thể từ chối các loại bản gốc sau.
 - ☐ Bản gốc đã được sao chụp nhiều lần
 - ☐ Bản gốc được nhận qua fax (có độ phân giải thấp)
 - ☐ Bản gốc có khoảng cách chữ hoặc khoảng cách dòng quá nhỏ
 - ☐ Bản gốc có các đường kẻ hoặc gạch chân trên văn bản
 - ☐ Bản gốc có chữ viết tay
 - ☐ Bản gốc có nếp nhăn hoặc quăn
- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, khi **Kiểu hình** trên tab **Cài đặt chính** được đặt thành **Đen & Trắng**, điều chỉnh **Ngưỡng** trên tab **Cài đặt nâng cao**. Khi bạn tăng **Ngưỡng**, màu đen trở nên mạnh hơn.
- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình > Cài Tiến Văn Bản**.

Thông tin liên quan

➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105

Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh quét

Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và không giải quyết được vấn đề, hãy khởi tạo cài đặt Epson Scan 2 bằng Epson Scan 2 Utility.

Lưu ý:

Epson Scan 2 Utility là ứng dụng đi kèm với Epson Scan 2.

1. Bắt đầu Epson Scan 2 Utility.
 - ☐ Windows 10/Windows Server 2016
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EPSON > Epson Scan 2 Utility**.
 - ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.
 - ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả chương trình hoặc Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 Utility > Epson Scan 2**.
 - ☐ Mac OS
Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2 Utility**.
2. Chọn tab **Khác**.
3. Nhấp vào **Cài lại**.

Lưu ý:

Nếu khởi tạo không giải quyết được vấn đề, gỡ cài đặt và cài đặt lại Epson Scan 2.

Thông tin liên quan

➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 176

➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175

Các vấn đề khác với quét

Tốc độ quét quá chậm

Giảm độ phân giải.

Thông tin liên quan

➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105

Việc quét dừng lại khi quét vào PDF/Multi-TIFF

- ☐ Khi quét bằng Epson Scan 2, bạn có thể liên tục quét tối đa 999 trang ở định dạng PDF và tối đa 200 trang ở định dạng Multi-TIFF.
- ☐ Khi quét một khối lượng lớn, chúng tôi khuyến nghị quét ở thang đo màu xám.
- ☐ Tăng vùng trống trên ổ đĩa cứng của máy tính. Việc quét có thể dừng lại nếu không có đủ vùng trống.
- ☐ Thử quét ở độ phân giải thấp hơn. Việc quét dừng lại khi tổng kích thước dữ liệu đạt đến giới hạn.

Thông tin liên quan

➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 105

Các vấn đề khi gửi và nhận fax

Không thể gửi hoặc nhận fax

- ☐ Sử dụng **Kiểm tra kết nối fax** trên bảng điều khiển để chạy chức năng kiểm tra kết nối fax tự động. Hãy thử các giải pháp được in ra trên báo cáo.
- ☐ Kiểm tra thiết lập **Loại dòng**. Cài đặt sang **PBX** có thể khắc phục sự cố. Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đăng ký mã truy cập với máy in, và nhập # (dấu thăng) ở đầu số fax khi gửi.
- ☐ Nếu xảy ra lỗi truyền tin, hãy thay đổi thiết lập **Tốc độ fax** thành **Chậm (9.600b/giây)** trên bảng điều khiển.
- ☐ Kiểm tra giắc cắm điện thoại trên tường có hoạt động không bằng cách nối điện thoại với giắc và thử. Nếu bạn không thể gọi hoặc nhận cuộc gọi, hãy liên hệ với công ty viễn thông của bạn.
- ☐ Để kết nối với đường điện thoại DSL, bạn cần sử dụng modem DSL được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hoặc lắp đặt một bộ lọc DSL riêng vào đường điện thoại. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.
- ☐ Nếu bạn kết nối với đường điện thoại DSL, hãy kết nối máy in trực tiếp vào giắc cắm điện thoại trên tường để xem máy in có thể gửi fax không. Nếu hoạt động, vấn đề có thể do bộ lọc DSL gây ra. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.
- ☐ Bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển. Bạn không thể gửi hoặc nhận fax màu khi ECM tắt.
- ☐ Để gửi hoặc nhận fax bằng máy tính, đảm bảo máy in được kết nối bằng cáp USB hoặc qua mạng, và Trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt cùng với FAX Utility.

Giải quyết vấn đề

- ❑ Trong Windows, hãy đảm bảo rằng máy in (fax) được hiển thị trong **Thiết bị và Máy in, Máy in**, hoặc **Máy in và Phần cứng khác**. Máy in (fax) được hiển thị là "EPSON XXXXX (FAX)". Nếu máy in (fax) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại FAX Utility. Xem hướng dẫn sau để truy cập **Thiết bị và Máy in, Máy in** hoặc **Máy in và Phần cứng khác**.
 - ❑ Windows 10

Nhấp chuột phải vào nút bắt đầu hoặc nhấn và giữ nút đó rồi chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.
 - ❑ Windows 8.1/Windows 8

Chọn **Màn hình nền > Cài đặt > Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.
 - ❑ Windows 7

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Pa-nen điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.
 - ❑ Windows Vista

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.
 - ❑ Windows XP

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Cài đặt > Pa-nen điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**.
- ❑ Trong Mac OS hãy kiểm tra thông tin sau.
 - ❑ Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó đảm bảo máy in (fax) sẽ hiển thị. Máy in (fax) được hiển thị là "FAX XXXX (USB)" hoặc "FAX XXXX (IP)". Nếu máy in (fax) không hiển thị, nhấp + rồi đăng ký máy in (fax).
 - ❑ Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó nhấp đúp vào máy in (fax). Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra kết nối fax” ở trang 142](#)
- ➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)
- ➔ [“Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 120](#)
- ➔ [“Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 115](#)
- ➔ [“Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 176](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 175](#)

Không thể gửi fax

- ❑ Thiết lập thông tin tiêu đề cho fax gửi đi trên bảng điều khiển. Một số máy fax tự động từ chối fax đến không chứa thông tin tiêu đề.
- ❑ Nếu bạn đã chặn ID người gọi của bạn, hãy bỏ chặn. Một số điện thoại hoặc máy fax tự động từ chối cuộc gọi ẩn danh.
- ❑ Hãy hỏi người nhận xem số fax có đúng không và máy fax của người nhận có sẵn sàng nhận fax không.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)

Giải quyết vấn đề

➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 204

Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định

Hãy kiểm tra thông tin sau nếu bạn không thể gửi fax đến người nhận chỉ định do gặp lỗi.

- ☐ Nếu máy của người nhận không nhận cuộc gọi của bạn trong vòng 50 giây sau khi máy in đã kết thúc việc quay số, cuộc gọi kết thúc cùng với lỗi. Quay số bằng điện thoại kết nối để kiểm tra xem mất bao lâu trước khi bạn nghe thấy âm thanh của fax. Nếu thời gian quá 50 giây, hãy thêm các khoảng tạm dừng sau số fax để gửi fax.  được sử dụng để nhập khoảng tạm dừng. Dấu gạch ngang được nhập vào làm dấu tạm dừng. Một lần tạm dừng khoảng ba giây. Thêm nhiều lần tạm dừng theo nhu cầu.
- ☐ Nếu bạn đã chọn người nhận từ danh bạ, hãy kiểm tra xem thông tin đã đăng ký có chính xác không. Nếu thông tin chính xác, hãy chọn người nhận từ danh bạ, nhấn **>** **> Sửa**, sau đó thay đổi **chế độ truyền tin fax** thành **Chậm (9.600b/giây)**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 123
- ➔ “Quản lý danh bạ” ở trang 52
- ➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 204

Không thể gửi fax vào thời gian đã định

Hãy thiết lập ngày và giờ chính xác trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax vào thời gian đã định (Gửi fax sau)” ở trang 124
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 55

Không thể nhận fax

- ☐ Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi thì máy in không thể nhận fax. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.
- ☐ Nếu bạn không thể kết nối điện thoại với máy in, hãy đặt thiết lập **Chế độ nhận** thành **Tự động** trên bảng điều khiển.
- ☐ Trong các trường hợp sau, máy in bị hết bộ nhớ và không thể nhận fax. Xem phần khắc phục sự cố để biết thông tin về cách xử lý lỗi bộ nhớ đầy.
 - ☐ Số tài liệu nhận được đã đạt đến số tài liệu tối đa là 100.
 - ☐ Bộ nhớ máy in đã đầy (100%).
- ☐ Kiểm tra số fax của người gửi đã được đăng ký với **Danh sách số từ chối** chưa. Fax gửi từ những số đã được thêm vào danh sách này sẽ bị chặn khi **Danh sách số từ chối** trong **Fax từ chối** được bật.
- ☐ Hỏi người gửi nếu thông tin tiêu đề được thiết lập trên máy fax. Fax không bao gồm thông tin đầu trang sẽ bị chặn khi **Đã chặn khoảng trống tiêu đề fax** trong **Fax từ chối** được bật.

Giải quyết vấn đề

- ☐ Kiểm tra xem số fax của người gửi đã được đăng ký trong danh sách liên hệ hay chưa. Fax gửi từ những số chưa được đăng ký với danh sách này sẽ bị chặn khi **Danh bạ chưa đăng ký** trong **Fax từ chối** được bật.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144
- ➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 204
- ➔ “Lỗi bộ nhớ đầy xảy ra” ở trang 207

Lỗi bộ nhớ đầy xảy ra

- ☐ Nếu máy in được thiết lập để lưu fax nhận được vào hộp thư đến, hãy xóa fax đã đọc khỏi hộp thư đến.
- ☐ Nếu máy in được thiết lập lưu các bản fax đã nhận vào máy tính, hãy bật máy tính được đặt để lưu fax. Sau khi fax được lưu vào máy tính, chúng sẽ được xóa khỏi bộ nhớ của máy in.
- ☐ Ngay cả khi bộ nhớ đầy, bạn có thể gửi fax đơn sắc bằng cách sử dụng tính năng **Gửi trực tiếp**. Hoặc bạn cũng có thể gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài.
- ☐ Nếu máy in không thể in fax đã nhận do lỗi của máy in, như kẹt giấy, lỗi bộ nhớ đầy có thể xảy ra. Hãy khắc phục sự cố máy in, sau đó liên hệ với người gửi và yêu cầu họ gửi lại fax.

Thông tin liên quan

- ➔ “Lưu fax nhận được vào hộp thư đến” ở trang 130
- ➔ “Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)” ở trang 124
- ➔ “Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 123
- ➔ “Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 181

Fax đã gửi có chất lượng kém

- ☐ Lau kính máy scan.
- ☐ Vệ sinh ADF.
- ☐ Thay đổi cài đặt **Mật độ** trên bảng điều khiển.
- ☐ Nếu bạn không chắc về các khả năng của máy fax người nhận, hãy bật tính năng **Gửi trực tiếp** hoặc chọn **Mịn** làm cài đặt **Độ phân giải**.
- ☐ Bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 140
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 144
- ➔ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 164
- ➔ “Làm sạch ADF” ở trang 161

Fax được gửi với kích cỡ sai

- ☐ Khi gửi fax sử dụng kính máy scan, đặt bản gốc căn chính xác góc của tài liệu theo dấu gốc. Chọn kích thước gốc trên bảng điều khiển.
- ☐ Làm sạch kính máy scan và nắp tài liệu. Nếu có vết bẩn hoặc vết ố trên kính, vùng quét có thể mở rộng bao gồm cả vết bẩn hoặc vết ố, dẫn đến vị trí quét sai hoặc ảnh nhỏ.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt fax” ở trang 140](#)
- ➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 48](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 164](#)

Fax nhận được có chất lượng kém

- ☐ Bật thiết lập ECM trên bảng điều khiển.
- ☐ Liên hệ với người gửi và yêu cầu họ gửi bằng chế độ chất lượng cao nhất.
- ☐ In lại bản fax đã nhận được. Chọn **Fax** >  > **In lại fax đã nhận** để in lại fax.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)

Máy in không in các bản fax đã nhận được

- ☐ Nếu đã xảy ra lỗi trên máy in, như kẹt giấy, máy in không thể in các bản fax đã nhận được. Hãy kiểm tra máy in.
- ☐ Nếu máy in được thiết lập để lưu fax nhận được vào hộp thư đến thì fax nhận được sẽ không được in tự động. Chọn **Cài đặt nhận**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra trạng thái máy in” ở trang 179](#)
- ➔ [“Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 181](#)
- ➔ [“Lưu fax nhận được vào hộp thư đến” ở trang 130](#)

Các trang trống hoặc chỉ một lượng nhỏ văn bản được in trên trang thứ hai trong bản fax đã nhận

Bạn có thể in trên một trang bằng cách sử dụng tính năng **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách** trong **Cài đặt tách trang**.

Chọn **Xóa phần trên** hoặc **Xóa phần dưới** trong **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách**, sau đó điều chỉnh **Ngưỡng**. Tăng ngưỡng sẽ tăng số lượng được xóa; ngưỡng càng cao thì bạn càng có nhiều khả năng in trên một trang hơn.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt in” ở trang 143](#)

Các vấn đề khác với fax

Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối

Kết nối điện thoại với cổng EXT. trên máy in và nhắc đầu nghe. Nếu bạn không nghe thấy tiếng quay số thông qua đầu nghe, hãy kết nối cáp điện thoại cho đúng.

Thông tin liên quan

➔ [“Kết nối thiết bị điện thoại với máy in” ở trang 116](#)

Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại

Trên pa-nen điều khiển, đặt thiết lập **Đồ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông cho máy trả lời của bạn.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 144](#)

➔ [“Các thiết lập cho máy trả lời” ở trang 127](#)

Số fax của người gửi không được hiển thị trên các bản fax đã nhận hoặc số không chính xác

Người gửi có thể chưa thiết lập thông tin tiêu đề của fax hoặc có thể thiết lập thông tin không chính xác. Hãy liên hệ với người gửi.

Các vấn đề khác

Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in

Nếu nhiều thiết bị ngoại vi được kết nối với máy tính, bạn có thể cảm thấy giật điện nhẹ khi chạm vào máy in. Hãy lắp dây nối đất với máy tính được kết nối với máy in.

Âm thanh hoạt động lớn

Nếu các âm thanh hoạt động quá lớn, hãy bật **C.độ im lặng**. Bật tính năng này có thể giảm tốc độ in.

Giải quyết vấn đề

☐ Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó bật **Chế độ không ồn**.

☐ Trình điều khiển máy in Windows

Bật **C.độ im lặng** trên thẻ **Chính**.

☐ Trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Ngày và giờ không chính xác

Hãy thiết lập ngày và giờ chính xác trên bảng điều khiển. Sau khi có lỗi nguồn điện do sét đánh hoặc tắt nguồn trong một thời gian dài, đồng hồ có thể hiển thị thời gian không chính xác.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 55](#)

Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows)

Thêm ứng dụng vào chương trình được Tường lửa cho phép của Windows trong thiết lập bảo mật trên **Pa-nen Điều khiển**.

Phụ lục

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật máy in

Bố trí kim phun của đầu in		Kim phun mực đen: 400 Kim phun mực màu: 128 cho từng màu
Trọng lượng giấy*	Giấy thường	64 đến 90 g/m ² (17 đến 24 pao)
	Bì thư	Bì thư số 10, DL, C6: 75 đến 90 g/m ² (20 đến 24 pao)

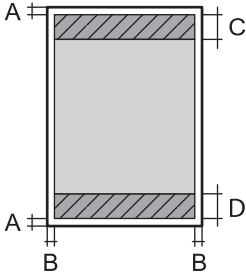
* Ngay cả khi độ dày giấy in nằm trong khoảng này thì có thể giấy vẫn không nạp trong máy in hoặc chất lượng in có thể suy giảm tùy theo thuộc tính hoặc chất lượng giấy.

Khu vực có thể in

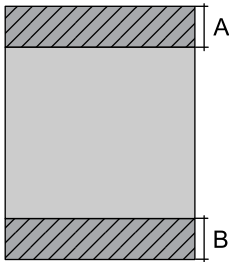
Khu vực có thể in của một tờ giấy

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

In có viền

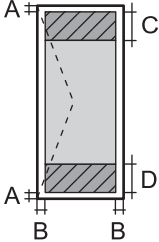
	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	41.0 mm (1.61 in.)
	D	37.0 mm (1.46 in.)

In không viền

	A	44.0 mm (1.73 in.)
	B	40.0 mm (1.57 in.)

Phụ lục**Khu vực có thể in cho bì thư**

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	5.0 mm (0.20 in.)
	C	18.0 mm (0.70 in.)
	D	41.0 mm (1.61 in.)

Thông số kỹ thuật máy quét

Loại máy quét	Tấm phẳng
Thiết bị quang điện	CIS
Số pixel hiệu lực	10200×14040 pixel (1200 dpi)
Kích cỡ tài liệu tối đa	216×297 mm (8.5×11.7 inch) A4, Letter
Độ phân giải quét	1200 dpi (quét chính) 2400 dpi (quét phụ)
Độ phân giải đầu ra	50 đến 9600 dpi với tỷ lệ tăng 1 dpi
Độ sâu của màu	Màu ☐ 48 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong (16 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên trong) ☐ 24 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài (8 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên ngoài) Thang độ xám ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 8 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài Đen trắng ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 1 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài
Nguồn sáng	LED

Thông số kỹ thuật giao tiếp

Dành cho máy tính	Hi-Speed USB
-------------------	--------------

Phụ lục

Thông số kỹ thuật fax

Kiểu fax	Khả năng fax đơn sắc và màu thao tác trực tiếp (ITU-T Super Group 3)
Các đường điện thoại được hỗ trợ	Đường điện thoại tương tự chuẩn, các hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ)
Tốc độ	Lên đến 33.6 kbps
Độ phân giải	Đơn màu ☐ Chuẩn: 8 điểm ảnh/mm×3,85 dòng/mm (203 điểm ảnh/inch×98 dòng/inch) ☐ Mịn: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/inch×196 dòng/inch) ☐ Ảnh chụp: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/inch×196 dòng/inch) Màu 200×200 dpi
Bộ nhớ trang	Lên đến 100 trang (khi bảng ITU-T No.1 đã nhận ở chế độ bản nháp đơn màu)
Quay số lại*	2 lần (với khoảng thời gian 1 phút)
Giao diện	Đường điện thoại RJ-11, Kết nối điện thoại RJ-11

* Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực.

Danh sách chức năng của mạng

Chức năng của mạng và IPv4/IPv6

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
In qua mạng	EpsonNet Print (Windows)	IPv4	✓	-
	Standard TCP/IP (Windows)	IPv4, IPv6	✓	-
	In bằng WSD (Windows)	IPv4, IPv6	✓	Windows Vista trở lên
	In Bonjour (Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	-
	In IPP (Windows, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	-
	In UPnP	IPv4	-	Ứng dụng thông tin
	In PictBridge (Wi-Fi)	IPv4	-	Máy ảnh kỹ thuật số
	Epson Connect (In email, In từ xa)	IPv4	✓	-
	AirPrint (iOS, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	iOS 5 trở lên, Mac OS X v10.7 trở lên
	Google Cloud Print	IPv4, IPv6	✓	-

Phụ lục

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
Quét qua mạng	Epson Scan 2	IPv4, IPv6	✓	-
	Event Manager	IPv4	✓	-
	Epson Connect (Quét vào đám mây)	IPv4	✓	-
	AirPrint (Quét)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mavericks trở lên
	ADF (quét 2 mặt)		-	-
Fax	Gửi fax	IPv4	✓	-
	Nhận fax	IPv4	✓	-
	AirPrint (Gửi fax đi)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mountain Lion trở lên

Thông số kỹ thuật Wi-Fi

Tiêu chuẩn	IEEE802.11b/g/n ^{*1*2}
Dải tần số	2,4 GHz
Đã truyền nguồn tần số vô tuyến tối đa	19.8 dBm (EIRP)
Chế độ phối hợp	Cơ sở hạ tầng, Wi-Fi Direct (AP đơn giản) ^{*3}
Bảo mật không dây	WEP (64/128bit), WPA2-PSK (AES) ^{*4}

*1 Tuân thủ chuẩn IEEE 802.11b/g/n hoặc IEEE 802.11b/g tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

*2 IEEE802.11n chỉ khả dụng cho HT20.

*3 Không được hỗ trợ cho IEEE 802.11b.

*4 Tuân thủ các chuẩn WPA2 với sự hỗ trợ cho WPA/WPA2 Cá nhân.

Thông số kỹ thuật Ethernet

Tiêu chuẩn	IEEE802.3i (10BASE-T) ^{*1} IEEE802.3u (100BASE-TX) IEEE802.3az (Ethernet Tiết kiệm Năng lượng) ^{*2}
Chế độ truyền tin	Auto, 10Mbps Full duplex, 10Mbps Half duplex, 100Mbps Full duplex, 100Mbps Half duplex
Đầu nối	RJ-45

*1 Sử dụng cáp nhóm 5e hoặc STP cao hơn (Cáp xoắn có bọc) để ngăn ngừa rủi ro nhiễu sóng vô tuyến.

*2 Thiết bị kết nối phải tuân thủ các tiêu chuẩn IEEE802.3az.

Phụ lục

Giao thức bảo mật

SSL/TLS	HTTPS Server/Client, IPPS
---------	---------------------------

Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ

AirPrint	In	iOS 5 hoặc cao hơn/Mac OS X v10.7.x hoặc cao hơn
	Quét	OS X Mavericks trở lên
	Fax	OS X Mountain Lion trở lên
Google Cloud Print		

Kích thước

Kích thước	Bảo quản ☐ Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) ☐ Chiều sâu: 347 mm (13.7 in.) ☐ Chiều cao: 230 mm (9.1 in.) In ☐ Chiều rộng: 417 mm (16.4 in.) ☐ Chiều sâu: 503 mm (19.8 in.) ☐ Chiều cao: 255 mm (10.0 in.)
Trọng lượng*	Xấp xỉ 6.4 kg (14.1 lb)

* Không có hộp mực và dây nguồn.

Thông số kỹ thuật điện

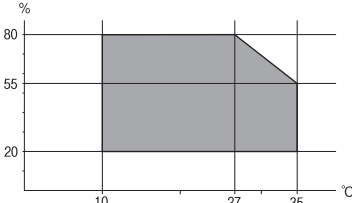
Kiểu máy	Kiểu máy 100 đến 240 V	Kiểu máy 220 đến 240 V
Dải tần số định mức	50 đến 60 Hz	50 đến 60 Hz
Dòng điện định mức	0.4 đến 0.2 A	0.2 A
Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB)	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 5.4 W Chế độ ngủ: Khoảng 1.0 W Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 5.4 W Chế độ ngủ: Khoảng 1.0 W Tắt nguồn: Khoảng 0.3 W

Phụ lục

Lưu ý:

- ☐ Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- ☐ Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

Thông số kỹ thuật môi trường

Vận hành	Sử dụng máy in trong dải thông số được trình bày trong phần sau đây.  Nhiệt độ: 10 đến 35°C (50 đến 95°F) Độ ẩm: 20 đến 80% RH (không ngưng tụ)
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 đến 40°C (-4 đến 104°F)* Độ ẩm: 5 đến 85% RH (không ngưng tụ)

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở nhiệt độ 40°C (104°F).

Thông số kỹ thuật môi trường cho hộp mực

Nhiệt độ bảo quản	-30 đến 40 °C (-22 đến 104 °F)*
Nhiệt độ đông lạnh	-16 °C (3.2 °F) Mực tan ra và có thể sử dụng được sau khoảng 3 giờ ở 25 °C (77 °F).

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở 40 °C (104 °F).

Yêu cầu hệ thống

- ☐ Windows 10 (32 bit, 64 bit)/Windows 8.1 (32 bit, 64 bit)/Windows 8 (32 bit, 64 bit)/Windows 7 (32 bit, 64 bit)/Windows Vista (32 bit, 64 bit)/Windows XP SP3 trở lên (32 bit)/Windows XP Professional x64 Edition SP2 trở lên/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003 SP2 trở lên
- ☐ macOS High Sierra/macOS Sierra/OS X El Capitan/OS X Yosemite/OS X Mavericks/OS X Mountain Lion/Mac OS X v10.7.x/Mac OS X v10.6.8

Lưu ý:

- ☐ Mac OS có thể không hỗ trợ một số ứng dụng và tính năng.
- ☐ Hệ thống file UNIX (UFS) cho Mac OS không được hỗ trợ.

Thông tin pháp lý

Tiêu chuẩn và phê chuẩn

Tiêu Chuẩn Và Chấp Nhận Đối Với Mẫu Thiết Bị Của Mỹ

An toàn	UL60950-1 CAN/CSA-C22.2 No.60950-1
EMC	FCC Part 15 Subpart B Class B CAN/CSA-CEI/IEC CISPR 22 Class B

Thiết bị này chứa môđun không dây sau.

Nhà sản xuất: Askey Computer Corporation

Loại: WLU6320-D69 (RoHS)

Sản phẩm này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC và RSS-210 của Quy định IC. Epson không chịu trách nhiệm cho mọi hỏng hóc nhằm thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ xuất phát từ việc sửa đổi sản phẩm không khuyến dùng. Hoạt động tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không thể gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải thu được mọi tín hiệu nhiễu nhận được, kể cả tín hiệu nhiễu có thể khiến thiết bị hoạt động không mong muốn.

Để phòng tránh nhiễu sóng vô tuyến đối với dịch vụ cấp phép, thiết bị này được thiết kế để hoạt động trong nhà hoặc xa với các cửa sổ nhằm cho phép bảo vệ tối ưu. Thiết bị (hoặc ăngten phát liên quan) vốn được lắp đặt ngoài trời phải tuân thủ giấy phép.

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC/IC quy định cho môi trường chưa kiểm soát và đáp ứng Các Nguyên tắc Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) FCC trong Phụ lục C đến OET65 và RSS-102 của Quy định Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) IC. Thiết bị này phải được lắp đặt và vận hành sao cho nguồn bức xạ được duy trì cách xa cơ thể người ở mức tối thiểu là 20 cm (7,9 inch) hoặc nhiều hơn (ngoại trừ tứ chi: bàn tay, cổ tay, chân và mắt cá chân).

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở châu Âu

Đối với người dùng Châu Âu

Ở đây, Seiko Epson Corporation tuyên bố rằng kiểu thiết bị sóng vô tuyến sau tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ văn bản của tuyên bố của Liên minh châu Âu về tính tuân thủ có sẵn ở trang web sau.

<http://www.epson.eu/conformity>

C623A

Chỉ sử dụng ở Ireland, Vương quốc Anh, Áo, Đức, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Luxembourg, Hà Lan, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Iceland, Croatia, Cyprus, Hy Lạp, Slovenia, Malta, Bulgaria, Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania và Slovakia.

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.



Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở Úc

EMC	AS/NZS CISPR32 Class B
-----	------------------------

Epson xin tuyên bố rằng các mẫu thiết bị sau đây tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các điều khoản liên quan khác của AS/NZS4268:

C623A

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

German Blue Angel

Xem trang web sau để kiểm tra xem máy in này có đáp ứng các tiêu chuẩn của German Blue Angel hay không.

<http://www.epson.de/blauerengel>

Giới hạn sao chép

Quan sát các giới hạn sau nhằm đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm và hợp pháp với máy in.

Luật pháp cấm sao chép các mục sau:

- ☐ Hối phiếu ngân hàng, tiền xu, chứng khóa có thể giao dịch trên thị trường do chính phủ phát hành, trái phiếu của chính phủ và chứng khoán đô thị
- ☐ Tem bưu điện chưa sử dụng, bưu thiếp dán tem sẵn và các mặt hàng bưu chính chính thức khác có cước phí bưu chính hợp lệ
- ☐ Tem doanh thu do chính phủ phát hành và chứng khoán được phát hành theo thủ tục pháp lý

Thận trọng khi sao chép các mục sau:

- ☐ Chứng khoán tư nhân có thể giao dịch trên thị trường (chứng chỉ cổ phiếu, hối phiếu có thể chuyển nhượng, séc, v.v.), vé thắng, vé nhượng quyền, v.v.
- ☐ Hộ chiếu, giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm cho mô-tô hạng nhẹ, vé cầu đường, phiếu thực phẩm, vé, v.v.

Lưu ý:

Pháp luật cũng có thể cấm sao chép các mục này.

Sử dụng có trách nhiệm đối với tài liệu có bản quyền:

Máy in có thể bị sử dụng sai bằng việc sao chép không thích hợp các tài liệu có bản quyền. Trừ khi thực hiện dựa trên tư vấn của luật sư có kiến thức, hãy có trách nhiệm và tôn trọng bằng việc xin phép người giữ bản quyền trước khi sao chép tài liệu đã xuất bản.

Vận chuyển máy in

Khi bạn cần vận chuyển máy in để di chuyển hoặc sửa chữa, hãy thực hiện theo các bước dưới đây để đóng gói máy in.

Phụ lục



Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- ☐ Giữ hộp mực lắp bên trong. Việc tháo hộp mực có thể làm khô đầu in và có thể khiến cho máy in không in được.

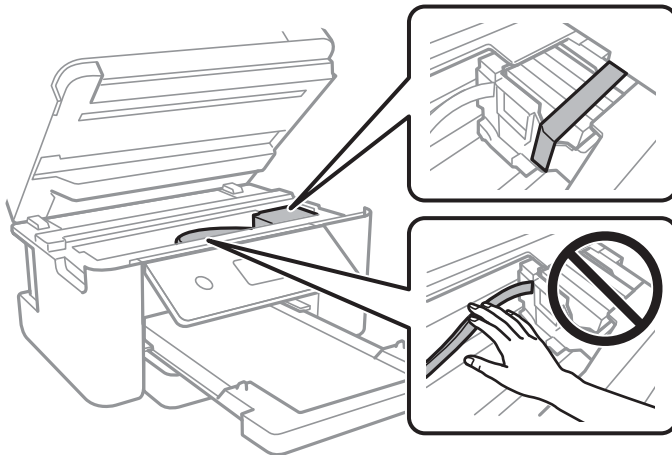
1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đảm bảo rằng đèn nguồn tắt, sau đó rút dây nguồn.



Quan trọng:

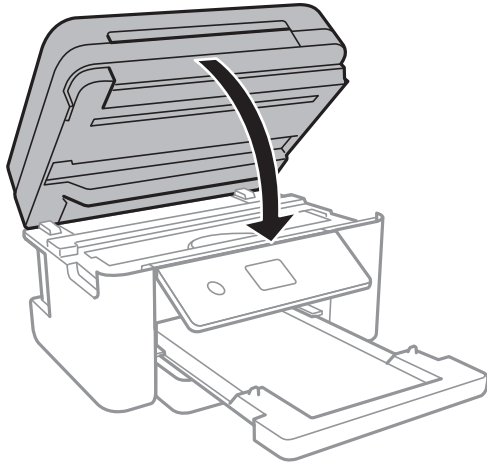
Rút phích cắm điện khi đèn nguồn tắt. Nếu không, đầu in không quay lại vị trí gốc, khiến cho mực bị khô và có thể không in được.

3. Ngắt kết nối tất cả các dây cáp như dây nguồn và cáp USB.
4. Lấy toàn bộ giấy ra khỏi máy in.
5. Đảm bảo rằng không còn bản gốc nào trong máy in.
6. Mở bộ phận máy quét khi nắp tài liệu đang đóng. Dùng băng dính dán chặt ngăn giữ hộp mực vào vỏ.

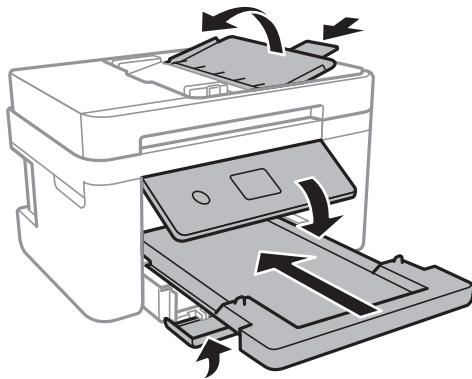


Phụ lục

7. Đóng bộ phận máy quét.



8. Chuẩn bị đóng gói máy in như được trình bày dưới đây.



9. Đóng gói máy in trong thùng đựng bằng các vật liệu bảo vệ.

Khi bạn sử dụng lại máy in, đảm bảo rằng bạn gỡ bỏ băng dính giữ chặt ngăn giữ hộp mực. Nếu chất lượng in suy giảm trong lần in tiếp theo, hãy làm sạch và căn chỉnh đầu in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tên và chức năng của các bộ phận” ở trang 14](#)
- ➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)
- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 157](#)

Bản quyền

Không được tái tạo, lưu trữ phần nào của ấn phẩm này trong hệ thống có thể truy xuất hoặc truyền ở bất cứ dạng nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, photocopy, ghi lại hay nói cách khác là không có sự cho phép trước bằng văn bản của Seiko Epson Corporation. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý về bằng sáng chế đối với việc sử dụng thông tin có ở đây. Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các thiệt hại do việc sử dụng thông tin ở đây. Thông tin có ở đây chỉ được thiết kế để sử dụng với sản phẩm Epson này. Epson không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin này như đã áp dụng với các sản phẩm khác.

Phụ lục

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó đều không chịu trách nhiệm pháp lý đối với người mua sản phẩm này hoặc các bên thứ ba cho các thiệt hại, mất mát, chi phí hoặc phí mà người mua hoặc bên thứ ba phải chịu do tai nạn, sử dụng sai hoặc lạm dụng sản phẩm này hoặc các sửa đổi, sửa chữa hoặc thay thế trái phép sản phẩm này hoặc (trừ Hoa Kỳ) không tâm thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành và bảo trì của Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại hoặc sự cố nảy sinh từ việc sử dụng mọi tùy chọn hoặc mọi sản phẩm có thể tiêu hao nào ngoài những sản phẩm được chỉ định làm Sản phẩm Epson gốc hoặc Sản phẩm được Epson phê duyệt bởi Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại nảy sinh từ nhiễu điện từ xảy ra từ việc sử dụng cáp giao diện không phải là cáp được chỉ định làm Sản phẩm được Epson phê duyệt của Seiko Epson Corporation.

© 2019 Seiko Epson Corporation

Nội dung của hướng dẫn sử dụng này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Thương hiệu

- ☐ EPSON® là nhãn hiệu đã đăng ký và EPSON EXCEED YOUR VISION hay EXCEED YOUR VISION là nhãn hiệu của Công ty Seiko Epson.
- ☐ PRINT Image Matching™ và logo PRINT Image Matching là nhãn hiệu của Công ty Seiko Epson. Copyright © 2001 Seiko Epson Corporation. All rights reserved.
- ☐ Epson Scan 2 software is based in part on the work of the Independent JPEG Group.
- ☐ libtiff

Copyright © 1988-1997 Sam Leffler

Copyright © 1991-1997 Silicon Graphics, Inc.

Permission to use, copy, modify, distribute, and sell this software and its documentation for any purpose is hereby granted without fee, provided that (i) the above copyright notices and this permission notice appear in all copies of the software and related documentation, and (ii) the names of Sam Leffler and Silicon Graphics may not be used in any advertising or publicity relating to the software without the specific, prior written permission of Sam Leffler and Silicon Graphics.

THE SOFTWARE IS PROVIDED "AS-IS" AND WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EXPRESS, IMPLIED OR OTHERWISE, INCLUDING WITHOUT LIMITATION, ANY WARRANTY OF MERCHANTABILITY OR FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE.

IN NO EVENT SHALL SAM LEFFLER OR SILICON GRAPHICS BE LIABLE FOR ANY SPECIAL, INCIDENTAL, INDIRECT OR CONSEQUENTIAL DAMAGES OF ANY KIND, OR ANY DAMAGES WHATSOEVER RESULTING FROM LOSS OF USE, DATA OR PROFITS, WHETHER OR NOT ADVISED OF THE POSSIBILITY OF DAMAGE, AND ON ANY THEORY OF LIABILITY, ARISING OUT OF OR IN CONNECTION WITH THE USE OR PERFORMANCE OF THIS SOFTWARE.

- ☐ QR Code is a registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED in Japan and other countries.
- ☐ Intel® is a registered trademark of Intel Corporation.
- ☐ Microsoft®, Windows®, Windows Server®, and Windows Vista® are registered trademarks of Microsoft Corporation.
- ☐ Apple, Mac, macOS, OS X, Bonjour, ColorSync, Safari, AirPrint, iPad, iPhone, iPod touch, and iTunes are trademarks of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.

Phụ lục

- ☐ Use of the Works with Apple badge means that an accessory has been designed to work specifically with the technology identified in the badge and has been certified by the developer to meet Apple performance standards.
- ☐ Google Cloud Print, Chrome, Chrome OS, Google Play and Android are trademarks of Google Inc.
- ☐ Adobe and Adobe Reader are either registered trademarks or trademarks of Adobe Systems Incorporated in the United States and/or other countries.
- ☐ Thông báo chung: Các tên sản phẩm khác được sử dụng ở đây chỉ nhằm mục đích nhận dạng và có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng. Epson tuyên bố miễn trừ bất kỳ và mọi quyền có trong các nhãn hiệu này.

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ của Epson được trình bày dưới đây. Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn và vào phần hỗ trợ của trang web Epson tại địa phương của bạn. Cũng có các trình điều khiển mới nhất, Câu hỏi thường gặp, hướng dẫn sử dụng và các nội dung tải xuống khác tại trang web này.

<http://support.epson.net/>

<http://www.epson.eu/Support> (Châu Âu)

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp.

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson

Trước khi liên hệ với Epson

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề khi sử dụng thông tin khắc phục sự cố trong hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp thêm. Nếu bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực của bạn không có trong danh sách dưới đây, hãy liên hệ với đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm.

Bộ phận hỗ trợ của Epson sẽ có thể giúp bạn nhanh hơn rất nhiều nếu bạn cung cấp cho họ thông tin sau:

- ☐ Số sê-ri sản phẩm
(Nhãn số sê-ri thường có ở mặt sau của sản phẩm.)
- ☐ Kiểu sản phẩm
- ☐ Phiên bản phần mềm của sản phẩm
(Nhấp **Giới thiệu**, **Thông tin Phiên bản** hoặc nút tương tự trong phần mềm sản phẩm.)
- ☐ Nhãn hiệu và kiểu máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản hệ điều hành máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản của các ứng dụng phần mềm bạn thường sử dụng cùng với sản phẩm

Phụ lục

Lưu ý:

Tùy thuộc vào sản phẩm, dữ liệu danh sách quay số cho thiết lập fax và/hoặc mạng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của sản phẩm. Do bị hỏng hoặc sửa chữa sản phẩm, dữ liệu và/hoặc các thiết lập có thể bị mất. Epson không chịu trách nhiệm cho việc mất bất kỳ dữ liệu nào, cho việc sao lưu và phục hồi dữ liệu và/hoặc thiết lập, ngay cả trong thời kỳ bảo hành. Chúng tôi khuyên bạn tạo dữ liệu sao lưu của mình hoặc ghi chú lại.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu

Xem Tài liệu Bảo hành Pan-Châu Âu để biết thông tin về cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ ở Châu Âu.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.tw>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: +886-2-80242008

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Tra cứu dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trung tâm dịch vụ sửa chữa:

<http://www.tekcare.com.tw/branchMap.page>

Công ty TekCare là trung tâm bảo hành ủy quyền cho Epson Taiwan Technology & Trading Ltd.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc

Epson Australia muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao hơn. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn tiếp nhận thông tin sau:

Internet URL

<http://www.epson.com.au>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson Australia. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 1300-361-054

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận

Phụ lục

hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, kiểu máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần có.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này.

Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand

Epson New Zealand muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao cấp. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn sau để bạn thu thập thông tin:

Internet URL

<http://www.epson.co.nz>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson New Zealand. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 0800 237 766

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, loại máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần thiết.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore

Nguồn thông tin, hỗ trợ và dịch vụ từ Epson Singapore bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.sg>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ), tra cứu kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật thông qua email.

Phụ lục

Trợ giúp của Epson

ĐT miễn phí: 800-120-5564

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về cách sử dụng sản phẩm hoặc khắc phục sự cố
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng được chào đón liên hệ với Epson Hong Kong Limited.

Trang chủ trên Internet

<http://www.epson.com.hk>

Epson Hong Kong đã thiết lập trang chủ địa phương bằng cả tiếng Trung Quốc và tiếng Anh trên Internet nhằm cung cấp cho người dùng thông tin sau:

- ☐ Thông tin sản phẩm
- ☐ Trả lời cho những câu hỏi thường gặp (FAQ)
- ☐ Các phiên bản mới nhất cho trình điều khiển sản phẩm của Epson

Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật

Bạn cũng có thể liên hệ với nhân viên kỹ thuật của chúng tôi tại số điện thoại và số fax sau:

Điện thoại: 852-2827-8911

Fax: 852-2827-4383